



ĐA HIỆU

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TỔNG HỘI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN
TRƯỜNG VĨ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM



93

TRẢ TA SÔNG NÚI

“Trả ta sông núi!” từng trang sử,
Dân tộc còn nghe vọng thiết tha.
Ngược vết thời gian, cùng nhấn nhủ:
“Không đời, ai trả núi sông ta!”

Vũ Hoàng Chương

**Ban Chấp Hành Tổng Hội CSVSQ/TVBQGVN
Ban Biên Tập Đa Hiệu**

Chân thành cảm tạ:

**Quý Giáo Sư,
Quý Chiến Hữu,
Quý Thân Hữu,
và Đại Gia Đình Võ Bị**

**đã ủng hộ tài chánh và đóng góp bài vở để
thực hiện Đặc San Đa Hiệu 93.**



**Trả Ta Sông Núi - Đồ họa Thẩm Vân
(Cảm hứng từ tranh Bà Triệu của họa sĩ Vиви)**

ĐA HIỆU 93

- *Chủ đề:*
Trở Ta Sông Núi
- *Tổng phát hành:*
Hội Võ Bì Bắc California
- *Phát hành:*
Ngày 19/03/2011
- *Chủ nhiệm:*
CSVSQ Nguyễn Văn Chấn K9
- *Chủ bút:*
CSVSQ Lê Đình Trí K29
- *Trị sự kiêm thủ quỹ:*
CSVSQ Trương Thành Minh K28
- *Hộp thư tòa soạn:*
ĐA HIỆU MAGAZINE
P.O. BOX 235
Mt. Eden, CA 94557
Tel: 510-303 7963
- *Email:* dahieu09@gmail.com
- *Website:* www.dahieu.com
- *Hình bìa:* Toán Quốc - Quân Kỳ
Đại Hội Âu Châu 2007

● *trong số này*

Trong số này4
Tôn Chỉ & Điều Lệ Đặc San Đa Hiệu6
Văn thư, thông cáo7
Lá thư Chủ Nhiệm16
Hà Nội mưu toan dâng Hoàng Sa Trường Sa cho TC20
Lời phát biểu của hậu duệ... - Nguyễn Minh Huy29
Suy nghĩ về bài viết MMNV - Ng. Quốc Đống 1333
Nhìn lại mình 42 năm trước - Nguyễn-Huy Hùng 151
Mùa xuân dễ thương - thơ Nguyễn Đông Giang 1973
Xuân hoài niệm - thơ Vi Vân 20B74
Một giao thừa trong đời - hồi ký VM Long 2075
Mùa xuân mây ngàn - tùy bút Thu Nga 18B87
Gởi Trang Y Hạ - thơ Trạch Gầm96
Quê hương bình minh mới - thơ Quốc Nam 2298
Nỗi niềm của cụ Trần Văn Hương - N. C. Trúc 2099
Trả ta sông núi - Thơ Vũ Hoàng Chương120
TQLC/VN bắt quân TC... - Cổ Tấn Tinh Châu125
Đêm liêu trai - truyện ngắn Quế Hương132
Nỗi thao thức đêm trừ tịch - thơ Vi Vân 20B148
Mùa xuân từ cõi đoạn trường - thơ N. Đ. Giang 19149
Tướng Nguyễn Văn Hiếu... - Nguyễn V. Tín150
Trời mưa nhớ bạn - tùy bút Song Vũ NV Xuân 17166
Tâm sự với Đặng Kim Thu - thơ Phạm K. Khôi 19185
Thêm một đôn mới của NQ36 - Phạm V. Tiền K20187
Buổi sáng mùa đông cho ĐH - hoatrangnguyen25B197
Yêu hồng nhan - phiếm luận Kathy Trần 12C207

Thơ Chu Thụy Nguyên - <i>thơ Chu Thụy Nguyên 24</i>214
Vượt thoát - <i>truyện ngắn Ngô Minh Hằng</i>217
Đường khổ anh đi... - <i>thơ NM Thanh 22</i>230
Bóng ma trên đồi - <i>tùy bút Phạm Phong Dinh</i>234
Cuộc di tản của TVBQGVN - <i>Phan Văn Lộc 30</i>251
Xuống đường - <i>nhạc Nguyệt Ánh</i>261
Hình ảnh cộng đồng Nam Cali xuống đường262
Bạc tóc tuổi hai mươi - <i>hồi ký Phạm Mai Hương</i>263
Bà Mẹ quê - <i>tùy bút Tô Văn Cấp 20</i>281
Gián điệp - <i>Trần Tuấn Ngọc 28</i>289
Trung Úy Lê Văn Cao - <i>hồi ký Trần Văn Minh</i>308
Sức mạnh - <i>tùy bút Minh Nguyệt 17B</i>315
Cánh hoa thời loạn - <i>thơ Cư Nguyễn 29</i>318
Xuân về gợi nhớ - <i>thơ Mai Phương Thủy 15B</i>319
Sinh hoạt VB khắp nơi329



Đặc san Đa Hiệu

A/ Tôn chỉ:

ĐỂ Đa Hiệu giữ đúng được truyền thống phục vụ tập thể Võ Bị và toàn thể độc giả, một số qui định sau đây được áp dụng:

1. Những bài viết có nội dung cổ võ hay tuyên truyền cho chủ nghĩa cộng sản trực tiếp hay gián tiếp đều tuyệt đối không được chọn đăng.

2. Những bài viết không phù hợp với Lập Trường, Tôn Chỉ và Mục đích của TH/CSVSQ/TVBQGVN sẽ không được chọn đăng.

3. Nội dung bài viết cho Đa Hiệu cần phải khách quan, không đả kích, phỉ báng đời tư của bất cứ một cá nhân nào dù trong tập thể Võ Bị hay ngoài. Phê bình và nhận xét về tư tưởng, lập trường, chứ không chi tiết hóa đời tư của bất cứ một ai.

B/ Điều lệ:

1. Bài viết ngoài bút hiệu, xin ghi rõ tên thật, khóa (nếu là CSVSQ), số điện thoại, địa chỉ email và địa chỉ cư ngụ để tòa soạn tiện liên lạc. Nếu không muốn đăng tên thật, xin ghi chú rõ ràng. Để tránh những lỗi lầm đáng tiếc, xin quý vị đánh máy có bỏ dấu, và đính kèm (attached) theo email. Vì nhân sự giới hạn, những bài viết không bỏ dấu và các bài gửi qua đường bưu điện sẽ không được chọn đăng.

2. Đa Hiệu có toàn quyền đăng hay không đăng những sáng tác độc giả gửi đến.

3. Đa Hiệu chỉ đăng tin mừng hay phân ưu do Liên Hội, Hội hay đại diện khóa gửi đến tòa soạn bằng email.

Ban Biên Tập Đa Hiệu



TỔNG HỘI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN TRƯỜNG VÔ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TỔNG HỘI

P.O. Box 3204 Santa Clara, CA 95051, USA

Điện thoại: 408-296-1971 Email: tonghoivobi@yahoo.com



THÔNG BÁO

Số: 009/BCH/TH10-12

Trân trọng thông báo đến toàn thể cựu SVSQ/TVBQGVN và độc giả Đặc San Đa Hiệu.

Trên Đặc San Đa Hiệu số 92 vừa qua, có một bài viết nhan đề “Mơ Một Ngày Về” của Cựu SVSQ Mai Văn Tấn Khóa 21 bàn về cuộc tranh đấu dành tự do dân chủ và nhân quyền cho Việt Nam. Bài viết này đã gây phản ứng mạnh từ phía độc giả. Trong buổi họp của Ban Chấp Hành TH/CSVSQ/TVBQGVN ngày Chủ Nhật 30-1-2011 tại San Jose, vấn đề bài viết nói trên đã được đem ra thảo luận.

Nhận Định:

Ban Chấp Hành TH/CSVSQ/TVBQGVN thấy rằng: quan điểm của bài viết về mục tiêu xây dựng tự do dân chủ cho Việt Nam trong thể chế đa đảng, không hận thù, mọi người cùng bắt tay chung nhau xây dựng đất nước là quan điểm mà chúng ta, những người yêu nước không-cộng-sản luôn luôn chấp nhận. Tác giả đánh giá đúng về sự tai hại của chủ nghĩa Cộng Sản, khẳng định các đảng CS còn lại sẽ cáo chung và dự liệu chế độ dân chủ đa đảng sẽ toàn thắng.

Tác giả có những đề nghị hợp lý như chúng ta phải xây dựng lực lượng đấu tranh chính trị của đồng bào trong nước, đem thông tin trung thực vào Việt Nam, tự hạn chế du lịch và gửi tiền về Việt Nam.

Tuy nhiên Ban Chấp Hành Tổng Hội không chấp nhận một số luận luận trong bài viết như:

1) Lập luận chủ yếu trong bài viết cho rằng: “Chống Cộng là lỗi thời, vì CS trên thực tế không còn... Đảng CSVN hoàn toàn không còn giáo điều Mác Lê... Chỉ còn là cái vỏ mà ruột hoàn toàn thay đổi... Chúng ta không nên chống cộng.”

2) Đánh giá sai lầm và chủ quan về CSVN khi cho rằng có thể hòa giải, cộng tác với chúng để tiến dần đến chế độ đa đảng qua các cuộc bầu cử dân chủ.

3) Chỉ trích thái độ chống cộng cực đoan, cho rằng các cuộc biểu tình chống cộng là vô ích.

4) Cho rằng lá cờ vàng ba sọc đỏ chỉ là biểu tượng của cộng đồng người Việt tị nạn nên cần tể nhị trong việc sử dụng...

Ban Chấp Hành Tổng Hội có những quan điểm sau đây về bài viết nói trên:

a) Lý luận “Chống Cộng là lỗi thời” này trái ngược với tinh thần bản Nội Quy hiện hành của Tổng Hội. Điều 8 Nội Quy nêu rõ lập trường “Chống Cộng Sản, ý thức hệ Cộng Sản và các chế độ độc tài.” Điều 11 khẳng định mục tiêu “đấu tranh nhằm giải trừ chế độ cộng sản tại VN” để “quang phục quê hương.”

b) Trên thực tế, Đảng CSVN chưa hề từ bỏ chủ nghĩa CS, chỉ lâm thời ứng dụng kinh tế thị trường tự do giới hạn, nhưng luôn luôn khẳng định các chính sách, đường lối kinh tế và chính trị của chủ nghĩa CS và ngày càng áp dụng quyền thống trị của cộng sản một cách cứng rắn hơn. Do đó, danh nghĩa “chống CSVN” hay “chống Cộng” vẫn có ý nghĩa và vẫn là đường lối tranh đấu của chúng ta.

c) Tổng Hội quan niệm rằng, biểu lộ một thái độ cứng rắn đúng lúc đúng chỗ là cần thiết cho chúng ta. Những cuộc phản kháng các hành vi sai trái của CSVN về mọi mặt hiển nhiên làm cho Hà Nội phải nới tay, không dám đàn áp nhân dân mạnh mẽ như chúng muốn. Vả lại, đấu tranh chính trị công khai mà không có tiếng nói mạnh mẽ ủng hộ là một sự thiếu sót nghiêm trọng. Các cuộc biểu tình lớn đã thúc đẩy các chính quyền, các tổ chức, và nhân sĩ trên thế giới tiếp tay cho chúng ta gây áp lực buộc Hà Nội phải chùn bước.

d) Lá cờ vàng không còn được treo tại LHQ và trong những nghi lễ ngoại giao ở các nước, nhưng vẫn được vinh danh là biểu tượng của tự do dân chủ cho Việt Nam. Lá cờ này còn là màu sắc của một nền văn minh, là tiêu biểu của một truyền thống dân tộc được lưu truyền từ các triều đại trước năm 1945. Nước Nga sau hơn 70 năm dưới chế độ CS với cờ đỏ búa liềm, từ năm 1992 đã lấy lại quốc kỳ của nước Nga trước khi cộng sản tiếm quyền. Người Nga lưu vong đã gìn giữ và khôi phục quốc kỳ của họ khi Nga thiết lập chế độ dân chủ thay thế chế độ cộng sản.

Hầu hết các đoàn thể yêu nước chống CSVN đều chủ trương tranh đấu bằng chính trị, chỉ mong sao đạt được những thành quả tương tự như ở Đông Âu và Liên Xô từ 1988 đến 1991, lật đổ các chế độ CS mà không tốn giọt máu nào (ngoại trừ Ceausescu, lãnh tụ cộng sản Romania bị nhân dân treo cổ và hơn 1000 người chết trong một cuộc xung đột ngắn).

Quyết Định:

Sau khi thảo luận, Ban Chấp Hành Tổng Hội đi đến những quyết định sau đây:

1. Tổng Hội Trưởng và Ban Chấp Hành nhìn nhận sơ xuất trong việc giám sát hoạt động của Ban Biên Tập.

2. Tổng Hội Trưởng và Ban Chấp Hành thẳng thắn phê bình Cựu SVSQ Lê Đình Trí, Chủ Bút Đa Hiệu đã phạm lỗi lầm khi chọn đăng một bài viết có những đoạn đi ngược lại Nội Quy của Tổng Hội. Cựu SVSQ Chủ Bút nhìn nhận những sai sót, chính thức xin lỗi tập thể Cựu SVSQ/TVBQGVN và xin từ nhiệm. Để việc phát hành Đa Hiệu không bị gián đoạn, Cựu SVSQ sẽ rời nhiệm vụ sau khi hoàn tất Đa Hiệu 93. Tổng Hội Trưởng và BCH sẽ tìm người tình nguyện thay thế.

3. Ban Biên Tập có trách nhiệm tập thể về sự sơ xuất trong phương cách tổ chức, duyệt xét, chọn lựa bài vở. Toàn thể BBT thành thật cáo lỗi quý đồng môn và chư độc giả về những sơ xuất này.

4. Ban Chấp Hành và Ban Biên Tập Đặc San ĐH sẽ chấn chỉnh lại hệ thống biên soạn ĐSDH để tránh những trường hợp tương tự có thể xảy ra.

Ban Chấp Hành Tổng Hội và Ban Biên Tập Đa Hiệu sẽ luôn luôn làm tròn nhiệm vụ được Tổng Hội trao phó theo đúng mục tiêu, tôn chỉ và lập trường ghi trong Nội Quy.

Santa Clara, ngày 7 tháng 2 năm 2011
CSVSQ/K9 Nguyễn Văn Chấn
Tổng Hội Trưởng



Nguyễn Văn Chấn



**TỔNG HỘI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN
TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM
LIÊN HỘI ÂU CHÂU**

4 Rue de la Source, 95490 Vauréal, France
Tel: 0033-1-34217895 - Email: vbdlauchau@yahoo.fr



VĂN THƯ

VT02/BCH/LHAC/09-11

Trích yếu: V/v Tổ chức Đại Hội VBAC tháng 8 năm 2011 tại Liège - Belgique

Tham chiếu: Quyết định của Đại Hội CSVSQ/TVBQGVN/ÂU CHÂU năm 2009 tại Vương Quốc Bỉ

Kính gửi:

- CSVSQ Nguyễn Văn Chấn
Tổng Hội Trưởng Tổng Hội CSVSQ/TVBQGVN
- CSVSQ Trần Khắc Thuyên K16
Chủ Tịch Hội Đồng Tư Vấn TH/CSVSQ/TVBQGVN
- Ban Chấp Hành Tổng Hội
- Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu

Kính thưa quý vị,

Theo quyết định của Liên Hội CSVSQ/TVBQGVN/AC trong buổi họp ngày 19 tháng 2 năm 2011 tại Liège, Liên Hội AC trân trọng thông báo:

1) Liên Hội (LH) chúng tôi sẽ tổ chức Đại Hội VBAC vào các ngày 11-12-13-14 tháng 8 năm 2011 tại Château Sartay, số 64 Rue Pierre Henvard - 4053 Embourg - Belgique, với các mục đích:

A) Bầu Tân Liên Hội Trưởng Liên Hội CSVSQ/TVBQGVN-Âu châu nhiệm kỳ 2011-2013 và kế hoạch phát triển TTNDH/Âu châu.

B) Kiểm điểm các công tác của LH trong thời gian qua và các phương hướng sinh hoạt của LH trong nhiệm kỳ 2011-2013.

2) Trân trọng kính mời quý vị tham dự ĐẠI HỘI VBAC trong thời gian ghi trên để cùng trao đổi với chúng tôi những đường lối sinh hoạt của Tổng Hội. Sự hiện diện của quý vị là một vinh dự lớn cho Liên Hội chúng tôi, cũng như góp phần thành công cho ĐH/VBAC. Chúng tôi rất hân hạnh được đón tiếp quý vị.

3) Ngoài ra chúng tôi cũng mong quý vị khuyến khích các CSVSQ và gia đình tham dự ĐH/VBAC và phổ biến rộng rãi các tin tức ĐH/VBAC trên đặc san Đa Hiệu và các diễn đàn của Tổng Hội.

4) Ban Tổ Chức chúng tôi cũng kêu gọi sự giúp đỡ và yểm trợ tinh thần-vật chất của tất cả các CSVSQ/TVBQG/VN.

5) Mọi ý kiến xin gửi về Trưởng Ban Tổ Chức, CSVSQ Nguyễn Vĩnh Giám K19, điện thư:

nguyenvinhgiam@yahoo.fr

Ban Tổ Chức ĐH sẽ thường xuyên thông báo tin tức và hình ảnh trên trang Web riêng cho Đại Hội VBAC 2011 tại địa chỉ www.dhvbac.tk

Trân trọng kính chào quý vị,

Liège, ngày 19/02/2011
CSVSQ K26 Nguyễn Hữu Xương K26
Liên Hội Trưởng

Đồng kính gửi và kính mời:

- Các Liên Hội Úc châu và Canada
- Các Hội VB tại Hoa Kỳ
- Đoàn Phụ Nữ Lâm Viên
- Đặc San Đa Hiệu (để kính tường và phổ biến)



TỔNG HỘI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN TRƯỞNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TỔNG HỘI

P.O. Box 3204 Santa Clara, CA 95051, USA

Điện thoại: 408-296-1971 Email: tonghoivobi@yahoo.com



VĂN THƯ

Số: 10/BCH/TH10-12

Trích yếu: V/v điều khuyết thành phần BCH/TH nhiệm kỳ 2010-2012

Tham chiếu:

- Nội Quy TH/CSVSQ/TVBQGVN
- Biên Bản Đại Hội Đồng XVII ngày 4 tháng 7 năm 2010

Tổng Hội Trưởng Tổng Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam quyết định bổ nhiệm cựu Sinh Viên Sĩ Quan dưới đây vào chức vụ Tổng Hội Phó Vùng thuộc Ban Chấp Hành Tổng Hội nhiệm Kỳ 2010-1012:

Tổng Hội Phó Đặc trách Vùng Đông Hoa Kỳ: CSVSQ Trần Quang Duật K21

Văn thư này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Santa Clara, ngày 06 tháng 3 năm 2011

CSVSQ/K9 Nguyễn Văn Chấn

Tổng Hội Trưởng

ĐỒNG KÍNH GỬI:

- CSVSQ/K21 Trần Quang Duật
"để thi hành"
- Hội Đồng Tư Vấn & Giám Sát
"để kính tường"
- Các BCH Liên Hội, Hội
- Các BDD Khoá
- Các Đoàn PNLV
- Tổng Đoàn TTNDH
"để tường"

Các cơ quan truyền thông TH/CSVSQ/
TVBQGVN

"để phổ biến"



Nguyễn Văn Chấn

THÔNG BÁO

KHÓA 28 TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM 40 NĂM KỶ NIỆM (1971-2011)

Ban Đại Diện Khóa 28 Nguyễn Đình Bảo trân trọng thông báo:

Khóa 28 Nguyễn Đình Bảo sẽ tổ chức Kỷ Niệm Bốn Mươi Năm Hội Ngộ trên đồi 1515, từ ngày 05 đến 08 tháng 8 năm 2011, tại thành phố Seattle, tiểu bang Washington, Hoa Kỳ.

Chương trình sẽ được thông báo trên diễn đàn KHAITAM và trên đặc san ĐA HIỆU, phát hành vào tháng 7 năm 2011.

Ban tổ chức sẽ gửi thiệp mời và chương trình chi tiết đến từng gia đình Khóa 28/TVBQGVN tại Hoa Kỳ, Âu Châu và Úc Châu vào đầu tháng 6 năm 2011.

Mọi chi tiết xin liên lạc:

Đại Diện Khóa:

Nguyễn Thành Sang

476 Bluefield Dr.

San Jose, CA 95136

(408) 629-9345 (nhà)

(408) 833-8639 (Cell)

Trưởng Ban Tổ Chức:

Nguyễn Sanh

4031 S. 220th Pl.

Kent, WA 98032

(253) 395-2579 (nhà)

(206) 779-0099 (Cell)

San Jose, California, ngày 28 tháng 02 năm 2011

Cựu SVSQ Nguyễn Thành Sang

Đại Diện Khóa 28

Thông Báo

Họp mặt kỷ niệm 46 năm ngày K22 nhập trường

Ban Đại Diện K22 và Ban Tổ Chức ngày “Khóa 22 TVBQGVN 46 Năm Hội Ngộ” trân trọng thông báo: Vào các ngày 23, 24 & 25 tháng 4 năm 2011, Khóa 22 sẽ tổ chức họp mặt tại thành phố Houston, Texas, chủ đề: “Khóa 22 TVBQGVN 46 Năm Hội Ngộ”. Đây là lần đầu tiên Khóa 22 họp mặt lớn để kỷ niệm NGÀY NHẬP TRƯỜNG 46 năm về trước với sự tham dự của nhiều Cựu SVSQ K22, gia đình và các quả phụ K22 đến từ nhiều nơi trên thế giới (kể cả từ Việt Nam).

Khóa 22 với 276 thanh niên nhập học Trường VBQGVN từ ngày 20 tháng 11 đến giữa tháng 12 năm 1965. Khóa 22 là khóa duy nhất của Trường Võ Bị tốt nghiệp ở hai thời điểm khác nhau: Khóa 22A mãn khóa cuối năm 1967 với 163 tân sĩ quan, và Khóa 22B mãn khóa cuối năm 1969 với 96 tân sĩ quan.

Trong dịp họp mặt này, Khóa 22 chúng tôi sẽ hân hạnh tiếp đón quý vị quan khách và đồng môn trong chương trình: “Đêm Liên Hoan Chào Mừng Hội Ngộ”.

Thời gian:

từ 6:00 PM đến 11:30 PM

Ngày Chủ nhật 24 tháng 4 năm 2011

Tại:

OCEAN PALACE RESTAURANT

11215 Bellaire Blvd., Houston, TX 77072

Dạ tiệc & dạ vũ sẽ có sự trình diễn của nhiều nam nữ ca sĩ tên tuổi, trong số này có hai ca sĩ Lâm Nhật Tiến &

Hồ Hoàng Yến cùng với dàn ca sĩ chuyên nghiệp thuộc Đề Nhất Ban Nhạc “Vũ Trường Maxim”.

Đặc biệt, cựu chỉ huy trưởng TVBQGVN thời kỳ Khóa 22 thụ huấn: NT Đỗ Ngọc Nhận K3 sẽ hiện diện trong ngày vui này. Ban Tổ Chức 46 năm hội ngộ Khóa 22 sẽ gửi thư mời đến quý quan khách, quý đồng môn và tất cả gia đình Cựu SVSQ Khóa 22. Đây là niềm vinh hạnh cho khóa chúng tôi, và chúng tôi cũng rất mong sự tham dự của các Niên Trưởng cùng các bạn đồng môn đại diện các khóa.

Hẹn gặp trong ngày Hội ngộ Khóa 22.
Trân trọng,

*TM Ban Tổ Chức,
TN Ban Đại Diện Khóa 22
Trưởng Ban,
Cựu SVSQ Huỳnh Kim Chung K22
Cựu SVSQ Lê Viết Đắc K22*

Điện thoại liên lạc:

Huỳnh Kim Chung:

(713)927-9080

email: chungkhuynh1027@sbcglobal.net

Trương Văn Út:

(281)591-8607

email: mudoutbachlan@yahoo.com

Trần Đình Ấn:

(607)426-6179

email: email: neyna4543@yahoo.com

LÁ THƯ TỔNG HỘI



Kính thưa:

*Quý NT, NĐ và Quý Bạn,
Quý GS/VHV và HLV/QSV,
Quý Độc Giả và Thân Hữu,
Quý Chị PNLV và Phu Nhân Võ Bị,
Cùng Các Cháu TTNDH,*

Đa Hiệu 93 đến với quý vị sau khi chúng ta được hưởng những ngày vui xuân đầm ấm với gia đình cùng người thân và qua những buổi hội ngộ Tất Niên – Tân Niên tại các Hội Võ Bị địa phương được tổ chức nhiều nơi trên toàn thế giới. Đây là dịp để các Cựu SVSQ/TVBQGVN và gia đình hàn huyên, thăm hỏi nhau về cuộc sống, chia sẻ những niềm vui về sự thành đạt của con cháu trong mọi lãnh vực văn hoá, khoa học, xã hội v.v... và cũng là dịp để chúng ta kiểm điểm lại những bạn đồng môn ai mất ai còn và nhất là những ai cần được thăm hỏi và giúp đỡ tại quê nhà cũng như tại hải ngoại. Năm nay BCH/TH đã tổ chức gây quỹ Cây Mùa Xuân và đã đạt được thành quả rất khích lệ, không những qua sự đóng góp của chính các anh chị em trong gia đình của tập thể Võ Bị, mà còn được sự yểm trợ của các hội đoàn bạn như Hội Ái Hữu Cựu Nữ Sinh Trưng Vương và Gia Long miền Bắc California. Thay mặt BCH/TH, tôi xin chân thành cảm ơn tất cả quý vị hảo tâm đã tích cực đóng góp cho chương trình nhân ái này. Nghĩa cử của quý vị luôn được cảm kích, các Cựu SVSQ và gia đình tiếp nhận món quà ân tình chân thành ghi ơn.

Như Cựu SVSQ Ủy Viên Xã Hội TH đã có lần bày tỏ “của tuy tơ tóc, nghĩa so ngàn trùng,” những món quà này tuy nhỏ bé nhưng đem lại giá trị tinh thần to lớn, đã thăm hỏi và sưởi ấm những hoàn cảnh bất hạnh nơi quê nhà hoặc tại hải ngoại trong lúc Xuân về.

Thưa quý vị,

Chúng ta được hưởng một mùa xuân thanh bình trên đất nước tự do đầy đủ cả vật chất lẫn tinh thần trong khi hơn 85 triệu đồng bào chúng ta, đa số sống lầm than nghèo khổ nơi quê hương, thiếu thốn về vật chất và bị áp bức về tinh thần. Chỉ một thiểu số cán bộ, đảng viên cộng sản nhiều tiền lắm bạc, sống phè phỡn qua việc chiếm đoạt đất đai và bán đất, dâng biển cho ngoại bang, chúng thật đắc tội với tiền nhân. Các cuộc cách mạng dân chủ tại những quốc gia thuộc Khối Ả Rập – Bắc Phi và Trung Đông đang đồng loạt diễn ra quyết liệt, khẳng định khát vọng đòi hỏi tự do dân chủ, công bằng xã hội cho mọi công dân, khẳng định sự sụp đổ nhanh chóng và bất ngờ của bất kỳ chế độ chuyên chế độc tài nào đi ngược lại làn sóng dân chủ của thế giới.

Thưa quý vị,

Tổ tiên chúng ta dựng nước và giữ nước trải qua biết bao triều đại, không để một tấc đất lọt vào tay quân giặc. Vua Lê Thánh Tông căn dặn triều thần và muôn đời con cháu: *“Ta phải gìn giữ cho cẩn thận, đừng để ai lấy mất một phân núi, một tấc sông.”* Ngày nay, non sông gấm vóc từ Ái Nam Quan đến mũi Cà Mau đã không còn nguyên vẹn. Để bám chặt quyền thống trị, Việt cộng đã dâng Ái Nam Quan – Thác Bản Giốc, Hoàng Sa – Trường Sa cho quan thầy Trung cộng hòng cầu mong sự hậu thuẫn. Tây nguyên cũng bị giặc Tàu xâm nhập dưới hình thức khai thác bauxite. Toàn dân Việt Nam trong và ngoài nước đang phẫn nộ quyết đòi lại lãnh hải và lãnh thổ. **“Trả Ta Sông Núi”** mà Đặc San Đa Hiệu 93 chọn làm chủ đề, đang nhắc nhở các Cựu SVSQ/TVBQGVN nói riêng, Cộng Đồng Người Việt hải ngoại và toàn dân nói chung, phải đấu tranh đòi lại cho bằng được phần đất và biển mà đảng cộng sản Việt Nam

đã đem dâng cho ngoại bang.

Thưa quý vị,

Tập thể Võ Bị của chúng ta là một tập thể thuần nhất, bất khả phân, được đào tạo văn võ song toàn, được trang bị bằng lý tưởng quốc gia vững chắc, lại sinh hoạt với truyền thống huynh đệ tương kính; tuy nhiên, trong sinh hoạt, ắt hẳn phải phát sinh những điểm bất đồng hoặc dị biệt. Do đó, chúng ta cần phải lấy sự cảm thông làm nền tảng; từ đó, bỏ qua những tiểu tiết để tạo sức mạnh đoàn kết của tập thể trong công cuộc tranh đấu giành Tự Do, Dân Chủ và Nhân Quyền cho Việt Nam. Kẻ thù cộng sản chỉ nhằm vào những sơ hở và mâu thuẫn của chúng ta để khai thác ngõ hầu gây chia rẽ, làm tê liệt ý chí đấu tranh của tập thể Võ Bị.

Ngày nay, Facebook, Twitter, Myspace, Blogs, Youtube, Vimeo... là những phương tiện liên kết, trao đổi thông tin nhanh chóng từ quốc nội ra đến hải ngoại, là thứ vũ khí truyền thông mà cộng sản luôn khiếp sợ. Cùng với Khối Truyền Thông TH, chúng ta hãy phát triển và tận dụng tiện ích của môn vũ khí sắc bén này. Mỗi người chúng ta đều có thể đăng nhập và sử dụng từ một cho tới nhiều trang mạng xã hội (social network) để cùng toàn dân hun đúc ý chí, khơi động tinh thần đấu tranh, để quê hương chúng ta sớm thoát khỏi chế độ cộng sản bạo tàn. Các Liên Hội, Hội, Khoá tích cực tham gia cùng đồng bào, đồng hương tại địa phương vào các hoạt động mưu cầu Tự Do – Dân Chủ – Nhân Quyền và Vẹn Toàn Lãnh Thổ cho quê nhà.

Ngoài ra, tập thể chúng ta cũng cần sự chung vai đóng góp, dồn nỗ lực vào công tác xây dựng và kiện toàn tổ chức Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu để sau này, khi chí vẫn còn nhưng bị giới hạn về thể chất và tuổi tác, con em chúng ta sẽ tiếp nối và thừa kế những công việc mà chúng ta chưa hoàn tất.

Kính chào quý vị,

*CSVSQ Nguyễn Văn Chấn K9
THT/TH/CSVSQ/TVBQGVN*

Hà Nội Mưu Toan Dâng Hoàng Sa, Trường Sa, Vịnh Bắc Việt Cho Bắc Kinh Qua Hai Hồ Sơ Nộp LHQ, Chúng Ta Phải Làm Gì?

■ *LS. Nguyễn Thành*

Trên 100 Tổ Chức, Hội Đoàn tham gia Ngày Hoàng Sa và Hội Luận 22/1/2011 ở San Jose:

Tóm tắt 3 bài trước

Ở bài 1, *Từ Hội Thảo Quốc Tế về Biển Đông (1)* ở Hà Nội cuối 2009 đến *Hội Thảo Quốc Tế Biển Đông (2)* ở Sài Gòn cuối 2010, người viết đã cảnh báo: Hà Nội mưu toan hoàn tất việc bàn giao Hoàng Sa, Trường Sa và 20 ngàn km² vịnh Bắc Việt cho Bắc Kinh qua chính Luật Biển Liên Hiệp Quốc (LHQ) khi bất ngờ đưa vấn đề mà Hà Nội và Bắc Kinh lâu nay vẫn coi là “nhậy cảm” này ra trước LHQ, qua 2 hồ sơ nộp Ủy Ban Phân Ranh Thềm Lục Địa ngày 6 và 7/5/2009. Sau khi nộp hồ sơ, Hà Nội tổ chức Hội Thảo Quốc Tế Biển Đông âm ỉ từ trong nước ra hải ngoại để gây hỏa mù, xoa dịu dân chúng và che giấu hai hồ sơ bán nước cho Bắc Kinh.

Qua bài 2, *Hoa Kỳ với Biển Đông, Trung Cộng với Hoàng Sa Trường Sa*, người viết đã lưu ý bạn đọc: Hoa Kỳ can dự vào Biển Đông lúc này trước hết vì quyền lợi, chủ chốt là vấn đề dầu khí và mục tiêu trước mắt của Trung Cộng là chiếm trọn Hoàng Sa Trường Sa. Vì mục tiêu “cốt lõi” khác nhau nên sớm muộn hai cường quốc này cũng sẽ thỏa

hiệp với nhau và chỉ “tiểu quốc” VN là lãnh đủ! Việc công ty dầu khí BP, Anh, nhưng do một ông Mỹ đứng đầu - sau khi rút khỏi 2 hợp đồng khai



thác dầu khí với VN cuối năm 2009 vì bị Trung Cộng áp lực - đến Bắc Kinh ngày 11/11/2010 để ký hợp đồng khai thác dầu khí với TC ở Biển Đông cùng với công ty dầu khí Chevron, Mỹ, đã chứng minh cụ thể cho nhận xét trên.

Bài 3, Từ Hiệp Ước Vịnh Bắc Việt 25/12/2000 Với Bắc Kinh Đến 2 Hồ Sơ Về Thềm Lục Địa VN Nộp LHQ Ngày 6 và 7/5/2009, tuy giản lược nhưng người viết tin rằng bạn đọc đã thấy rõ: “Đảng CSVN bán nước cầu vinh bằng mọi cách, mọi cơ hội trên nửa thế kỷ nay”. Từ “bất hợp pháp” (công hàm 14/9/1958) đến “bí mật” (hiệp ước Vịnh Bắc Việt 25/12/2000) và nay “công khai” (hồ sơ nộp LHQ ngày 6 và 7/5/2009) không mở rộng Thềm Lục Địa VN ra ngoài 200 hải lý (mà VN có đủ điều kiện theo Luật Biển LHQ để được hưởng) và cố ý gạt Hoàng Sa-Trường Sa ra ngoài hải phận VN để dâng cho TC qua đàm phán “song phương” sau này.

Qua bài cuối viết cho Ngày Hoàng Sa 22/1/2011 ở San Jose này, đề tài “*Hà Nội Mưu Toan Dâng Hoàng Sa, Trường Sa và 20 ngàn km2 Vịnh Bắc Việt Cho Bắc Kinh Qua Hai Hồ Sơ Đề Nộp Lên LHQ, Chúng Ta Phải Làm Gì?*”, tuy ngắn gọn trong phạm vi của một bài báo, nhưng người viết tin rằng bạn đọc vẫn nhận ra việc Hà Nội bất ngờ đưa vấn đề “nhậy cảm” biển Đông ra trước LHQ là vì Hà Nội đã nghiên cứu Luật Biển LHQ rất kỹ và thấy có thể lợi dụng được để hoàn tất việc bàn giao Hoàng Sa, Trường Sa và 20

km2 Vịnh Bắc Việt cho Bắc Kinh, hoàn thành chủ trương bán nước cầu vinh, trước sau như một của Đảng CSVN.

Việt Cộng với Biển Đông trước LHQ

1. Ngày 13/5/2009 là hạn kỳ chót để các nước ven biển nộp hồ sơ xin mở rộng ra ngoài 200 hải lý và đến tối đa 350 hải lý, theo qui định ngày 13/5/1999 của LHQ. Hà Nội bỏ phí suốt 10 năm và chỉ còn vài ngày là hết hạn, ngày 6 và 7/5/2009 mới nộp hai hồ sơ cho LHQ. Trong lúc đó, người dân trong nước chỉ cần nói hay viết, “Hoàng Sa - Trường Sa của VN” là bị đàn áp thẳng tay hay bị bắt bỏ tù rồi. Điều này chứng tỏ rằng nếu không có sự cho phép hay dàn dựng của Bắc Kinh thì không bao giờ Hà Nội dám đưa vấn đề mà Hà Nội và Bắc Kinh xem là “nhạy cảm” này ra trước LHQ, tức ra trước “Công Luận và Công Pháp”, hai kẻ thù của Bắc Kinh.

Cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa chỉ có một phần rất nhỏ nằm cách bờ biển VN 200 hải lý, còn hầu hết gần 250 đảo, đá và bãi của hai quần đảo này đều nằm ở xa ngoài khơi, có nơi cách xa bờ biển VN tới 400 hải lý. Do đó, nếu thêm lục địa VN được mở rộng đến 350 hải lý thì cả Hoàng Sa lẫn Trường Sa đều nằm gần trọn trên thêm lục địa mở rộng của VN. Theo Điều 77 Luật Biển, quyền của nước ven biển đối với thêm lục địa mở rộng là một quyền tuyệt đối để khai thác dầu khí và khoáng sản. Hà Nội nghiên cứu rất kỹ Luật Biển nên không thể nói là không biết những dữ kiện hết sức thuận lợi cho VN này.

Không những bỏ qua một cơ hội vàng để bảo vệ chủ quyền đất nước, ít ra là trên phương diện pháp lý, mà Hà Nội còn tự “trói tay” trước các cuộc đàm phán sau này, đúng như chuyên gia về Biển Đông Vũ Hữu San đã nhận xét: “Hà Nội công khai vẽ hải-đồ và chính thức nộp cho LHQ. Từ nay, Việt Nam cãi gì ngược lại về hải phận cũng không được. Hà Nội tuyên bố sẽ tìm mọi cách để giải quyết vấn đề Biển Đông và trong thời gian sắp tới, hai bên cùng bàn bạc, đàm phán, phân định biên giới biển. Khi đó, Trung

Quốc sẽ dùng hải-đồ mà Việt Nam đã nộp LHQ để đàm phán thì số phận Hoàng Sa Trường Sa coi như xong!”

2. Về công hàm 14/9/1958 công nhận lãnh hải TC 12 hải lý bao gồm cả Hoàng Sa và Trường Sa của VN, Hà Nội dù có “cãi chầy cãi cối” đến đâu cũng không thể nào xoá đi được tội ác tày trời dâng Hoàng Sa Trường Sa cho Đảng CSTH của đảng CSVN. Tuy nhiên, về mặt thuần tuý pháp lý, cái công hàm 14/9/1958 bất hợp pháp này không thể làm mất đi chủ quyền của VN đối với Hoàng Sa Trường Sa. Nguyên tắc phổ quát của hình luật là không ai được quyền cho hay bán một vật mà mình không có. Huống hồ là Hoàng Sa Trường Sa, lãnh hải hay biển đảo của một quốc gia, không những không phải của Đảng CSVN mà Đảng này còn biết chắc là chúng thuộc chủ quyền của VNCH lúc đó qua nhiều văn kiện có giá trị pháp lý quốc tế.

Tuy Trung Cộng dùng công hàm 14/9/1958 để tuyên bố lung tung chủ quyền đối với Hoàng Sa Trường Sa, nhưng thừa biết nó vô giá trị trước luật pháp nên chưa bao giờ dám chính thức nộp vào hồ sơ để tranh chấp Hoàng Sa Trường Sa với VN. Trong khi đó, Trung Cộng đã lập hẳn một hồ sơ với đầy đủ văn kiện, bản đồ nộp Ủy Ban Thềm Lục Địa LHQ để tranh chấp chủ quyền với Nhật về bãi đá ngầm Okinotori, phía Đông Biển Đông (East China Sea), một bãi đá nhỏ mà giá trị không thể nào so sánh với Hoàng Sa Trường Sa. Giới học giả Trung Quốc cũng biết rõ như thế và Tiến Sĩ Lo Chi-Kin của Trung Cộng từng thú nhận: “Bắc Kinh không bao giờ dám đưa những tranh chấp về hải đảo tại Biển Đông ra trước các cơ quan trọng tài quốc tế.”

3. Nhà cầm quyền Bắc Kinh cũng biết thế nên mới buộc Hà Nội phân chia lại Vịnh Bắc Việt và ký kết hiệp ước bí mật 25/12/2000 mà hậu quả là VN đi từ 63% diện tích cũ xuống còn 45% là tối đa, tức VN mất 20% hay 20 ngàn km² Vịnh Bắc Việt cho TC. Vì mất mát quá nhiều như thế nên Hà Nội đã giấu kín hiệp ước 25/12/2000 và nay mưu toan “công khai hoá” hay “hợp pháp hóa” qua hồ sơ nộp LHQ ngày 7/5/2009 liên quan tới lãnh hải vùng này, trong đó

đường ranh 200 hải lý VN đột ngột dừng lại ở vĩ tuyến 15N khi gặp quần đảo Hoàng Sa, tức gián tiếp coi như vùng quần đảo Hoàng Sa và Vịnh Bắc Việt đã giải



- LIMITES DE REVENDICATION TERRITORIALE: 各国主张界限**
- de la Chine 中国
 - des Philippines 菲律宾
- LIMITES DE REVENDICATION MARITIME (revendications des zones économiques exclusives):**
- de la Malaisie 马来西亚
 - du Vietnam 越南
 - de l'Indonésie 印度尼西亚
- Gisement de gaz ou de pétrole
 - Oléoducs et gazoducs
- CONCESSION ACCORDÉE À:**
- 1 Mitsubishi
 - 2 Rummel & Wapetele
 - 3 Vietsopetra
 - 4 Total-Marubeni
 - 5 Pedco Consortium
 - 6 AFDC-Mobil
 - 7 BP (British Petroleum)
 - 8 Crestone
 - 9 Exxon-Pertamina

quyết qua hiệp ước “bất hợp pháp” và “bất bình đẳng” ngày 25/12/2000 rồi.

Âm mưu dâng Hoàng Sa - Trường Sa cho Bắc Kinh lộ rõ hơn nữa khi Hà Nội vừa tuyên bố “sẽ tìm mọi cách để giải quyết vấn đề Biển Đông” và sắp tới “2 bên cùng bàn bạc, đàm phán, phân định biên giới trên biển.” Hai bên sẽ đàm phán thế nào thì vụ đàm phán 10 năm trước với hiệp ước 25/12/2000 về Vịnh Bắc Việt đủ để biết trước kết quả của đàm phán song phương giữa Hà Nội với Bắc Kinh. Học giả Vũ Hữu San 10 năm trước đã la lên: “Chỉ một hòn đảo Hải Nam thôi, TC đã chiếm phần lớn Biển Đông. Làm sao VN còn đầy đủ sức lực cho cuộc thương thảo nhiều lần quan trọng hơn về Trường Sa Hoàng Sa cũng như toàn thể chủ quyền Biển Đông sau này. Phía Trung Cộng vẫn chưa chính thức bước vào cuộc thương thảo lớn về Biển Đông, thế mà họ đã thực sự thắng hiệp quyết định. Sỉ nhục Quốc Thể! Sĩ khí ở chỗ nào thế hỡi các “đồng chí” CSVN ơi!”

Nói rõ hơn, qua đàm phán song phương 10 năm trước để phân định lại Vịnh Bắc Việt, Hà Nội đã dâng cho Bắc Kinh 20 ngàn km² Vịnh Bắc Việt, đã để cho Bắc Kinh lấy bằng hết vùng thủy tra thạch ở cửa sông Hồng, nơi có tiềm năng dầu khí, và để cho Trung Cộng lấn chiếm Vùng Đặc Quyền Kinh Tế 200 hải lý phía Bắc VN, có nơi chỉ còn cách bờ

biển VN có 40 hải lý. Nay, qua 2 hồ sơ Hà Nội nộp LHQ, hậu quả còn tệ hại vô cùng vì chưa bước vào đàm phán với Bắc Kinh mà Hà Nội đã tự “trói tay trói miệng” hay chịu mất trước khi xác nhận với LHQ là Thêm Lục Địa chỉ 200 hải lý, tức Hoàng Sa Trường Sa ngoài hải phận VN, tức “không chắc” là của VN!

Tóm lại, công hàm ngày 14/9/1958 thì vô hiệu, hiệp ước bí mật 25/12/2000 thì cũng bất hợp pháp và sự xâm chiếm Hoàng Sa năm 1974 và một phần Trường Sa năm 1988 thì vi phạm cả Luật Biển lẫn Hiến Chương LHQ nên sớm muộn gì rồi Trung Cộng cũng sẽ phải trả lời trước Công Pháp Quốc Tế về những hành vi xâm lăng bằng võ lực này. Do đó, đưa vấn đề Biển Đông ra trước Ủy Ban Phân Ranh Thêm Lục Địa LHQ là cơ hội tốt nhất để Hà Nội hoàn tất chủ trương của Đảng CSVN là bằng mọi cách dâng phần lớn Vịnh Bắc Việt và Hoàng Sa Trường Sa cho Đảng CSTH. Vì sao? Câu trả lời nằm trong “Thủ Tục Cứu Xét Hồ Sơ” của Ủy Ban Phân Ranh Thêm Lục Địa dưới đây.

Thủ tục cứu xét hồ sơ của LHQ

Theo Luật Biển LHQ, muốn mở rộng thêm lục địa ra ngoài 200 hải lý, nước ven biển phải nộp hồ sơ cho Ủy Ban Phân Ranh Thêm Lục Địa LHQ (từ đây viết tắt là Ủy Ban = Committee). Hồ sơ phải kèm theo bản đồ với toạ độ rõ ràng và cách tính để qui định đường ranh thêm lục địa ngoài 200 hải lý. Sau khi nhận được hồ sơ, Tổng Thư Ký LHQ phải thông báo bằng văn bản cho các hội viên Luật Biển và phổ biến văn bản này trên trang nhà LHQ (“UNCLOS”)

Để giải quyết một hồ sơ, Ủy Ban phải chỉ định một Tiểu Ban (sub-committee) gồm 7 người để xem xét. Tiểu Ban họp riêng khi xem xét hồ sơ và có thể yêu cầu nước liên hệ cung cấp thêm tài liệu hay nếu cần cho phép nước liên hệ thay đổi hồ sơ. Tiểu Ban phải thông báo cho nước liên hệ biết ý kiến của Tiểu Ban và đọc cho nước này biết các khuyến cáo (Recommendations) về hồ sơ của Tiểu Ban trước khi đệ trình Ủy Ban xét duyệt.

Nước liên hệ cũng được quyền tham dự các buổi họp của Ủy Ban để trình bày ý kiến về khuyến cáo của Tiểu Ban. Ủy Ban cũng có thể yêu cầu nước liên hệ thay đổi một phần hay toàn bộ hồ sơ cho phù hợp với Luật Biển LHQ. Nếu Ủy Ban không có ý kiến khác thì khuyến cáo của Tiểu Ban sẽ là quyết định của Ủy Ban. Quyết định của Ủy Ban có giá trị chung quyết và ràng buộc các nước liên hệ.

Theo Luật Biển LHQ, Ủy Ban chỉ có 2 nhiệm vụ: 1/ Cứu xét và chấp thuận hồ sơ về thềm lục địa mở rộng ngoài 200 hải lý; 2/ Cố vấn về khoa học và kỹ thuật biển cho các nước ven biển, nếu được yêu cầu. Và với thủ tục cứu xét trên đây, nhất nhất từng bước trong khi cứu xét hồ sơ đều phải tham khảo ý kiến của nước liên hệ, Ủy Ban đâu khác gì “Ban Trọng Tài” đóng vai trò trung gian giữa các nước liên hệ. Hơn nữa, trước khi Ủy Ban họp cứu xét hồ sơ thì các nước hội viên Luật Biển, trong đó có TC và VC, họp trước để thông qua chương trình nghị sự của Ủy Ban. Ngoài ra, trong số 21 ủy viên của Ủy Ban hiện nay có đại diện của TC, Bắc Hàn và Nga.

Ủy Ban hiện nay do Đại Hội Đồng các nước hội viên Luật Biển, trong đó có Việt Cộng và Trung Cộng, bầu ra hồi tháng 6 năm 2007, gồm 21 ủy viên với nhiệm kỳ 5 năm (2007-2012). Tức là Ủy Ban chỉ có thể thành lập tối đa 3 Tiểu Ban; do đó, việc giải quyết hồ sơ rất chậm, thường mất vài năm hay nhiều năm. Điều này rất bất lợi cho VN vì Trung Cộng có thêm thời gian để biến các bãi ngầm xâm chiếm năm 1988 ở Trường Sa chẳng hạn thành các căn cứ quân sự vững chắc đặt tình thế vào “sự đã rồi” rất khó giải quyết sau này dù khi đó công lý đứng về phía chúng ta.

Tóm lại, với tư thế cầm quyền và tư cách thành viên Luật Biển LHQ, Hà Nội đã đệ nạp Ủy Ban Phân Ranh Thềm Lục Địa LHQ hai hồ sơ vào ngày 6 và 7/5/2009 về thềm lục địa mở rộng của VN. Đây là cơ hội bằng vàng để Hà Nội bảo vệ chủ quyền đối với Hoàng Sa - Trường Sa, ít ra là trên phạm vi Công Pháp và Công Luận, rất cần thiết và hữu ích cho hiện tại (ngăn chặn các công ty nhảy vào ký

hợp đồng với Trung Cộng để khai thác dầu khí chẳng hạn) và cho các cuộc đàm phán tay đôi với TC hay ra trước Toà Án Quốc Tế sau này. Bởi lẽ, Hà Nội chỉ cần xác nhận với Ủy Ban là thêm lục địa VN là 350 hải lý (vì VN có đầy đủ điều kiện theo Luật Biển LHQ để được hưởng) thì khi đó cả Hoàng Sa lẫn Trường Sa đều nằm gần trọn trên thêm lục địa VN. VN khi đó sẽ có chủ quyền tuyệt đối đối với thêm lục địa mở rộng này và đặt TC vào tình trạng chiếm cứ bất hợp pháp và gián tiếp phủ nhận luôn cái bản đồ lưỡi bò của TC. Thế nhưng Hà Nội đã làm ngược lại và lợi dụng “thủ tục cứu xét hồ sơ” của Ủy Ban để hoàn tất chủ trương của Đảng CSVN: Dâng Hoàng Sa, Trường Sa và phần lớn Vịnh Bắc Việt cho Bắc Kinh!

Chúng ta phải làm gì?

Câu trả lời chi tiết xin dành cho buổi Hội Luận lần thứ 7 của Ủy Ban Công Lý - Hoà Bình cho Hoàng Sa - Trường Sa, sau Đại Lễ Tưởng Niệm Chiến Sĩ QLVNCH đã anh dũng chiến đấu và hi sinh trong trận hải chiến lịch sử chống quân Trung Cộng xâm chiếm Hoàng Sa ngày 19/1/1974 do Hội HQ Bạch Đằng, Hội HQ Cửu Long và Liên Hội Cựu Quân Nhân Bắc



CA tổ chức tại Hội Trường Unify Center 765 Story Road, San Jose, California, từ 10 giờ 30 sáng đến 3 giờ chiều, thứ Bảy ngày 22/1/2011, và theo sự hiểu biết của người viết bài này thì hiện đã có trên 100 tổ chức, hội đoàn, cơ quan truyền thông báo chí hai miền Bắc-Nam Cali tham gia ban tổ chức, tham dự hay hỗ trợ.

Hai năm trước, ngày 30/11/2008, Hội Luận 1 được tổ chức ở San Jose bởi Ban Đại Diện Cộng Đồng BCA, Tập Thể Chiến Sĩ VNCH và 27 tổ chức, hội đoàn Bắc-Nam

CA. Một tuần sau, ngày 6/12/2008, Hội Luận 2, cùng đề tài "Hiện Tình Hoàng Sa Trường Sa" và cùng mục đích, được tổ chức ở Frankfurt, Đức, bởi Liên Hội NVTNCS, Hội PNVN Tự Do và gần 40 tổ chức, hội đoàn ở Đức, với sự tham dự của Cộng Đồng NVTNCS ở Hoà Lan và Pháp.

Trong tâm thư gửi đồng hương hải ngoại và đồng bào trong nước, Ban Tổ Chức Hội Luận 1 ở San Jose và Hội Luận 2 ở Frankfurt đã đòi hỏi "Đảng CSVN phải kịp thời ứng xử minh bạch trước các vấn nạn sinh tử của Dân Tộc và Đất Nước đứng với Công Pháp Quốc Tế."

Không thể làm ngơ trước sự đòi hỏi chính đáng ngày càng mãnh liệt từ trong đến ngoài nước. Ngày 6 và 7/5/2009 Hà Nội đệ nạp Ủy Ban Phân Ranh Thềm Lục Địa LHQ hai hồ sơ và tuyên truyền là xin "mở rộng" Thềm Lục Địa cho VN.

Sự thật hoàn toàn trái ngược và học giả Vũ Hữu San đã nhận xét về hai hồ sơ này như sau: "Hà Nội đã lùi bước khi vẽ hải-đồ nộp LHQ. Nếu xem hải-đồ do Hà Nội vẽ để nộp LHQ, ta sẽ thấy: 3/4 biển Hoàng Sa nằm trong hải phận TQ; VN chỉ còn 1 đảo độc nhất là Tri Tôn trong số trên 100 đảo của nhóm Hoàng Sa; 4/5 biển Trường Sa không còn trong hải phận VN; VN chỉ còn đảo Trường Sa nổi và 2 đảo chìm, trong số hơn 100 đảo nổi, chìm của nhóm Trường Sa."

Ở Hội Luận 3, "Tìm Phương Cứu Nguy Đất Nước" do TS Nguyễn Thanh Liêm (nguyên Thứ Trưởng Bộ Giáo Dục VNCH), nhân sĩ và hội đoàn tổ chức ở Nam California, Hoa Kỳ, ngày 25 và 26/7/2009, người viết những dòng này đã cảnh báo: "Hà Nội mưu toan dâng Hoàng Sa, Trường Sa và Vịnh Bắc Việt cho Bắc Kinh qua hồ sơ nộp LHQ ngày 6 và 7/5/2009."

Ngày 2/4/2010, người viết những dòng này đã tường trình 2 hồ sơ của Hà Nội trước Hội Ngộ Toàn Cầu cựu SV Luật Khoa Sài Gòn, tại Houston, Texas, Hoa Kỳ, và ngày hôm sau 3/4/2010 - lần đầu tiên ở hải ngoại - gần 200 Luật Gia Việt Nam đã ra Tuyên Ngôn tố cáo "Hà Nội đã cắt hàng trăm ngàn hải lý vuông thềm lục địa VN và gạt Hoàng Sa Trường Sa ra ngoài hải phận VN với ý đồ dâng HS-TS cho

Bắc Kinh!"

Hội Luận 5 ở Montreal, Canada, ngày 25/4/2010, do cộng đồng NVQG Montreal, cùng các tổ chức và hội đoàn ở Canada tổ chức. Hội Luận 6 ở Paris, ngày 3/10/2010, do Phong Trào PNVN Hành Động Cứu Nước tổ chức với sự hợp tác của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Nhân Sĩ ở Pháp, Đức, Na Uy, Thụy Sĩ. Cả hai buổi Hội Luận 5 và 6 đều không ngoài mục đích tham khảo ý kiến thật rộng rãi và tìm phương cách đối phó với mưu toan bán nước thâm độc của Đảng CSVN.

Người viết xin được tạm ngưng bài viết ở đây với một niềm tin vững chắc rằng: “Bảo Vệ Đất Mẹ là Truyền Thống và Nghĩa Vụ thiêng liêng suốt bao thế hệ con Hồng cháu Lạc. Đặc biệt là lúc này, đồng bào ở trong nước đang bị bịt mắt, bịt tai, bịt miệng với đủ thứ hỏa mù và gian dối để che giấu sự thật: Đảng CSVN đã và đang hiến đất dâng biển cho Đảng Cộng Sản Trung Hoa.

Tổ Quốc Lâm Nguy! Hoàng Sa, Trường Sa và phần lớn Vịnh Bắc Việt sẽ “vĩnh viễn” mất về tay bành trướng Bắc Kinh qua Luật Biển LHQ là do bọn Việt Gian cộng sản đương quyền Hà Nội và VN sớm muộn cũng trở thành quận, huyện của Trung Cộng nếu CSVN còn tiếp tục tiếm quyền. Ủy Ban Công Lý - Hoà Bình cho Hoàng Sa - Trường Sa xin được mời tiếp tay, góp ý và cùng ký thư phản kháng hai hồ sơ bán nước của Hà Nội với hàng trăm luật gia, trí thức, nhân sĩ và hàng ngàn tổ chức, hội đoàn, đồng hương ở nhiều nơi trên thế giới đã ký qua 6 buổi hội luận nói trên.

Ls. Nguyễn Thành

Ủy Ban Công Lý - Hoà Bình cho Hoàng Sa - Trường Sa của Việt Nam

Lời Phát Biểu Cảm Tưởng Hậu Duệ “Ngày Hoàng Sa Việt Nam 2011”

■ *Nguyễn Minh Huy*

*Ngày 22 tháng 1 năm 2011
San Jose, California*



*Kính thưa quý bậc trưởng thượng,
Kính thưa quý vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo,
Kính thưa quý thân hào nhân sĩ,
Kính thưa quý hội đoàn, tổ chức người Việt Quốc Gia,
Kính thưa quý cô chú bác quân nhân Quân Lực Việt Nam
Cộng Hòa,
Kính thưa quý đồng hương, quý anh chị và đặc biệt quý bạn
thanh niên sinh viên,*

Ngày 19 tháng Giêng năm 1974 viết lên một trang sử oai hùng của dân tộc Việt Nam trong công cuộc bảo vệ, gìn giữ bờ cõi nước nhà. Đó là trận hải chiến Hoàng Sa của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa chống trả lại sự bành trướng xâm lăng của Trung cộng, hầu bảo vệ từng tấc đất, tấc biển mà tổ tiên cha ông của chúng ta đã bỏ biết bao nhiêu mồ hôi và xương máu gầy dựng.

Ngày hôm nay, chúng tôi vô cùng hân hạnh trong nỗi niềm xúc động được có mặt trong buổi lễ trang trọng này

để cùng với quý vị đốt lên nén hương lòng, bùi ngùi tưởng nhớ đến sự hy sinh cao cả của 74 chiến sĩ hải quân Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã vì quốc vong thân, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng, để làm tròn sứ mệnh thiêng liêng.

Có người đã nói: “Tự Do không bao giờ mà không có cái giá của nó!” (Freedom is never free!) Thật vậy, chúng tôi bây giờ đang sống trong một xã hội tự do, được hít thở một bầu không khí tự do chính là kết quả tích tụ của biết bao nhiêu sự hy sinh, công sức, mồ hôi và bằng chính xương máu của hàng bao người đi trước. Làm sao chúng tôi có thể quên được sự hy sinh cao cả của hàng triệu quân-dân-cán-chính Việt Nam Cộng Hòa trong công cuộc ngăn chặn làn sóng đỏ xâm lăng của Cộng Sản chỉ vì hai chữ Tự Do! Đó là chưa nói đến hàng trăm ngàn đồng bào đã phải bỏ mình trên con đường vượt biển, vượt biên tìm Tự Do và biết bao nhiêu cái chết âm thầm, tức tưởi trong các lao tù của Cộng Sản.

Cái giá của Tự Do thật quá đắt. Tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do bầu cử, tự do tôn giáo là những Tự Do căn bản nhất của con người mà hơn 83 triệu đồng bào ruột thịt của chúng ta đang khát khao dưới sự cai trị độc tài, độc đảng của nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam.

Là thành phần hậu duệ, chúng tôi càng cảm thấy thấm thía và xin kính cẩn tri ân sự hy sinh lớn lao của thế hệ cha anh chúng tôi hầu bảo vệ nền tự do, độc lập và vẹn toàn lãnh thổ, lãnh hải của quê hương tổ quốc.

Đến đây, chúng tôi xin mạn phép có đôi lời tâm tình cùng với quý anh chị và các bạn thanh niên sinh viên, đặc biệt là ở tại trên quê hương Việt Nam hiện nay dưới chế độ Cộng Sản.

Với kỹ thuật tân tiến và hệ thống thông tin toàn cầu hiện nay, chúng tôi có thể dùng computer để vào truy cập đầy đủ những tài liệu, dữ kiện, và hình ảnh từ công hàm bán nước do Cộng Sản Việt Nam ký vào năm 1958 dâng hiến lãnh thổ, lãnh hải Hoàng Sa, Trường Sa cho Trung cộng, cho đến các hiệp ước biên giới Việt-Trung mà cộng sản Việt Nam đã âm thầm ký kết để nhượng dâng cho Trung

cộng nhiều phần đất của tổ tiên ta ngàn đời vùng phía bắc, Ái Nam Quan, Thác Bản Giốc, rồi cho đến các công trình khai thác Bauxit tại các vùng Tây Nguyên trung phần, đưa hàng ngàn công nhân Trung Quốc đến đây, gây ảnh hưởng tai hại không lường đối với môi trường, nền kinh tế của người dân và an ninh quốc gia. Chúng tôi cũng có thể dễ dàng truy cập những dữ kiện và nhìn thấy hình ảnh vô cùng thương tâm của các ngư phủ Việt Nam bị hải quân Trung Cộng bắt bớ, bắn giết một cách dã man trong khi họ chỉ đánh cá ngay trong hải phận Việt Nam. Và còn nhiều hình ảnh và dữ kiện về nhiều thảm trạng khác.

Câu hỏi xin được đặt ra với quý anh chị và các bạn là tại sao nhà cầm quyền Đảng Cộng Sản Việt Nam tiếp tục cố tình ém nhem, bưng bít trên tất cả các phương tiện truyền thông trong nước những tin tức mang tầm ảnh hưởng quan trọng đến cả vận mệnh của một quốc gia, của một dân tộc, với mục đích gì? Hoặc nếu có những tiếng nói yêu nước muốn tìm hiểu sự thật thì lại bị cộng sản Việt Nam đàn áp, khủng bố và bắt bớ một cách khốc liệt? Tất cả những việc làm này nếu không phải là muốn che đậy hành vi phản quốc, tội đồng lõa bán nước của một tập đoàn Việt gian cộng sản.

Kính thưa quý vị, quý bạn thanh niên sinh viên,

Ngoài mục đích tưởng niệm và tri ân sự hy sinh cao cả các anh hùng dân tộc đã vì quốc vong thân trong buổi lễ trang trọng ngày hôm nay, còn có thêm một thông điệp, một lời nhắn nhủ quan trọng hơn mà chúng tôi nghĩ rằng hương linh của 74 chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa, các chú, các bác, các anh thuộc thế hệ cha anh chúng tôi muốn gửi gắm đến các thế hệ tiếp nối. Đó là hãy tiếp tục công cuộc đấu tranh của toàn dân cho đến một ngày nào dân tộc Việt Nam, đất nước Việt Nam có được thực sự tự do, độc lập và vẹn toàn lãnh thổ, lãnh hải.

Vấn đề chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải quốc gia là vấn đề sống còn của một dân tộc. Một trong những việc làm cụ thể mà chúng ta có thể làm được ngay bây giờ là hỗ



trợ công tác vận động các chính giới, các quốc gia tự do, vận động Liên Hiệp Quốc dựa trên công pháp quốc tế để chứng minh rằng Hoàng Sa, Trường Sa luôn thuộc về chủ quyền Việt Nam trên mặt pháp lý, địa lý và lịch sử.

Chúng tôi cũng ước mong rằng càng ngày càng thật nhiều thanh niên sinh viên Việt Nam trong nước biết rõ về sự kiện lịch sử của trận hải chiến Hoàng Sa ngày 19/1/1974, biết rõ về các hành vi đồng lõa bán đất dâng biển qua các công hàm, hiệp ước của cộng sản Việt Nam ký kết với Trung cộng, biết rõ về hành động nhu nhược, khỏa lấp của nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam trước sự xâm lăng, bắn giết và hà hiếp người dân và ngư phủ Việt Nam, trước sự xâm nhập khai thác tài nguyên đất nước bất chấp mối hiểm họa về kinh tế, môi trường và an ninh quốc gia.

Quý anh chị và các bạn thanh niên sinh viên trong nước sẽ là những người làm nên lịch sử. Chúng tôi xin góp một bàn tay và chỉ xin nguyện làm viên gạch lót đường để giúp một phần nào rút ngắn thời gian cho một ngày thật gần của một đất nước Việt Nam, một quê hương Việt Nam thực sự có tự do, dân chủ, nhân quyền, độc lập và vẹn toàn lãnh thổ, lãnh hải.

Hàng ngàn, hàng vạn chim én sẽ làm nên được mùa Xuân. Hàng ngàn, hàng triệu cơn gió nhỏ kết hợp sẽ trở thành trận cuồng phong quét sạch đi những tàn tích xấu xa mà chế độ cộng sản đã áp đặt lên trên dân tộc và đất nước Việt Nam trong suốt hơn mấy chục năm qua.

Và ngày đó chúng tôi tin chắc rằng sẽ không còn bao lâu nữa!

Xin cảm ơn quý vị đã lắng nghe những lời tâm tình của chúng tôi và xin trân trọng kính chào quý vị.

Nguyễn Minh Huy

Suy Nghĩ Về Bài Viết "Mơ Một Ngày Về" Của CSVQ Mai Văn Tấn K21 Đăng Trong Đa Hiệu 92, Phát Hành Tháng 1, 2011

■ *Nguyễn Quốc Đống, K13*

Ngày 12 tháng 01, 2011

Bài viết “Mơ Một Ngày Về” (MMNV) của tác giả Mai Văn Tấn được đăng trong tập san Đa Hiệu số 92, phát hành vào tháng 1, 2011. Bài viết trình bày quan điểm, lập trường của tác giả về vấn đề đang được nhiều người chú ý; đó là “Làm sao để chấm dứt việc cai trị độc tài toàn trị của Đảng Cộng Sản Việt Nam (ĐCSVN), hầu đem lại tự do, dân chủ và một cuộc sống no ấm, hạnh phúc cho toàn dân?” Tác giả cũng nhân cơ hội này nêu ý kiến về lập trường và đường lối chống Cộng của khối người Việt Ty Nạn CS trong nhiều năm qua tại hải ngoại. Tôi có những suy nghĩ sau đây về bài viết nói trên:

1- Tự Do và Dân Chủ là những điều kiện cơ bản giúp người dân một quốc gia sống 1 cuộc sống hạnh phúc và có phẩm giá. Chính CSVN đã từng dùng những chiêu bài này để huy động tài lực, nhân lực của toàn dân VN vào cuộc

chiến tranh chống thực dân Pháp những năm 40 và 50 của thế kỷ 20, và sau đó là cuộc chiến xâm lược miền Nam mà chúng gọi là "cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước" (1954-1975). Trong các văn kiện chính thức của CSVN, chúng ta đều được đọc những chữ như: Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc. Thực tế chúng ta đã thấy rõ chế độ chính trị do CSVN xây dựng không hề đem đến những thứ mà chúng hứa hẹn với toàn dân. Số người được hưởng những phúc lợi chính trị chỉ giới hạn vào một số rất nhỏ: giới lãnh đạo CS, đảng viên CS, gia đình và người thân của chúng, các tay sai, những người nào chịu theo đường lối của chúng và cam tâm làm nô lệ cho chúng. Những ai không nghĩ và làm theo chúng sẽ bị kỳ thị, đàn áp, khủng bố, tù đầy, mất mạng... Lịch sử sang một trang mới và đen tối sau ngày 30 tháng 4, 1975, là ngày CSVN chiếm được miền Nam, thành trì chống cộng cuối cùng của những người Việt yêu tự do và dân chủ.

2- Trong những năm chiến tranh, CSVN cai trị dân bằng những chính sách khắc nghiệt, lấy cớ cần phải hy sinh để tiêu diệt "thực dân phong kiến, tư bản bóc lột", để giành lại "độc lập và chủ quyền của đất nước" và xây dựng "một chế độ tự do dân chủ tuyệt hảo, hơn hẳn loại tự do của chế độ tư bản"(?) Và rồi sau khi cướp được chính quyền tại miền Bắc, chúng đã giết hàng trăm ngàn nông dân bằng chính sách "cải cách ruộng đất", giết hại và bỏ tù các trí thức miền Bắc bất đồng chính kiến qua vụ Nhân Văn Giai Phẩm... Sau khi chiếm được miền Nam, CSVN đầy đọa hàng trăm ngàn quân, cán, chính VNCH trong các trại tù tập trung cải tạo, giết bao thường dân vô tội nghe theo lời dụ dỗ của chúng đi lập nghiệp tại các vùng kinh tế mới, cướp sản nghiệp của dân miền Nam bằng chính sách cải tạo công, thương nghiệp tư doanh... Người dân miền Nam đành phải bỏ nước ra đi. Cả trăm ngàn người đã chết trong những chuyến vượt biên, vượt biển tìm tự do đầy máu và nước mắt này. Những người còn kẹt lại trong nước cũng đành phải tiếp tục cuộc sống của họ, hy vọng cuộc sống sẽ khá hơn sau chiến tranh. Nhưng rồi họ thấy gì? Sự cách

biệt giàu nghèo chưa bao giờ rõ ràng hơn thế: giới cán bộ cầm quyền dù ở cấp nào cũng trở thành những ông chủ quyền thế, giàu sụ, có quyền sinh sát đối với người dân ở địa phương. Chúng cướp đất, cướp nhà của dân một cách công khai, tạo ra những dân oan vất vả, nhọc nhằn đi khiếu kiện nhiều năm. Chúng bỏ tù những trí thức lên tiếng đòi tự do, dân chủ. Chúng đàn áp những thanh niên, sinh viên đi biểu tình phản đối Trung Cộng cướp đất, cướp biển đảo của VN, giết ngư phủ VN... Cuộc sống thật ngọt ngào. Đối với khối người Việt đã bỏ quê hương, chấp nhận hy sinh cả mạng sống vì 2 chữ tự do, việc tiếp tục tranh đấu chống kẻ thù CSVN là điều dễ hiểu. Nhưng đối với hơn 80 triệu người Việt trong nước, hiện nay cuộc tranh đấu cho tự do, dân chủ càng bức thiết hơn vì đây là vấn đề sống còn của bản thân và gia đình họ. Nhiều trí thức đã nhập cuộc, giới trẻ cũng quan tâm hơn đến các vấn đề chính trị, can đảm phát biểu ý kiến của họ về các vấn đề của đất nước. Các vị lãnh đạo các tôn giáo cũng chung vai góp sức trong việc đòi quyền tự do tôn giáo và các quyền tự do khác của người dân. Nhiều người đã phải trả giá bằng những năm tháng tù đầy, quản thúc, những trù dập, đàn áp. Tất cả đã không dập tắt được khát vọng dân chủ của người dân. Tuy nhiên kết quả của các nỗ lực tranh đấu này chưa như người dân mong muốn. Mọi người vẫn phải đối đầu với vấn đề: Làm sao có được tự do, dân chủ cho toàn dân?

3- Tác giả MMNV ưu tư về đường lối tranh đấu giành lại tự do, dân chủ cho người dân tại quê nhà. Tác giả viết: "Sự sụp đổ chế độ VN hiện tại bằng vũ lực là điều bất khả thi. Lý do dễ hiểu là chế độ sụp đổ thì ai, đoàn thể hoặc lực lượng nào đủ nhân lực để thay thế? Lúc tình trạng vô chính phủ thì sự hỗn loạn, trả thù không lường trước được... Hơn nữa lực lượng nào để làm sụp đổ, trong khi thời đại ngày nay hướng về tranh chấp kinh tế và đòi hỏi dân chủ, nghĩa là một hình thức tranh đấu mới." Tác giả nghĩ: "Đối với VN, phong trào đòi hỏi dân chủ có nghĩa phải bỏ hình thức độc đảng và đảng cử dân bầu phải mở rộng để mọi người dân

tham gia ứng cử và đảng CS chỉ là một trong nhiều đảng hoạt động công khai được luật pháp bảo vệ. Dần dần tiến đến dân chủ, nghĩa là lúc khởi đầu có thể dân chủ trá hình vì đảng CS còn ảnh hưởng mạnh và dần dần với ý thức dân chủ của mọi người thì sẽ tiến đến dân chủ thực sự... Những lập luận không sống chung với CS, không hòa hợp hòa giải với CS, không chấp nhận CS... ta nên loại bỏ để bắt tay xây dựng đất nước”(?) Vậy tức là tác giả thực sự tin tưởng người dân Việt có thể xây dựng một nước Việt tự do, dân chủ mà không cần giải thể Đảng CS. Ông thực lòng tin là Đảng CSVN sẽ bắt buộc phải trả lại quyền tự do cho người dân vì “đây là một đảng lỗi thời, không ích nước lợi dân thì đương nhiên phải bị xóa sổ đúng theo luật đào thải. Chuyện đào thải trước sau cũng phải xảy ra, nôn nóng nào có lợi ích gì?” Thử nhìn vào lịch sử cầm quyền của Đảng CSVN. Chúng chiếm được quyền kiểm soát toàn miền Bắc sau ngày đất nước bị chia đôi bởi Hiệp Định Geneve ký ngày 20 tháng 7, 1954, và chiếm cả nước VN sau ngày 30 tháng 4, 1975 (tính đến nay đã hơn 35 năm). Suốt thời gian này là những đàn áp, xâm phạm quyền tự do của người dân, chính những quyền đã được nhà cầm quyền CS ghi hẳn hoi trong Hiến Pháp của chúng. Tác giả còn muốn người dân chờ đến bao giờ? Ông còn lạc quan khuyên người dân “chuẩn bị ứng cử khi chế độ độc tài lùi bước... thành lập đoàn thể để đấu tranh với đảng CS chỉ còn hư danh hầu mở ra phong trào dân chủ đa nguyên...”

Chúng ta cần nhớ một điều: Đảng CSVN không bao giờ để các phong trào tranh đấu đòi hỏi dân chủ đa nguyên có cơ hội được khai sinh chứ đừng nói là được sống còn và phát triển để từ từ đẩy chúng vào thế phải bị xóa sổ. Không ai gian manh và độc ác hơn CS về điểm này. Năm 1946 sau khi chính phủ Liên Hiệp được thành lập để lãnh đạo toàn dân trong việc tranh đấu giành độc lập từ thực dân Pháp, CSVN đã tìm cách tiêu diệt các đảng phái quốc gia dù họ là những người yêu nước và có cùng mục tiêu tranh đấu là giành độc lập cho nước nhà. CSVN đã chuẩn bị trước cho sự

độc quyền chính trị về sau này. Mới đây Đinh Thế Huynh (xin đính chính, không phải là Vũ Đình Huynh như trong bài viết tôi gửi đi lần đầu), Ủy Viên Chấp hành Trung Ương ĐCSVN, Tổng Biên Tập báo Nhân Dân, chủ tịch Hội Báo Chí, trong một buổi họp báo trước Đại Hội Đảng CSVN Lần Thứ 11, khi trả lời câu hỏi của phóng viên AP về vấn đề “đa đảng, đa nguyên”, đã cho biết lập trường của CSVN như sau: “Chúng tôi đã thử nghiệm hình thức đa đảng vào năm 1946 nhưng đã thất bại. Hiện nay VN chỉ tin vào sự lãnh đạo của 1 đảng duy nhất đó là Đảng CSVN mà thôi.” Điều 4 trong Hiến Pháp của CSVN xác nhận quyền cai trị tối thượng của Đảng CSVN, và chính Nguyễn Minh Triết, chủ tịch nhà nước CSVN, đã tuyên bố: “Hủy bỏ điều 4 Hiến Pháp đối với Đảng CSVN chính là tự sát.” Vậy thì làm thế nào mà người dân hy vọng còn có thể lập đoàn thể để tranh đấu từ từ với Đảng CS, đòi hỏi chúng sau cùng cũng phải trả tự do, dân chủ và nhân quyền cho người dân? Nhiều thế hệ đã đợi và chờ lâu lắm rồi. Nhiều vị lãnh đạo tôn giáo, nhiều nhà trí thức kể cả các đảng viên CS phản ứng cũng đòi hỏi tự do quyết liệt lắm rồi. Kết quả là gì? Luật sư Lê Thị Công Nhân chỉ dịch những tài liệu về tự do, dân chủ đã phải ngồi tù hơn 3 năm. LS Lê Chí Quang chỉ viết 1 bài “Hãy Cảnh Giác Với Bắc Triều” nói về dã tâm của Trung Cộng đối với nước láng giềng nhỏ bé VN đã bị giam tù và đầy đọa cho đến gần như tàn phế. Trần Độ, Hoàng Minh Chính, các công thần của chế độ chỉ giống lên tiếng nói đòi dân chủ vào lúc cuối đời cũng không thoát khỏi sự trù dập của chế độ. Nhà văn của chế độ xã hội chủ nghĩa miền Bắc Dương Thu Hương sau nhiều năm cống hiến tuổi thanh xuân cho cuộc “giải phóng miền Nam” đã thấy mình lầm. Bà dùng những lời lẽ rất nặng nề để chỉ trích bọn lãnh đạo CS, nên dù vẫn coi Hồ Chí Minh là thần tượng mà vẫn bị CSVN bỏ tù nhiều tháng và nay thì đành sống đời lưu vong tại Pháp, không còn đường trở lại quê hương nữa... Hòa Thượng Thích Quảng Độ của Giáo Hội PGVNTN chỉ vì cất cao tiếng nói đòi tự do tôn giáo đã bị cầm tù và quản

thức nhiều năm. Linh Mục Nguyễn Văn Lý cũng chỉ vì đòi tự do tôn giáo mà bị tù đầy, bị bịt mõm, hành hung tại tòa, trước mặt các giới báo chí ngoại quốc. CSVN có nghe lời chúng ta đòi hỏi hay không? Chúng ta đã chấp nhận hình thức dân chủ giả hiệu của chúng nhiều năm dài, đã hợp tác với chúng một cách ôn hòa mà chúng có lui bước nào không, chúng có từ từ bị xóa sổ hay vẫn còn tồn tại, tiền của ngày càng nhiều, càng ra tay sinh sát giết hại dân lành một cách hung hãn. Mới đây ngày 5 tháng 1, 2011, CSVN còn cho công an hành hung ông Christian Marchant, tùy viên chính trị của Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ở VN khi ông này tìm cách vào thăm LM Nguyễn Văn Lý tại Nhà Chung Huế.

Nói đến chuyện tranh đấu đòi tự do, dân chủ theo đường lối ôn hòa, theo kiểu “đấu tranh chính trị” để mở mắt cho CS, chúng ta không thể quên được câu chuyện về SV Nguyễn Tiến Trung (nay đã đậu bằng Thạc Sĩ tại Pháp, tương đương với bằng Cao Học tại Hoa Kỳ). Năm 2006, NTT còn là 1 du học sinh tại Pháp. Cậu này có ông bà và bố mẹ đều là cán bộ cao cấp có nhiều năm tuổi Đảng, nhưng có đầu óc tiến bộ, muốn phổ biến các tư tưởng tự do, dân chủ tại VN để cải thiện đời sống quá tối tăm của người dân. Cậu và một người bạn khác cũng là du học sinh tại Pháp là SV Nguyễn Hoàng Lan đã cùng nhóm Tập Hợp Thanh Niên Dân Chủ (THTNDC) tại San Jose, Bắc California tham gia cuộc Rước Đuốc Dân Chủ Nổi Vòng Tay Lớn ngày 16 tháng 7, 2006. Tại buổi lễ Rước Đuốc ngày hôm ấy, SV. NTT đã nêu lên 3 vấn đề của CSVN. Đó là: không phát triển được đất nước, để tệ nạn tham nhũng hoành hành và không bảo đảm được an ninh quốc gia. Anh cho rằng lãnh đạo CSVN không giải quyết được 3 vấn đề nói trên do cơ chế độc đảng, cai trị theo kiểu độc tài. Anh cũng tuyên bố đòi hỏi lãnh đạo CSVN phải để cho người dân Việt Nam được:

- 1- Tự do báo chí và tự do xuất bản
- 2- Tự do lập hội và tự do lập đảng
- 3- Tự do bầu cử và tự do ứng cử

SV Nguyễn Tiến Trung cũng đã gia nhập Đảng Dân Chủ (?) của ông Hoàng Minh Chính để tranh đấu cho lý tưởng tự do, dân chủ của mình. Ngày anh phải đi thi hành nghĩa vụ quân sự, được yêu cầu phải tuyên bố trung thành với Đảng CSVN, anh từ chối và nói rằng anh là thành viên của Đảng Dân Chủ nên không thể tuyên thệ trung thành với Đảng CSVN được. Vì đòi hỏi tự do, dân chủ trong 1 chế độ toàn trị, vì đòi đa nguyên đa đảng trong khi nhà cầm quyền tuyệt đối cấm đa đảng, năm 2009 NTT đã bị đưa ra tòa và bị tuyên án 7 năm tù. Đây cũng chính là số phận định sẵn cho bất cứ công dân nào “đòi CSVN phải trả lại quyền tự do cho người dân như hiến pháp quy định, đòi dân chủ hóa đất nước, đòi đa nguyên đa đảng...”

Mới đây dư luận trong và ngoài nước cũng rất chú ý đến trường hợp của LS Cù Huy Hà Vũ. Ông là con trai của nhà thơ Cù Huy Cận, 1 đảng viên CS đã nhiều năm tận tụy phục vụ chế độ CS. Ông cũng đã từng tin tưởng vào đường lối tranh đấu ôn hòa với Đảng CSVN. Nhiều lần ông đã xin ứng cử vào Quốc Hội của CSVN để hy vọng đem tiếng nói mới phục vụ cho người dân thấp cổ bé miệng, nhưng đều bị từ chối. Hiện ông đã bị CSVN giam tù vì tội danh “chống phá và âm mưu lật đổ nhà nước xã hội chủ nghĩa” mặc dù nhà cầm quyền chẳng trưng ra được bằng cứ nào. Vậy “tranh đấu ôn hòa, từ từ với CS để chúng phải từ bỏ quyền chính trị tối thượng của chúng và trả lại tự do, dân chủ cho người dân” có khả thi hay không khi Đảng CSVN vẫn còn tồn tại?

4- Vậy phương cách nào sẽ giúp người dân Việt thoát ách thống trị của CSVN, xây dựng được một nước Việt tự do, dân chủ và được sống 1 cuộc đời hạnh phúc, ấm no? Nhìn vào sinh hoạt của người Việt tỵ nạn CS tại hải ngoại, chúng ta cũng thấy có 2 khuynh hướng. Một khuynh hướng là: dứt khoát không bắt tay hòa hợp với CS, cương quyết tranh đấu cho mục tiêu duy nhất là giải thể chế độ độc tài đảng trị hiện nay của CSVN để thiết lập một chế độ mới công nhận hình thức đa đảng trong sinh hoạt chính trị của người dân. Họ quan niệm còn CS thì không thể có tự do,

dân chủ. Một khuynh hướng khác chủ trương không phá đổ chế độ hiện nay mà cần cộng tác với nhà cầm quyền CS để bằng đường lối tranh đấu ôn hòa sẽ thúc đẩy quá trình tự do, dân chủ, bắt buộc những người cai trị phải quan tâm đến nhu cầu và quyền lợi của dân tộc và của quốc gia. Đảng Việt Tân, một đảng phái chính trị nhiều năm hoạt động tại hải ngoại cũng có sự thay đổi về đường lối hoạt động. Khi đảng này được thành lập vào năm 1982, các người lãnh đạo đảng chủ trương giai đoạn 1 là phải giải thể chế độ CS, giai đoạn 2 mới là canh tân đất nước. Hiện nay đảng này không còn chú trọng đến mục tiêu giải thể chế độ CS nữa, thay vào đó chủ trương phải tiếp cận với CS để thay đổi chúng hầu đạt các mục tiêu chính trị như đa đảng, đa nguyên và tự do, dân chủ! Họ đã bị chính thành viên trong đảng gọi là “Việt Tân chệch hướng”.

Nhóm người thuộc khuynh hướng thứ hai này tưởng như họ đang đối thoại với một nhà nước biết “lắng nghe tiếng dân”. 60 năm cai trị của CS tại miền Bắc và 36 năm cầm quyền trên cả nước VN chưa mở mắt được cho những kẻ ngây thơ về chính trị như vậy hay sao? Hay họ biết làm như thế sẽ không đạt được ước vọng tự do, dân chủ cho toàn dân, nhưng vì quyền lợi cá nhân và phe nhóm đã chọn cách cộng tác với kẻ thù để được chia chác chút quyền lợi? Họ có biết rằng tự do là món hàng đắt giá nhất, không ai cho không cả. Muốn giành được tự do từ tay bạo quyền phải tranh đấu gian khổ, phải chịu nhiều hy sinh. Dân Việt đã phải đổ biết bao xương máu để thoát khỏi ách nô lệ của giặc Tàu và giặc Pháp. Có ai cho không tự do đâu! Chế độ CS hiện nay tại VN là chế độ độc tài toàn trị. Những người CS cầm quyền không từ 1 thủ đoạn nào để bảo vệ và củng cố quyền lực của họ.

Tác giả Quốc Phùng trong bài viết “Chỉ Dấu Và Mô Hình Sụp Đổ Của Chế Độ CS Tại VN” đăng trên báo Tiếng Dân số 442 phát hành ngày 16/12/2010 tại Bắc California đã phân tích tình hình VN và bàn luận về vấn đề sụp đổ của chế độ CS hiện tại. Ông cho biết chúng ta không hy

vọng gì có một cuộc “cách mạng nhung” như tại Liên Xô năm 1991 vì hàng ngũ lãnh đạo của CSVN không có những nhân vật lớn như Mikhail Gorbachev, như Boris Yeltsin biết đặt quyền lợi của nhân dân và đất nước trên quyền lợi của Đảng CS. Quân đội CSVN tuy mang danh là Quân Đội Nhân Dân nhưng lại chỉ biết trung thành với Đảng, hiện nay chỉ còn biết hưởng thụ những quyền lợi dồi dào do Đảng ban cho nên không còn nghĩ gì đến sự tồn vong của tổ quốc hay hạnh phúc của toàn dân nữa. Vậy thì các đường lối “diễn biến hòa bình” sẽ bất khả thi vì CSVN sẽ dùng đủ mọi cách để trấn áp các tổ chức và các phong trào dân chủ trong nước. Chúng còn cẩn thận dẹp trừ các biểu hiện “tự diễn biến hòa bình” tức là việc chỉ trích đường lối chính sách của Đảng phát xuất từ chính các đảng viên CS. CSVN chỉ có thể sụp đổ bằng 1 cuộc “cách mạng toàn dân” tương tự như cuộc cách mạng của nhân dân Romania năm 1989. Trong cuộc cách mạng này, người dân Romania tay không xuống đường đương cự với chiến xa, kiên quyết chống lại sự cai trị của nhà độc tài Nicolae Ceausescu. Họ không ngại phải đổ máu vì tự do, dân chủ. Kết quả 2 vợ chồng nhà độc tài bị xử tử hình. Cuộc nổi dậy của dân chúng Romania thành công, chấm dứt một chế độ Cộng Sản độc tài kéo dài đến 32 năm. Nhìn vào tình hình VN hiện tại, tác giả Quốc Phùng tin tưởng thời cơ đã chín mùi cho một cuộc nổi dậy toàn diện của quần chúng tức một cuộc Cách Mạng Toàn Dân! Các chính sách sai lầm của nhà cầm quyền CS, khiếm nhục với Tàu Cộng và độc ác với người dân trong nước: dâng đất và hải đảo của tổ tiên cho Tàu cộng, đàn áp trí thức, lãnh đạo tôn giáo, đàn áp dân lành vô tội, hủy diệt văn hóa dân tộc, biến xã hội VN thành một xã hội người bóc lột người, mọi người tranh quyền đoạt lợi thẳng tay xâu xé nhau... đã khiến các tầng lớp nhân dân đều ý thức được một điều: Họ đều là nạn nhân của chế độ CS. “Tự do hay là chết” chính là lúc này đây! Linh Mục Nguyễn Văn Lý người lãnh đạo của Khối 8406, một trong những phong trào tranh đấu cho Tự Do và Dân Chủ nhiều

năm nay tại VN cũng nhận định: “Mục tiêu cao nhất trong cuộc đấu tranh giành tự do, dân chủ cho dân tộc hôm nay là làm cho thể chế chính trị ở VN hiện nay phải bị thay thế triệt để, chứ không phải được đổi mới từng phần hay điều chỉnh vặt vãnh như đang xảy ra.” Nhóm 118 người chủ trương Bản Tuyên Ngôn 8406 còn kêu gọi tẩy chay cuộc bầu cử Quốc Hội bù nhìn ngay từ năm 2007. Gần đây nhất, ngày 1 tháng 1, 2011, LM Nguyễn Văn Lý lại đưa ra lời kêu gọi “giải thể Đảng CS để thiết lập chế độ tự do cho dân Việt, kêu gọi mọi thành phần nhân dân tham gia biểu tình để thực hiện mục tiêu này. Vậy mà tác giả của “Mơ Một Ngày Về” vẫn còn tin tưởng vào một cuộc đấu tranh ôn hòa và vẫn còn tin tưởng có thể hợp tác với CS để từng bước giành lại quyền tự do từ tay chúng. Đây quả là một điều hoang tưởng! Chúng ta cần ghi nhớ: mục tiêu tranh đấu có thể tốt đẹp nhưng nếu chọn đường lối thực hiện sai thì đừng trông mong thành công. Làm sao chúng ta có thể hy vọng giành được tự do, dân chủ cho VN khi chủ trương vẫn duy trì chế độ độc tài hiện hữu, chỉ đòi hỏi nhà cầm quyền phải trả tự do, dân chủ cho người dân và bất chế độ này phải sinh hoạt trong khuôn khổ cho phép của một chế độ pháp trị! Đây là chuyện “mò trăng đáy nước”.

Tác giả MVT không tin tưởng vào chuyện dùng bạo lực để giết sập chế độ hiện nay vì “làm nó sụp đổ sẽ không có lực lượng nào thay thế và sẽ xảy ra một tình trạng vô chính phủ hỗn loạn dẫn đến những sự trả thù vô cùng nguy hiểm”. Chẳng lẽ các chế độ độc tài sụp đổ đều sẽ dẫn đến sự sụp đổ của toàn thể quốc gia hay sao. Lịch sử không chứng tỏ điều này. Trái lại các chế độ độc tài CS một khi bị triệt tiêu giải thể thì không còn ai muốn hồi sinh cho nó nữa. Đời sống của người dân tại các quốc gia Nga và Đông Âu đã từng bước được cải thiện. Chẳng lẽ VN có 85 triệu người mà không tìm ra được nhân tài để lèo lái con thuyền quốc gia vượt qua cơn bão táp sau khi CSVN bị giải thể hay sao. Người dân VN tuy khốn khổ sau nhiều năm chiến tranh nhưng không phải là một dân tộc hèn nhất, không biết hy

sinh. Sự hỗn loạn ban đầu từng bước sẽ được kiểm soát và mọi sự rối sẽ được cải thiện.

5- Cũng trong bài viết nói trên, tác giả MVT đã tuyên bố một số điều thật khó hiểu. Ông viết “...Bây giờ chúng ta còn chống Cộng là lỗi thời vì CS trên thực tế không còn... Đảng CSVN giờ đây hoàn toàn không còn giáo điều Mác-Lê mà chỉ là đảng thống trị với giai cấp tư bản mới... Ta phải bỏ mục tiêu chống cộng vì thực tế không còn CS... đấu tranh chính trị với phong trào đòi hỏi dân chủ mới mong xóa chế độ độc tài độc đảng, thực sự là mục tiêu ta muốn đạt đến...”!? Đây là một nhận định sai, không đúng với thực tế vì cho đến thời điểm hiện nay, trung tuần tháng 1, 2011, Đảng CSVN đang họp Đại Hội Đảng lần thứ 11 tại Hà Nội, giới lãnh đạo Đảng vẫn khẳng định đường lối, chính sách của họ là ” tiếp tục xây dựng VN theo chủ nghĩa Mác-Lênin, phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vẫn duy trì nền kinh tế quốc doanh, vẫn duy trì Hiến Pháp hiện tại, vẫn giữ Điều 4 trong Hiến Pháp bảo vệ quyền chính trị tối thượng của Đảng...” Điều này có nghĩa là quyền hành điều khiển đất nước vẫn ở trong tay của 15 nhân vật trong Bộ Chính Trị và khoảng 200 ủy viên Trung Ương Đảng. Vậy mà bảo VN không còn là nước CS nên “đừng có chống Cộng nữa” là ý gì? Luận điệu này còn vô cùng nguy hiểm vì nó khiến nhiều người hiểu lầm là chế độ hiện tại ở VN không còn là CS nữa nên chúng ta không còn phải cố sức chống chúng nữa, và có thể an tâm cộng tác với chúng để xây dựng đất nước chẳng? Không chừng chúng ta sẽ mắc mưu CS và tay sai, và vô tình làm lợi cho chúng thôi. Sự thật trên thực tế, chưa bao giờ CS tuyên bố chúng không còn là CS mà chỉ có một số nhỏ tay sai của CS tại hải ngoại lớn tiếng tuyên bố “ CSVN đã thay đổi, chúng không còn là CS nên chống Cộng bây giờ là lỗi thời”. Chúng ta đừng nên thiếu cận mà tuyên bố thiếu suy nghĩ và tai hại như trên, nhất là với tư cách một Cựu SVSQ/ TVBQGVN, một tổ chức “cương quyết không chấp nhận chủ nghĩa CS, không hòa hợp hòa giải với CS và cương

quyết tranh đấu để quang phục quê hương, dân chủ hóa đất nước.” như đã được nêu rõ trong Nội Quy của Tổng Hội.

6- Tác giả cũng không đồng ý với một số điều mà người Việt tỵ nạn CS hiện đang làm tại hải ngoại. Ông cho rằng “hình thức biểu tình phản đối những nhân vật của chính phủ độc tài hoặc những hình thức ảnh hưởng văn hóa của chính phủ độc tài là hình thức nói lên tiếng nói chứ không phải cứu cánh của sự tranh đấu dân chủ... Hình thức biểu tình chỉ nói lên tiếng nói phản đối mà không làm suy yếu chế độ độc đảng...” Có người Việt tỵ nạn CS nào ở hải ngoại ngây thơ mà cho rằng biểu tình là cứu cánh của cuộc tranh đấu chống Cộng không? Họ cũng thừa biết rằng việc biểu tình chống các viên chức của chính phủ CSVN hay chống việc các bầu sô văn nghệ tổ chức giúp các ca sĩ từ VN cộng sản sang trình diễn văn nghệ tại hải ngoại khiến họ tổn rất nhiều thì giờ, công sức và tiền bạc. Vậy mà họ đã, đang và sẽ vẫn chấp nhận hy sinh. Đó là chút tình đối với quê hương, dân tộc mà họ có thể làm trong khả năng hạn chế của họ tại các nước tạm dung. Đó là điều họ cần phải làm để xác định căn cước tỵ nạn của mình. Họ không thể cam phận ngồi yên khi bọn lãnh tụ CS, các tội đồ của dân tộc, công khai được chính quyền sở tại tiếp đón tại nơi họ sinh sống. Họ khiến cho bọn “khách quý” này phải nhục nhã cúi đầu lằm lũi đi giữa những tiếng đả đảo, phản đối của chính đồng bào chúng. Họ khiến cho những khách đi xem ca sĩ VC biểu diễn phải che mặt vì xấu hổ. Họ khiến chúng không thể ngang nhiên xâm nhập vào cộng đồng của những người Việt tỵ nạn CS. Họ vạch ra một lần ranh Quốc-Cộng không thể xóa nhòa. Họ cho CSVN biết họ không phải là “thần dân” của chúng, họ khinh ghét chúng và không bao giờ chấp nhận chúng. Đúng là họ “không làm chế độ độc tài suy yếu, nhưng họ bảo vệ được thành trì chống Cộng tại quê hương thứ 2 của họ, bảo vệ được căn cước tỵ nạn của mình và làm cho chế độ độc tài của CSVN bị mất mặt, nhục nhã ê chề trước cộng đồng quốc tế.” Chúng làm mưa làm gió tại quê hương VN, bức hại người dân thấp cổ bé

miệng chứ có làm gì được khối thiểu số người Việt tỵ nạn CS tại hải ngoại vền vẹn chỉ có 3 triệu người. CSVN không sợ nhóm thiểu số này mà chúng lại phải bỏ ra biết bao công sức và tiền bạc để khống chế họ bằng biết bao chính sách mà nguy hiểm nhất là Nghị Quyết 36 do chúng ban hành vào tháng 3 năm 2004 hay sao?

7- Tác giả MVT còn “khuyên” chúng ta “phải rất tế nhị trong việc giương cao ngọn cờ chính nghĩa cho hợp với hoàn cảnh thực tế ở đất nước tạm dung của chúng ta vì cờ vàng ba sọc đỏ hiện thời chỉ còn là biểu tượng riêng cho người Việt tỵ nạn CS mà thôi.”(?) Thế nào là giương cao ngọn cờ chính nghĩa một cách tế nhị? Người Việt sợ ai mất lòng mà cần phải thận trọng trong việc giương cao ngọn cờ chính nghĩa của mình. Đã là cờ chính nghĩa của tổ quốc mình thì sợ gì và sợ ai khi giương cao nó? Cờ vàng ba sọc đỏ đã từng là cờ của quốc gia VNCH cũng là thành viên của tổ chức Liên Hiệp Quốc. Cờ này chỉ không còn xuất hiện tại VN sau ngày 30 tháng 4, 1975, là ngày quân xâm lược miền Bắc chiếm được miền Nam tự do và bắt dân miền Nam phải chấp nhận cờ đỏ sao vàng là cờ của Đảng CSVN. Vậy cờ vàng không chỉ đại diện cho 3 triệu người VN phải bỏ nước ra đi tỵ nạn CS tại các quốc gia tự do mà vẫn còn nằm trong tim của ít nhất là một nửa số dân VN. Người dân VN chưa có cơ hội được tự do phát biểu ý kiến, được nói lên chọn lựa của mình, sao tác giả MVT biết được cờ vàng chỉ đại diện cho một thiểu số rất nhỏ 3 triệu người tại hải ngoại. Các giới chức chính quyền địa phương ở cấp tiểu bang cũng như tại các quận hạt, thành phố ở Hoa Kỳ khi ban hành các nghị quyết vinh danh cờ vàng của VNCH cũng khẳng định “cờ vàng là cờ di sản của người Việt Nam, tượng trưng cho lý tưởng tự do, dân chủ của họ. Cờ đỏ sao vàng chỉ là cờ của Đảng CSVN, một đảng đã bức hại nhiều người Việt khiến họ phải liều chết ra đi tìm cuộc sống mới tại các nước tự do dân chủ.” Các nghị quyết vinh danh cờ VNCH đâu có nêu điều kiện là khối người Mỹ gốc Việt khi giương cao ngọn cờ này phải “tế nhị” đừng để mất lòng ai?

Phải chăng tác giả sợ người Việt tỵ nạn CS làm mất lòng CSVN đang là thành viên của Liên Hiệp Quốc? Tháng 6 hàng năm, cơ quan Di Dân của Liên Hiệp Quốc vẫn tổ chức một cuộc diễu hành văn hóa dành cho các sắc dân định cư tại Mỹ. Khối người Việt tỵ nạn CS khắp 5 châu đổ về thành phố New York đi diễu hành với một rừng cờ vàng. Có ai “cảnh cáo” đoàn diễu hành phải giương cao ngọn cờ vàng một cách “tế nhị” đâu! Tác giả MVT đã tỏ ra không mấy coi trọng lá cờ của tổ quốc VNCH khi phát biểu như trên.

8- Tác giả của MMNV cũng phát biểu về việc chúng ta phải làm gì đối với các thế hệ trẻ hiện nay tức thế hệ 1 rưỡi và thế hệ thứ hai. Ông phê bình các thế hệ đàn anh có “quan niệm chống cộng quá cứng rắn, cố chấp không hợp thực tế với tinh thần hận thù và chủ quan... phải thay đổi nhãn quan để có cái nhìn hợp lý và hòa hợp với lớp trẻ, như thế mới có sự đoàn kết các thế hệ thành một lực lượng thuần nhất.” (trang 50, Đa Hiệu 92). Xin ông cho biết tổ chức trẻ nào bất mãn vì thái độ chống cộng cứng rắn và cố chấp của giới cha anh? Phải chăng đây là những trí thức trẻ đã về cộng tác với bạo quyền CS, đem tiền bạc và công sức giúp chúng xây bệnh viện, trường học, xây giếng nước, nuôi trẻ mồ côi, nuôi các cụ già neo đơn... thay CSVN làm công tác xã hội và nghĩ đó là những công tác từ thiện mà những người Việt hải ngoại có bổn phận phải làm? Phải chăng vì bị người Việt hải ngoại chỉ trích phê bình, những cô cậu trẻ này mắng mỏ chúng ta là “chống cộng cứng rắn, là cố chấp, là hận thù và chủ quan”. Sự thật theo một tài liệu được phổ biến vào thời điểm CSVN tổ chức Đại Hội Người Việt Ở Nước Ngoài vào tháng 11 năm 2009 vừa qua tại Hà Nội, số trí thức trẻ về VN làm việc để “giúp nước” chỉ có khoảng 200 người. Con số này có là bao so với số hơn 300,000 trí thức trong cộng đồng người Việt tỵ nạn CS ở khắp nơi trên thế giới.

Trái lại số người trẻ noi gương thế hệ cha anh, tham gia tranh đấu cho tự do, dân chủ, cương quyết chống thể chế độc tài CS không phải là một con số nhỏ. Họ sát cánh cùng

cha, chú, cùng những người lính già trong các cuộc biểu tình chống Trần Trường trưng bày biểu tượng CS tại Little Saigon năm 1999. Đoàn Thanh Niên Cờ Vàng đã tổ chức biểu tình chống Hội VAALA cho triển lãm hình Hồ Chí Minh và cờ đỏ sao vàng tại Orange County, Nam California năm 2009. Giới trẻ tại Detroit, Michigan đã kêu gọi đồng hương Việt hãy tẩy chay không du lịch về VN và không gửi tiền về VN trong Tháng Tư Đen... Năm 2010, giới trẻ tại Massachusetts đã tổ chức Lễ Mừng Ngày Quân Lực 19 tháng 6, 2010, và gây quỹ thương phế binh VNCH. Gần đây nhất, tháng 1, 2011, giới trẻ tại San Jose, Bắc California dự định sẽ cho rước đại kỳ VNCH mở đầu cho Hội Hoa Xuân Tân Mão 2011. Những việc làm này của giới trẻ có khác gì những việc làm của cha anh họ đâu. Có ai chỉ trích họ chống cộng “cứng rắn, cố chấp, hận thù, và chủ quan” đâu. Đối với giới trẻ sinh ra và lớn lên tại hải ngoại, nếu được giáo dục đứng đắn, họ đủ trình độ hiểu được những kinh nghiệm xương máu mà chúng ta đã trải qua với CS và họ cũng sẵn sàng tiếp nối công việc tranh đấu chống cái ác, cái xấu, cái dối trá của Đảng CSVN mà chúng ta chưa hoàn thành. Chúng ta “hận” CS và tranh đấu chống cộng đâu phải vì “hận thù cá nhân”, vì muốn “bưởi móc một quả khứ đau thương”. Chúng ta muốn tranh đấu tiêu diệt một ác đảng đã phạm biết bao tội ác đối với đất nước và dân tộc Việt, đã làm chết cả triệu đồng bào và đang đưa VN vào thảm họa mất nước về tay Tàu cộng.

9- Tác giả MVT rất quan tâm đến vấn đề “đoàn kết”. Ông phát biểu: “Đừng cố bưởi quá khứ bất cứ cá nhân nào vì mọi người đều có lỗi, chỉ gây sự chia rẽ không có lợi trong lúc đấu tranh chính trị với chế độ độc đảng”? Mọi người đều có lỗi là thế nào? Những chiến sĩ của Quân Lực VNCH chiến đấu dũng cảm để bảo vệ chế độ tự do của miền Nam và sau cuộc chiến họ bị mất một hay nhiều phần thân thể; những vị tướng của miền Nam và rất nhiều chiến sĩ khác tuân tiết chứ không chịu đầu hàng Cộng quân vào ngày 30 tháng 4, 1975, bao quân, cán, chính của miền Nam

trung thành với tổ quốc VNCH, vẫn giữ được khí tiết suốt những năm tháng bị CS đầy đọa trong các trại tù khổ sai... Những người này có lỗi gì? Họ vô tội. Tội làm mất miền Nam là tội của những người lãnh đạo thiếu tư cách, không biết đặt quyền lợi của tổ quốc trên quyền lợi cá nhân và phe nhóm, là tội của những kẻ ăn cơm quốc gia thờ ma CS, tội của những trí thức miền Nam vinh thân phì gia nhờ cơm gạo miền Nam nhưng lại lén lút rước quân thù CS vào nhà, là tội của những kẻ cố tình gây bất ổn cho miền Nam bằng những cuộc xuống đường, biểu tình bị CS giật dây. Cũng là trách nhiệm của đồng minh Hoa Kỳ đã không giúp VNCH chống lại kế hoạch nhuộm đỏ vùng Đông Nam Á của Quốc Tế CS. Lời tuyên bố “mọi người đều có lỗi trong việc mất miền Nam” là 1 lý luận không hợp lý, vơ đũa cả nắm, làm tủi vong linh của các chiến sĩ đã bỏ mình vì nước.

Sự thực ai cũng biết sự đoàn kết rất cần thiết trong khối người Việt ty nạn CS đang khổ nhục tranh đấu chống kẻ thù CS đang ra sức phân hóa hàng ngũ của chúng ta. Nhưng chúng ta không thể quên một điều là “không thể đoàn kết một cách vô điều kiện”. Chúng ta chỉ có thể đoàn kết với những ai cùng chung mục tiêu tranh đấu, cùng 1 lý tưởng là phục vụ quốc gia, dân tộc. Chúng ta không thể nào đoàn kết với những kẻ đã thay đổi lập trường, những tên đón gió trở cờ vì bọn phản bội này không ngại gì mà không bán đứng chúng ta cho kẻ thù CS. Việc loại trừ những kẻ nội thù là điều quan trọng cần phải làm trước tiên vì nó giúp chúng ta thanh lọc hàng ngũ, củng cố lực lượng và tập trung trong việc thi hành các kế hoạch hoạt động. Ai cũng than là cộng đồng hải ngoại hiện nay mất đoàn kết quá, nhiều hội đoàn quá, nhiều phát biểu chống phá nhau quá... Chúng ta không nên quá bi quan. Còn CS thì tình trạng mất đoàn kết này vẫn còn tồn tại. Lý do dễ hiểu là CS dù tàn ác, xấu xa đến đâu vẫn có người theo chúng, theo vì danh cũng có mà vì lợi cũng có. Tâm lý người đời thường hay phù thịnh chứ mấy ai phù suy. Tuy nhiên chúng ta vững tin ngày nào Đảng CS bị giải thể, ngày đó toàn dân sẽ quy về một mối.

Ánh sáng tự do, dân chủ sẽ chiếu sáng mọi miền đất nước. Cuộc sống no ấm, hạnh phúc sẽ phá tan đám mây mù độc hại CS. Ngày ấy ta chẳng còn mối lo dân tộc bị chia rẽ đến tận cùng như hiện nay!

Là người Việt tỵ nạn CS đang phải sống đời lưu vong tại các nước tạm dung, ai chẳng mong có 1 ngày về vinh quang trên 1 đất nước tự do, dân chủ. Tuy nhiên nếu quan niệm phải tranh đấu cho tự do, dân chủ theo hướng đề ra của tác giả bài viết Mơ Một Ngày Về thì có lẽ “ngày về vinh quang” sẽ mãi mãi chỉ là một giấc mơ chứ không thể thành hiện thực được. Muốn thực hiện được mục tiêu quang phục quê hương như Tổng Hội Võ Bị đã đề ra trong Nội Quy, các cựu SVSQ Trường Võ Bị Quốc Gia VN vẫn cần siết chặt hàng ngũ, giữ vững lần ranh Quốc-Cộng trong việc tranh đấu chống kẻ thù chung của dân tộc là Đảng Cộng Sản VN, phải kiên quyết chống Cộng và thực hiện mục tiêu giải thể chế độ CS tại quê nhà vì đây là cách thức duy nhất giải phóng người dân thoát cảnh sống nhọc nhằn như hiện nay. Một sự kiện quan trọng vừa xảy ra trong cộng đồng người Việt tại Houston. Sau phiên họp ngày 10 tháng 1, 2011 để bàn việc tổ chức Họp Mặt Tân Niên Võ Bị, Hội Võ Bị Houston Texas đã khẳng định lập trường “dứt khoát chống Cộng Sản đến cùng” trong việc đối phó với những biểu hiện tiêu cực, có lợi cho CS của một số cá nhân trong các tổ chức cộng đồng tại địa phương. Đây là một tấm gương sáng cho tất cả chúng ta noi theo. Đây cũng là một nhận định đúng đắn sẽ giúp chúng ta thành công trong việc bảo vệ cộng đồng chống sự xâm nhập của CS và hỗ trợ hiệu quả cho các phong trào tranh đấu dân chủ hóa Việt nam trong nước. Các phong trào này đang hướng về khối người Việt hải ngoại, mong được sự hỗ trợ mọi mặt quan trọng nhất là sự hỗ trợ về tinh thần để giữ vững niềm tin và tiếp tục cuộc tranh đấu của họ. Việc chúng ta ô ạt bỏ nước ra đi sau năm 1975, hy sinh cả mạng sống để tìm tự do đã khiến họ thức tỉnh. Việc chúng ta vẫn kiên trì tiếp tục tranh đấu chống CS độc tài tại hải ngoại khiến họ vững niềm tin và

can đảm chịu đựng. Chúng ta hãy tình nguyện làm chỗ dựa vững chắc cho họ, là một ngọn đuốc sáng soi đường cho họ trên chặng đường dài tranh đấu vì tự do, đừng làm họ nản lòng vì các phát biểu nông cạn, thiếu suy nghĩ của mình. Các phát biểu của tác giả Mai Văn Tấn chỉ là những phát biểu cá nhân. Đồng ý hay không đồng ý với tác giả là tùy sự suy nghĩ và nhận định của mỗi độc giả. Tuy nhiên tại thời điểm hiện nay, việc phổ biến những ý kiến nói trên trong Tập San Đa Hiệu, cơ quan ngôn luận của Tổng Hội Võ Bị là một điều không thích hợp.



Lời hay ý đẹp

Chấm dứt chiến tranh VN không đơn thuần là chỉ rút quân về nhà là xong. Vì lẽ cái giá phải trả cho loại hòa bình đó là ngàn năm tăm tối cho thế hệ sinh ra tại VN về sau.

Ronald Reagan, Tổng Thống Hoa Kỳ

Nhìn Lại Mình 62 Năm Về Trước

■ *Nguyễn-Huy Hùng (K1)*

Tôi mãn khóa Peleton I Vệ Binh, được thăng cấp Hạ Sĩ Nhất vì đậu thủ khoa, trở về đại đội đang đóng quân tại thị xã Quảng Yên làm việc được khoảng một tháng sau thì Thiếu Úy Boulanger, Đại Đội Trưởng, được thăng cấp trung úy, và nhận được lệnh ra Hongay thành lập Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn Tự Trị Vệ Binh Biên Phòng Miền Đông Bắc Kỳ (Groupe Autonome de la Garde Frontalière de l'Est Tonkinois) để chỉ huy một số đại đội vệ binh đang trấn giữ các vị trí an ninh vòng bên Vịnh Hạ Long là Hongay, Cẩm Phả, Bãi Cháy, và Quảng Yên. Tôi là một trong những người được ông đem theo để thành lập Bộ Tham Mưu Liên Đoàn, đóng trong một biệt thự to rộng ba tầng lầu nguyên thuộc sở quan thuế Pháp ngày xưa trên một đỉnh núi tại thị xã Hongay nhìn ra Vịnh Hạ Long.

Làm việc tại bộ tham mưu mới này, tôi thường xuyên

phải đi theo làm thông dịch viên cho liên đoàn trưởng trong những dịp thanh tra các đại đội bằng thuyền buồm có động cơ, ngoài công việc hàng ngày là thư ký đánh máy (nhưng có nhiều văn thư thuộc loại Mật và Tối Mật được giao cho các trung sĩ người Pháp đánh máy chứ không phải tôi), nhật tu các hồ sơ quân số các đại đội, và phụ trách việc tổng kết tình hình quân sự hàng đêm do các đại đội gửi về trình lên liên đoàn trưởng y như hạ sĩ quan thường vụ của liên đoàn vậy. Ngoài ra, Trung Úy Boulanger còn đưa cho tôi những cuốn cẩm nang huấn luyện chỉ dẫn các trách vụ của hạ sĩ quan thuộc Vệ Binh Pháp để tìm học. Nhờ vậy, tôi mới thấy rằng quân đội cũng là một ngành nghề chuyên nghiệp quan trọng trong xã hội làm tôi thích thú, khác hẳn với mục đích ban đầu của tôi là nhập ngũ để có cơ hội thoát khỏi thị xã Lạng Sơn miền thượng du, xuống Hà Nội phục vụ cho hết hạn kỳ tình nguyện 2 năm thì giải ngũ để trở về đời sống dân sự, tiếp tục học các ngành nghề khác có lợi ích hơn cho xã hội và cuộc sống sau này của bản thân.

Tại Hongay, các văn phòng làm việc của Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn và nơi cư ngụ của liên đoàn trưởng và các nhân viên thuộc ban tham mưu và lính phòng vệ BCH Liên Đoàn, cũng đều ở trong cùng một biệt thự, thành ra tất cả cấp chỉ huy và nhân viên thuộc quyền đều thấy mặt nhau thường xuyên suốt ngày đêm.

Hai tháng trôi qua, từ Hà Nội, một ông Đại Úy Vệ Binh Pháp tên Fauvel mới ở Pháp sang, đến nhận trách nhiệm làm Liên Đoàn Trưởng thay thế Trung Úy Boulanger trở về làm Đại Đội Trưởng Đại Đội 4 tại thị xã Quảng Yên như cũ. Tôi cảm thấy rất buồn vì phải ở lại không được đi theo Trung Úy Boulanger, một vị chỉ huy trẻ trung vui tính lúc nào cũng tỏ ra rất nhân hậu phóng khoáng dân chủ, nên toàn thể nhân viên người Pháp cũng như Việt rất quý mến.

Chắc là đã được Trung Úy Boulanger giới thiệu sao đó, nên Đại Úy Fauvel cư xử với tôi cũng rất lịch thiệp y như cư xử với các hạ sĩ quan người Pháp vậy. Ông này tuổi cỡ xấp xỉ 40, già hơn Trung Úy Boulanger cả chục tuổi, tính

tình rất điềm đạm, tốt bụng và rất cởi mở bình dân, coi tôi như con. Những lúc rảnh sau bữa cơm tối, ông thường hỏi chuyện tôi về đạo Cao Đài, vì ông đang nghiên cứu về đạo này. Tôi thú nhận là có nghe nói tại tỉnh Tây Ninh gần thành phố Sài Gòn, là nơi có Thánh Thất lớn của đạo Cao Đài, và hình như đạo này thờ cả Chúa Cứu Thế, Phật Thích Ca Mâu Ni, cùng nhiều vị thánh hiền, danh nhân khác như Victor Hugo, Trần Hưng Đạo, Khổng Phu Tử... và đặc biệt dùng hình ảnh tượng trưng cho đạo bằng hình MỘT CON MẮT nằm trong hình tam giác cân, chứ không phải là hình CHỮ VẠN của Đạo Phật, hay THẬP TỰ GIÁ của Thiên Chúa Giáo, và tôi cũng không biết rõ về nguồn gốc và tôn chỉ của đạo này ra sao. Đại Úy Fauvel đã đưa cho tôi mượn cuốn Le Caodaisme để tham khảo tìm hiểu.

Tôi làm việc dưới quyền Đại Úy Fauvel chưa được trọn tháng, thì một buổi tối sau bữa cơm, ông gọi tôi vào văn phòng đưa cho một tờ sự vụ lệnh (Ordre de mission) mà ông đã ký và do ai đánh máy chứ không phải tôi, để sáng sớm mai lên đường có xe đưa đi Hà Nội. Tôi ngạc nhiên hỏi để làm gì, thì ông ấy cười nói là: “Đại Tá Tư Lệnh Lực Lượng Vệ Binh Bắc Kỳ, gửi điện văn ra lệnh phải cho anh trình diện Bộ Tư Lệnh tại trại Ngọc Hà ở Hà Nội gấp, để đưa anh đi Huế nhập học khoá đào tạo sĩ quan Việt Nam, theo quyết định của Bộ Quốc Phòng chính phủ Quốc Gia Việt Nam.”

Tôi sửng sốt và lo lắng nói: “*Úi chà! học làm sĩ quan à, liệu tôi đủ khả năng theo học không, đại úy?*” Ông ta cười thân mật vỗ vai tôi nói: “Tôi mừng cho anh, tương lai của anh sáng sủa lắm, chịu khó cố gắng. Tôi tin rằng anh sẽ đạt được kết quả tốt.”

Sáng hôm sau, xe đưa tôi và một số nhân viên đi công tác tại Hà Nội rời Hongay, qua phà Bãi Cháy (Tôi nhớ hình như Pháp gọi là Watchay) để đi theo Quốc Lộ 10 về qua Quảng Yên, Núi Đèo sang Hải Phòng đi Hà Nội. Nhưng khi xe tới thị xã Quảng Yên thì trời đã xế chiều, nên phải ghé BCH Đại Đội 4, nay đã di chuyển vào làng Yên Trì,

để nghỉ qua đêm. Tôi cảm thấy rất thích thú có được dịp gặp lại Trung Úy Boulanger trước khi lên đường. Thầy trò cũ gặp nhau, tay bắt mặt mừng, và khi được tôi trình bày lý do sự ra đi của tôi, thì thấy Trung Úy Boulanger không tỏ vẻ ngạc nhiên gì cả. Ông chậm rãi chúc tôi đi đường bình an may mắn và kết luận: “Tôi đã biết trước về sự việc này sẽ xảy đến với anh, nhưng không ngờ lại nhanh như vậy. Khi nào tới nơi, nhớ biên thư về đây, tôi sẽ gửi tiếp những tài liệu cần thiết khác giúp anh học thêm ngoài những gì nhà trường sẽ chỉ dạy.” Lúc đó tôi mới hiểu ra rằng chính Trung Úy Boulanger là ân nhân đã đề nghị cho tôi theo học khóa đào tạo sĩ quan này từ khi ông đang còn làm liên đoàn trưởng, và do đó ông đã tạo môi trường khích lệ tôi phải tìm học những điều cần am hiểu kỹ càng về quân đội trước khi đi học khoá sĩ quan, mà tôi không hề biết.

Sáng hôm sau, chúng tôi rời Quảng Yên tiếp tục cuộc hành trình, mãi đến chiều tối xe mới tới hậu cứ của BCH Liên Đoàn Vệ Binh Biên Phòng Miền Đông Bắc Kỳ, đóng trong khu gia binh gần vận động trường Ngọc Hà. Hôm đó là ngày thứ Tư trong tuần, đến sáng thứ Bảy mới là ngày phải trình diện Bộ Tư Lệnh Vệ Binh Bắc Kỳ để làm thủ tục. Lợi dụng cơ hội được hai ngày nghỉ xả hơi, tôi đi thăm khu Văn Miếu, Đền Quan Thánh bên cạnh Hồ Tây, Đền Ngọc Sơn giữa Hồ Hoàn Kiếm, và Chùa Một Cột, để cầu xin quý vị linh thần tiên nhân của dòng giống Tiên Rồng phù hộ cho tôi gặp nhiều may mắn trong tương lai sự nghiệp của mình.

Sáng thứ Bảy, xe hậu cứ đưa tôi (mang theo quân trang mới) đến trình diện tại Trại Ngọc Hà, nơi hồi đầu năm tôi theo học Khoá Peleton-1. Đến nơi, thấy khoảng hơn chục anh em cũng trạc tuổi hoặc hơn tôi vài bốn tuổi, đã có mặt ở đó từ trước. Chỉ có 5 người quen là Trung Sĩ (TS) Nguyễn Khắc Thăng, TS Đàm Quang Yên, TS Nguyễn Bá Liêm và TS Lê Văn Nhật. Hồi tôi là Binh Nhất học Peleton-1 để ra Hạ Sĩ, thì các anh ấy đã là Hạ Sĩ vừa tốt nghiệp Peleton-1 được lưu giữ ở lại học tiếp Peleton-2 để ra Trung Sĩ. Còn những người kia, biết được tên là nhờ xem tờ Sự Vụ Lệnh

do anh Thăng làm trưởng toán cầm giữ, đó là Binh Nhì (B2) Bùi Đình Đạm, B2 Nguyễn Văn Thản, Hạ Sĩ (HS) Đàm Quang Quảng, HS Đàm Quang Đột, HS Phạm Văn Khải, HS Đỗ Văn Tâm, HS Phan Huy Chương, HS Phạm Ngân, và Nguyễn Văn Thành mang cấp bậc Hạ Sĩ Nhất như tôi, nhưng lớn hơn chúng tôi cả chục tuổi lặn (sau này đang học mới được hơn tháng thì anh ấy rời trường không học tiếp, không biết vì lý do gì). Như vậy, tổng cộng nhóm chúng tôi gồm cả thảy 14 người, chia ra: 4 trung sĩ, 2 hạ sĩ nhất, 6 hạ sĩ, và 2 binh nhì.

Đến khoảng 9 giờ, tất cả chúng tôi được một thượng sĩ Pháp đến mời lên xe để di chuyển qua cầu Long Biên sang phi trường Gia Lâm. Chúng tôi biết ngay là đi bằng máy bay hàng không dân sự, vì nếu đi máy bay quân sự thì phải tới phi trường Bạch Mai ngay gần Ngã Tư Vọng. Vào tới phi trường Gia Lâm, mọi người được hướng dẫn vào làm thủ tục ghi danh, cân hành lý đi máy bay của hãng SITA, loại máy bay hai động cơ, cửa cho hành khách lên xuống được mở ra ở phía đầu phi cơ, ngay phía bên dưới phòng lái của phi hành đoàn. Đi chung phi cơ với chúng tôi là khoảng 20 hành khách dân sự.

Làm xong thủ tục, chúng tôi được dẫn vào phòng đợi giờ lên phi cơ, thì Đại Tá Tư lệnh Vệ Binh Bắc Kỳ và Đại úy Fauvel, Liên Đoàn Trưởng Vệ Binh Biên Phòng Miền Đông Bắc Kỳ bước vào thăm hỏi bắt tay chúng tôi. Họ chúc chúng tôi đi đường bình an, giữ gìn sức khoẻ cho tốt, và nhất là chăm chỉ học hành đạt kết quả tốt, để sau này về chỉ huy các đơn vị vệ binh.

Sau khoảng hơn một giờ bay cao tít trên các tầng mây, máy bay bắt đầu hạ cao độ lượn vòng đáp xuống phi trường Phú Bài gần Huế. Đây là một phi trường dùng chung cho cả máy bay quân sự và dân sự, nằm dài trên dải đất giữa biển Đông và dãy Trường Sơn trùng điệp cao vút rậm rạp cây rừng. Trung Úy An thuộc Bộ Chỉ Huy Lực Lượng Việt Binh Đoàn (do Đại Úy Nguyễn Ngọc Lễ chỉ huy, về sau các đơn vị Việt Binh Đoàn được cải biến thành các Tiểu

Đoàn Bộ Binh Quân Đội Quốc Gia Việt Nam, đến thời Đệ Nhất Cộng Hoà, ông Lê đã được Tổng Thống Ngô Đình Diệm cất nhắc thăng cho lên đến cấp trung tướng) đợi đón chúng tôi và hướng dẫn về trường. Trung Úy An là sĩ quan phụ trách về hành chánh và tiếp vận của Lực Lượng Việt Binh Đoàn.

Xe chở chúng tôi rời phi trường chạy trên quốc lộ song hành với đường xe lửa xuyên Việt, được khoảng mấy chục cây số thì qua gần bên chân núi Ngự Bình (nơi có Trường Huấn Luyện Hạ Sĩ Quan cho Lực Lượng Việt Binh Đoàn, có ga xe lửa An Cựu, có doanh trại của đơn vị Thiết Giáp Pháp), qua chợ An Cựu, qua thêm một quãng đồng trống thì bắt đầu vào khu Pháp (quartier francais) bên tả ngạn sông Hương của thị xã Huế. Xe đến đầu cầu Tràng Tiền rẽ phải theo con đường Lê Lợi đi về phía Đập Đá trên đường đi Phú Vang chớ không qua cầu, được chừng mấy trăm thước thì đến trường.

Trường là một khu biệt thự rộng, bề ngang 400 mét và sâu khoảng 200 mét, nằm bên phía trái đường sát bên bờ sông Hương, đối diện với chợ Đông Ba phía bên kia sông. Suốt mặt tiền trường sát ngay bên lề phố là một dãy tường gạch cao 2 mét, ở khoảng giữa có một cổng rộng chừng 8 mét, phía trên gắn bảng hiệu hình vòng cung sơn màu xanh lá cây, trên kẻ chữ màu vàng “ECOLE DES OFFICIERS VIETNAMIENS”. Hông bên trái trường hướng Tây sát với các nhà dân, được ngăn bằng một hàng rào kẽm gai cao 2 mét đan ô vuông dày 20 phân, từ lề đường phố thẳng tuốt xuống tận bờ sông Hương, và có một cổng phụ cho xe hơi tiếp vận ra vào trường. Hông bên phải hướng Đông có một dãy tường đá dày 40 phân, cao hơn 1 mét để ngăn cách với khu biệt thự kế bên cũng rất rộng đang bỏ trống không người ở.

Sau này vào năm 1951, khi đào tạo xong 2 khoá đầu tiên: Khoá 1 (Bảo Đại, đến thời Đệ Nhất Cộng Hoà đổi tên là Phan Bội Châu) và Khoá 2 (Quang Trung) thì Trường di chuyển vào Đà Lạt bên cạnh hồ Saint Benois, cải danh

thành Trường Võ Vị Liên Quân Đà Lạt (EMIAD=École Militaire Inter Armes DaLat). Đến thời Đệ Nhất Cộng Hoà Tổng Thống Ngô Đình Diệm cho xây cất cơ sở trường mới gần Hồ Than Thở và cải danh thành Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Tính từ cuối năm 1948 cho đến 30/4/1975, trường đã đào tạo cả thảy được 31 khoá cung cấp nhiều ngàn Thiếu Úy hiện dịch cho quân đội.

Sau khi Trường Sĩ Quan Việt Nam bên bờ sông Hương dời về Đà Lạt, cơ sở cũ này được phá đi cùng với biệt thự bên cạnh để xây cất Trường Võ Bị Địa Phương (École Militaire Régionale) thuộc Quân Khu 2, làm nơi đào tạo các Chuẩn Úy (Aspirant) đáp ứng cho nhu cầu bành trướng của quân đội. Mấy năm sau, Trường Võ Bị Địa Phương giải tán, cơ sở này được giao cho Quân Vụ Thị Trấn Huế quản trị dùng làm câu lạc bộ và nhà vãng lai cho sĩ quan độc thân. Sau trận Việt Cộng tấn công chiếm Huế vào dịp Tết Mậu Thân 1968, tôi được Tổng Tham Mưu Trưởng Bộ Tổng Tham Mưu chỉ thị dẫn đoàn Tổng Thanh Tra Quân Đội Hỗn Hợp Việt-Mỹ ra quan sát duyệt xét tình trạng Quân Y Viện nằm trong thành Mang Cá kế bên Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 1 Bộ Binh (lúc đó do Đại Tá Ngô Quang Trưởng làm tư lệnh), nên đã có dịp cư trú trong câu lạc bộ sĩ quan này bên cạnh bờ sông Hương.

Bước qua ngưỡng cổng chính của trường vào trong, ngay bên phía trái là một sân tập hợp thật rộng, có dựng một cột cao treo cờ Quốc Gia Việt Nam (nền vàng 3 sọc đỏ). Tiếp đến là một ngôi nhà ngói khoảng 400 mét vuông, dùng làm trụ sở của ban giám đốc trường gồm văn phòng Trung Tá Chaix, Chỉ Huy Trưởng, văn phòng Đại Úy Joly, Giám Đốc Huấn Luyện, các văn phòng của các sĩ quan huấn luyện viên kiêm trung đội trưởng khoá sinh, và các hạ sĩ quan phụ tá (moniteur).

Phía bên phải, sau cổng vào là trạm kiểm soát gồm văn phòng sĩ quan trực nhật, phòng y tế, và nơi ngủ của các lính canh phòng doanh trại. Kế đến là một dãy nhà dài khoảng 50 mét, rộng 8 mét, dùng làm phòng ăn tập thể cho khoá

sinh, đồng thời cũng dùng làm giảng đường lớn khi phải tập trung toàn khoá. Ngay sau lưng trạm kiểm soát và nhà ăn tập thể, có 3 dãy nhà khác nhỏ và ngắn hơn, dùng làm phòng học và sinh hoạt riêng cho từng trung đội khoá sinh. Tất cả các dãy nhà đều lợp mái bằng gốc rạ rất dày, tường chung quanh là liếp nửa đan. Mỗi nhà chỉ có 2 cửa ra vào tại 2 đầu nhà, dọc hai bên nhà là 2 dãy cửa sổ rộng có cánh liếp nâng lên hạ xuống được để thông thoáng gió và cho ánh sáng lọt vào nhà những khi không bật đèn.

Bên trong nhà ăn, ngoài lối đi rộng hơn 1 mét ở chính giữa, suốt chiều dài của nhà có kê 2 dãy bàn dài bề ngang 1 mét với những dãy ghế dài không lưng tựa dọc hai bên để làm bàn ăn, và bàn viết khi cả khoá tập trung nghe các giảng viên ngoài đến thuyết trình. Đến giờ ăn, các trung đội tập hợp ngoài sân rồi lần lượt theo nhau vào kiểm chỗ ngồi ăn 4 người một mâm. CƠM và thức ăn đã được nhân viên nhà bếp (do nhà thầu tư nhân đảm trách) bày sẵn từng mâm có lồng bàn đập cản ruồi trên các bàn. Thức ăn hàng bữa gồm 3 món (xào, mặn, và canh), nấu theo khẩu vị người Trung, và thường là hơi ít không đủ no. Bữa điểm tâm nào cũng là xôi đậu (ăn xường xượng như có lẫn gạo tẻ) chấm muối mè có bỏ thêm chút đường cát trắng. Đa số anh em thường phải ăn quà thêm, bún bò, cháo huyết, bánh mì cặp thịt, mua của các gia đình tư nhân ở sát hàng rào bên hông trường, hoặc bánh xèo “Mụ Béo” ngay bên kia đường trước cổng trường, bán cho ăn chịu ghi sổ cuối tháng lãnh lương mới trả.

Bên trong nhà học riêng của từng trung đội khoá sinh được trang trí y như trong một lớp dành cho các học trò trung học vậy. Suốt bề dài căn nhà, kê 2 dãy bàn học trò, loại bàn liền ghế cho 2 người ngồi chung. Nơi đầu phòng có một bảng đen lớn và một bàn viết và ghế dành riêng cho huấn luyện viên đến sinh hoạt với khoá sinh.

Phía trong cùng của khu đất, song song dọc bờ sông Hương, có 2 dãy nhà dài nối tiếp nhau dùng làm nhà ngủ cho khoá sinh. Nhà xây tường gạch, mái lợp ngói, bề cao

từ nền đến nóc khoảng 5 mét, không có lớp trần che cản sức nóng từ nóc nhà phải xuống, nên mùa hè rất nóng và ngược lại mùa đông rất lạnh. Dãy phía bên trái được ngăn đôi, một nửa dùng làm kho và phòng ngủ của Thượng Sĩ Nhất Lục Sĩ Mẫn, hạ sĩ quan phụ trách Thường Vụ (service général) của trường, còn nửa kia dành làm phòng ngủ chung cho khoá sinh thuộc Trung Đội 1 (người từ miền Nam ra). Dãy bên phải, nửa bên trái dành cho khoá sinh thuộc Trung Đội 2 (người miền Trung), và nửa bên phải dành cho khoá sinh thuộc Trung Đội 3 là chúng tôi từ miền Bắc vào.

Đọc theo chiều dài nhà ngủ, kê 2 dãy giường cá nhân bằng gỗ, có cọc khung gỗ để giăng mùng chống muỗi riêng cho mỗi giường. Giường được kê từng cặp sát nhau, một đầu sát tường. Giữa mỗi cặp giường để chừa một khoảng cách 1 mét để hai người ngồi đối diện không đụng đầu gối chân của nhau. Mỗi giường có một chiếu bằng cói, và một nệm nằm nhồi cỏ khô và bông gòn, có thể gập đôi lại được. Ban ngày, mùng phải tháo ra khỏi khung gập lại xếp ngăn nắp cùng với gối và mền, để phía đầu giường sát tường, rồi gập đôi nệm đè lên sao cho thật vuông vắn đẹp mắt. Vali và túi đựng quần áo và tư trang riêng phải để gọn gàng dưới gầm giường phía sát tường. Quần áo cá nhân cần giặt ủi, phải tập trung đưa nhà thầu nhận giao hàng ngày, hoặc tự mang ra các tiệm giặt ủi tư nhân ngay hai bên đường phố cạnh trường.

Tại một góc tường bên gần cửa ra vào nơi đầu nhà, có một giá gỗ để gác súng của trung đội khoá sinh. Mỗi khoá sinh được cấp một khẩu súng trường Garand riêng, để gìn giữ lau chùi và sử dụng trong việc tập luyện thao tác cơ bản, duyệt binh, tác chiến, và tập bắn. Loại súng này hơi dài và nặng đối với những người có hình vóc nhỏ thó, nhưng bắn lại đầm không giật hậu mạnh như các loại Mousqueton và Mas 36, nên trong các kỳ thi bắn để đạt được điểm trúng bia rất cao.

Từ đầu nhà ngủ của chúng tôi ra đến bờ sông Hương có một con đường đất rộng khoảng 5 mét. Cuối đường là một

sàn gỗ dài rộng khoảng 25 mét vuông, cao hơn mặt nước sông chừng 30 phân, dùng làm cầu bến tắm giặt cho khoá sinh. Bên phải con đường xuống cầu bến tắm là nhà bếp. Đặc biệt nước sông Hương trong vắt có thể nhìn suốt tận đáy, ban đêm nhiều thuyền nhỏ đốt đuốc soi sáng nơi đầu thuyền, bơi dọc ven sông để người ngồi trên dùng cây chĩa đôi bằng sắt đâm xuống nước để bắt cá.

Chúng tôi đến trường đúng vào trưa ngày thứ Bảy nghỉ, tất cả khoá sinh nhập trường trước chúng tôi đều đi dạo phố hoặc về thăm gia đình, nên trường vắng tanh. Tuy nhiên nhà thầy đã được thông báo trước, nên đã chuẩn bị sẵn sàng cơm bữa cho chúng tôi dùng không phải ra phố.

Vừa ổn định chỗ nằm xong, anh Tôn Thất Tường (khoá sinh người miền Trung) đang thi hành trách vụ Sĩ Quan Trực Nhật ghé vào thăm làm quen với chúng tôi. Anh Tường tự giới thiệu mình là người thuộc hoàng tộc, nên có nhà ở ngay bên cạnh Viện Bảo Tàng của triều đình nhà Nguyễn trong Thành Nội. Anh rủ chúng tôi muốn đi xem, sáng sớm hôm sau là Chủ Nhật, anh ấy sẽ đến đón và dẫn đi coi. Các anh Liêm, Yêu, Nhật, Thảo, Đột, Tâm và tôi nhận lời nhờ anh Tường hướng dẫn.

Sáng hôm sau, anh Tường đến dẫn chúng tôi ra khỏi trường, qua cầu Tràng Tiền, đổ xuống khoảng giữa đường Trần Hưng Đạo, rẽ trái đến Cửa Thượng Tứ để vào Thành Nội. Trước nhất, anh Tường dẫn chúng tôi vào giới thiệu với bà xã, sau đó đi thăm Viện Bảo Tàng (nơi lưu giữ chiếc ngai vàng để vua ngồi, áo cẩm bào, vương miện, và nhiều đồ quý khác bằng ngọc thạch hoặc vàng). Tiếp đó là Lầu Kiến Chung gần cửa Hoà Bình (nơi vua ngồi ký các chiếu chỉ, sắc lệnh), rồi đến Điện Thái Hoà (nơi họp Đại Triều), sân trưng bày Cửu Đỉnh (chín chiếc lư hương thật to cao hơn đầu người đúc bằng đồng), các khẩu thần công, Kỳ Đài, Ngọ Môn Quan (chỉ mở để đón tiếp Sứ Thần các nước tới yết kiến Vua), Hồ Tĩnh Tâm gần thành Măng Cá.

Thăm Thành Nội xong, chúng tôi trở ra phía Cửa Thượng Tứ, rẽ phải đi dọc theo con đường Nguyễn Hoàng, đến

khoảng trước Ngọ Môn Quan băng qua đường để xem Phú Văn Lâu sát bên bờ sông Hương và Bến Trương Bạc. Tít xa, tận cùng đường Nguyễn Hoàng là cầu Bạch Hổ bằng sắt bắc ngang sông Hương, và Tháp Chùa Thiên Mụ.

Quay trở lại đầu cầu Tràng Tiền đi hết con đường Trần Hưng Đạo là chợ Đông Ba, và cầu Gia Hội (bên kia cầu có một nhà hàng cơm Tàu rất được khách sành ăn hâm mộ). Phía sau và bên hông chợ Đông Ba là bờ sông dày đặc thuyền làm nhà ở, nhiều chiếc trong số này cho thuê để khách làng chơi ngày đêm xuống ăn nhậu mua vui nghe các ca nhạc sĩ cổ nhạc hò Huế... Nhìn qua bên kia bờ sông, thấy 2 dãy nhà ngủ của khoá sinh chúng tôi và nhà bếp nằm dài tiếp nối nhau suốt bề ngang khu đất trường, và chiếc Cầu Bến Tắm. Nhìn xuôi sang phía trái thêm khoảng nữa là Đập Đá, và ngoài xa xa thấy Cồn Hến nổi lên bập bềnh cản dòng chảy của sông Hương.

Sáng thứ Hai, tất cả mọi người tập họp ngồi chật Nhà Ăn để làm thủ tục khai giảng khoá học. Lúc đó được coi là giây phút đầu tiên anh em toàn khoá thấy mặt nhau đầy đủ. Anh em Trung Đội 3 chúng tôi có số ít nhất (chỉ có 14 người so với 2 trung đội kia là 21 hoặc 22), số tuổi trung bình cũng trẻ nhất, và cấp bậc cũng nhỏ hơn các anh trong các Trung đội 1 và 2 toàn là Trung Sĩ I, Thượng Sĩ và Thượng Sĩ I thâm niên. Có điều đặc biệt đáng chú ý là, quân phục của anh em không đồng nhất vì được tập trung từ nhiều loại đơn vị có nguồn gốc khác nhau trên toàn quốc.

Trước khi buổi lễ chính thức bắt đầu, Đại Úy Joly, Giám Đốc Huấn Luyện, giới thiệu các sĩ quan huấn luyện viên kiêm trung đội trưởng khoá sinh, và các hạ sĩ quan phụ tá (moniteur) của từng trung đội. Trung Úy Scuanec và HSQ moniteur (không nhớ tên) phụ trách Trung Đội 1 gồm toàn người từ miền Nam ra. Trung Úy Peledieu và Adjudant Chef DO phụ trách Trung Đội 2 gồm anh em thuộc miền Trung. Và người phụ trách Trung Đội 3 chúng tôi là Trung Úy Besson và Sergent Kervenic (cả Trung Úy Besson và Trung sĩ Kervenic đều còn rất trẻ, tính tình rất hiền lành

và tốt bạn, không như Thượng Sĩ Nhất DO lúc nào cũng tỏ ra quan trọng và nghiêm khắc).

Buổi lễ khai mạc khoá rất đơn giản, không có khách bên ngoài tham dự. Chỉ có một mình Trung Tá Chaix Chỉ Huy Trưởng vào ra mắt chào mừng chúng tôi, và nhấn nhủ mấy điểm chính yếu sau:

1.- Vì phần lớn đã là hạ sĩ quan thâm niên có nhiều kinh nghiệm trong các hoạt động quân đội, nên một phần chương trình của khoá học được cắt bỏ bớt, do đó thời gian khoá học sẽ ngắn hơn dự liệu khoảng 6 tháng.

2.- Kể từ ngày nhập trường, ai chưa là hạ sĩ quan sẽ được thăng cấp trung sĩ và lãnh lương hàng tháng theo cấp bậc này, những người khác có cấp bậc cao hơn tiếp tục lãnh lương theo cấp bậc hiện tại của mình.

3.- Mọi người phải cố gắng học hành để đạt kết quả tốt, nhằm cung ứng nhu cầu sĩ quan cho các đơn vị thuộc Quân Đội Quốc Gia Việt Nam sẽ bắt đầu thành lập vào năm 1949. Các sĩ quan huấn luyện viên toàn là những người tốt nghiệp từ Trường Võ Bị Saint Cyr của Lục Quân Pháp, sẽ giúp đỡ hướng dẫn các bạn học hành được dễ dàng, nếu có điều gì cảm thấy chưa thông hiểu rõ ràng cần kể thì đừng ngại ngần tham vấn quý vị ấy giúp đỡ bổ túc cho.

4.- Nhà trường sẽ cung cấp ngay cho mọi người có đồng phục mới, để cho được đồng nhất, và cũng kể từ hôm nay không ai mang cấp bậc cũ của mình nữa. Mọi người sẽ mang trên cầu vai áo huy hiệu Sinh Viên Sĩ Quan (ký hiệu Alpha bằng đồng mầu vàng gắn trên coulissant dạ (nỉ) mầu đen), đội calot nỉ đen, trên đỉnh mầu vàng và 2 bên cạnh viền chỉ kim tuyến. Như vậy mọi người sẽ nhận biết rõ ràng các bạn đang là sinh viên của trường đào tạo sĩ quan Việt Nam, do đó các bạn phải giữ gìn phong thái tư cách cho thật đàng hoàng, đừng làm gì tổn hại đến thanh danh cá nhân và nhà trường.

Đồng phục làm việc thường của chúng tôi là đồ short vải kaki vàng. Quần ống ngắn tới đầu gối, áo sơmi ngắn tay cổ bẻ, giày da thấp cổ mầu nâu xậm, và tất (vớ) len dài tới

dưới đầu gối cùng màu với quần áo. Đồng phục dạo phố cũng bằng kaki, quần dài, áo sơmi dài tay với 2 túi ngực có nắp, cổ thắt cà vạt nỉ mỏng màu ô-liu. Vào mùa Đông dùng quần áo dạ màu ô-liu xậm (áo blouson). Mũ calô nỉ đen, đỉnh vàng, 2 bên viền kim tuyến, được dùng chung cho tất cả các loại đồng phục. Quần áo lãnh về có người mặc không vừa phải thuê sửa lại. Những bạn dư giả tiền thích mặc quần áo đẹp, thì đến các tiệm may ngoài phố đặt cắt may bằng những hàng vải kaki đẹp đắt tiền để chứng diện lúc ra đường cho được vừa ý.

Có điều làm chúng tôi rất hãnh diện là, từ ngày chúng tôi mặc đồng phục mang cầu vai Alpha ra đường, mọi hạ sĩ quan và binh sĩ gặp chúng tôi, họ đều chào kính chúng tôi đúng theo cung cách chào kính sĩ quan vậy.

Một tuần lễ sau ngày khai giảng khoá học, có thêm 6 khoá sinh đến trình diện. Ban giám đốc bổ sung vào Trung Đội 3 chúng tôi. Các bạn ấy là Nguyễn Hữu Có, Cao Hoàng Phiên (người miền Nam), Tôn Thất Đính, Lê Huy Luyện (người miền Trung), và Trần Thượng Phương, Khoái (Tôi không nhớ Họ, người miền Bắc). Anh Phương nguyên là Thượng Sĩ thời Pháp thuộc, tuổi đời cao hơn chúng tôi khoảng hai chục, là thân phụ của Trần Đình Thọ sau này cũng theo học Trường Võ Bị Đà Lạt, và trước 30/4/1975 Trần Đình Thọ đã được thăng lên đến Chuẩn Tướng làm Trưởng Phòng 3 Bộ Tổng Tham Mưu.

Thế là tổng số khoá sinh tăng lên 64 người. Nhưng ngày mãn khoá chỉ có 63 người, vì anh Thành già thuộc trung đội chúng tôi bỏ học nửa chừng.

Các môn học về tổ chức quân đội, lịch sử quân đội, lãnh đạo chỉ huy, kỹ thuật tác chiến, lệnh hành quân, chức năng tổng quát quân vụ, xử dụng Liên binh, thể dục quân sự (EPM=Éducation Phisique Militaire), các trận đại chiến thế giới... đều do các huấn luyện viên cơ hữu của trường đảm trách giảng dạy. Còn các môn chuyên nghiệp khác như trách vụ các phòng tham mưu, hành chánh tài chánh, Quân Nhu, Quân Cụ, Truyền Tin, Pháo Binh, Công Binh,

Thông Vận b Binh, Thiết Giáp, Quân Cảnh, Quân Bưu, Hải Quân, Không Quân... đều do các sĩ quan chỉ huy thuộc các ngành liên hệ được ban giám đốc trường mời đến thuyết giảng và khảo hạch.

Chương trình học của chúng tôi gồm toàn các môn thuộc lãnh vực quân sự, không có chút nào thuộc lãnh vực bổ túc văn hoá tổng quát.

Thời biểu học hàng ngày thường là buổi sáng học ngoài đồng, buổi chiều trong chu vi nhà trường. Bãi tập thường xuyên hàng ngày là sân vận động Huế và các vùng phụ cận như: Xóm Mới, khu quán Cơm Âm Phủ, Chợ Cống. Thời gian học thực hành tác chiến trong thành phố thì vào Thành Nội, tại vùng quanh sân bay, hồ Tĩnh Tâm và khu thành Măng Cá. Khi học các chương trình hành quân băng đồng, lục soát làng xóm, bảo vệ xa lộ và thiết lộ, thì xuống vùng quanh chân núi Ngự Bình từ ga An Cựu xuống tới phi trường Phú Bài. Bãi tập luyện bắn và thi bắn các loại súng, nằm sát ngay bên trung tâm huấn luyện hạ sĩ quan Việt Binh Đoàn tại chân núi Ngự Bình.

Ngày 21/1/1949 là Tết Nguyên Đán năm Kỷ Sửu, trường đóng cửa 1 tuần lễ, các bạn người miền Trung về nhà xum họp ăn Tết với gia đình, các bạn người Nam và chúng tôi ở lại trường ăn Tết với nhau. Trong thời gian rảnh rỗi này, mỗi người tùy theo túi tiền và sở thích, đi xem chiếu bóng, hát bộ miền Trung, thưởng thức các món ăn tại các nhà hàng cơm Tây, cơm Tàu, cơm miền Trung, thuê thuyền thả trôi giữa dòng Hương Giang ăn nhậu nghe ca hát, hoặc đi các Chùa, nhà thờ cầu nguyện và ngắm người ta ăn diện quần áo mới, chứ không dạo phố vì các tiệm buôn bán và Chợ đều đóng cửa ăn Tết.

Nhân dịp đầu Xuân, Tôi đã cảm hứng mấy vần thơ kỷ niệm sau đây:

XUÂN NHẬP CUỘC

Mưa Xuân bàng bạc phủ dòng Hương,

Gió thoảng êm êm vượt mái trường.

Vạn xác pháo tan hoà tiếng chúc,

*Sáu ba (63) hiến hạp kết tình thương.
Bên nhau thể quyết nung rèn chí,
Tốt nghiệp chung lưng giữ mối giềng.
Học hiệu Liên quân mừng đón Tết,
Tương lai hứa hẹn rạng như gương.*

Vào giai đoạn chốt của khoá học trước khi mãn khoá, chúng tôi được đem đi “thử lửa” (baptem au feu) bằng 2 đợt.

Vào cuối tháng 4/1949, cả khoá tập thiết kế và thực hiện cuộc hành quân cấp đại đội, đánh chiếm “làng cùi” (không người ở) trong vùng núi Bạch Mã, có thiết vận xa trang bị Đại Liên 50, súng cối 81 ly tháp tùng, Pháo Binh 105 tại phi trường Phú Bài, và phi cơ khu trục từ Đà Nẵng ra, bắn đạn thật yểm trợ tại chiến trường theo yêu cầu.

Qua đầu tháng 5/1949, cả khoá lại được đưa đi quan sát mặt trận do Bộ Chỉ Huy Khu Quân Sự Pháp tại Huế khai triển cuộc hành quân đánh chiếm chiến khu Lương Miêu của Việt Cộng. Chúng tôi được chia ra thành nhiều toán, ngồi trên các xe lội nước (amphibie) xuất phát từ cầu Bạch Hổ lội ngược dòng sông Hương lên phía thượng nguồn đến tận khu vực xa hơn làng Gia Long. Đến khu vực hành quân, chúng tôi rời xe lội nước lên bờ thăm bộ chỉ huy hành quân đóng trong các lều vải trên sườn đồi kế cận bờ sông, để nghe thuyết trình về tình hình diễn tiến của mặt trận. Sau đó, băng rừng đi thăm các đơn vị đang giáp chiến, đến chiều tối mới lên tàu chuyển vận trên sông trở về trường.

Để chuẩn bị cho lễ mãn khoá, ban giám đốc trường đưa nhà thầu may quân phục vào đo cắt may cho chúng tôi mỗi người một bộ đại lễ bằng kaki (quần dài, áo bốn túi), một cặp cầu vai nỉ đen trên có gắn ký hiệu Alpha vàng phía đầu vai, cờ Việt Nam ở chính giữa, và nút mạ vàng khắc con rồng nổi ở đầu cầu vai nơi sát cổ áo. Một nhà mát mái lợp dạ, ba bệ vách lửng bằng cốt cao hơn 1 mét, được dựng lên sát tường chiếm hết phần ba sân tập hạp bên cột cờ, để làm khán đài kê ghế dành cho quan khách đến dự lễ.

Giữa tháng 5/1949, lễ mãn khoá được tổ chức dưới sự chủ tọa của ông Phan Văn Giáo, Thủ Hiến trung phần Việt

Nam, đại diện Quốc Trưởng Bảo Đại, với khoảng 100 quan khách Việt Pháp tham dự (trong đó có một số thân nhân của các bạn người miền Trung). Chương trình diễn tiến như sau:

Nghi thức quân cách đón chào chủ tọa,

Lễ thượng Quốc Kỳ Việt Nam (không có cờ Pháp),

Khoá sinh đồng ca bản Quốc Ca Việt Nam (Tiếng gọi Công dân), nhạc tưởng niệm tử sĩ (ban quân nhạc Việt Bình Đoàn hoà tấu), Trung Tá Chaix chỉ huy trưởng trường đọc diễn văn phúc trình tổng lược kết quả diễn tiến chương trình huấn luyện và trình diện khoá sinh. Thủ khoa là anh Nguyễn Hữu Có bước ra đứng trước toàn khoá đang xếp 2 hàng ngang trước khán đài, hô to: “À genous les hommes!” (quỳ xuống các người!) Mọi người cùng quỳ đầu gối phải xuống đất, chắp 2 tay lên đầu gối trái chờ lệnh, và anh Có cũng quỳ xuống tại chỗ.

Trung Tá Chaix đến gần ghế ngồi của chủ tọa (nói gì và chủ tọa nói gì, ở xa không nghe được) sau đó quay ra nói lớn bằng tiếng Pháp, đại ý: “Hoàng Thượng chiếu chỉ đặt tên cho khoá là KHOÁ BẢO ĐẠI”, rồi hướng dẫn chủ tọa ra sân gắn cầu vai Alpha lên 2 bên vai áo cho thủ khoa Có. Trong khi đó thì 2 hàng khoá sinh quay mặt đối diện nhau và người nọ gắn cầu vai Alpha lên vai áo cho người kia.

Thủ tục gắn cầu vai Alpha xong thì chủ tọa trở về đứng trước ghế danh dự của mình, Thủ Khoa Có đọc lời tuyên thệ bằng tiếng Pháp, đại ý: “Chúng tôi xin thề, trung thành với tổ quốc Việt Nam, quyết hy sinh để bảo vệ nền độc lập thống nhất của đất nước và dân tộc Việt Nam trường tồn cường thịnh. Luôn luôn nêu gương bảo vệ danh dự của một cấp chỉ huy”. Toàn thể khoá sinh cùng đưa thẳng tay phải ra trước mặt và đồng thanh đáp lời: “Je le jure!” (Tôi xin thề!) Chủ tọa lên tiếng chấp nhận lời thề và đưa tay ra dấu cho mọi người đứng lên. Thủ Khoa Có đứng lên hô lớn: “Debout les Officiers!” (Đứng lên các sĩ quan!) Mọi người đứng thẳng lên giữa những tràng pháo tay mừng vang dậy ròn rã của toàn thể quan khách.

Tiếp ngay lúc đó Trung Tá Chaix, Chỉ Huy Trưởng, lại

mời chủ tọa ra trao cho Thủ Khoa Có cây kiếm và chiếc cung cùng với bao mang 4 mũi tên, rồi hướng dẫn chủ tọa trở về ghế ngồi.

Thủ Khoa Có đứng nghiêm rút kiếm ra khỏi vỏ làm động tác chào kính xong tra kiếm trở lại vỏ, rồi cầm cây cung lần lượt quay sang bốn hướng bắn 4 mũi tên đi, để biểu tượng cho ý chí “tang bồng hô thi” của người chiến sĩ quyết tâm đi khắp bốn phương trời để thi hành nhiệm vụ của mình.

Buổi lễ mãn khoá được kết thúc bằng 2 nhạc khúc “Chiến Sĩ Anh Hùng” và “Bạch Đằng Giang” do anh em Trung Đội 3 chúng tôi hợp ca 3 giọng với sự đệm đàn của anh Tôn Thất Đính, và 3 hoạt cảnh diễn tả câu chuyện lịch sử “Trận Đống Đa” do quân Quang Trung chiến thắng quân Tàu vào dịp Tết Nguyên Đán tại thành Thăng Long, do anh em các Trung Đội 1 và 2 phối hợp thực hiện.

Thế là trang đầu tiên của cuốn nhật ký đời binh nghiệp đã được mở ra cho toàn thể sinh viên sĩ quan Khoa 1 (Bảo Đại) Trường Sĩ Quan Việt Nam. Nhưng có một điều thắc mắc lớn khiến mọi người phải suy nghĩ, mừng lo lẫn lộn ngay sau khi dự lễ mãn khoá là, ai được chấm đậu lên Thiếu Úy, ai không, ngoại trừ anh Nguyễn Hữu Có Thủ Khoa, vì nhà trường không tuyên bố kết quả xếp hạng ra trường. Mọi người rời trường với ký hiệu Alpha không phải là cấp bậc được quy định trong quân đội lúc bấy giờ, tiếp tục lãnh lương theo cấp bậc cũ của mình, và sự vụ lệnh rời trường trở về đơn vị cũ ghi là Élève Officier X... Phải đợi đến 2 tuần lễ sau hết phép mãn khoá trình diện đơn vị, mới có thể biết mình được thăng cấp Thiếu Úy hay không.

Cá nhân tôi, sáng 1/6/1949 đến trình diện Bộ Tư Lệnh Vệ Binh Bắc Kỳ tại Hà Nội, thì nhận được sự vụ lệnh đến trình diện Tiểu Đoàn 2 Việt Nam mới thành lập, doanh trại đóng tại Thành Lính Khố Xanh (Garde Indigène) của Pháp cũ trên đường Đồng Khánh (sau này chính quyền Việt Cộng đổi là đường Hàng Bài) đối diện với rạp chiếu bóng Majestic. Đến nơi tôi gặp các anh Nguyễn Khắc Thăng, Bùi Đình Đạm, Lê Văn Nhật, Đàm Quang Yêu, và Trần

Thượng Phương cũng được bổ nhiệm về tiểu đoàn này.

Thiếu Tá Vũ Văn Thụ Tiểu Đoàn Trưởng (về sau có thời gian được thăng đến cấp Đại Tá Tham Mưu Trưởng Bộ Tham Mưu Miền Bắc của Quân đội Quốc gia Việt Nam tại Hà Nội, État Major Nord Vietnam) tiếp chúng tôi trong văn phòng với sự hiện diện của các đại đội trưởng: Đại Úy Phạm Văn Cẩm (ĐĐ1), Đại Úy Nguyễn Văn Yển (ĐĐ3), và Trung Úy Phạm Ngọc Thuyên (ĐĐ Chỉ huy). Các vị này đều lớn tuổi, cỡ trên 40, nguyên gốc thuộc các đơn vị trong binh đoàn thuộc địa của Pháp tại Đông Dương từ trước 1945, khi chuyển sang phục vụ trong quân đội quốc gia Việt Nam được đương nhiên thăng lên một cấp bậc cao hơn cũ.

Thiếu Tá Thụ cho người trình trọng đọc sắc lệnh do Quốc Trưởng Bảo Đại ký, thăng cấp Thiếu Úy cho chúng tôi kể từ ngày 1 tháng 6 năm 1949, rồi ông đích thân gắn cấp hiệu mới (một vạch vàng như của quân đội Pháp) lên cầu vai áo cho chúng tôi. Sau tiệc rượu champagne khao lon rất đơn giản nhưng ấm cúng thích thú được tổ chức ngay trong văn phòng tiểu đoàn trưởng, mỗi người chúng tôi nhận một sự vụ lệnh đi đáo nhậm đơn vị mới của mình. Thiếu Úy Bùi Đình Đạm về ĐĐ1, Thiếu Úy Đàm Quang Yêu về ĐĐ3, các Thiếu Úy Trần Thượng Phương và Lê Văn Nhật về ĐĐ Chỉ Huy, cả 3 đại đội này đều đồn trú ngay trong doanh trại tiểu đoàn. Còn Thiếu Úy Nguyễn Khắc Thăng và tôi (Thiếu Úy Nguyễn-Huy Hùng) về ĐĐ2 đang đồn trú tại Trại Lạch Tray (trại lính Khố Xanh của Pháp cũ) trong thành phố cảng Hải Phòng, do Đại Úy Nguyễn Văn Vĩnh (cũng thuộc gốc binh đoàn thuộc địa Pháp trước 1945) chỉ huy. Do đó, ngày hôm sau, anh Thăng và tôi phải đáp xe hoả rời Hà Nội xuống Hải Phòng đáo nhậm đơn vị.

Đến đầu tháng 10/1949, anh Nguyễn Khắc Thăng được lệnh trình diện Bộ Quốc Phòng tại Sài Gòn để làm thủ tục xuất ngoại du học bổ túc chuyên nghiệp sĩ quan tại Pháp. Thế là đại đội chỉ còn 2 sĩ quan, Đại Úy Vĩnh Đại Đội Trưởng và tôi, Trung Đội Trưởng súng nặng kiêm Đại Đội Phó.

Sau khi tới Pháp, anh Thăng biên thơ về thông báo cho tôi biết là anh đang theo học khoá bổ túc thực hành Bộ Binh (École d'Application de l'Infanterie) cùng với các Thiếu Úy Pháp tốt nghiệp Trường Võ Bị Saint Cyr, và khoảng hơn mười bạn cùng tốt nghiệp Khoá 1 của chúng tôi là: các Thiếu Úy Nguyễn Văn Thiệu (sau này là Tổng Thống nền Đệ Nhị Cộng Hoà tại miền Nam Việt Nam), Đặng Văn Quang, Nguyễn Hữu Có, Trần Văn Trung, Nguyễn Văn Chuân, Tôn Thất Xứng, Tôn Thất Đính (về sau các anh này cũng đã được thăng lên cấp tướng) cùng mấy người khác nữa, lâu ngày quá tôi quên mất tên. Vào năm 1953, anh Nguyễn Khắc Thăng bị thương cụt một chân tại miền Bắc, được du học Pháp lần thứ 2, và sau khi tốt nghiệp Khóa Chỉ Huy Tham Mưu (École Supérieure de Guerre) tại Paris về, anh Thăng được bổ nhiệm làm huấn luyện viên tại Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt, ít lâu sau qua đời vì tai nạn xe hơi.

Sau mấy tháng tổ chức huấn luyện đơn vị hoàn tất, Đại Đội 2 của chúng tôi nhận được lệnh rời Hải Phòng di chuyển về Hà Nội vào ngày 18/10/1949 để nhập cùng tiểu đoàn khởi sự đi hành quân liên tiếp tại các vùng Phù Lưu Đình Bảng tỉnh Bắc Ninh, Hoà Bình, Đông Triều Phủ Lại, Kẽ Sặt Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Vân Đình Sơn Tây, Bắc Ninh, Vĩnh Yên... Tôi nhớ kỹ ngày 18/10/1949 vì đó là ngày tổ chức đám cưới của vợ chồng tôi, nhưng vì tôi phải lãnh nhiệm vụ chỉ huy đại đội di chuyển rời Hải Phòng bằng xe hỏa lên Hà Nội, nên đại đội trưởng không cho tôi đi phép.

Đến đầu tháng 10/1950, khi tiểu đoàn đang đóng quân tại vùng Bắc Ninh - Vĩnh Yên, thì Thiếu Úy Bùi Đình Đạm và tôi được Bộ Quốc Phòng tại Sài Gòn gọi trình diện làm thủ tục du học bổ túc chuyên nghiệp sĩ quan tại Pháp. Cùng xuất ngoại kỳ này với chúng tôi có mấy bạn cùng Khoá 1 là Thiếu Úy Trần Ngọc Thức (miền Nam, sau này có thời gian làm chỉ huy trưởng binh chủng Công Binh), Thiếu Úy Nguyễn Khương (người Trung, sau này có thời gian làm chỉ huy trưởng Viễn Thông của binh chủng Truyền Tin). Anh Thức học sĩ quan Công Binh tại Angier, anh Đạm (vào thời

Đệ Nhất Cộng Hoà đã được chỉ định làm Tư Lệnh Sư đoàn 7 Bộ Binh tại Mỹ Tho, và sau cuộc đảo chính lật đổ Tổng Thống Diệm ngày 1/11/1963 đã được hội đồng tướng lãnh đảo chính thăng lên cấp tướng) học sĩ quan Pháo Binh tại Idar thuộc Pháp ở bên Đức. Nhưng vì vùng Idar lạnh quá chịu không nổi, nên anh Đạm đã xin chuyển trường về học khoá Sĩ Quan Hành Chánh Quân Nhu tại Montpellier. Còn anh Khương và tôi theo học Sĩ Quan Truyền Tin ở Trường Truyền Tin (École d'Application des Transmissions) tại Montargis, cách thủ đô ánh sáng Paris khoảng hơn 1 giờ xe hỏa về hướng Nam.

Chúng tôi học chung với các Thiếu Úy Pháp vừa tốt nghiệp Khoá Général Frère tại Trường Võ Bị Saint Cyr ra. Theo quy chế quân đội Pháp, các thiếu úy vừa tốt nghiệp Trường Võ Bị Saint Cyr ra đều phải theo học tiếp một khoá bổ túc chuyên nghiệp các ngành Bộ Binh, Truyền Tin, Công Binh, Pháo Binh, Thiết Giáp, Hành Chánh, Quân Nhu, Quân Cụ, Quân Vận, Nhảy Dù... (École d'Application de l'Infanterie, d'Application des Transmissions, d'Application du Génie...) trước khi được chính thức bổ nhiệm vào các đơn vị trong quân đội để phục vụ.

Đầu tháng 6/1951, đúng theo quy chế dành cho sĩ quan hiện dịch tốt nghiệp trường Võ Bị Quốc Gia, tôi và toàn khoá được Quốc Trưởng Bảo Đại ký sắc lệnh thăng cấp trung úy đương nhiên sau 2 năm tốt nghiệp.

Cuối tháng 6/1951 mãn khoá học hồi hương về Sài Gòn vào đầu tháng 7, Trung Tá Nguyễn Văn Vận (sau này là Thiếu Tướng Tư Lệnh Quân Khu 3 tại Hà Nội) Đồng Lý Văn Phòng Bộ Quốc Phòng đã trình Thủ Tướng Chính Phủ Trần Văn Hữu kiêm Bộ Trưởng Quốc Phòng ký lệnh bổ nhiệm tôi vào phục vụ tại Nha Đồng Lý Văn Phòng Bộ Quốc Phòng tại Sài Gòn.

Mốc thời gian đầu tháng 7 năm 1951 này được coi là mốc thời gian kỷ niệm thích thú nhất đối với tôi. Vì vào đầu tháng 7 năm 1947 tức là 4 năm về trước, tôi tình nguyện gia nhập Vệ Binh Bắc Kỳ chỉ với mục đích sống đời lính

tạm thời cho qua cơn biến loạn nhiều nhường của xã hội lúc bấy giờ, nhưng không ngờ thời thế đã chuyển xoay biến đổi cuộc đời của tôi thành hoàn toàn khác hẳn. Từ đăng vào lính tại miền Bắc, đi miền Trung học sĩ quan, rồi du học bên Pháp, và trở về làm việc tại Sài Gòn. Thế mới biết lời các cụ xưa dạy, “mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên” quả thật là đúng không sai.

Và cũng kể từ đầu tháng 7 năm 1951, đoạn đường binh nghiệp kể theo của tôi được ghi chép bằng những trang hồi ký rất thân thương “DUYÊN NỢ TRUYỀN TIN”, “HƯỚNG



Nguyễn-Huy Hùng (K1), ảnh chụp đầu tháng 4/2008.

ĐẠO QUÂN ĐỘI”, “HỒI ỨC TỪ CẢI TẠO VIỆT NAM”, các tập hồi ký này hiện đang được lưu trữ trong trang web riêng của tôi: <http://colhungnguyen.webs.com>

*Nam California, Hoa Kỳ, mùa Hè 2010,
NGUYỄN-HUY HÙNG (K1)*

Niềm vui của tuổi già trên 80 là hoạt động trên mạng

Internet sát cánh cùng thân hữu và các đoàn thể trên toàn thế giới, tiếp tục cuộc đấu tranh chính trị giải trừ bè lũ ác ôn bạo quyền Việt Cộng để cho đồng bào Việt Nam ở trong nước được sống ấm no hạnh phúc và Nhân quyền được tôn trọng bảo vệ bình đẳng.

Tái bút:

Vào những năm đầu thập niên 1970, thời gian tôi giữ chức vụ Phụ Tá Tổng Cục Trưởng Chiến Tranh Chính Trị đặc trách Hướng Đạo Quân Đội kiêm Chủ Nhiệm Nhật Báo Tiền Tuyến, tôi đã sưu tập tất cả các văn kiện và hình ảnh liên hệ tới sinh hoạt của trường và Khoá 1 tại Huế để soạn và ấn hành cuốn kỷ yếu cho khoá, và đã gửi đến tặng tất cả anh em đồng khoá lưu giữ làm kỷ niệm. Nhờ có được sắc lệnh thăng cấp cho toàn khoá mới biết được là chỉ có 53 người trên tổng 63 người theo học được chấm đậu cho thăng cấp thiếu úy hiện dịch, và anh bạn già Trần Thượng Phương là người thứ 53 trong sắc lệnh.



Mùa Xuân Dễ Thương

■ Nguyễn Đông Giang

1

Ta vẫy tay. Chào mùa xuân
Chào cánh hoa dại bên đường. Ban mai
Mừng em. Còn mái tóc dài
Em đi hái lộc. Tìm ai vội vàng?

2

Sáng nay. Ta thềm lang thang
Thói quen cố cựu bên làng. Quê xưa
Ta đi. Bước chậm chân vừa
Nghe chút ẩm lạnh mùa mưa. Quê người

3

Ta chào em. Chào bình minh
Tội nghiệp trái đất một mình. Quạnh hiu
Ừ sao. Ta đã về chiều
Gặp em lòng bỗng hiu hiu. Lạ thường?

4

Hay là. Mùa xuân dễ thương
Trái tim ta cũng vô thường. Em ơi!

Xuân Hoài Niệm

■ *Vi Vân 20B - xuân 75*

Bài ca nào buồn trong tháng giêng
Âm ba vang vọng nổi ưu phiền
Em ngồi xỏ tóc hoài mơ ước
Loáng thoáng hoa đào rụng trước hiên.
 Một đời ta khóc tình đôi lứa
 Một kiếp ta buồn chuyện lứa đôi
 Em từ xa vắng sầu câm nín
 Tan nát tim cô lẽ mộng đời.
Đã trót dâng đời cho núi sông
Trường Sa dung rủ bóng ngựa hồng
Đêm biên cương lạnh nhiều mơ ước
Trên đỉnh mù sương ai nhớ mong?
 Rồi tàn xuân đó (*) ta ôm hận
 Cúi mặt ghen lời ôi đốn đau
 Tang bồng ngang dọc đời cung kiếm
 Bể gầy gươm thiêng nuốt hận sâu.
Ta không cam phận một Kinh Kha
Sang bờ Dịch Thủy mấy quan hà
Mong ngày trở lại nhìn non nước
Trong cảnh thanh bình đẹp gấm hoa.
 Thời gian xin ngược về quá khứ
 Cho mắt em xanh vẹn ước thề
 Để áo anh thơm mùi khói trận
 Để còn đẹp mãi chuyện đam mê.
Nhưng bóng tà dương đã xuống rồi
Thuyền buồm căng gió vượt trùng khơi
Việt Nam ơi hỡi nghìn thương nhớ
Như bóng thiếu quang mãi sáng soi.
 Xuân đã trở về trên chốn cũ
 Mà ta còn mãi kiếp phù du
 Quê hương ngàn dặm tìm đâu thấy
 Chỉ thấy xa xa sóng mịt mù.

■ *Hồi ký sau chiến tranh*

Một Giao Thừa Trong Đời

■ *Vương Mộng Long* ▼

Từ cuối năm 1975, hàng ngàn tù nhân sĩ quan cấp Tá của Quân Lực Việt Nam



Cộng Hòa từ nhiều trại tập trung quanh Sài-gòn đã bị chuyển về nhốt tại trại tù Suối Máu, Tam Hiệp, Biên Hòa.

Vào một đêm giữa tháng 10/1975, từ Long Giao, tôi bị chuyển tới đây trên một chiếc Molotova bít bùng kín mít. Tôi bị dẫn vào khu K2. Hai tuần sau có lệnh “biên chế”, tôi lại bị chuyển sang khu K3. K3 chỉ chứa sĩ quan cấp Thiếu Tá. Tôi bị giam ở đây từ ngày 1/11/1975 cho tới ngày lên tàu Sông Hương ra Bắc (tháng 7/1976). Thời gian này, tin tức truyền thanh, truyền hình về tình hình thế giới càng lúc càng xấu đi. Người ta đồn rằng, hình như cộng sản Việt Nam đang trên đường tiến chiếm Thái Lan. Thế Giới Tự Do như càng lúc càng xa chúng tôi hơn.

Anh em chúng tôi gặp nhau thường ngày, tụ tập từng nhóm, đánh cờ tướng, tán gẫu, bàn chuyện nhà cửa, gia đình, nước non, thời quá khứ. Trong những lúc tụ tập chuyện trò, chúng tôi nghe bạn bè rỉ tai rằng chính quyền giải phóng

đang nghiên cứu hồ sơ cá nhân của từng người để xét tha (?) Cũng có tin bí quan, cho rằng chúng tôi sắp bị đưa ra tòa án nhân dân để xử tội. Chúng tôi thực sự hoang mang, chẳng biết tương lai mình sẽ đi về đâu.

Tôi ở lán 24 thuộc K3 (lán là nhà, K là Khối, danh từ VC). Mỗi lán chứa khoảng hơn 40 tù nhân, trong lán 24 đó có vài cựu sĩ quan Đà Lạt gồm anh Trần Ngọc Dương (K10), Nguyễn Lành (K16), Hoàng Thế Bình (K18), Tạ Mạnh Huy (K19). Khóa 20 có Ngô Văn Niếu và tôi (Vương Mộng Long). Lán tôi cách lán 17 vài thước. Lán 17 có ba anh Biệt Động Quân K20 Võ Bị là Nguyễn Cảnh Nguyên, Trịnh Trân, và Quách Thuởng. Trong cảnh thiếu đói thường xuyên, chúng tôi phải chia nhau từng mớ rau rền, tán đường thẻ, miếng cơm cháy.

Lán 24 lúc nào cũng hôi thối đầy ruồi nhặng, vì nó nằm trên đường đi ra cầu tiêu, mà bệnh kiết lỵ của tù ở đây hầu như bất trị. Anh trưởng lán 24 tên Trần Thành Trai, nguyên là Y Sĩ Thiếu Tá làm việc tại quân y viện Duy Tân, Đà Nẵng. Bác sĩ Trai luôn luôn xác định lập trường của anh là quyết tâm “học tập tốt” để được tha về với vợ con, vì vậy mỗi lệnh của ban chỉ huy trại đưa xuống, anh luôn luôn tìm cách thi hành đúng đắn.

Thằng Niếu, bạn tôi, được một chân làm bếp, nó ăn uống dưới bếp, nên phần cơm của nó dư, được mang về tiếp tế cho tôi và anh Nguyễn Phong Cảnh (K10/TĐ) người nằm cạnh tôi.

Vào những ngày cuối năm Ất Mẹo, không khí ở đây trở nên rộn rịp vô cùng. Những người liên lạc được với gia đình thì có những gói quà nhỏ gửi vào cho ăn Tết, những kẻ ít may mắn hơn thì đành trông chờ vào những gì ban chỉ huy trại ban cho. Thời gian này, các lán gấp rút tập văn nghệ để trình diễn đêm giao thừa. Để khởi tập ca hát nhảy múa, tôi tình nguyện làm công tác tạp dịch, quét tước. Trong khi mọi người ca múa, xả rác, tôi đi lượm rác và xách nước về cho bạn cùng lán rửa mặt rửa tay.

Hai ngày trước Tết, lán tôi phải tập họp đi làm cỏ ngoài

rào K3.

Trại Suối Máu vốn dĩ là trại tù Phiến Cộng Tam Hiệp của Quân Đoàn 3. Trại có hai khu, hai hệ thống hàng rào. Lớp rào trong nhất tù, rồi tới khu canh tù, ngoài cùng là rào mìn phòng thủ. Trại tù Phiến Cộng này có sáu khối. Mỗi khối cách biệt nhau bởi một khoảng đất trống, có rào mìn. Từ khối này muốn liên lạc với khối kia chúng tôi phải hét lên mới nghe tiếng nhau. Ra khỏi hàng rào thứ nhất, tôi chứng kiến vài sự đổi đời. Cái miếu thờ Thổ Địa trở thành cái chuồng nuôi heo. Nhà Thờ và Niệm Phật Đường của trại tù binh đã thành chuồng gà sản xuất. Sư và Cha, tuyên úy của trại này, chắc cũng đi tù đâu đây không xa! Ngoài xa, bên kia hàng rào mìn là bãi cỏ trống rồi tới đường quốc lộ 1.

Trên quốc lộ, xe lamb chạy xuôi ngược; người người vội vàng buổi chợ cuối năm. Có vài bàn tay giơ lên ngoắc ngoắc về hướng trại tù, đôi người dân có liên hệ, hoặc ai đó còn nhớ tới chúng tôi, những sĩ quan cấp Tá của QLVNCH, những người bảo vệ chế độ đến giờ cuối cùng, và những người chậm chân, chạy không kịp, đang bị nhốt ở đây, trong khu nhà tù do chính tay Công Binh Việt Nam Cộng Hòa xây dựng lên trước đó nhiều năm.

Sáng nay bầu trời màu xanh, không một gợn mây. Từ hướng phi trường Biên Hòa, bên kia cánh đồng trồng khoai mì, những chiếc F5 thực tập lên, xuống, lượn vòng.

Đưa tay chỉ những cánh chim sắt đang bay trên trời cao, anh bạn Thiếu Tá Không Quân Trần Chiêu Quân nói với tôi rằng, sau ba mươi tháng Tư, có một số phi công của Việt Nam Cộng Hòa bị trưng dụng để huấn luyện cho phi công Bắc Việt lái những máy bay chúng ta còn để lại. Những chiếc F5 sáng như bạc đảo lộn trong không gian. Tiếng rít của phi cơ làm cho tâm hồn người cựu chiến binh nao nao.

Làm sao quên được? Lần đầu ra trận (tháng 2/1966). Hôm đó, cũng vào một sáng đầu xuân, đơn vị tôi án binh dưới chân núi Trà Kiệu (Quảng Nam) chờ lệnh xuất phát. Tôi ngồi bên bờ nam sông Thu Bồn, say sưa nhìn những cánh F-4C, F-5A Hoa Kỳ đan nhau trên vùng trời bắc. Bên

kia sông, vùng trách nhiệm của Trung Đoàn 51 Biệt Lập, khối đạn bom cuộn cuộn...

Rồi tối trận Mậu Thân (1968) với những chiếc AD6 Sky Raider dềnh dàng, chậm rãi phóng từng trái napalm dài như chiếc xuống màu trắng, lướt trên đỉnh 1632 cuối phi đạo Cam Ly, Đà Lạt. Khi bom chạm mục tiêu, từ đó, những sợi lửa lân tinh trắng xanh, trông giống như những cái vòi bạch tuộc, vươn cao...

Còn nữa...

Nhớ thời chống giữ Pleime, ngày ngày tôi nghe quen tiếng L19 lè xè của Võ Ý (k17). Chiếc L19 như cánh diều mảnh khảnh, lững lờ quanh đỉnh Chư Gô, hay trên Ya Drang, thung lũng Tử Thần. Chúng tôi trông chờ đôi lúc trời trong, những phi tuần A-37 theo nhau tuôn bom... chờ những chiếc trực thăng rà sát đọt cây, lướt trên ngọn cột cờ căn cứ. Xạ thủ trên tàu chỉ kịp đập vôi xuống sân trại vài thùng pin, đạn, gạo sấy, con tàu đã lật bụng đảo một vòng, thoát chạy về đông. Phòng không như lưới, thấy xuống cho nhau được thùng nào, hay thùng nấy! Thấy đổ xong là chạy. Đồ tiếp tế, có thùng còn nguyên dạng, có thùng vỡ tan, có thùng bay vào bãi mìn. Như thế cũng quý hóa lắm rồi! Cám ơn người anh em Nguyễn Công Cẩn (k21) và phi đoàn 229 Lạc Long.

Rồi đêm xuống, cứ như “đúng hẹn lại lên”,

- “Thái Sơn đây Hỏa Long gọi!”

Chiếc AC-47 của anh Trần Bạch Thanh (k16) đã có mặt trên vùng. Những đóm hỏa châu lập lờ, vừa trải rộng tầm quan sát cho người trấn giữ tiền đồn, vừa làm cho họ cảm thấy ấm lòng.

Đã mất rồi, ngày xưa ấy!

Giờ này tôi đang đứng nhìn những cánh chim sắt chao lượn trên đầu, người lái không phải là quân bạn. Tiếng động cơ F5 nghe sao quá xót xa!

-o-

Tôi đang nhỏ cỏ thì thấy một đoàn người từ hướng ban chỉ huy trại hò nhau khiêng một cái cổng gỗ rất to vừa

đóng xong.

Tấm bảng nền đỏ chữ vàng “KHÔNG CÓ GÌ QÚI HƠN ĐỘC LẬP TỰ DO” được nâng niu như trứng trên vai những người tù nhể nhại mồ hôi. Những người tù đang bị sức nặng của cái cổng đè trĩu trên vai. Họ phải lên gân chân mỗi lúc bước tới trước.

Mới vài tháng trước đây họ còn là những vị chỉ huy oai phong lẫm liệt. Giờ đây đành cam thân sống cảnh đọa đày, đóng vai những anh thợ mộc bất đắc dĩ không công. Ngày nào họ cũng ra đi rất sớm, chiều tối mới trở về trại. Họ dựng những cái cổng chào. Họ tu sửa, sơn phết những khẩu hiệu trên tường. Họ trồng lại hàng rào trại.

Mọi việc làm này là để chào đón ngày Quốc Hội Việt Nam Thống Nhất ra đời. Những vị sĩ quan cao cấp này đã khởi đầu nghề thợ mộc của họ bằng những cái bảng “KHÔNG CÓ GÌ QÚI” ở trại tù Tam Hiệp.

Tôi có quen vài người trong số những người hằng ngày xuất trại làm mộc, như cựu CHT/ BĐQ/ QLVNCH là Đại Tá Trần Công Liễu (k8 VB) và cựu Tiểu Đoàn Pháo Nhảy Dù là Thiếu Tá Trương Văn Vân (k20 VB). Cả hai vị đó, sau này nơi đất Bắc, đã thành hai ông đội trưởng nổi tiếng. Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh!

Chín tháng sau ngày chế độ Cộng Hòa sụp đổ, tôi đang chứng kiến một hoạt cảnh chẳng bao giờ ngờ: Trên trời, phi công Việt Cộng đang lái F5, trước cổng trại tù, sĩ quan cấp Tá VNCH đang dựng cổng chào, quanh rào trại tù, sĩ quan cấp Tá VNCH đang làm cỏ. Nơi nơi, người người, chuẩn bị đón xuân. Mỗi người mang một tâm sự riêng...

Tối trưa, khi nghe tiếng keng phát cơm của nhà bếp, chúng tôi được dẫn trở lại trong vòng rào trại K3. Khi đi ngang qua sân bóng chuyền, tôi thấy người ta đang cá độ nhau trận đấu tay đôi đang diễn, một bên là Thiếu Tá Trần Đạo Hàm, thủ khoa k17/VB, bên kia là một tay Thiếu Tá Không Quân. Anh Lê Hữu Khái (k15) và thằng bạn tôi, thằng Nguyễn Bích (k20) đang nháy từng từng cổ vũ cho anh Hàm. Cái miệng thằng Bích lớn lắm, nó la hét vỗ tay,

bình luận ào ào. Anh Hàm thật là may mắn, có cái loa phóng thanh cỡ bự Nguyễn Bích cổ vũ nên anh có vẻ như đang dẫn điểm.

Tôi thấy nhiều người đã để ghế “xí” chỗ tốt cho buổi TV văn nghệ tối; ngày nào cũng thế, cứ đến trưa là bà con đem ghế ra đặt sẵn trên sân bóng để “xí” chỗ xem phim TV của đài Sài Gòn Giải Phóng. Ai chậm chân thì không còn chỗ tốt. Thời gian này TV Sài Gòn Giải Phóng liên tiếp chiếu bộ phim nhiều tập “Trên Từng Cây Số” và “Đại úy Đen” của Ba Lan.

Trong các lán, có nhiều bạn tụ tập bóc lột nhau bằng những con bài. Xi phéc, xập xám và mạt chược là những môn chơi phổ thông khắp nơi trong trại. Tôi đã chứng kiến nhiều anh thua bạc phải bán cả những quà cáp từ gia đình gửi vào, như kem đánh răng, thuốc lào, thuốc tây để trừ nợ.

Sau Tết ít lâu, tôi nghe một câu chuyện đau lòng ở K3 năm ấy: có một vị Thiếu Tá Quận Trưởng khi cắt bánh thuốc lào làm đôi để chi cho chủ nợ một nửa, thì phát hiện ra một bức thư “chui” của người nhà giấu trong ruột bánh thuốc lào. Bức thư vặn tắt đôi lời làm đau lòng người đọc,

“Chị ấy đã gửi hai đứa con của anh cho bà nội của chúng nuôi. Chị đã đi lấy chồng rồi! Anh đừng buồn, ráng học tập lao động cho tiến bộ để sớm được thả về mà nuôi dạy con anh.”

Cái tin bất ngờ sét đánh ấy đã làm cho ông Quận sững sờ, buông rơi những con bài cơ, rô, chuồn, bích. Từ đấy, tôi thấy ông suốt ngày thần thờ bên rào, nhìn về phía xa xôi. Đôi lúc tỉnh táo, ông ôm cây đàn guitar solo những bài nhạc xưa, buồn đứt ruột.

Tôi bồi hồi nhớ lại lời Tổng Thống nói ngày nào:

-”Đất nước còn, còn tất cả. Đất nước mất, mất tất cả!”

Ôi! Lời Tổng Thống nói thật là hữu lý!

Tổng Thống ơi! Chúng tôi đã cố gắng hết sức mình để giữ nước, nhưng chúng tôi đã không thể giữ nổi. Chúng tôi lấy làm xấu hổ vô cùng.

Sao Tổng Thống không ở lại giữ nước với chúng tôi?

Lúc này chúng tôi đã mất tất cả rồi Tổng Thống ơi!

Về tới lán tôi nhận được một vỉ thuốc ho, một nắm xôi đậu xanh, và mười cục đường tán do anh bạn BÐQ Bắc Hải (Phan Văn Hải) ở lán 22 gửi cho. Tôi, Phan Văn Hải, cùng Phan Độ (K20), Huỳnh Bá An (K20), Trần Hữu Bảo (K20), xuất thân từ trường Nam Tiểu Học Đà Nẵng. Chúng tôi là học trò của cô giáo Phạm Thị Tịnh Hoài, lớp Nhất C.

Hải là sĩ quan khóa đặc biệt Thủ Đức, anh về phục vụ cùng đơn vị BÐQ của tôi ở Pleiku. Những ngày cuối của cuộc chiến, Thiếu

T á P h a n Văn Hải giữ chức vụ Tiểu Đoàn Trưởng TĐ89/BÐQ. Khi đi tù, bạn tôi không có ai thư từ, tiếp tế, nhưng hẳn bài bạc rất giỏi, nên lúc nào cũng sung túc.



Tập hợp đi tù cải tạo - ảnh GETTY

Chiều hôm đó, anh lán phó hậu cần, Hải Quân Thiếu Tá Bùi Tiết Quý thân tiên của trại viên trong lán, gửi cán bộ trại mua dùm mì gói, tương, chao, xì dầu và đường tán để ăn bồi bổ thêm trong ba ngày Tết. Tối đến, sau khi đã chia hết phần đường cho người mua, anh Quý cạo được một chén đường chảy dính trong thùng giấy và bao giấy gói đường. Anh ung dung ngồi thưởng thức nồi chè đặc biệt, nấu bằng đường mót được với hột xu xu và mấy hạt bắp non anh trồng được bên rào. Làm đội phó hậu cần cũng có chút bổng lộc!

Sáng ba mươi Tết, lại gặp ngày tổ tôi trực lán, tôi và một số bạn bị chỉ định xuống làm việc tăng cường cho lán 9 nhà bếp. Tôi phụ việc vo gạo cho thằng Niếu và anh Cung. Những tạ gạo đựng trong bao viền chỉ xanh rất cũ

được chuyển về từ bưng biển. Gạo thì mốc vàng, mốc xanh. Những tổ sâu gạo to như nắm tay.

Khi tôi tách những cái tổ sâu ra từng phần nhỏ thì những con sâu gạo trắng ngần có khoang, béo núc, to gần bằng đầu đũa và dài cả phân, ngo ngoe, ngo ngoe... Anh Cung không cho phép tôi vứt bỏ những cái tổ sâu ấy, anh nói rằng nếu vứt bỏ sâu đi thì hết gạo.

- "Nếu vứt sâu đi thì còn cái gì mà ăn? Cứ nấu tươi đi! Sâu cũng béo, cũng nhiều 'pro-tê-in', sâu gạo chứ có phải là dòi ở ngoài chuồng xí đâu mà ngán!"

Khi chảo cơm bắt đầu sôi thì nhiều khách khát thực nước cơm đã cầm ca đứng đợi. Anh Cung cho vài người, mà cũng từ chối đôi người. Người có phần, thì riu riu cảm ơn, người không có phần tiu nghỉu ra về, miệng lầm bầm, "Đ.M, Đ.M..."

Những trại viên nhà bếp gọi đám người chờ xin nước cơm là "đội quân cầm ca". Chữ "cầm ca" ở đây không có nghĩa là ca sĩ, ca hát, hay ca kỹ mà có nghĩa đen chỉ sự cầm cái ca U.S dùng để đựng nước uống, cái ca nằm dưới cái bi-đông bộ binh ấy mà! Dân cầm ca phải đứng xếp hàng cả giờ đồng hồ trước cửa lò cơm để chờ xin một ly nước cơm. Chuyện xếp hàng trước, xếp hàng sau, đôi lúc cũng gây ra ẩu đả. Nước cơm có vitamin B1 chữa được bệnh phù thũng(?)

Sau này, khi ở trại tù Phú Sơn 4, Thái Nguyên, tôi có đọc một tài liệu nói về cái chất độc của nấm cúc vàng từ gạo mục, gạo mốc. Nấm cúc vàng có chứa một loại chất độc nguyên nhân gây ung thư gan. Nước cơm lại là phần đậm đặc nhất của chất độc nấm cúc vàng từ gạo mốc. Không biết có bao nhiêu nạn nhân của bệnh sơ gan sau này có mặt trong đội quân "cầm ca" ngày ấy?

Chiều ba mươi Tết, bữa ăn có thịt heo kho. Thăng Niếu đem thêm về cả phần lòng heo bồi dưỡng nhà bếp của nó.

Thời buổi khó khăn, thuốc lá bắt đầu khan, những tay nghiện miền Nam bắt đầu nói chuyện thuốc lào. Những danh từ "điếu cày", "điếu bát", "Cái Sấn", "Hố Nai", "Vĩnh

Phúc”, “Tiên Lãng” nghe mãi cũng quen tai.

Anh Hoàng Kim Thanh, Liên Đoàn Trưởng LĐ24/BĐQ của tôi, từ bên K4 nhờ ai đó chuyển cho tôi được một bao 555 và một lạng cà phê.

Trong khi thằng Niếu và anh Cảnh lo bếp núc cúng tất niên thì tôi đi vòng vòng tán dóc với Lưu Văn Ngọc (k20), cựu sĩ quan Quân Pháp Quân Đoàn 2.

-0-

Tối ba mươi Tết ở K3 Suối Máu không khí thật là rộn rã tưng bừng. Mọi lán đều đã chuẩn bị sẵn sàng chương trình văn nghệ chào đón Chúa Xuân. Sân khấu văn nghệ được thiết lập giữa sân tập hợp. Đèn điện sáng choang. Cờ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam che kín cả sân khấu.

Trước giờ văn nghệ, loa phóng thanh truyền đi những bản nhạc từ đài Sài Gòn Giải Phóng mà Tô Lan Phương là giọng ca chính. Những nghệ sĩ tù cũng ăn mặc tươm tất để sẵn sàng trình diễn giúp vui. Đàn ghi ta, trống, sáo đều làm bằng vật liệu lấy từ kho của nhà bếp như tôle, củi, ván gỗ... các nghệ nhân tự đẽo gọt, cắt xén, dán, ghép thành các nhạc cụ.

Tám giờ tối, buổi “liên hoan văn nghệ” đêm ba mươi Tết bắt đầu.

Mở màn chương trình là bài đồng ca “Như có Bác” tôi không nhớ do lán nào trình diễn.

Kế tiếp, người Thiếu Tá Không Quân Hoàng Đình Ngoạn (k17VB) lên đài trong tiếng hoan hô vỗ tay của “đồng bọn” tù Võ Bị. Anh vừa hát được nửa bài tình ca, nhạc vàng “Mùa Xuân Trên Đỉnh Bình Yên” thì bị cán bộ chặn lại, đuổi xuống đài. Lý do, “nhạc nguy ủy mị!” Sau đó, chỉ những bài hát giải phóng được phép trình diễn.

Tiếng sáo trúc Tô Kiều Ngân lâm ly bài “Mùa Xuân Trên Thành Phố HCM” hòa ca cùng tiếng sáo miệng của Nguyễn Tuyên Thùy. Tôi nghe vọng lại từ các khu khác, đại để, bạn tù cũng chỉ hát những bài ca eo éo, nghe rợn tóc gáy, như “Cô Gái Vót Chông”, “Tiếng Đàn Ta Lư”, “Năm Anh Em Trên Chiếc Xe Tăng” vân vân... Khấp sáu

K sáng rực ánh đèn, vang rền tiếng nhạc...

Năm mới đang từ từ tiến về...

Đến khi màn trình diễn của lán 24 vừa được giới thiệu, thì tôi bỏ chạy về lán. Tôi ngồi một mình trong cái nhà tôle vắng tanh. Nỗi đau đớn nhói tim tôi!

Ngoài kia, bạn cùng lán của tôi, không tự nguyện, đang phải đóng vai dân quân chống Tàu, chống Tây, chống Mỹ, chống Ngụy trong một vở trường kịch. Khi họ tập bài bản trong lán, tôi biết họ cũng đau lòng lắm.

Bạn Võ Bị của tôi, Tạ Mạnh Huy vì là Tây lai phải đóng giả làm Tây cho người ta trói. Thăng Niếu phải đóng vai BDQ Ngụy dơ tay đầu hàng để anh Dương Bắc Kỳ đóng vai ông bô lão nông dân Việt Nam đả đảo. Mỗi lần tập xong, các bạn tôi đều buồn, họ đề nghị anh lán trưởng Trần Thành Trai cho tập một kịch bản lịch sử “Vua Quang Trung diệt quân Thanh” nhưng anh lán trưởng không đồng ý. Anh Trai nói, ban chỉ huy trại đã ra lệnh cho anh phải thực hiện cho được trường kịch này để mừng giao thừa, vì nó có tính cách “lô gích lịch sử”(?) Và đêm ấy, anh đội trưởng Trần Thành Trai đã thực hiện thành công xuất sắc vở trường kịch “Việt Nam 4000 năm Anh Hùng”.

Ngay sau khi bế mạc buổi văn nghệ mừng xuân Bính Thìn, mùa xuân đầu tiên của nước Việt Nam Thống Nhất (mùa xuân đầu tiên quân và dân miền Nam mất nước) anh đội trưởng Trần Thành Trai đã được ban chỉ huy trại tuyên dương công lao trước trại.

Khi trên sân khấu người diễn kịch bắt đầu hát bài “Tiến Quân Ca” thì tôi bật khóc. Một mình, ngồi trong đêm tối, tôi nức nở khóc vui. Tôi chưa bao giờ thấy cái khóc lại có hiệu lực chữa đau đớn hiệu nghiệm như đêm ấy! Chợt tôi nghe tiếng chân ai ngoài cửa lán. Rồi tiếng lên đạn súng AK...

Thình lình, tia đèn pin chiếu ngay mặt tôi, làm mắt tôi chói lóa.

- “Anh kia! làm gì ngồi khóc đấy? Sao không đi 'rự nễ' mừng xuân?” Tên bộ đội đi tuần tra lớn tiếng hỏi.

Tôi lấy tay che mắt, nhưng không nhìn thấy gì. Tôi lặng

thinh. Tiếng quát lại tiếp:

- “Anh có mồm không thì bảo? Câm à? Sao không giả nhời tôi?”

Tôi vẫn ngồi im. Ánh đèn đảo một vòng quanh vách lán rồi tắt. Căn phòng tối om. Tôi nghe tiếng chửi:

-”Địt mẹ thằng câm! Mới xa nhà có mấy tháng mà đã nhớ nhà phải khóc. Ông đây xa nhà hai 'lăm' rồi mà ông có khóc đâu! Đồ không biết xấu hổ!”

Tôi vẫn lặng thình.

- “Râm!”

- “Chẳng!”

Tên bộ đội giận dữ, đóng sập cửa lán. Nó còn bồi thêm một cái đá cật lực vào vách tôle. Vài giây sau, tôi nghe tiếng dép râu bước đi xa dần về hướng sân. Tôi nhìn đồng hồ tay (khi đó chưa có lệnh thu giữ tư trang của tù) lúc ấy hai cái kim lân tinh đập nhau trên số 12: GIAO THỪA!

Ngoài sân tiếng ca hát còn đang tiếp tục. Tôi mỗi một điều thuốc 555. Trong trí óc tôi, hình ảnh những giao thừa đã qua trong đời hiện về, mờ nhạt như từ thế giới nào rất xa...

Ngày xưa, mỗi độ giao thừa, cho dù lúc đó tôi đang đi hành quân với một toán Biên Vụ (Viễn Thám) quân số chỉ có năm người, lẫn mò trên những nhánh của hệ thống đường mòn Hồ Chí Minh trên đất Lào, hoặc len lỏi trong rừng tre gai Plei-Trap Valley, hay lúc tôi đang chỉ huy cả năm, sáu trăm quân trấn giữ Pleime, hoặc ải địa đầu Bu-Prang miền biên giới Việt Miên, tôi không lần nào quên nghe chương trình giao thừa của Đài Phát Thanh Quân Đội.

Giao thừa xuân Bính Thìn là giao thừa đầu tiên trong đời tôi không tìm thấy lá cờ nước tôi, không nghe được câu hát: *“Này công dân ơi! Đứng lên đáp lời sông núi...”*

Bài quốc ca này đã đi vào lịch sử.

Một thế hệ đã hát nó với cả bầu máu nóng trong tim. Bao nhiêu người thân của tôi, bao nhiêu bạn bè của tôi đã cống hiến tuổi trẻ và cả thân xác mình cho bài ca đó.

Một thế hệ đã lớn lên thành người với bài ca đó.

Một thế hệ sẽ mang nó theo xuống tuyền đài...

Chợt tiếng anh lán trưởng Trần Thành Trai vọng lại trên loa phóng thanh,

- “Đổi đời đã tới! Cách mạng đã thành công!”

Tiếng hô lặp lại hai chữ “thành công!” của trại viên vang dội đêm trừ tịch. Tôi cảm thấy tiếng hoan hô đã làm rung những tấm tôle trên mái.

Trời đêm trừ tịch tối đen.

Tôi không biết những vật đen ẩn hiện sau hè, là bóng những bụi rau rền, giàn mùng tơi hay những hồn ma đói cuối năm chập chờn.

Ngoài xa vắng lại, từ bên K4, ai đó bắt đầu hát bài “Lá Đỏ”...

-o-

Vài năm sau, tôi nghe tin cựu Y Sĩ Thiếu Tá Quân Y Viện Duy Tân, Đà Nẵng, Trần Thành Trai đã được tha khỏi trại cải tạo. Bác sĩ Trai đã cùng bác sĩ Trần Đông A, cựu Y Sĩ Thiếu Tá Nhảy Dù, nổi tiếng sau những ca mổ tách rời trẻ song sinh ở Sài Gòn. Tôi cũng đã nghe tin giờ này, bác sĩ Trai đang là một dân biểu của Quốc Hội nước CHXHCNVN.

Nhân ngày đầu Xuân Ất Dậu (2005), tôi nhớ lại chuyện xưa, ba mươi năm trước. Nhớ những bạn Võ Bị, cựu tù lán 24 K3, Tam Hiệp. Trong số những người bạn đó, thì hai người đã qua đời, là Hoàng Thế Bình và Ngô Văn Niếu. Còn những bạn khác như Dương, Lành và Huy thì đang ở Mỹ, không rõ họ có còn nhớ chuyện ngày xưa hay không (?) Riêng tôi, cái đêm giao thừa ba mươi năm trước ấy đã trở thành không thể nào quên, vì đó là lần đầu trong đời, tôi đón năm mới với thân phận một người tù mất nước...

(Seattle, Lập Xuân)

■ *tùy bút*

Mùa Xuân Mây Ngàn

■ *Thu Nga 18B*



Trời Pleku trở nên giá buốt vào buổi chiều khi mặt trời khuất bóng. Cái lạnh da diết, buồn râm ran đến từ chân sợi tóc, đến từ một góc của trái tim heo hắt tỏa ra ngoài, theo bóng đêm lan dần đến hàng hiên.

Cư xá sĩ quan truyền tin dần dần chìm vào bóng đêm cô quạnh. Tôi vội vã đóng cửa sau, tắt đèn bếp, vội bế đứa con 18 tháng chạy lên nhà trên. Từ nhà bếp lên nhà trên có hai cánh cửa ăn thông nhau, một cánh cửa dẫn vào nhà trên. Nhà bếp thấp hơn nhà trên nhiều nên có nhiều bậc tam cấp. Giữa 2 bậc tam cấp là một cái bầu xây bằng xi măng, ở giữa chỉ toàn đất cát, không đen, nhưng cũng không trắng lấm, có một màu nhờn nhờn, không che kín được một gốc cây thật to đã bị đốn đi từ lúc nào không biết. Bên trên cái cây

đã chặt là một lỗ hổng rất lớn không được che đậy gì cả. Trước đó tôi được biết người ta có che bằng những miếng ni lông, nhưng bây giờ ni lông đã rách, người ta cũng không buồn che miếng khác, chỉ có một lỗ trống rỗng, người lớn không chui lọt, nhưng con nít có thể luồn vào được. Những ngày trời tối sớm, nhà tôi chưa về, tôi ít khi dám xuống nhà bếp, nếu có, thì cũng vội ba chân bốn cẳng, làm cho xong công việc cần thiết, rồi rút lên nhà trên ngay.

Tôi theo chồng lên Pleiku đã được hơn một năm. Căn nhà chúng tôi ở cuối dãy. Bên hông là một đám đất trống, mấy bà vợ sĩ quan ở bên cạnh gieo vài đám bắp, vài cụm cải xanh, cà chua rồi chăm sóc phân bón tưới nước cho đỡ buồn. Bắp cũng lên trái khá to nhưng ăn thì lạt nhách. Nhiều người nói bắp ở Pleiku không ngọt vì phải chuyên chở qua sông (?) Tôi không hiểu mấy về lời giải thích này nhưng cũng không hỏi lại. Bên phải là một dãy nhà nối vách liền nhau. Vách được làm bằng gỗ và giấy cùng bao cát nên phòng bên này làm gì, phòng bên kia có thể nghe rõ mồn một. Nhà sát bên cạnh tôi là nhà anh chị Thông, anh mang lon đại úy, có 5 đứa con, đứa nọ trông coi đứa kia rất ngoan. Vì nhà đông con nên anh cho lính về nối cái bếp ra thật dài phía sau. Trong bếp nào lu, nào chậu thau, thức ăn bày la liệt. Chị Thông có vẻ đẹp của một người khỏe mạnh, to cao, trong khi anh Thông thì nhỏ thó, ốm yếu. Đứa con lớn là con trai, nhưng vì nhiều em nên nó quán xuyến từ trong ra ngoài, nấu cơm, bế em, giặt giũ và học bài cùng một lúc. Sau này có lẽ vì kinh tế eo hẹp, chị Thông phải đi làm sở Mỹ kiếm thêm tiền. Chị Thông cũng hay đem qua cho thằng bé Nhân của tôi vài trái táo, nho hoặc những thoi kẹo chocolat màu đen, mùi vị thật thơm.

Trong cư xá, ngoài chị Thông hay chạy qua, chạy lại tôi chỉ chơi thân với chị Tánh. Chị Tánh ở cuối dãy đầu kia. Muốn qua nhà chị, tôi phải đi hết cả dãy hành lang. Khi mặt trời đã khuất bóng, màn đêm kéo về, khi sang nhà chị, tôi đi vội vã như ma đuổi. Nghe nói ở Pleiku ma Hời nhiều lắm. Những con ma Hời cũng theo lời nhiều người,

nó có thể thur con gà, con vịt trong bụng người ta, cho đến khi cái bụng sưng chướng lên thì chết. Tôi cũng được nghe chị Tánh tả thấy ma ngay trong cư xá này. Tôi nói: "thôi đừng giỡn nghe cha! Bà thấy thiệt không? Bà Tánh trả lời, "Tôi thấy rõ ràng, nó đi bên hông nhà bà đó! Bà qua tôi thì được, nhưng tôi không dám qua bên đó ban đêm đâu, ghê lắm!" Thấy nét mặt của bà, tôi biết bà nói thật. Từ đó, tôi hay đóng cửa dưới sớm hơn, tôi ôm con vào lòng ru hời ru hời cho nó ngủ. Tiếng ru của tôi trong đêm bỗng dưng dội lại như có tiếng nói ai nhại theo, làm tôi giật mình. Tôi mong nhà tôi về nhà sớm cho tôi đỡ sợ. Muốn qua nhà bà Tánh chơi, nhưng nhớ tới cái hành lang dài hun hút dưới những tàn cây thông, tôi không đủ can đảm. Muốn gõ cửa qua nhà bà Thông thì nhớ mới hôm qua, ông bà vừa gây nhau một trận thật gây cắn và cũng như mọi hôm, tiếng khóc phụ họa của những đứa con nhỏ, làm tôi chùn bước.

Hôm nay đã là 25 tháng chạp, tôi bỗng dưng thấy bồn chồn. Tôi nhớ nhà, nhớ mẹ. Tôi ao ước phải chi tôi đang ở nhà, mẹ con tôi đâu có phải cô đơn, sợ hãi như vậy. Tôi lại nhớ đến không khí Tết ở trong xóm mỗi độ cuối năm. Ba tôi mang hộp sơn xanh lá cây thật to sơn lại khung cửa trước và các cửa sổ. Bàn thờ được phủ bụi thay bông ni lông mới. Lư hương, chân đèn bằng đồng được lau chùi sáng loáng. Mẹ tôi cũng như những người đàn bà trong xóm lo mua thêm gạo, mắm, bánh trái hoa quả. Nhà nào cũng làm mứt bánh. Tôi nhớ món mứt gừng ngọt lịm bỏ vào miệng nhai thật nhanh rồi nuốt liền vì cay quá, rót một tách nước trà đậm của ba tôi uống vội, nghe cổ họng mình vừa ngọt, vừa đắng, vừa cay, thật tuyệt. Mẹ cũng làm gừng dẻo. Gừng được xắt từng sợi. Khi làm xong ăn mứt gừng dẻo, uống nước trà nóng, không có gì thú vị bằng. Tôi cũng mê mứt me mẹ làm. Mứt me vừa chua vừa ngọt cũng như mứt trái chùm ruột (có người gọi trái tầm duột) tôi hỏi mẹ tại sao gọi trái chùm ruột, mẹ nói trái nó dính vào như chùm ruột (?).

Tôi cũng nhớ đến những bộ quần áo mới mẹ đem anh em tôi đi mua vải, đưa cho chị Thu ở cuối xóm may cho tôi một

bộ đồ bộ có bông hoa thật rực rỡ, anh tôi được một chiếc quần sọt màu xanh, áo trắng để vừa đi chơi, vừa đi học. Mẹ mua cho đôi guốc sơn mài mới có quai trong suốt, anh Hai tôi được một đôi giày sandal màu nâu. Tôi còn được mua một chiếc nón Huế bài thơ. Trong chiếc nón có bài thơ, có hình chùa Thiên Mụ. Tôi được chị thơ may tặng riêng một quai nón màu tím có thắt nơ hai đầu. Tôi cảm ơn chị rồi rút, đội nón trên đầu, tôi bắt chước các chị lớn hơn trong xóm, kéo nghiêng một bên làm duyên...

Đang say sưa với giấc mộng thời thơ ấu, tôi giật mình vì có tiếng động trên mái nhà. Tôi e ngại nhìn chằm chằm vào bức vách dẫn xuống nhà bếp. Tôi chợt nghĩ đến bóng ma bà Tánh nói hôm trước. Tôi thầm lo “không biết con ma đó có thể leo vào cái lỗ hổng ở nhà bếp không? Nếu đó không phải con ma, mà là người thật thì sao? Tôi nhìn cái cây gác ngang an toàn cửa cái cửa và cảm thấy trong lòng thật bất an. Đêm hôm đó may nhà tôi về sớm hơn thường lệ thấy tôi đang ôm chặt con trong lòng, trên mí mắt còn long lanh giọt lệ. Không biết giọt lệ âu lo hay giọt lệ nuối tiếc thời trẻ thơ êm ấm...

Chiều 29 Tết, tôi cũng đã chuẩn bị trong nhà thật tươm tất. Bà Thông bày tôi làm thịt đông, dưa giá. Kho thịt ba rọi với trứng vịt trong nước dừa tươi. Một nồi măng hầm với vịt thật lớn. Bà Thông dặn đừng ăn ngày mồng một, sợ thịt vịt xui, đợi đến mồng hai hãy ăn. Tôi cũng bắt chước mẹ ram một con gà và ram một miếng thịt heo thật vàng thật thơm cho đủ bộ. Tôi cũng chuẩn bị đầy đủ hoa quả, bánh trái để cúng giao thừa. Nhớ tới cúng giao thừa, tôi cũng hơi chột dạ. Bà Tánh nghe tôi nói sợ ra ngoài ban đêm, bà bày, cúng sớm sớm cũng được, tôi nói cái lỗ hổng này cũng như ở ngoài, tôi cúng ngay ở đây được không? Bà lắc đầu, "Không được đâu, mấy ông thần Hành Khiển không vào nhà được. Mấy ông ấy đến để bàn giao việc dưới trần thế rồi ai lo việc nấy đi ngay, nên phải cúng ngoài trời. Bà nói thêm, hễ tôi rãnh, sẽ chạy qua với bà, hay là... bà nhờ bà Thông ra đứng với bà, thấp nhang xong là được rồi. Tôi lắc

đầu, "Thôi! bà Thông là Công Giáo, mình cúng kiến nhờ người ta làm chi, hễ bà có rãnh qua với tôi một chút thôi." Nhưng cũng như tôi, chắc bà lại nghĩ tới cái hành lang dài hun hút đâm ra e ngại, nên tôi lại lui cui một mình, thấp nhang xong, ù té chạy vào nhà, đóng cửa cài then sau trước và ôm con vào lòng chờ chồng về. Mấy ngày hôm nay có lệnh cấm trại một trăm phần trăm. Hàng ngày, đứng trước hiên nhà nhìn về phía quân đoàn, chỉ thấy những đoàn convoy chạy qua, chạy lại rầm rầm. Tôi cầu xin trời Phật cho mạ tôi đem được người giúp việc lên càng sớm càng tốt. Mạ thấy tôi viết thư nói sợ ở nhà ban đêm một mình, mạ xốt xa chép miệng tội nghiệp con gái lấy chồng nhà binh phải xa cha xa mẹ, sống ở xứ gió bạt mây ngàn. Mạ viết thư nói qua Tết, mạ lên thăm và sẽ mang theo con bé giúp việc vừa đỡ đần cho tôi mà trong nhà cũng có người này người kia, lỡ đêm hôm tối lửa tắt đèn...

Buổi sáng ngày ba mươi của năm Mậu Thân, tôi có gặp các bà trong cư xá lên xe, xuống xe thật tấp nập. Nhà của các ông thiếu tá, đều được tài xế lái xe jeep đi chợ mua sắm hàng Tết. Nhà tôi lúc đó mới tốt nghiệp từ trường Võ Bị, mang lon trung úy nên không thấy có xe riêng, thỉnh thoảng tôi được bà Thông rủ đi chợ hay đi phố chung, có khi bà thiếu tá Tường ở sát cạnh bà Tánh rủ tôi với bà Tánh cùng đi cho vui. Đi với các bà ấy tôi và bà Tánh hơi ngại vì các bà có chồng cấp cao hơn, lớn tuổi hơn nhiều và cũng kiêu cách hơn, nên tôi với bà Tánh hay đi xe lam ra chợ. Đi ngang nhà ai cũng thấy đèn nến sáng choang, hoa mai, hoa cúc vàng ối, lính tráng về nhà sơn nhà, sơn cửa thật náo nhiệt. Tôi cũng đã mua được mấy chậu hoa cúc thật lớn để ở hai bên cửa. Chè, xôi cũng đã nấu xong, sửa soạn cúng Giao Thừa.

Tuy không khí xuân có vẻ rộn ràng, nhưng có một điều gì không được hoàn toàn. Tôi nghe tiếng đại bác ì ầm đầu đó rất gần. Ban đêm thằng cu Nhân tôi ngủ không được yên giấc, tôi tự nhiên bị mắc chứng mất ngủ. Nhiều đêm nằm thao thức chờ mong trời mau sáng. Mấy hôm nay nhà tôi

và các sĩ quan trong cư xá không được về nhà thường xuyên nữa. Nhà tôi nói, hay là em qua nhà bà Thông ngủ tạm. Nhà bà đông, em sẽ đỡ sợ hơn. Tôi hơi ngần ngừ, nhưng nhớ tới những tiếng súng, tiếng đại bác và nhớ tới tiếng pháo kích khi còn ở Tuy Hoà với ba mẹ, tôi gật nhẹ đầu nhưng nói để hết đêm nay, cúng giao thừa xong, mai em qua bên bà Thông vậy.



Tôi chợt chòang tỉnh giấc, tôi hoảng hốt nhớ ra hôm nay là sáng mùng Một thì phải!? Đêm qua tôi trần trọc không ngủ mới chợt mắt thôi. Trời đã sáng ngoài kia. Có tiếng súng nổ đâu đây như thật gần. Tiếng đạn kinh hồn quá. Có tiếng pháo kích rú ngang đầu. Tôi ôm con lăn vội xuống giường. Tiếng rít ghê hồn đi qua, rồi tiếng nổ vang trời. Tôi chợt sợ hãi muốn òa lên khóc, nhưng sợ con giật mình nên cắn răng thật chặt. Tôi lâm râm cầu khẩn Phật Trời che chở cho mẹ con tôi. Hình như đang có đánh nhau ở đâu đây, gần lắm. Việt Cộng có vào được thành phố hay không? Nước mắt tôi chảy dài, tôi nghĩ đến bao nhiêu người thân yêu giờ này đang làm gì nơi phố thị? Chắc họ đang chuẩn bị một cái Tết bình yên hạnh phúc hơn tôi. Tôi chợt nghĩ đến cái lỗ thật to của trần nhà bếp! Nếu có một tên Việt Cộng nào leo vào đó thì sao? Tôi run cầm cập. Hình như tôi đang bị sốt rét, thân mình tôi ớn lạnh. Tôi nhìn xuống, đứa con vẫn thiêm thiếp ngủ trong vòng tay của tôi. Tôi ôm chặt con vào lòng nghe tiếng súng đi đùng, tiếng mọc chê thật ớn lạnh. Tôi lắng nghe tiếng động bên nhà bà Thông, hình như cả nhà cũng đã lăn hết xuống đất, thỉnh thoảng tôi nghe tiếng sột sọ thì thầm. Tôi vẫn lâm râm cầu khẩn cho mẹ con tôi được bình yên. Tôi mong tiếng súng dứt để chạy qua nhà bà Thông...

Ngay hôm đó, tôi đem nồi, niêu, song chảo, bánh mứt,

mùng mản qua nhà người bạn hang xóm. Bà Tánh cũng đòi sang ở chung. Nhà bà Thông đã đông, nay có thêm hai mẹ con tôi và hai mẹ con bà Tánh nhưng ông bà Thông có vẻ thật tình muốn chúng tôi ở chung cho đỡ sợ. Bé Loan, con thứ nhì của bà Thông thích thằng Nhân của tôi nên nó cũng vui.

Chúng tôi được tin Việt Cộng đã chiếm nhiều tỉnh: Kon Tum, Ban Mê Thuột và đã chiếm nhiều nơi trong thành phố Pleiku. Chúng tôi còn nghe Việt Cộng đã vào nhiều khu gia binh bắt giết đàn bà con gái. Không biết tin thật hay tin nhảm, nhưng có người còn nói thêm, Việt Cộng thấy ai sơn móng tay, chúng nó sẽ rút hết móng. Bà Thông, bà Tánh và tôi vội vàng dùng dung acétone chùi thật sạch. Khi màn đêm buông xuống, chúng tôi kéo mền gối xuống đất nằm cho an toàn, nhưng những tiếng rít kinh hoàng của pháo kích làm tim tụi tôi thót lên đến cổ. Bà Thông trấn an, "khi tiếng pháo kích rít lên ngang đầu, có nghĩa là nó qua khỏi mình rồi, đừng lo." Tôi run run thì thầm, "Vậy nếu tiếng kêu mình không nghe thì nó...." Bà Tánh bịt miệng tôi lại, "Cái miệng ăn mắm, ăn muối... không có đâu!" Tôi thấy tay bà cũng run rẩy không thua gì tay tôi.

Tin tức dồn dập đưa về từ các ông qua các bà loan chuyện với nhau thật là không vui chút nào. Chúng tôi đã ăn sạch tất cả những thức ăn nấu nướng trong ba ngày Tết, chỉ còn bánh chưng. Thằng con cả của bà Thông cắt những miếng bánh chưng thật mỏng vì đông người. Tôi nhai miếng bánh chưng thấy miệng mình lạt nhách. Không khí chiến tranh lan tràn. Chúng tôi cũng nghe Việt Cộng đã tổng tấn công khắp nơi, chứ không riêng gì Pleiku. Tôi nhớ tới mẹ và rừng rức khóc. Không biết Tuy Hòa ra sao? Ba mẹ, anh chị và các cháu có bình yên không?

Những ngày ở nhà bà Thông, tôi và bà Tánh nói về chuyện bóng ma bên hông nhà. Bà Thông có vẻ thành thạo cho biết, đó là bóng ma một người Hời bị tình phụ nên đã quyên sinh. Sau khi chết không được siêu thoát. Mặc dù bà là người Công Giáo nhưng bà khuyên tôi, nếu sợ thì hãy

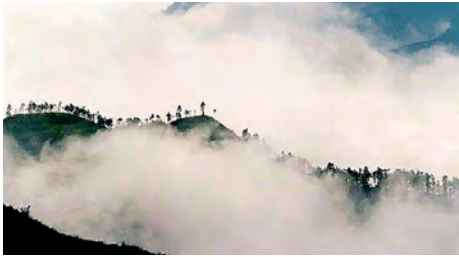
cúng kiếng cho oan hồn này, không chừng nó sẽ được cứu độ đi đâu thai kiếp khác. Tôi định bụng sẽ làm như vậy khi mọi chuyện trở lại bình yên.

Đến ngày mồng 4 Tết, chúng tôi được tin tình hình có vẻ khả quan hơn. Nghe nói quân mình đã chiếm lại hết. Sau này tôi mới được biết cộng quân đã không tấn công vào Pleiku kịp ngay trong đêm giao thừa như các nơi khác, và vì chúng tấn công khi mặt trời đã lên nên chúng đã bị quân đội ta đánh bật ra ngay khỏi các cứ điểm quan trọng. Tuy nhiên những đêm sau đó, chúng đã pháo kích vào các vị trí quân sự của VNCH và Hoa Kỳ. Tôi cũng được tin cộng quân tấn công Tuy Hòa đêm mồng 1 rạng mồng 2 Tết, chúng cũng pháo kích nhiều vị trí VNCH nhưng chỉ nội trong ngày mồng 2 chúng đã bị quân ta đánh bật ra. Tôi cảm tạ Phật Trời đã che chở cho ba mạ tôi. Tôi nhớ đến căn hầm chống pháo kích ba tôi xây ở sau căn nhà bếp. Mỗi lần nghe tiếng pháo kích, cả nhà vội vã chạy ra hầm. Trên hầm là bao cát. Hầm được đào sâu dưới đất thật ẩm ướt. Đôi khi trùn bò lổm ngổm làm tôi ớn lạnh cả mình. Mặc dầu ba tôi đã để nhiều đèn pin dưới hầm, nhưng ông lại sợ bóng đèn tỏa ra không tốt. Các nhà hàng xóm, nhà nào không có hầm chìm, thì làm hầm nổi. Bao cát bán chạy như tôm tươi.

Đến ngày mồng 4 Tết, tôi dọn đồ đạc về lại căn nhà mình. Như vậy đó, tôi đón xuân năm Mậu Thân trong tiếng súng kinh hoàng, trong nỗi lo nghệt thở. Cuối năm Mậu Thân, đứa con trai thứ nhì của tôi ra đời. Cháu được đặt tên là Hòa Bình. Hoà Bình là niềm mơ ước của tôi, của tất cả mọi người dân nước Việt. Ngày chúng tôi đang tị nạn tại Fort Chaffee, đêm đêm nghe tiếng hát của người lính vừa bị bắt buộc buông súng, cất tiếng hát thật buồn trong đêm "...Rồi có một ngày, có một ngày chinh chiến tàn, anh trở về quê, trở về quê tìm tuổi thơ mất năm nao... vui cùng ruộng nương, cùng đàn trâu... mái tranh quê với chiếc cầu tre...."

Ôi! hình ảnh quê hương hòa bình sao mà đẹp! Nhưng giấc mộng hoà bình chưa bao giờ người dân Việt đạt được. Ngày 30 tháng 4, ngày mà Văn Tiến Dũng gọi là chiến

thắng mùa Xuân (lại mùa Xuân) đã không mang lại hoà bình, tự do no ấm cho toàn dân, mà chỉ thấy đảng Cộng Sản miền Bắc mang lại đau thương, chết chóc chia ly. 33 năm đã trôi qua, từ Tết Mậu Thân đến nay đã tròn 40 năm! 40 năm! máu và nước mắt người dân vẫn còn tuôn như suối. Hoà Bình ơi! Việt Nam ơi! Những lời kêu gào đau thương thống thiết của toàn dân đang vang dội khắp nơi. Những lời van xin, nguyện cầu này chắc chắn sẽ động đến đất trời. Đứa con Hoà Bình của tôi nay cũng tròn 40 tuổi, giấc mộng hoà bình của tôi vẫn chưa đến và giấc mộng của người lính bắt buộc buông vũ khí cũng vẫn còn xa tầm tay với "...Rồi anh sẽ cùng em về thăm, một bia kín trong nghĩa địa buồn, bạn anh đó đang ngủ say..."



Chiều nay nhìn bóng đêm từ từ chụp xuống ngoài kia, tôi chợt thấy mùa xuân Mậu Thân của Pleiku lảng đãng mây ngàn năm xưa trở lại. Những người bạn của tôi: bà Thông, bà

Tánh nay ở đâu? Còn hay mất? Bây giờ lại một mùa xuân nữa lại về nơi đất khách. Tôi trịnh trọng đốt một nén nhang hướng về tổ quốc cho những nạn nhân bị CS sát hại trong Tết Mậu Thân... Những trái đạn pháo kích đã giết hại biết bao nhiêu người dân vô tội... Trước thêm năm mới, một lần nữa, chúng ta nguyện cầu hồn thiêng sông núi, nguyện cầu các anh linh chiến sĩ phù trì cho công cuộc đấu tranh của người dân trong nước được thành công... Chúng ta sẽ về, về để xây dựng lại quê hương, xây dựng lại mộ phần bị mất.

Tôi sẽ trở về thăm lại Pleiku. Không biết khu cư xá, nơi căn nhà tôi ở, cái lỗ hổng có còn đó chẳng? Cái bóng ma bà Tánh thấy chắc nay đã được đầu thai kiếp khác hay vẫn còn lang thang vất vưởng nơi ngọn cỏ đầu cây? Tôi sẽ viếng một phần ba mạ và anh tôi để nói rằng, "Hoà Bình đã thật sự trở về trên quê hương." ■

Gởi Trang Y Hạ

■ Trách Gâm - 1/1/2011



Tao thèm lẩm...
Về thăm mây một chuyến
Ngồi nhậu cùng mây cá chốt chưng tương
Rượu mây nấu...
Hai thằng nhậu cho đến... điếc
Trời đất bằng vung
Còn cảnh nào sướng hơn...
Ngày vợ mây ẩm mây ra khỏi Cộng Hòa
Như ẩm thằng con nít
Mất cả đôi chân... Máu bật ứt hồn
...thì lúc đó tao cũng như thằng con nít
Khóc đã đời, đôi chân còn...
Mà như bị đất trời chôn

Ngày mất nước
Tao chưa vợ con gì ráo
Lính chặn mười năm...
Tao sống bằng hơi thở bạn bè
Nhà của tao là Bình Long lửa khói
Đất của tao là rừng núi sơn khê...
Liệng cây súng tao không đổ thừa ai cả
Tự chửi mình chửi lạng chửi cam
Cấn bặt máu môi
Biết mình còn sống
Giữa hận thù mà tổng ngổng tổng ngông

Tao đi tù
Tự nhủ lòng thua ráng chịu
Tao tha phương
Tự hứa lấy lại ngày về
Nát bết đời không nát tình nát nghĩa
Còn hơi thở là... còn nhớ chuyện xưa
Chuyện xưa
Có mây có tao có ngày đuổi giặc

Chiều ngồi sau hè
Mây trông tin tao bằng bật
Sướng được rồi, là biệt tích biệt tăm
Xin lỗi mây...
Tao chưa thể về thăm
Bởi hai chữ Việt Kiều lạ hươ lạ hoắc
Có cay đắng mây chửi tao cũng được
Việt Nam là của Mây của Tao...
Sao tao lại là Việt Kiều
Cám ơn mây dù ngàn vạn hất hiu
Vẫn nhớ anh em một thời chinh chiến
Xin phép mây, cho tao cám ơn Thiên Thần mây một tiếng
Cám ơn Tâm Hồn Người Vợ Lính Quốc Gia.

Quê Hương Bình Minh Mới

Tôi chọn trăm năm một bóng cờ,
Quê hương cháy đỏ bóng thu xưa.
Quay lưng. Mắt lệ hờn sông núi.
Vẫn ngóng trông tìm trái ước mơ.
Em hỏi sao tôi sầu biểu hiện,
Khi hoa xuân nở rức chân trời.
Nhà ai thấp sáng muôn ngàn nển,
Tôi vẫn ngồi trong giấc ngậm ngùi.
Đêm tôi, chợt thấy tuôn rừng núi,
Vạn triệu người dân bóng vật vờ.
Họ đã hành trang trăm giòng tủi
Chén cơm manh áo vẫn xa mờ.
Họ sống bên nhiều cơn ác mộng
Óc tim xiềng xích bởi gươm đao.
Ước mơ một buổi quê bình lớn,
Triệu nắm tay đòi cõi Tự Do.
Tôi chọn Cờ Vàng ba sọc đỏ,
Tự Dân (1) sẽ trải suốt quê hương,
Ngoại lai chủ nghĩa (2) tan dòng sử,
Dân chúng dựng xây nước Việt hùng.
Xin chào thế kỷ bình minh mới,
Tôi sống trong ngàn năm thứ ba.
Hy vọng dân tôi vượt thế giới,
Tự Do Dân Chủ sẽ hoan ca.

QUỐC NAM K22

(TG "Tình Ca Linh Alpha Đỏ" xb 1968)

Chú thích:

(1) *Tự Dân*: viết gọn của 2 chữ *Tự Do* & *Dân Chủ*; cũng có nghĩa là "Từ nhân dân".

(2) *Ngoại Lai Chủ Nghĩa*: ý nói "Xã Hội Chủ Nghĩa" là chủ thuyết Mác-Lê do Hồ Chí Minh và Đảng CSVN đưa từ Nga-Sô vào VN, làm tan nát đất nước ta.

■ *Hồi ký 30/04*

Nỗi Niềm Của Cụ Trần Văn Hương

■ *Nguyễn Chánh Trực K20*

Là một quân nhân, tôi được cái may mắn gắn gũi với cụ Trần Văn Hương vào những ngày cuối cùng của miền Nam, nhất là những lúc đầu sôi lửa bỏng khi thủ đô Sài Gòn đang bị cộng quân vây hãm. Tình hình thật là cấp bách sau khi Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức vào ngày 21/4/75, bàn giao chức vụ Tổng Thống lại cho cụ Trần Văn Hương theo hiến pháp. Cụ Hương đã nhận lấy chức vụ đứng đầu một đất nước trong hoàn cảnh thật là khó khăn. Một mặt, dưới sức ép thật nặng nề từ người bạn đồng minh Hoa Kỳ muốn sớm rút chân ra khỏi Việt Nam; mặt khác, về phía địch, cộng sản Bắc Việt biết rõ sự suy yếu hoàn toàn của chánh quyền miền Nam dưới sự bỏ rơi của Mỹ nên càng gia tăng áp lực, đưa quân uy hiếp thủ đô Sài Gòn. Thêm vào đó, thành phần thân cộng có mặt trong guồng máy miền Nam cũng luôn tạo áp lực để đòi hỏi lật đổ chánh quyền miền Nam bằng sự thay thế một chánh quyền do cộng sản kiểm soát.

Trong thời gian bảy ngày sau khi bàn giao với Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, cuối cùng cụ Trần Văn Hương phải chấp nhận việc bàn giao cho tướng Dương Văn Minh theo diễn tiến như sau:

- Ngày 21/4/75, tổng thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức, cụ Trần Văn Hương nhận lãnh chức vụ Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa.

- Ngày 26/4/75, Đại Sứ Martin yết kiến và thông báo cho cụ Hương về áp lực cộng sản Bắc Việt và khả năng của cộng quân tấn công vào Sài Gòn.



Cụ Hương và những nhân viên thuộc cấp

- Ngày 27/4/75, Quốc Hội VNCH họp và biểu quyết việc trao quyền lại cho Tướng Dương Văn Minh.

- Ngày 28/4/75, vào lúc 5g chiều, cụ Trần Văn Hương trao quyền lại cho tướng Dương Văn Minh theo quyết định của quốc hội.

Trong bài diễn văn Tổng Thống Trần Văn Hương đọc trước quốc hội ngày 26/4/75, chúng ta thấy rõ ràng Cụ Trần Văn Hương không thoát khỏi áp lực quá mạnh, một của người bạn đồng minh Hoa Kỳ, và một về phía cộng sản Bắc Việt mà tướng lưu vong Dương Văn Minh được sắp xếp như là một con cờ chính trị để làm nhiệm vụ xóa chính quyền

Việt Nam Cộng Hòa. Chúng ta hãy nhớ lại những gì cụ Hương đã phát biểu có tính cách lịch sử trong bài diễn văn tại quốc hội dưới sự hiện của đầy đủ dân biểu và thượng nghị sĩ. Cụ Hương đã cho biết rằng Cụ chỉ muốn chỉ định Đại Tướng Dương Văn Minh trong vai trò thủ tướng:

- “Xin Anh chấp nhận cái ghế thủ tướng để đứng ra thương thuyết với phía bên kia.”

Nhưng Đại Tướng Dương Văn Minh vẫn khăng khăng đòi chức vụ tổng thống chứ không ở vai trò thủ tướng. Đại Tướng Minh nói:

- “Thầy đã hy sinh đến nước này, thôi xin thầy ráng hy sinh một bước nữa mà thầy trao trọn quyền cho tôi.”

Trước áp lực từ mọi phía, Cụ Hương vẫn cố giữ uy quyền của một chính thể miền Nam thể hiện qua hiến pháp của nền Đệ Nhị Cộng Hòa. Cụ Hương phát biểu như sau:

- “Nước Việt Nam chúng ta mặc dù mất đi rất nhiều rồi, nhưng cái gọi là pháp lý, căn bản pháp lý vẫn còn. Quốc Hội vẫn còn đây, Hiến Pháp vẫn còn đây, tôi không thể làm một chuyện qua mặt được Quốc Hội và Hiến Pháp. Vả lại, cái quyền hiện tại, gọi là ở trong tay tôi, là một cái quyền do nơi Hiến Pháp mà ra. Đây không phải là cái khăn mouchoir. Đây không phải là một tờ giấy bạc từ ở trong tay tôi, tôi móc đưa cho đại tướng lúc nào thì tôi đưa, như: 'Đây, cái quyền này.' Tôi không thể làm như vậy được! Bởi vậy cho nên tôi nói vấn đề này tôi không thể giải quyết được. Nếu có muốn giải quyết chẳng nữa, rồi đây tôi phải trình lại Quốc Hội để Quốc Hội quyết định lại như thế nào.”

Trước khi trao quyền cho Đại Tướng Dương Văn Minh, cụ Hương đã vạch ra mối nghi ngờ về vai trò của tướng Minh khi đứng ra thương thuyết, cụ nói:

- “Thưa quý vị, Đại tướng cho rằng mình có thể nói chuyện với bên kia. Đại tướng nói rằng bên kia đã chấp nhận nói chuyện với đại tướng. Cái chuyện này tôi xin phép không phải là tôi nghi ngờ, nhưng mà tôi, khi nào tôi nắm được bằng cứ chính rồi, chừng đó tôi mới tin được là như vậy. Nhưng tôi thiết nghĩ đại tướng trong cuộc thương

thuyết này là lãnh nhiệm vụ của một người do Quốc Hội chấp nhận đứng ra thương thuyết mà giao cho đại tướng. Nếu mà đại tướng tự nhiên đi nói chuyện với phía bên kia, xin lỗi đại tướng đến nói chuyện với danh nghĩa gì? Đại tướng nói chuyện đại diện cho ai mà nói chuyện với bên kia?

Lại nữa, tôi nghĩ đại tướng đã có cái gì mà cam đoan rằng những điều kiện đại tướng sẽ thu thập được là điều kiện, tôi không nói là hoàn toàn thuận lợi, mà là điều kiện ít đau khổ, ít nhục nhã cho nước Việt Nam Cộng Hòa chúng ta, nghĩa là của chung chúng ta. Ở đây có cái gì bảo đảm chuyện đó hay không?"

Cụ Hương nhấn mạnh:

- "Hai chính phủ thương thuyết với nhau, có thể nào chánh phủ này kêu chánh phủ bên kia, anh phải chỉ định người này, người này nè, ra thương thuyết, tôi mới chấp nhận. Bằng không phải như vậy, tôi không chấp nhận. Có thể nào có được như vậy không?"

Sau khi vạch rõ cho quốc hội thấy rằng cái nguy cơ mất nước nếu quốc hội chấp thuận Đại Tướng Dương Văn Minh, nếu quốc hội không chấp nhận thì Cụ khẳng định chính quyền Việt Nam Cộng Hòa sẽ tiếp tục chiến đấu. Cụ Hương nói như sau:

- "Còn như quý vị nghĩ rằng không chấp nhận bởi vì đây là một điều kiện khắc khe, một điều kiện của người thắng trận viết cho người bại trận, thì chúng ta không còn nước gì khác hơn là lúc đó chúng ta cứ việc chết tới cùng, không còn biết làm sao hơn được, thì chừng đó cho dầu cái thành Saigon này sẽ biến thành biển máu, tôi nghĩ rằng người Việt Nam vì thể diện của mình, không thể nào từ chối được, trừ một số người không đáng gì, nói là không thể chấp nhận được chuyện đó."

Nhưng cuối cùng, dưới áp lực của nhóm chủ hòa trong quốc hội, cụ Hương đành phải trao quyền cho Đại Tướng Dương Văn Minh.

Sau khi trao quyền, Cụ Hương trở về phủ phó tổng thống và sau đó cụ trở về tư thất của cụ trong con hẻm đường

Phan Thanh Giản. Trong thời gian bấy ngày với chức vụ tổng thống trên vai, với bao áp lực dồn dập từ mọi phía, tôi nghĩ rằng cụ không còn thời giờ nào nghỉ ngơi yên lành, không còn một sự thanh thản trong tâm hồn. Với một con người lớn tuổi mà tâm trí lúc nào cũng không yên vì vận nước. Sau khi bàn giao chức vụ cho ông Dương Văn Minh, nhưng Cụ không bao giờ được yên, những người làm việc cận kề đều lo lắng cho cụ về sức khỏe. Ngày 29/4/75, cụ vẫn còn tiếp kiến ông đại sứ Mỹ Martin v.v...

Trước tình hình biến chuyển dồn dập về áp lực quân sự, võ phòng phủ phó tổng thống đặt trong tình trạng cấm trại 100%, như phần lớn các cơ quan quân sự nằm trong thủ đô Saigon. Ngày 29/4/75, tôi là một sĩ quan chịu trách nhiệm trong phiên trực, lực lượng phòng thủ tại phủ phó tổng thống lúc bình thường là một đại đội phòng vệ của Liên Đoàn An Ninh Danh Dự. Ngoài ra, thỉnh thoảng được tăng cường một, hoặc hai trung đội cảnh sát dã chiến tùy theo tình hình. Lực lượng cơ hữu thì có võ phòng phủ phó tổng thống quân số bao gồm nhiều lắm là khoảng 100 quân nhân các cấp. Phủ phó tổng thống tọa lạc trên một khuôn viên vuông vức bao quanh bởi các đường Tú Xương, Công Lý, Hiền Vương và Lê Quý Đôn, chung quanh bao gồm các biệt thự sang trọng. Những ngày cuối tháng Tư, lần lượt những gia đình xung quanh di tản, trong khi trên bầu trời, vào những ngày cuối tháng tư, trực thăng từ đệ thất hạm đội liên tục ngày đêm di tản nhân viên, và dân sự liên hệ đến chính phủ Mỹ. Trong bối cảnh chánh trị trong nước, thành phần chánh quyền chuyển tiếp Dương Văn Minh bắt đầu làm việc với những lời kêu gọi trên đài phát thanh kêu quân dân trong nước nên bình tĩnh trong một giải pháp hòa hợp hòa giải với Bắc Việt. Trong khi đó, áp lực địch càng ngày càng tiến sát vào Sài Gòn. Quân Đoàn 3 còn có Sư Đoàn 18 Bộ Binh đang quần thảo trước các sư đoàn Bắc Việt được chiến xa hỗ trợ đang tiến về cận cửa ngõ Sài Gòn.

Trước áp lực của địch, tôi liên lạc trực tiếp với Biệt Khu Thủ Đô (Chuẩn Tướng Lý Bá Hỷ), ông ấy nói như sau:

- Thật tình, tôi không biết nói với anh như thế nào hơn là chúng ta đang chuẩn bị đánh nhau với địch tại Sài Gòn trong những giờ sắp tới với đà tiến quân như thế này.

Tôi liên lạc với Tổng Tham Mưu và Quân Đoàn 3 cũng cùng một tâm trạng rối bời. Chỉ còn Quân Đoàn 4, tình hình còn trong giai đoạn sẵn sàng ứng chiến và bình tĩnh hơn. Từ khi Tướng Dương Văn Minh lên thay thế cụ Hương, tôi phải lo thêm một người nữa là Cụ Nguyễn Văn Huyền trong chức vụ Phó Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa. Trung Tá Lâm Phước Tăng, chánh sự vụ Sở Quân Vụ tại Phủ Phó Tổng Thống, đang liên lạc với cụ Huyền tại tư thất của cụ, và theo yêu cầu của Trung Tá Lâm Phước Tăng, tôi cử một trung đội của Liên Đoàn An Ninh Danh Dự đến giữ an ninh tại tư gia của cụ Huyền. Như vậy, lực lượng phòng thủ phủ phó tổng thống chỉ còn là một đại đội trừ dưới quyền chỉ huy của Thiếu Tá Hội. Nhìn thấy áp lực địch đang tiến về Sài Gòn, các lực lượng Quân Đoàn 3 đang co cụm, một vài đơn vị thiết giáp của Quân Đoàn 3 đang rút về Sài Gòn, tôi nghĩ sẽ có cuộc chiến đấu trực diện với quân chính quy của cộng sản Bắc Việt, với chiến xa yểm trợ, chúng sẽ bắn phá các vị trí then chốt, các cơ quan đầu não của Việt Nam Cộng Hòa khi chúng đã vào được thủ đô Sài Gòn. Tôi lo lắng khi nhìn lại lực lượng còn lại trong phủ phó tổng thống, với các loại vũ khí không khả năng đối phó khi địch dùng chiến xa tấn công vào phủ phó tổng thống.

Trước tình hình nghiêm trọng này, tôi trình bày với vị chỉ huy trực tiếp cao cấp nhất của chúng tôi, Trung Tá Th., chánh võ phòng. Sau khi nghe tình hình như thế, trung tá chánh võ phòng không nói năng gì và hai mươi phút sau, tôi nghe chiếc trực thăng còn lại trong phủ phó tổng thống nổ máy. Như thường lệ, mỗi khi trực thăng của phó tổng thống cất cánh là truyền tin gọi máy liên lạc. Tôi hơi ngạc nhiên vì trực thăng mới nổ máy không được bao lâu thì vội cất cánh một cách khẩn cấp. Trong khi truyền tin gọi máy theo danh hiệu của trung tá chánh võ phòng thì không được trả lời như bình thường. Linh tính cho tôi biết rằng

trung tá đã dùng chiếc trực thăng cuối cùng này để ra đi, tôi biết rằng sự ra đi của vị chỉ huy đầu đàn của võ phòng sẽ làm cho tinh thần các quân nhân còn lại sẽ giao động. Để tránh tình trạng giao động này, tôi gọi máy báo với truyền tin rằng trung tá đi công tác đặc biệt và không mang theo máy nên không cần phải liên lạc. Tôi nói truyền tin thông báo tất cả các sĩ quan còn lại vào phòng họp và tôi xuống phòng họp làm việc. Trong khi đó tôi cố gắng liên lạc với Trung Tá Lâm Phước Tăng đang công tác tại tư thất của cụ Nguyễn Văn Huyền, Trung tá Tăng nói với tôi là ông đang bận nên không về được. Mọi việc bây giờ nhờ tôi lo liệu.

Khi tôi xuống phòng họp thì gặp Đại Úy Phan Hữu Cương, Trưởng Phòng An Ninh, đã có mặt và một số sĩ quan cấp úy. Đại Úy Cương cho tôi biết chắc trung tá chánh võ phòng đã dùng chiếc trực thăng còn lại của ông Cụ để ra đi một cách vội vã. Trong phủ phó tổng thống còn lại có một mình tôi là thiếu tá. Tôi vào phòng họp và thông báo cùng anh em tình hình bây giờ đang vào những giờ phút chiến đấu với địch cận kề. Tôi kêu gọi tất cả hãy giữ vững tinh thần để làm tròn trách nhiệm của một quân nhân.

Tôi và Đại Úy Cương thảo luận phương cách tốt nhất để bảo vệ an toàn cho cụ Trần Văn Hương, vì thật sự ra tôi nhìn thấy rằng với lực lượng và vũ khí hiện tại trong tình huống này khi đụng độ với địch quân. Quân chánh quy cộng sản Bắc Việt được trang bị với vũ khí hữu hiệu hơn, cộng thêm chiến xa yểm trợ, chắc chắn khó mà bảo vệ an toàn cho cụ Hương được. Tôi đề nghị một kế hoạch hy vọng sẽ bảo vệ cụ Hương an toàn hơn. Tôi nói với Đại Úy Cương nên tìm một vị trí bí mật chỉ có Đại Úy Cương và tôi biết và đưa cụ về đó và sẽ chuyển cụ về miền Tây trước khi Sài Gòn bị tấn công. Trước khi có ý định này tôi đã liên lạc với Chuẩn Tướng Lê Quang Lương, Tư Lệnh Nhảy Dù, và một người bạn cùng khóa là Trần Tấn Hòa làm tiểu đoàn trưởng nhảy dù. Hòa đang nắm tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 6 Nhảy Dù. Tôi mới vừa gặp Hòa trên đường Lê Quý Đôn khi tiểu đoàn của Hòa về đóng trong vườn Tao Đàn, hai đứa trao nhau

danh hiệu truyền tin. Tướng Lương với tôi cùng quê Bình Dương và coi tôi như một đứa em, ông nói với tôi:

- “Em cứ liên lạc với anh Hai, và cho anh Hai biết ý định của cụ, anh Hai và Hòa sẽ đưa cụ về miền Tây sát cánh với tướng Nguyễn Khoa Nam. Em cho anh Hai hay gấp khi có quyết định của cụ.”

Cần nói thêm, tướng Lương khi còn nhỏ là bạn học cùng lớp với anh tôi và coi tôi như một đứa em. Được sự hỗ trợ tích cực của tướng Lương, tôi như vớ được một cái phao, tôi nói với Cương về điều quan trọng này. Đại Úy Cương là cháu ruột gọi cụ Hương bằng cậu. Hai chúng tôi vào gặp cụ Hương một cách bất thường trong đêm 28/4/75. Đại Úy Cương trình với cụ Hương là tôi muốn gặp cụ để trình bày một kế hoạch bảo vệ an ninh cho cụ. Cụ Hương mời tôi vào và ngồi nghe tôi trình bày. Sau khi nghe xong cụ Hương đứng dậy vỗ vào trán tôi nhẹ, cụ nói:

- “Em là người chịu trách nhiệm chỉ huy, em có quyền quyết định mọi thứ, nhưng với bản thân của qua, em đừng lo cho qua gì hết”.

Cụ nói thêm:

- “Đất nước như thế này, qua biết các em là những quân nhân, thật là rất vất vả, nhưng qua rất buồn vì qua không làm gì hơn được nữa. Qua cầu mong mọi việc không đến nỗi bất hạnh hơn nữa...”

Tôi thấy không làm sao được hơn đành đứng dậy trở về công việc của mình. Tôi liên lạc với Chuẩn Tướng Lê Quang Lương và cho tướng Lương biết sự việc không thành. Tướng Lương cũng rất quý trọng cụ Hương.

Ngày 29/4/75 đến ngày 30/4/75, tôi vẫn túc trực tại đơn vị. Trong thời gian hai ngày này, tình hình quân sự càng thêm căng thẳng trước áp lực của cộng quân. Trên không phận Sài Gòn, trực thăng của Mỹ từ đệ thất hạm đội đã liên tục bay vào ra Sài Gòn để đón những người di tản. Riêng Tổng Thống Trần Văn Hương, tuy đã bàn giao cho Đại Tướng Dương Văn Minh, cụ phải trở lại phủ phó tổng thống để tiếp Đại Sứ Martin. Đây là lần cuối cùng mà Đại

Sứ Martin thuyết phục cụ ra đi, nhưng cụ đã nói thẳng với Đại Sứ Martin như sau:

- “Thưa ngài đại sứ, tôi biết tình trạng hiện nay là nguy hiểm. Đã đến nỗi như vậy, Hoa Kỳ cũng có phần trách nhiệm trong tình trạng này. Nay ông đại sứ mời tôi ly hương, tôi rất cảm ơn ông đại sứ. Nhưng tôi đã suy nghĩ và quyết định dứt khoát ở lại nước tôi. Tôi cũng dư biết cộng sản chiếm Sài Gòn, bao nhiêu đau khổ nhục nhã sẽ trút xuống đầu dân chúng miền Nam. Tôi là người lãnh đạo hàng đầu của họ, tôi tình nguyện ở lại để chia sẻ với họ một phần nào niềm đau đớn và tủ nhục, nỗi thống khổ của người dân mất nước. Cảm ơn ông đại sứ đã đến viếng tôi.”

Riêng phần tôi và Đại Úy Cương vẫn túc trực tại phòng trực và chờ đợi một tình huống chiến đấu khi cộng quân tiến đánh Sài Gòn. Để tiện theo dõi tin tức, tôi bảo người tài xế về nhà lấy cái radio hiệu Sony 10 band mà tôi mới mua để tôi theo dõi diễn biến qua chương trình của đài phát thanh Sài Gòn.

Cho đến 10g sáng ngày 30/4/75, những gì phải tới đã tới, tướng Dương Văn Minh đọc lời kêu gọi đầu hàng. Dù rằng tôi cũng đoán được kết quả cuối cùng sẽ như thế, nhưng tôi không ngờ nó quá nhanh và dễ dàng như vậy. Tôi lặng người khi nghe tin tướng Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng. Tôi ghen ngào khi nghe tin này! Tôi thật sự là một chiến binh bại trận! Một ý nghĩ đen tối chợt đến, nhưng vừa lúc đó tiếng phone reo lên, giọng nói của vợ tôi khẩn thiết trong phone và tiếng các con tôi lao xao:

- “Anh ơi! Em đây. Anh hãy về sớm nha anh, em và các con đang chờ anh đón mẹ con em về. Em và các con đang ở dưới nhà anh chị Hai chờ đây. Nhớ thu xếp và về sớm nha anh!”

Tôi trả lời với vợ tôi:

- “Ờ! ờ anh sẽ về ngay sau khi từ già anh em trong đơn vị.”

Khi chuông điện thoại, tôi tập hợp tất cả anh em quân nhân trong đơn vị, tôi ghen ngào nói những lời chia tay

với tất cả anh em. Tôi nói với anh em như sau:

- “Chúng ta đã bị bại trận rồi, thật là đáng buồn, nhưng chúng ta đã làm trọn vẹn nhiệm vụ của một quân nhân tới giờ phút cuối cùng. Anh em cũng như tôi, tương lai sau này sẽ không biết như thế nào, tôi chúc tất cả anh em mọi sự may mắn. Bây giờ trong phủ Phó, những gì anh em có thể sử dụng được, như gạo, lương thực anh em có thể mang về mà sử dụng...”

Dù có bình tĩnh như thế nào lòng tôi vẫn thấy như một cái gì đó đè nặng trong tâm can, tôi bắt tay từng người, từ già các chiến hữu của tôi. Tôi vẫn còn mang quân phục và ra lái chiếc xe jeep. Trung Sĩ Nhất Trần Trung Nghiệp, người tài xế của tôi vội chạy theo định lái xe, nhưng tôi nói với anh:

- “Thôi, anh về lo cho bà xã anh đi vì vợ anh đang chờ ngày sanh nở đứa con đầu tiên”.

Trung Sĩ Nghiệp ôm chầm lấy tôi và khóc, tôi cũng không kềm được nước mắt, tôi nói trong nghẹn ngào:

- “Thôi chú sắp xếp rồi đi về đi kéo chị ấy trông chú”.

Tôi lái xe qua tư thất cụ Hương, mấy người bảo vệ an ninh tại tư thất của cụ Hương mở cửa cho tôi vào. Đại Úy Cương vừa trong nhà cụ ra gặp tôi ôm chầm lấy tôi, tôi không cầm nước mắt, Cương cũng vậy và cả anh em quân nhân bảo vệ. Tâm trạng mọi người bây giờ là giây phút giao động nhất của những người thua cuộc mất hết tương lai. Cương nói với tôi:

- “Ông Già suốt đêm qua tới giờ không ngủ, đang ngồi trầm ngâm trong phòng, này giờ nhiều cú điện thoại reo, nhưng Ông Già nói thôi không cần phải bắt phone nữa”.

“Ông Già” là hai tiếng thân thương mà chúng tôi nói với nhau dành cho cụ Hương. Có lẽ cụ nghĩ giờ này tình thế đất nước không còn cách gì thay đổi được nữa. Cũng có thể phe thắng trận đang tìm cách liên lạc với cụ, nên cụ không còn muốn nghe.

Tôi nói với Cương:

- “Thôi Cương hãy bình tĩnh, hãy chờ đợi những gì đang

đến với mình, mình đã thật sự mất nước rồi, số phận đã an bài, có lẽ mình sẽ mất tự do và tương lai đen tối. Cố gắng để mà lo gia đình chứ không còn cách nào hơn...”

Cương nói với tôi:

- “Thiếu tá cũng vậy, em chúc thiếu tá gặp mọi sự bình an và nhiều may mắn trong tương lai, nhưng em không biết em có thể chấp nhận cuộc sống trong tương lai sắp tới được hay không. Bây giờ em cũng không biết chính tâm trạng em như thế nào...”

Thời gian từ biệt cấp bách, tôi nói với Cương tôi phải vào từ biệt cụ Hương vì tôi nghĩ rằng trong tương lai chắc khó có thể gặp lại cụ.

Cương nói:

- “Thiếu tá cứ vào, cụ ở trong nhà một mình không có ai”.

Khi nghe Cương vào trình, cụ bước ra khỏi phòng. Tôi thấy cụ và đứng nghiêm chào. Cụ bắt tay tôi và mời tôi ngồi. Tôi nhận thấy cụ rõ ràng đang trong trạng thái mệt mỏi. Tôi rất hiểu thời gian vừa qua, những biến chuyển dồn dập của tình hình đất nước, cụ phải làm việc một cách liên tục. Hệ thống an ninh của phủ phó Tổng Thống cũng bận rộn theo sự di chuyển liên tục của cụ, nhất là sau ngày Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu bàn giao chức vụ trực tiếp điều hành đất nước cho cụ. Tôi nhìn cụ và nói:

- “Thưa cụ, hôm nay cụ có khỏe hay không?”

Như thường lệ cụ vỗ vào vai tôi và nói chậm rãi:

- “Qua vẫn khỏe, không sao đâu em.”

Cụ nói tiếp:

- “Mấy hôm nay mấy em rất vất vả, nhưng bây giờ đất nước không còn, trong tương lai cuộc sống các em và gia đình càng vất vả hơn. Không biết rồi đất nước mình sẽ như thế nào. Qua không còn biết làm sao hơn nữa vì nó vượt qua mọi ý muốn của mình. Thật là một sự bất hạnh cho dân tộc Việt Nam của mình!”

Ngừng một lát, cụ nhìn tôi nói tiếp:

- “Thời gian qua em và một các anh em quân nhân cũng đã rất mệt lo cho qua. Xin cho qua gửi lời cảm ơn đến các

em. Qua cầu chúc cho em và tất cả quân nhân cùng gia đình được bình an và mọi sự may mắn trong tương lai...”

Tôi nhìn cụ và cảm thấy thương cụ vô cùng, cả tôi và cụ không cầm được nước mắt. Tôi thấy cụ cố nén nỗi buồn, thỉnh thoảng lấy khăn ra chậm giọt nước mắt cho nó khỏi rơi xuống. Cụ muốn nói nhiều nhưng giọng nói ngắt quãng vì xúc động. Trong khi nhìn qua Cường thì nước mắt tuôn trào. Tôi nhìn cụ và nói:

- “Thưa cụ, xin cụ yên tâm, là quân nhân việc gian khổ là chuyện bình thường, xin cụ chớ bận tâm. Con cầu xin mọi sự an lành đến với cụ vì cụ là người lãnh đạo của đất nước. Con sợ mọi sự không lành đến với cụ.”

Cụ ân cần nói với tôi:

- “Em đừng lo cho qua, qua chọn việc ở lại với đất nước là qua chấp nhận tất cả mọi việc không may xảy ra đối với qua. Qua hiểu rằng khi cộng sản chiếm đất nước thì dân tình sẽ bất hạnh và khốn khổ khôn lường. Cái chết, đối với qua là việc rất bình thường. Qua chỉ thương sinh linh thống khổ...”

Thấy đã lâu, tôi đứng dậy từ biệt cụ, tôi ôm cụ và nói:

- “Con cầu chúc cho cụ mọi sự bình an...”

Quá 12g30 trưa ngày 30/4/75, hai giờ sau khi thành phố Sài Gòn đổi chủ, Cường tiễn tôi ra cổng. Cường ôm tôi khá lâu và chúc tôi được bình an và nhiều may mắn. Tôi cũng chúc Cường như vậy và tôi lên chiếc xe jeep lái về đường Sư Vạn Hạnh để đón vợ con từ nhà người chị Hai của vợ tôi về nhà.

Đường phố Sài Gòn rối loạn, xe chạy vội vã không còn luật lệ lưu thông. Tôi lái chiếc xe jeep từ nhà cụ theo đường Phan Thanh Giản, Công Lý, Hiền Vương, Trần Quốc Toản, chạy vòng qua Lý Thái Tổ đã thấy một xe lam gắn cờ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam xuất hiện với loa phóng thanh hô hào tiêu diệt bọn “Mỹ Ngụy”. Tôi lái xe vượt lách vào đường Cộng Hòa và chạy về đường Thành Thái mà lòng đau như cắt. Cuối cùng, lái về đường Sư Vạn Hạnh đón vợ con về nhà trên đường phố rối loạn trong thời gian đổi chủ.

Thả vợ con xuống con hẻm trên đường Trần Quốc Toản để đi bộ vào nhà, tôi lái chiếc xe jeep quẹo vào đường Cao Thắng và đậu lại bên đường, bỏ lại chiếc xe jeep trên đường Cao Thắng, góc đường Phan Thanh Giản... Tuần lễ sau, tôi có dịp đi ngang đường Cao Thắng, tôi thấy chiếc xe jeep đã bị đập phá, tôi nhìn thấy mà đau lòng.

Sau khi cộng sản Bắc Việt vào Dinh Độc Lập bàn giao với Tướng Dương Văn Minh, đài phát thanh Việt Nam Cộng Hòa biến thành đài phát thanh của “giải phóng”, chương trình phát thanh của chánh quyền mới kêu gọi quân đội Việt Nam Cộng Hòa buông súng và tuân thủ luật lệ của chánh quyền mới. Tại Sài Gòn là Ủy Ban Quân Quản thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn, người đứng đầu là Thượng Tướng Trần Văn Trà....

Theo lệnh, sáng hôm sau tôi đến trình diện tại nha Tổng Thơ Ký/Phủ Phó Tổng Thống cũng nằm trên đường Lê Quý Đôn. Tại đây, sau khi làm thủ tục khai lý lịch trích ngang với người bộ đội đến nhận phủ phó Tổng Thống, tôi bị giữ lại gần hai tiếng. Tôi nghĩ rằng tôi sẽ bị giữ lại luôn. Tuy nhiên, sau đó tôi được thả ra về.

- “Tôi cho anh về, nhưng nhớ khi có lệnh là anh phải trình diện ngay, các anh không trốn khỏi chúng tôi đâu.”

Tôi nghĩ rằng tôi sẽ bị giữ lại luôn vì khi xem lý lịch của tôi, tên bộ đội tiếp quản tỏ ra gay gắt. Hấn nói:

- “Cấp bậc của anh có đúng là thiếu tá hay không?”

Tôi trả lời với hấn:

- “Tôi đã ghi rõ ràng trong tờ giấy mà anh đưa cho tôi đó, cấp bậc của tôi là thiếu tá.”

Hấn hỏi tiếp:

- “Có phải anh là thiếu tá ở tới giờ phút cuối cùng phải không?”

Tôi nói với hấn:

- “Đúng rồi, tôi ở tới giờ phút cuối cùng với anh em thuộc quân đội của chúng tôi.”

Thì ra trước khi làm việc với tôi, hấn đã làm việc với anh em quân nhân thuộc phủ phó tổng thống nên khi thấy

lý lịch của tôi, hắn mới kiếm chuyện hạch hỏi thêm.

Hắn nhìn tôi và buông ra một câu nói trịch thượng của đám quân chiến thắng, hắn nói:

- “Trông anh thật bướng bỉnh, tại sao anh không bỏ chạy như thằng Thiệu, thằng Kỳ và thằng Khiêm?”

Tôi cảm thấy đau nhói trước câu nói của hắn, nhưng cố bình tĩnh trả lời:

- “Anh là một quân nhân và tôi là một quân nhân, thì anh phải hiểu rõ quân nhân phải tuân lệnh như thế nào.”

Hắn nhìn tôi và nói tiếp:

- “Bây giờ anh nghĩ như thế nào, có còn dám chống lại nữa hay không?”

Tôi vẫn cố bình tĩnh trả lời:

- “Các anh là kẻ chiến thắng, chúng tôi là kẻ bại trận, các anh muốn làm gì chúng tôi thì các anh cứ làm, tùy vào các anh.”

Tôi thấy hầu như mọi người đều có mặt trong buổi sáng hôm đó, nhưng đặc biệt tôi không thấy sự hiện diện của Đại Úy Phan Hữu Cương. Tôi hỏi, nhưng mà chẳng ai biết.

Khi tôi ra về, bên ngoài đường còn khoảng năm, sáu anh em quân nhân, các ông thượng sĩ già trong ban truyền tin vẫn còn lóng ngóng xem tôi có được thả ra về hay không, tôi nhớ Thượng Sĩ Chí, Thượng Sĩ Ngỗng thuộc ban truyền tin, và một vài anh em khác, họ thấy tôi bị giữ lại khá lâu nên tưởng tôi bị bắt luôn, nhưng khi thấy tôi ra, họ thở phào nhẹ nhõm. Họ nói:

- “Tụi em cứ tưởng thiếu tá bị giữ lại rồi, Nghiệp tài xế của thiếu tá dự định về nhà cho bà xã thiếu tá hay, nhưng tụi em nói cứ đợi một chút coi chúng nó có chở thiếu tá đi hay không rồi hãy về cho hay. Thật may, thiếu tá được về. Hồi sáng nãy anh em chưa ai ăn gì nên rất đói, vậy mời thiếu tá lại quán phở cạnh đường Lê Quý Đôn ăn luôn rồi mình chia tay vì biết bao giờ mới có thể gặp lại nhau.”

Chúng tôi ăn phở lần cuối cùng rồi chia tay trong tâm trạng buồn bã. Khi chia tay, tôi nhớ tới Cương, không biết tại sao, sáng tới giờ không thấy Cương, lòng tôi như sốt

ruột, như một thứ tình cảm đặc biệt đối với Cương thúc giục, tôi đi bộ đến tư thất của cụ Hương để tìm Cương và luôn tiện xem hiện giờ cụ Hương ra sao. Khi tôi đến, một người cận vệ cũ vẫn còn chạy ra mở cửa cho tôi vào mà nước mắt anh còn chảy tràn trề với đôi mắt đỏ hoe. Linh tính cho tôi biết một điều không lành, tôi chưa kịp hỏi thì người cận vệ òa lên khóc và cho tôi hay Đại Úy Phan Hữu Cương đã chết rồi! Anh ta nói:

- “Thiếu tá ơi! Đại Úy Cương đã tự sát đêm qua, hiện xác đang còn để trên divan trong nhà!”

Tôi thật bàng hoàng trước cái tin sét đánh ngang tai này, tôi hỏi lại:

- “Thật sự như vậy sao?”

Người cận vệ trung thành nói:

- “Đạ, ông thầy của em không còn nữa!”

Khi tôi bước vào, một hình ảnh đập vào mắt tôi như sau: Trên chiếc divan, xác của Cương hầu như nguyên vẹn, vẫn còn ấm, đôi mắt chưa nhắm lại hoàn toàn. Cụ Hương mang kính đen, ngồi phía trên đầu cái divan, có lẽ lòng Cụ đang trong niềm đau tột cùng vì sự ra đi của đứa cháu ruột, một đứa cháu hết lòng lo cho sự an nguy của mình. Tôi cúi đầu nghiêm trang chào cụ và nhìn xác Cương xá một cách đau xót. Có lẽ trưa ngày hôm qua, Cương ôm chầm tôi mà khóc vì hình như Cương đã quyết định trong đầu, và có lẽ Cương biết rằng Cương không còn gặp lại tôi. Tôi lấy tay vuốt mắt cho Cương nhắm hẳn lại mà giọt nước mắt tuôn tràn, tôi không thể nào cầm được nước mắt. Là một quân nhân tôi chứng kiến rất nhiều cảnh chết chóc, nhưng cái chết này của Cương, tôi thấy lòng mình xót xa quá. Hỏi ra, tôi được biết hai vợ chồng quyên sinh, nhưng bà xã của Cương còn đang hấp hối, không biết có qua được hay không?

Tôi biết đối với cụ Hương, vào lúc này cụ đã chịu đựng nhiều nỗi đau tột cùng. Cụ mang mắt kính đen như để che giấu một cặp mắt quầng thâm vì đất nước tan nát dưới ách thống trị của cộng sản Việt Nam, cụ đau đớn vì nỗi mất mát đứa cháu thương yêu, gần gũi với cụ. Còn cái đau nào hơn

vào lúc này đối với cụ khi mà chứng kiến bao nhiêu tang tóc xảy ra cho đất nước và cho gia đình mà mình đành bất lực với thân phận cá chậu, chim lồng hiện tại!

Thấy tôi mãi trầm ngâm khi nhìn vào thân xác của Cương, cụ nói:

- “Cương nó đã bỏ qua nó đi rồi, qua chỉ tiếc nó cũng như em, tuổi còn trẻ tương lai còn dài, tình hình ngày hôm nay rồi đây nó cũng phải thay đổi, cái gì mất lòng dân thì sẽ không tồn tại được...”

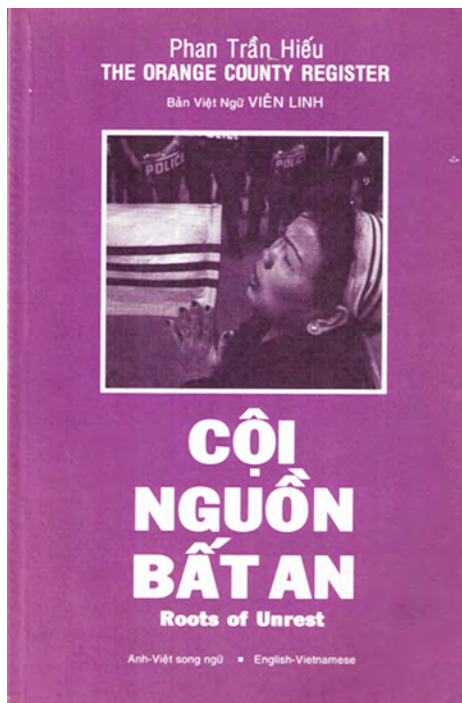
Ngừng một lát cụ nói tiếp:

- “Đáng lý ra chúng ta thống nhất đất nước từ Nam ra Bắc, chứ không phải từ Bắc vào Nam, nhưng vận nước không như mình mong ước được. Nước mình chiến tranh đã dài nhưng khi chấm dứt, trời đã khiến dân tộc này còn tiếp tục khổ đau, bản thân qua không tiếc, chỉ thương cho dân mình. Em đừng làm như Cương, em hãy can đảm lên nha em...”

Ngừng một lát rồi cụ nói tiếp:

- “Con đường em đi sau này sẽ rất chông gai, dân tộc nào còn nằm trong chế độ cộng sản thì còn đau khổ, nhưng chế độ cộng sản nào rồi cũng sụp đổ vì sẽ không còn thích hợp sau này. Tương lai dân tộc mình rồi cũng có ngày tốt đẹp, vậy em hãy can đảm đi trong con đường sắp tới đừng ngã lòng trước nghịch cảnh như Cương”.

Thấy không tiện ở lâu, tôi đứng dậy từ



Tác phẩm của Phan Trần Hiếu

biệt cụ, từ biệt Cường lần cuối cùng trong nỗi buồn miên man.

Mãi sau này, khi qua đến Mỹ, tôi biết chị Cường rất may còn sống. Chị Cường bây giờ đang sống ở Mỹ và đưa con trai, cháu Phan Trần Hiếu, thì nay đã thành tài và là một phóng viên của tờ báo Orange County Register. Cháu đã có lần về Việt Nam thăm bà nội và ông cậu là cụ Hương. Cháu đã viết một phóng sự rất hay sau chuyến về Việt Nam này với tựa đề cuốn sách bằng song ngữ: *Cội Nguồn Bất An "Roots of Unrest"*, cháu có gửi tặng tôi một quyển.

Tôi biết Cường khi anh còn là chuẩn úy mới ra trường và về làm trung đội trưởng cho Đại Đội 1 thuộc Tiểu Đoàn 1 Công Vụ trực thuộc Biệt Khu Thủ Đô. Lúc ấy tôi là trung úy đại đội phó của đơn vị này. Cường là người sĩ quan bản tính cương trực, khi làm công việc nào được giao thì làm tới nơi tới chốn. Cường ở chung một đơn vị với tôi một thời gian thì về Phủ Thủ Tướng khi cụ Hương làm Thủ Tướng. Lúc ấy Cường muốn xin tôi về làm việc với Cường tại Phủ Thủ Tướng nhưng tôi từ chối. Mãi đến sau này khi tôi về Phòng 3 Biệt Khu Thủ Đô làm việc một thời gian khá dài, thì Cụ Hương ra đứng chung liên danh với Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, Cường xin tôi về làm việc tại Phủ Phó Tổng Thống cho đến ngày mất nước.

Ngày tôi đến tư thất của cụ Hương ăn sinh nhật cháu Phan Trần Hiếu, Cường đã giới thiệu tôi với cụ Hương. Trong bữa cơm tại tư thất, diện kiến lần đầu tiên với cụ Hương, tôi nhớ như sau:

Tôi được Cường dẫn vào giới thiệu, cụ Hương ân cần mời tôi vào bàn ăn sau khi tôi đứng nghiêm trang chào cụ và xưng danh theo một lễ nghi nhà binh đối với một thượng cấp, cụ Hương tiến đến bắt tay tôi và thân mật mời ngồi vào bàn ăn cơm trưa. Cụ lấy chén và chính tay cụ đơm cơm và trao cho tôi, cụ nói một cách ân cần:

- "Chào em, em cứ dùng cơm tự nhiên như trong nhà, Cường nó có nói với Qua về em. Cường nó muốn em về đây làm việc, ý em như thế nào?"

Trước sự ân cần của cụ Hương, tôi thật vô cùng cảm động. Từ lâu rồi, qua báo chí, truyền hình, hình ảnh của cụ qua những vai trò cụ Hương đảm nhiệm như đô trưởng, thủ tướng, tôi đã thầm khâm phục tư cách đạo đức, nay được diện kiến lần đầu tiên con người ấy bằng xương, bằng thịt qua bữa cơm gia đình thịnh soạn, ấm cúng. Tôi thấy không còn cách nào khác hơn là nhận nhiệm vụ mới tại Phủ Phó Tổng thống, tôi nói với cụ:

- “Thưa cụ, tôi xin cảm ơn Trung Úy Cương đã tin nhiệm tôi và đề cử tôi về làm việc tại phủ phó tổng thống, và tôi xin cảm ơn cụ đã chấp nhận cho tôi về làm việc. Tôi sẽ cố hết sức mình để hoàn thành trách nhiệm của một quân nhân được giao phó”.

Sáng thứ hai ngày hôm sau, theo lệnh của Biệt Khu Thủ Đô, tôi qua trình diện tại Phủ Phó Tổng Thống và làm việc tới ngày mất nước 30/4/75.

Thật tình, tôi hoàn toàn hơi ngạc nhiên vì tôi thật sự chưa được Cương cho biết trước về điều này. Từ lâu rồi Cương vẫn thường liên lạc với tôi từ khi Cương về làm việc với cụ khi cụ làm thủ tướng. Cương vẫn thường hay mời tôi đến tư thất của cụ, nơi Cương ở chung và làm việc với cụ, nhưng tôi chưa một lần nào bước chân tới vì tôi rất ngại đến những nơi như vậy. Tuần rồi tôi nhận được một lá thư viết vội vã bằng tờ giấy nhỏ quăng vào nhà như sau:

- “Thưa đại úy, ngày hôm nay em có đến nhà đại úy mấy lần mà đại úy vẫn chưa về nên em viết lá thư này, em khẩn khoản kính mời đại úy đến nhà em ăn sinh nhật đứa con đầu lòng của em, em mong đại úy chớ chối từ. Trung Úy Phan Hữu Cương”.

Thấy lá thư với lời tha thiết như vậy, tôi nói với bà xã mua một món quà và ngày chúa nhật hôm đó tôi mang quà đến cho con của Cương. Cương ra mở cửa đón tôi vào và cười:

- “Thật ra hôm nay không phải là ngày sinh nhật của con em, em lấy lý do này để đại úy đến với em và ăn cơm trưa với gia đình em”.

Sự việc là do sự xếp đặt của Cương, vì Cương muốn tôi

về làm việc tại Phủ Phó Tổng thống với Cương.

Cương ơi, khi viết đến đây, tôi bỗng nhớ như in cái ngày hội ngộ đặc biệt này và tôi vẫn nhớ ơn Cương một quân nhân mà tôi rất quý trọng. Tôi nhớ cái phong cách quá ân cần và thật gần gũi của cụ Hương. Tôi nhớ một bữa ăn thật đơn giản của một vị phó tổng thống với cơm rau và cá kho bình thường.

Trong công việc mà tôi phụ trách, thật tình tôi không phải là người có cơ hội được gần với cụ Hương, chỉ đến khi những ngày đầu sôi lửa bỏng, những ngày sau cùng của tháng tư đen, tôi mới thật sự bên cụ. Tuy nhiên, đối với tất cả mọi người có cơ hội làm việc tại phủ phó tổng thống đều nhìn thấy cụ là một con người bình dị, hiền hòa, đáng kính... Nhiều khi tôi thấy phòng an ninh mở cửa cho một xe mì gõ vùng quanh phủ phó tổng thống vào. Một lát sau thế nào phòng tùy viên cũng gọi điện thoại thông báo:

- “Ông Già mời ăn mì”.

Thế là tất cả quân nhân và công chức đều quây quần đến xe mì ăn mì chung với cụ. Hình ảnh này tôi thấy cụ thật gần gũi với mọi người. Cụ nói chuyện hết sức thân mật, đi bắt tay từng người, hỏi thăm ân cần. Nhiều khi trong phủ phó, tôi thấy cụ ngồi với chiếc áo thun sườn vai, hoặc rách một vài chỗ. Tôi được người nhà cho biết quần áo của cụ đã cũ mà cụ không cho bỏ đi. Cụ nói:

- “Nhiều người còn không có áo mặc, có giày dép để đi, mình có thì không nên phí phạm, mặc như vậy có rách chút không sao.”

Đây là lời bà cô trong gia đình nói lại.

Đối với quân đội, cụ luôn luôn quan tâm đến những khó khăn mà anh em quân nhân đang sống và theo dõi rất sát tình hình chiến sự. Có lần đích thân tôi được giao nhiệm vụ mang một số quà của cụ trao cho các cô nhi quả phụ tại Sư Đoàn 5 bộ binh nhân ngày kỷ niệm 10 năm thành lập Sư Đoàn 5 Bộ Binh, lúc ấy Chuẩn Tướng Trần Quốc Lịch là Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh tại Lai Khê.

Rồi, khi được tin tướng Đỗ Cao Trí bị tử nạn trực thăng,

cụ không cầm được nước mắt, cụ nói:

- “Việt Nam Cộng Hòa vừa mất đi một tướng tài trong tình thế nghiêm trọng của đất nước trước sự xâm nhập từ miền Bắc của địch quân.”

Tôi nhớ Đại Úy Cường đã nói với tôi:

- “Khi nghe tin ông Tướng Trí chết bất ngờ, khi Quân Đoàn 3 đang mở cuộc hành quân vây hãm cộng quân khi chúng dùng lãnh thổ Lào và Cambuchia xâm nhập miền Nam, ông Già khóc và buồn lắm.”

Ngoài việc bận tâm trong công việc lãnh đạo đất nước, hiểu rõ chiến tranh là tàn bạo và đời sống binh sĩ còn nhiều khó khăn, cụ Hương còn một tấm lòng nhân ái đến những người bất hạnh trong xã hội. Cụ rất quan tâm đến những người bị bệnh phong cùi tại trại cùi Di Linh, cụ hiểu rõ đến công sức của những người tận tụy phục vụ những người bị bệnh này. Điển hình là công đức và lòng bác ái của Đức Cha Jean Cassaigne, một người cả một cuộc đời dành trọn sự thương yêu đối với những người mang bệnh phong cùi tại trại này. Cụ Hương đã đề cử hai nhân viên cao cấp đến trao tặng một huy chương cao quý của chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa cho Đức Cha Jean Casaigne vào ngày 12/4/1973

Khi chấp nhận ở lại đất nước, cụ hiểu rất rõ các đòn trả thù của cộng sản vào thành phần quân, cán, chính Việt Nam Cộng Hòa. Cụ đã thẳng thắn từ chối nhận quyền công dân khi chính quyền cộng sản Việt Nam dự định trao lại cho cụ như là một hình thức tuyên truyền. Cụ từ chối và nói trong bức thư đến cấp lãnh đạo cộng sản Việt Nam như sau:

- “Hiện nay vẫn còn hàng trăm ngàn nhân viên chế độ cũ, cả văn lẫn võ, từ phó thủ tướng đến tổng bộ trưởng, các tướng lãnh, quân nhân, công chức các cấp, các chánh trị gia, các vị lãnh đạo tôn giáo, đảng phái, đang bị tập trung trong các trại cải tạo, rỉ tai ngắn hạn mà cho đến nay vẫn chưa thấy về. Tôi là người đứng đầu hàng lãnh đạo chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa, xin lãnh hết trách nhiệm một mình. Tôi xin chính phủ mới, hãy thả họ về hết, vì họ là những người chỉ biết thừa hành mệnh lệnh cấp trên, họ không có

tội gì cả. Chẳng nào những người tập trung cải tạo được về hết, chẳng nào họ nhận được đầy đủ quyền công dân, chẳng đó, tôi sẽ là người cuối cùng sau họ, nhận quyền công dân cho cá nhân tôi”.

Nay thì cụ đã không còn nhưng lúc nào cũng là tấm gương trong sáng của một kẻ sĩ suốt đời tận tụy với dân với nước, sống thanh bần, liêm chính trong mọi hoàn cảnh. Tấm gương của cụ về lòng yêu nước thương dân, đức độ của cụ làm cho những người từng làm việc với cụ ngưỡng mộ. Cụ đã ra đi vào ngày vào ngày 27/1/1982 năm Nhâm Tuất. Trong niềm thương tiếc cụ Trần Văn Hương, hàng năm, chúng tôi, những quân nhân một thời làm việc tại phủ phó tổng thống thường tập trung tại nhà của Đại Úy Nguyễn Văn Nhựt, một sĩ quan tùy viên luôn luôn cận kề bên cụ trong mọi hoàn cảnh. Đại Úy Nhựt thờ cụ trên bàn thờ của gia đình và thương yêu cụ như chính là thân phụ của mình. Chúng tôi thương kính cụ Hương vì chúng tôi hiểu rất nhiều về cụ, một con người tận tụy với đất nước. Cụ đau cái đau chung của dân tộc khi phải sống dưới sự độc tài áp bức. Nhưng bên cạnh niềm đau đó, cụ còn cái đau riêng vì mình chưa hoàn thành được trách nhiệm của một kẻ sĩ trước cơn quốc biến. Nhưng trước lịch sử, cụ đã để lại cho hậu thế một tấm gương trong sáng của lòng yêu nước chân chính.

Chúng tôi luôn cầu nguyện cho cụ Hương, người cháu của cụ, Đại Úy Phan Hữu Cương được sống trong cõi an bình với lòng thanh thản, nhẹ nhàng.

***Thiếu Tá Nguyễn Chánh Trực K20
Cựu Trưởng Phòng Quân Vụ
Võ Phòng Phủ Phó Tổng Thống***



Trả Ta Sông Núi

■ *Vũ Hoàng Chương*

Trái bốn nghìn năm dựng nước nhà,
Sông khoe hùng dũng núi nguy nga
"Trả ta sông núi!" bao người trước,
Gào thét đòi cho bọn chúng ta.

"Trả ta sông núi!" từng trang sử,
Dân tộc còn nghe vọng thiết tha.
Ngược vết thời gian, cùng nhấn nhủ:
"Không đòi, ai trả núi sông ta!"

Cờ báo phục, Hai Bà khởi nghĩa,
Đuổi quân thù, xưng đế một phương.
Long Biên sấm dậy sa trường,
Ba Thu xã tắc, miếu đường uy nghi.

Xót nòi giống quản chi bồ liễu
Dòng Cẩm Khê còn réo tinh anh.
Một phen sông núi tranh giành,
Má hồng ghi dấu sử xanh muôn đời...
Bể dâu mấy cuộc đổi đời
Lòng trăm họ vẫn dầu sôi bùng bùng.

Mai Hắc Đế, Phùng Hưng Bó Cái,
Liều thế cô giăng lai biên cương.
Đầu voi Lệ Hải Bà Vương
Dù khi chiến tử vẫn gương anh hào.
Tinh thần độc lập nêu cao,
Sài lang kia: núi sông nào của người?...

Núi sông ấy của người dân Việt
Chống Bắc phương từng quyết thư hùng,
Ngô Quyền đại phá Lưu Cung,
Bạch Đằng Giang nổi muôn trùng sóng reo...

Hồn tự chủ về theo lửa đuốc,
Chữ thiên thu: "Nam Quốc Sơn Hà..."
Phá tan nghịch lỗ không tha,
Tướng quân Thường Kiệt gan già mấy mươi.

Gươm chiến thẳng trở vời Đông Bắc,
Hịch vãi nêu tội giặc tham tàn.
Dựng nhân nghĩa, vớt lầm than,
Danh thơm ả ngoại sấm ran biên thù...
Khí thiêng tỏa chói tứ bề,
Phường đô hộ có gai ghê ít nhiều...

Cửa Hàm Tử vắng teo vết cáo,
Bến Chương Dương cướp giáo quân thù.
Trận Đà Mạc dấu rắng thua,
"Làm Nam quý chẳng làm vua Bắc đình."

Chém kiêu tướng, đồn binh Tây Kết,
Triều Phú Lương gằm thét giang tân.
"Phá cường địch báo hoàng ân"
Trẻ thơ giồng máu họ Trần cũng sôi...

Kìa trận đánh bèo trôi sóng dập,
Sông Bạch Đằng thây lấp xương khô!
Những ai qua lại bây giờ,
Nghe hơi gió thoảng còn nghe quân reo...

Hịch Vạn Kiếp lời khêu tướng sĩ
Hội Diên Hồng quyết nghị toàn dân.
Khuông phù một dạ ân cần,
Vó thiêng ngựa đá hai lần bùn dây...
Sơn hà máu độ lung lay
Máu bao chiến sĩ nhuộm say màu cờ.

Cảm ý núi ngời mơ độc lập,
Thuận tình sông trôi gấp tự do,
Ấy ai đâu dựng cơ đồ
Gấm thêu lời chiếu Bình Ngô thủa nào?

Cơ nguy khốn ra vào sinh tử,
Thân nằm gai lòng giữ sắt son.
Linh Sơn lương chữa hao mòn,
Quân tan Côi huyện chẳng còn mảy may.

Chén rượu ngọt còn say thắm thía,
Tình cha con mà nghĩa vua tôi.
Thuận dân là hợp ý trời,
Sử xanh chót vót công người Lam Sơn.
Quốc dân chung một mối hờn
Cần câu đánh giặc mà hơn giáo dài!...

Chống ngoại địch gươm mài quyết chiến
Voi Quang Trung thẳng tiến Kinh Kỳ,
Phá Thanh binh, trận Thanh Trì,
Sông Hồng khoảnh khắc lâm ly máu hồng.

Núi dậy sấm cho sông lòe chớp,
Cờ Tây Sơn bay rợp Bắc Hà.
Xác thù xây ngất Đống Đa
Bụi trường chinh hã còn pha chiến bào...
Tinh thần độc lập nêu cao,
Sài lang kia, núi sông nào của người?...

Cường quyền vẫn muôn đời cưỡng áp
Dưới bàn tay giặc Pháp càng đau...
Chúa tôi nhỏ lệ cùng nhau,
Khua chiêng hải ngoại, rừng sâu kéo cờ.

Dạ Cần Vương trợ trợ thiết thạch,
Kẻ Văn Thân hiệp khách cùng chung.
Hoàng Hoa Thám, Phan Đình Phùng
Khói reo Thanh Nghệ, lửa bùng Thái Nguyên.

Hợp Nghĩa Thục kết liên đồng chí
Xuất dương tìm tri kỷ Đông Đô
Phan Sào Nam, Phan Tây Hồ
Long đong bốn bể mưu đồ cứu dân.

Vận nước chứa hết tuần bĩ cực
Sức người khôn đọ sức ông xanh,
Mỗi phen gắng gỏi tung hoành
Thương ơi, sự nghiệp tan tành mỗi phen!...

Nguyễn Thái Học gan bền chí cả
Hợp đồng bang giống giả nên đoàn,
Rừng xanh, bụi đỏ gian nan,
Mong đem nhiệt huyết đội tan cường quyền.

Tổ chức việc tuyên truyền, ám sát
Khắp nơi nơi từng hạt, từng châu,
Xiết bao hi vọng buổi đầu
Một đêm Yên Bái ngỡ đâu tan tành!...

Ôi, Việt Sử là tranh đấu sử!
Trước đến sau cầm cự nào ngơi,
Tinh thần độc lập sáng ngời,
Bao người ngã lại bao người đứng lên.

Ngày nay muốn sông bền núi vững,
Phải làm sao cho xứng người xưa.
Yêu nòi giống, hiểu thời cơ,
Bốn phương một ý phụng thờ giang sơn.
Đừng lo yếu, hãy chung hờn:
Cần câu đánh giặc từng hơn giáo dài!

"Trả núi sông ta!" lời dĩ vãng
Thiên thu còn vọng đến tương lai.
"Trả ta sông núi!" câu hùng tráng
Là súng là gươm giữ đất đai...

Trông lên cao ngất phương trời,
Hồn thiêng liệt sĩ bừng tươi sắc cờ

TQLCVN Bắt Quân Trung Cộng Trên Đảo DUCAN

■ MX. Cố Tấn Tinh Châu



Hình chụp năm 1961 khi tác giả là Đại Úy Tiểu Đoàn Phó TĐ2/TQLC đóng tại Cam Ranh ▶

LTS:

Hầu hết chúng ta chỉ biết đến trận hải chiến Hoàng Sa xảy ra vào tháng 1/1974 giữa HQ/VNCH và quân Trung Cộng, nhưng ít ai biết là 15 năm trước đó, năm 1/1959, đã có một trận đánh giữa TQLCVN và quân Trung Cộng ở Hoàng Sa. Nói cho chính xác hơn là sau khi thủ tướng CSVN Phạm Văn Đồng dâng quần đảo Hoàng Sa cho Trung Cộng thì chúng đã đem dân quân đến thiết lập cơ sở tại đây, nhưng đã bị TQLCVN đánh đuổi và bắt sống. Người chỉ huy trực tiếp cuộc hành quân này là Trung Úy Cố Tấn Tinh Châu, ĐĐT/ĐĐ3/TĐ2. Năm 1963, Đại úy Cố Tấn Tinh Châu là Tiểu Đoàn Trưởng TĐ2/TQLC và sau này ông là phụ tá Đại Tá Lâm Quang Thơ, CHT Trường Võ Bị Quốc Gia VN.

Ban biên tập Đa Hiệu xin giới thiệu cùng đọc giả bài viết của cựu Đại Tá TQLC Cố Tấn Tinh Châu.

Vào khoảng đầu năm 1959, Chỉ Huy Trưởng TQLCVN là Thiếu Tá Lê Như Hùng, Tiểu Đoàn Trưởng TĐ2 TQLC là Đại Úy Nguyễn Thành Yên. Tôi, Trung Úy Cổ Tấn Tinh Châu, Đại Đội Trưởng ĐĐ3/TĐ2 TQLC. Đại đội tôi đang đóng ở Cam Ranh thì được lệnh đem đại đội ra kiểm soát các đảo trong quần đảo Hoàng Sa là Pattle (đảo chánh), Robert, Duncan, Drumont và Money. Khi đến quần đảo Hoàng Sa thì tôi đóng quân tại đảo Pattle với 2 trung đội, còn một trung đội thì đóng trên đảo Robert. Hai ngày sau tôi nhận được lệnh di chuyển bằng chiến hạm do HQ Trung Úy Vũ Xuân An¹ làm hạm trưởng đến kiểm soát đảo Ducan, sau này tên Việt Nam là đảo Quang Hòa, cách đảo Pattle chừng 1 giờ 30 phút đi bằng tàu.

Tôi chỉ đi với một trung đội+, phần còn lại đóng và giữ hai đảo Pattle và Robert. Tàu chạy được khoảng gần một giờ thì hạm trưởng Vũ Xuân An chiếu ống nhòm và nói với tôi là trên đảo Ducan có lá cờ nhưng không phải là cờ đỏ sao vàng, rồi anh đưa ống nhòm cho tôi xem. Sau khi quan sát kỹ, tôi nói với anh đó là cờ Trung Cộng, cờ đỏ 5 sao vàng.

Tôi và hạm trưởng hội ý với nhau và quyết định dừng tàu lại để báo cáo về Bộ Tư Lệnh Hải Quân, vì thời gian đó TQLC còn dưới quyền chỉ huy của Bộ Tư Lệnh Hải Quân. Sau chừng một tiếng thì chúng tôi nhận được lệnh thượng cấp cho chiếm đảo Ducan.

Chiến hạm chở chúng tôi không phải là loại tàu đổ bộ nên tàu phải đậu cách bờ trên một cây số, vì đây là bãi san hô, không thể vào gần hơn được cũng không có xuồng để vào bờ. Tôi có nêu vấn đề khó khăn này với hạm trưởng và yêu cầu báo cáo về BTL/HQ thì tôi được lệnh “bằng

1 Hạm Trưởng Vũ Xuân An sau cùng là HQ đại tá, hiện định cư ở Canada. Khoảng 10 năm trước đây, cựu HQ Đại Tá Vũ Xuân An có đến thăm anh Châu. Nay theo lời của HQ Đặng Thanh Long thì sức khỏe của cựu hiện quá yếu, còn nhớ trận đánh này, nhưng không đầy đủ chi tiết.

mọi giá phải chiếm”.

Đây là lúc khó khăn nhất mà tôi “đơn thân độc mã” phải quyết định một mình, không liên lạc được với Đại Úy Tiểu Đoàn Trưởng Nguyễn Thành Yên để vấn kế. Không có xuồng thì phải lội trên bãi san hô gập ghềnh ngập nước nông sâu chứ đâu phải bãi cát phẳng phiu như các quan to ngồi ở BTL nghĩ rồi cho lệnh “bằng mọi giá”! Rõ là lệnh đi với lạc.

Đảo Ducan hình móng ngựa, có cây cối khá nhiều, nhìn lên đảo tôi thấy có hai dãy nhà vách cây lợp lá, thấp thoáng có bóng người đi lại sinh hoạt bình thường, dường như họ không biết có Hải Quân



và TQLC/VN đang chuẩn bị tấn công họ để chiếm lại đảo.

Khi có lệnh phải chiếm đảo bằng mọi giá mà tàu không vào sát bờ được, tàu cũng không có xuồng đổ bộ, để hạn chế tối đa thiệt hại cho đơn vị mình, tôi đã yêu cầu hạm trưởng yểm trợ hải pháo, tác xạ tối đa lên mục tiêu trước khi TQLC đổ bộ. Nhưng sau khi quan sát tình hình trên đảo tôi thay đổi ý định và yêu cầu HQ chỉ tác xạ lên mục tiêu khi chúng tôi đã nổ súng trước. Sở dĩ tôi thay đổi kế hoạch hỏa lực yểm trợ vì những lý do:

1/ Cờ Trung Cộng rõ ràng trên đảo, nhưng chưa xác định được những người trên đó là quân hay dân hoặc cả hai lẫn lộn nên nếu HQ tác xạ hải pháo lên đảo trước thì chắc chắn có thương vong, chết dân tội nghiệp.

2/ Dường như lực lượng trên đảo không biết sắp bị tấn công nên tôi chưa xin HQ tác xạ lên mục tiêu trước để giữ yếu tố bất ngờ.

3/ Nếu trên đảo là quân TC, có vũ khí, khi HQVN nổ súng coi như báo động cho họ chạy ra tuyến phòng thủ thì khi TQLCVN bị bơm lợi nước tiến lên thì chắc chắn sẽ là những tấm bia di chuyển dưới nước để quân địch trên bờ

tác xạ, thiệt hại cho TQLC là chắc chắn nhưng chưa chắc đã chiếm được đảo. Đây là những giờ phút quan trọng nhất của các cấp chỉ huy trực tiếp tại mặt trận. Phải thi hành như thế nào giữa cái lệnh thượng cấp “bằng mọi giá” mà cái giá là sinh mạng của người lính? Mạng sống của người lính kéo theo mạng sống của gia đình vợ con họ ở hậu phương. Đành rằng nhiệm vụ của người lính là hy sinh để bảo vệ Tổ Quốc, nhưng thượng cấp ở tuyến sau, ở hậu phương cứ nhắm mắt ra lệnh bắt lính tại chiến trường hy sinh một cách không cần thiết, hy sinh vô ích cho một mục tiêu không đáng, hay mục đích cá nhân của người ra lệnh thì quả thật lệnh này là lệnh-lạc.

Tình hình địch trên đảo không rõ ràng, không cung cấp phương tiện đổ bộ nhưng lệnh ra thì phải thi hành, mà tôi là cấp chỉ huy trực tiếp tại mặt trận, sống chết của đồng đội, của thuộc cấp nằm trong tay tôi, phải thi hành như thế nào đây? Mạng sống của con người, kể cả hai phía ta và địch đâu phải là con giun con trùng, thượng cấp ở hậu phương đâu có để ra chúng tôi, đâu có biết mạng sống quý như thế nào? Do đó, tôi yêu cầu HQ sẵn sàng và chỉ trực xạ và bắn tối đa lên mục tiêu khi có súng của địch quân từ trên đảo bắn vào TQLC chúng tôi đang lội nước, đạp lên đá san hô tiến vào bờ.

Chúng tôi đổ bộ xuống, tiến quân rất chậm và khó vì bước trên đá san hô. Khi đến gần bờ thì nước lại sâu nên tiến quân không nhanh được, có nơi chúng tôi phải kéo binh sĩ lên khỏi những vũng sâu.

Vừa tiến quân vừa hồi hộp, nếu lúc này có tiếng súng nổ, dù chỉ một vài cây AK trên đảo bắn ra thì TQLC chịu trận nằm giữa 2 lần đạn, đạn của địch từ trên đảo bắn ra và hải pháo của quân bạn HQ từ ngoài biển tác xạ vào, thương vong chắc chắn là lớn với cái lệnh là “bằng mọi giá”! Mà cái giá là chính thân xác của anh em TQLC chúng tôi.

Rất may mắn, phải gọi là may mắn chứ không thể nói là tài ba, lính TQLC không phải là mình đồng da sắt mà bất xung phong vào lửa đạn, đã không có một tiếng súng nổ

khi chúng tôi hô “xung phong” ào ạt tiến lên đảo, bắt được tất cả là 60 “thanh niên” không trang bị vũ khí, rồi đưa ra chiến hạm của Trung Úy An bằng xuồng của Trung cộng.

Tôi suy nghĩ đây không phải là thường dân Trung Cộng mà là dân quân, chắc chắn chúng phải có vũ khí, nhưng chúng đã chôn giấu kỹ để khỏi lộ diện là mang quân đi xâm lăng nước láng giềng mà chỉ là giả dạng thường dân đi tha phương “cầu sức” mà thôi; ngoài ra, còn có mục đích để dò phản ứng của VNCH và Hoa Kỳ nữa vì vào thời điểm này, TC còn quá yếu so với HK. Nghĩ vậy, nhưng đó là chuyện của thượng cấp, còn tôi chỉ là cấp đại đội trưởng TQLC đã hoàn tất nhiệm vụ, đã bắt được “dân TC” trên đảo, có nghĩa là đã thi hành nhiệm vụ xong, không tốn một viên đạn, máu TQLC có chảy nhưng do san hô đâm. Chúng tôi để nguyên hai dãy nhà đã xây cất 5 hay 6 tháng rồi, chúng tôi chỉ tịch thu lá cờ Trung Cộng mà thôi.

Sau đó chiến hạm cũng phát giác quanh đảo Ducan thêm 5 ghe nữa, chúng tôi đuổi theo bắt được và kéo về đảo chính Pattle nơi Đại Đội 3/TĐ2/TQLC đóng quân, còn hơn 60 “dân TC” thì đem về Đà Nẵng.

Chiều hôm đó, Thiếu Tá Lê Như Hùng, CHT/TQLC, đã dùng máy bay Dakota (C47) bay vòng vòng trên đảo Pattle để khuyến khích khen ngợi tinh thần anh em binh sĩ, vì ở Hoàng Sa không có sân bay.

Một tuần sau, số người bị bắt trên ghe được đưa trở ra đảo Pattle và thả họ cùng trả mấy chiếc ghe lại cho họ. Còn 60 dân (quân) TC bắt được trên đảo Ducan thì một tháng sau trao trả sang Hồng Kông. Và sau đó thì TQLC chỉ đóng quân trên 2 đảo Pattle và Robert mà thôi, không có ai đóng quân trên đảo Ducan nữa.

Tôi xin nhắc lại là vào thời điểm 1959, theo tôi nghĩ thì TC chỉ muốn dò phản ứng của VNCH ra sao mà thôi vì khi đó TC chưa đủ mạnh để “bắt nạt” các quốc gia trong vùng, và nhất là đối với HK, đồng minh của VNCH, có lực lượng hải quân hùng mạnh trên biển Đông nên TC chưa thể ngang nhiên đem quân xâm chiếm các quần đảo Hoàng

Sa và Trường Sa, chưa thể ngang nhiên vẽ cái “lưỡi bò” trên biển Đông như ngày nay.

Thời điểm sau 30/4/75, không còn VNCH, không còn Mỹ mà chỉ còn chư hầu là XHCNVN với 15 tên đầu sỏ trong bộ chính trị của đảng CSVN sẵn sàng làm tay sai, dâng đất liền, dâng biển



cả, dâng mồ mả tổ tiên cha ông lên quan thầy TC. Cái gọi là câu khuôn vàng thước ngọc của CSVN là:

“Rừng vàng, biển bạc, đất phì nhiêu, các nước anh em giúp đỡ nhiều” Thì nay còn đâu? Con dân Việt bắt tôm cá ở cái “biển bạc” của nước mình thì bị tàu Tàu giúp đỡ bằng cách đâm cho chìm mà bọn cầm quyền CSVN sợ, không dám nói là tàu Tàu mà bầu rằng "tàu lạ!" Thế mới là chuyện lạ.

Thế còn “rừng vàng” thì sao? Bất chấp sự phản đối của các tầng lớp trí thức công nông dân, bộ chính trị CSVN vẫn ngang nhiên cho Trung cộng, “nước anh em giúp đỡ nhiều” bằng cách cho chúng đem nhân công và máy móc vào Tây Nguyên VN khai thác bô-xít mà hậu quả vô cùng tai hại cho các thế hệ mai sau. Ngay trước mắt, rừng cao nguyên không còn là lá phổi, đất Tây Nguyên không còn, mà chỉ còn lại là những đồi trọc, bãi bùn lầy chất thải bô-xít thì lấy gì điều hòa khí hậu, lấy gì điều hòa lưu lượng nước mưa? Hạn hán và lũ lụt là hậu quả đương nhiên phải xảy ra, đó đâu phải là thiên tai, mà là nhân tai, tai nạn khôn lường do 15 tên bộ chính trị gây ra cho toàn dân VN.

Bất chấp sự kêu than phản đối của người dân, VC ngang nhiên cho TC “thuê” đất rừng biên giới, đầu nguồn để trồng cây “kỹ nghệ” trong thời hạn ban đầu là 50 năm, tức 1/2 thế kỷ! Chuyện gì đang xảy ra và sẽ xảy ra?

Rừng rậm biên giới, đầu nguồn bị đào xới tận gốc, bóc tận rễ để trồng cây kỹ nghệ (thuốc phiện, cần sa ma túy, ai

mà biết), không còn rừng để giữ nước, điều hòa lưu lượng nước mưa, hậu quả nhãn tiền là hạn hán và lũ lụt trong tích tắc, (như bo-xít Tây Nguyên). Vừa mưa là lụt, lũ cuốn trôi tất cả tài sản và sinh mạng. Nhưng mưa vừa ngưng là hạn hán, khô sông, khô đồng, toàn dân hả hợng kêu “khát”.

Nhãn tiền là thế, còn họa diệt vong thì lớn vồn trước mắt. Thời hạn 50 năm, TC đem dân sang “tạm cư” đất Việt để trồng rừng cây kỹ nghệ, để săn sóc cây kỹ nghệ và lễ tất nhiên chúng phải “trồng người”. Bản chất quân Tàu để như gà, nhưng để tránh nạn nhân mãn thì dân trong nước của chúng chỉ được phép đẻ MỘT con, còn dân “tạm cư trồng rừng” trên đất Việt thì tha hồ đẻ!

Hãy tưởng tượng 50 năm sau, khi đã hết hạn thuê rừng thì cái đám di dân này là bao nhiêu? Như đàn kiến cỏ nói tiếng Tàu, ăn cơm Tàu, reo rắc khắp đó đây những mần sống “ghẻ Tàu” thì những rừng VN sẽ lở loét sẽ là những phố Tàu, huyện Tàu với chữ Tàu! Lúc đó không còn là tàu lạ mà là Tàu cha CSVN!

ĐAU! ĐAU! ĐAU!

Hỡi dân Việt, mau mau đứng dậy.

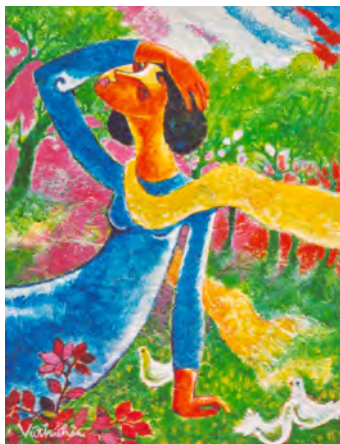
Mũ Xanh Cố Tấn Tinh Châu

■ *truyện ngắn*

Đêm Liêu Trai

■ *Quế Hương*

Trời bắt đầu lắc rắc mưa, những hạt mưa hiem hoi rơi chậm chạp trên vùng đất cằn khô như sa mạc này. Tôi nhấn ga thật mau khi bắt đầu rẽ vào đường cao tốc với tốc độ giới hạn là bảy mươi dặm, những đám mây xám xịt kéo mịt mù trên bầu trời làm cho chiều xuống thật nhanh, tôi nhủ thầm: Phải ráng chạy qua khỏi đoạn đường cao tốc dài này trước khi trời tối hẳn, ước chừng phải mất đến khoảng hơn hai tiếng nữa mới mong về tới nhà. Mưa đột nhiên rơi nặng hạt hơn, tiếng mưa nghe rào rào trên nóc xe, con đường như mờ đi trong mưa, nước từ từ dâng cao trên mặt đường lấp cả những



tranh Vũ Thái Hòa

vạch ngăn hai bên xe chạy. Mắt tôi mở căng ra để cố nhìn xuyên qua màn trời mờ đục trắng xoá, cái quạt nước khua liên tục vẫn không cản nổi những hạt mưa dày đang bị gió quất nghiêng tràn trên mặt kính. Tôi không biết mình đang chạy bên phải hay bên trái, bỗng tôi cảm thấy chiếc xe mình nhẹ đi, và trượt qua bên đường phía trái đối diện, tôi hốt hoảng đạp mạnh thắng, xe không ngừng mà xoáy một vòng tròn, tôi nhìn thấy một chiếc xe tải đang lao xuống, sợ hãi lẫn cuống quýt tôi hét lên: “Chết!”, một sự kỳ diệu, chiếc xe của tôi lướt qua xe tải trong khoảng cách tích tắc, rồi nó tự động quay thêm một vòng nữa, lại một chiếc xe tải khác nhào đến, tôi kinh hoàng nắm chặt tay lái rú lên: “Á... á!” Tôi không điều khiển nổi chiếc xe nữa rồi, tôi nhắm mắt lại chờ chết, tôi chao đảo theo chiếc xe, cảm giác như mình đang bị rơi xuống đất thật mạnh. Im lặng. Tôi ngồi bất động trong xe, tay chân cứng đờ, xe đã ngừng! Một cái đầu bù xù xuất hiện ở ngoài cửa xe, tim tôi vẫn còn đập nhanh, tiềm thức tôi tỉnh dậy, tôi sờ mặt, sờ tay tự hỏi: Mình còn sống sao? Tiếng đập kính xe dồn dập:

- Chị cần giúp không? Xe chị bị kẹt cứng trong bùn rồi
Tôi sợ hãi hỏi lại:

- Thiệt hả, làm sao bây giờ?

Người đàn ông với mái tóc bù xù ra dấu cho tôi hạ kính xe xuống và nói:

- Chúng tôi sẽ giúp, chị cứ ngồi giữ tay lái chuẩn bị nhấn ga tôi và người bạn sẽ ra phía sau đẩy xe lên.

Tôi lắp rập làm theo như cái máy, sang số và cố nhấn ga hai ba lần theo mỗi nhịp đẩy, xe vẫn không hề nhúc nhích. Người đàn ông chạy ra phía trước hỏi to:

- Xe bị lún sâu quá không thể đẩy được. Chị có sợi dây cáp nào trong xe không?

Tôi run lập cập:

- Chắc không có quá.

Người đàn ông to béo đứng cạnh nói với gã tóc bù xù:

- Ô, hình như mình có sợi dây thừng cột hàng phía sau xe
Nói rồi ông ta chạy nhanh qua bên kia đường lái chiếc

xe tải tấp ngay bên trên chiếc xe của tôi. Ông ta xuống xe với sợi dây thừng dài trong tay. Mưa rơi nặng như trút nước, hai người đàn ông tốt bụng dầm mình trong mưa hi hục cột dây vào đầu chiếc xe tôi nối với cái đuôi xe tải. Họ bảo tôi chuẩn bị nhấn ga cho xe chạy khi họ kéo xe tôi lên. Chiếc xe của tôi nhún lên hai lần rồi êm ả chạy trên mặt đường theo sức kéo của chiếc xe tải. Chân tay tôi hãy còn run lên bần bật, tôi nhìn con đường đầy nước ướt trước mặt mà thấy sợ, không biết còn bao lâu nữa tôi mới lái xe về được tới nhà một cách an toàn. Người đàn ông túc bù xù xuống xe gỡ dây và ném nó vào sau xe, gã tiến lại phía xe tôi gõ cửa, tôi hạ kiếng xuống, mưa bay tạt vào mặt tôi lạnh lẽo, tiếng ông nói:

- Xe của chị lúc này bị hydroplane (1) đó, nếu chị tiếp tục lái đi dưới trời mưa to như vậy sẽ nguy hiểm lắm.

- Vậy tôi phải làm sao bây giờ?

- Tạm thời tìm chỗ nghỉ ở đâu đó chờ mưa tạnh và nước rút xuống rồi chạy tiếp.

Tôi lắc đầu:

- Không, tôi muốn về nhà.

- Chị ở đâu?

- Tôi ở Kirland.

- Còn xa quá không thể lái về ngay được đâu!

- Tôi sẽ cố gắng, cảm ơn các ông đã giúp tôi.

Người đàn ông chột lớn giọng:

- Tôi nói không được, bộ chị muốn chết sao? Hồi này tôi không nhanh tay lái là cả ba chúng ta chết banh xác rồi.

Tôi sững sờ nhìn ông ta, thì ra ông ta là người trên chiếc xe tải đang lao xuống đúng lúc xe của tôi đang bị quay. Ông ta tự động mở cửa xe, bảo tôi ngồi qua ghế bên kia, ông ta sẽ lái giúp tôi đi tìm chỗ nghỉ. Tôi ngại ngùng và lo sợ không biết ông ta có thực là người tốt không, tự dưng tôi nghĩ đến bắt cóc, hãm hiếp rồi rùng mình. Tiếng người đàn ông tiếp:

- Chị còn chần chờ gì nữa, còn không chịu qua bên ghế kia cho tôi vào, tôi ướt hết rồi đây nè.

Tôi miễn cưỡng chuyển sang ghế bên cạnh, người đàn ông lao vào ghế ngay, hơi ướt từ người ông toát ra lành lạnh. Ông vuốt mặt nói:

- Tôi sẽ chờ chị đến một motel nào nghỉ tạm tối nay, mưa to như thế này dám sẽ kéo dài đến suốt đêm lẫn.

Tôi hốt hoảng:

- Motel hả, không cần đâu tôi ngủ ngoài xe được mà

- Chị đừng có khùng quá đi, ngủ ngoài xe cho chị chết công hả?

Tôi im lặng, nhìn mưa vẫn tạt mạnh vào khung kính xe với những âm thanh nghe lạnh buốt, ông ta móc cell phone từ túi áo ra, tôi để ý trên túi áo ông ta có thêu chữ “Huy”, ông ta đang mặc trên người chiếc áo lính cũ màu xanh đã bạc phếch. Ông bấm số, nghe, rồi lầm bầm: “không có signal”, quay sang tôi ông nói:

- Tôi định gọi cho thằng bạn đi chung là bảo nó tìm một motel để nghỉ, chắc nó cũng biết rồi.

Nói rồi ông vuốt lại mái tóc bù xù, tôi nhìn ông ta kỹ hơn, một thoáng quen thuộc hiện ra trên khuôn mặt rần rỏ, cương nghị. Đôi mắt sâu ẩn dưới hàng chân mày đậm toát ra một tia nhìn tự tin, thẳng thắn. Đôi mắt này, trời ơi tôi không thể lầm được, đúng là Huy rồi, Huy của hai mươi lăm năm về trước, mái tóc, khuôn mặt... Kỷ niệm hiện nhanh trong ký ức tôi, Đà Lạt vào những ngày bị cúp nước, tôi và đứa em gái kể phải lặn lội xuống hồ Mê Linh xách từng thùng nước về đổ vào bồn xài, tôi gặp Huy đi bộ bên hồ, anh đã xách hộ chị em tôi thùng nước đầu tiên từ hồ về nhà, năm đó tôi mười ba tuổi còn anh vừa đậu vào Võ Bị ở tuổi hai mươi. Nhà Huy cũng ở trong cư xá, anh ở dãy A, còn nhà tôi bên dãy B, cha anh cũng làm trong trường Võ Bị, anh rất hiền, vui tính và hay đàn hát. Huy có cô em gái út bằng tuổi tôi học trường Bùi Thị Xuân, tôi lại học trường Văn Khoa nên chúng tôi không quen nhau lắm, tôi cũng ít khi ra đường và ít la cà với những cô bạn gái trong xóm. Năm mười lăm tuổi, tôi gặp anh trong một buổi đi xem duyệt binh, anh không biết tôi, nhưng mắt tôi vẫn dõi theo anh,

chỉ một mình anh không lẫn vào đâu được trong hàng trăm sinh viên oai nghiêm đều bước... Tôi thổ lộ tình cảm của mình với chị bạn hàng xóm mà tôi hay gọi là o Hồng. Năm ấy chị đang chuẩn bị thi Tú Tài hai. Tôi nói rất là hồn nhiên:

- O Hồng biết anh Huy ha, em thích anh Huy đó, ảnh hiền ghê.

- Ô em thích Huy hà, để o Hồng làm mai cho em nghe.

Tôi đẩy nãy:

- Thôi em còn nhỏ lắm mới có mười lăm tuổi sao dám nói chuyện bồ bịch.

O Hồng cười:

- Mười lăm tuổi có bồ được rồi, để o Hồng nói cho, Huy cũng chưa có ai

Tôi lắc đầu xua tay:

- Đừng, đừng nghe o Hồng, mẹ em mà biết, mẹ đánh em chết. Không, em không muốn đâu.

O Hồng thì cứ tán vào. O còn chọc thêm:

- Có chi mà sợ dữ rứa! O Hồng thấy được nó một bên là em, con trung tá, một bên là Huy, con đại úy cùng là sĩ quan Võ Bị hết, làm suôi gia càng vui chứ răng.

Tôi cứ lắc đầu nguây nguây:

- Thôi, thôi, thôi cho em xin đi, o Hồng nói chuyện gì xa vời quá.

Ngày nào sang chơi nhà o Hồng, tôi cũng năn nỉ o đến muốn khóc là đừng nói chuyện này cho ai nghe, ở khu cư xá nhỏ bé này hở ra chuyện gì là mọi người đều biết, đến tai mẹ tôi thì chắc tôi sẽ bị một trận đòn ghê gớm lắm...

Mười chín tuổi, tôi gặp lại Huy trong một lần theo mẹ đi thăm nuôi cha tôi ở Suối Máu. Trước giờ thăm, mẹ anh và mẹ tôi cùng trò chuyện với nhau trong phòng đợi, cả hai bà mẹ đều khóc. Tôi nghe mẹ Huy bảo người hôn thê



của anh đã từ hôn, vì chị ấy không chờ anh được. Năm đó Huy hai mươi sáu tuổi. Mẹ con anh ngồi ở cái ghế băng đối diện xéo với gia đình tôi, tôi thấy anh thật buồn bã và mẹ anh thì cứ chặm nước mắt... Năm hai mươi lăm tuổi, tình cờ gặp anh đi bán than, trông anh lem luốc và khắc khổ, tôi nhìn anh nghẹn ngào không biết nói sao, còn anh vẫn không hề biết tôi, người đã dõi theo anh trong hàng trăm sinh viên đi đều thẳng bước... Năm ba mươi tám tuổi, vô tình tôi thấy hình anh trong bộ quân phục sinh viên Võ Bị, bức hình chụp anh đang đứng trong đội hầu kỳ của ngày đại hội Cựu Sinh viên Võ Bị ở Houston... Và giờ đây bốn mươi tuổi, tôi đang đối diện anh trong chính chiếc xe của tôi. Quả thật là trái đất tròn đã đẩy đưa thời gian cho tôi có dịp gặp anh trong giây phút tình cờ như thế này... để làm gì cơ chứ, khi tôi mừng, còn anh thì vẫn xa lạ.

- Chị đi từ đâu mà về tới Kirland?

- Ở Albuquerque, tôi đi họp hai ngày ở trên đó.

Anh dừng xe lại trước một motel, bảo tôi xuống xe vào đặt phòng, anh dặn chỉ một phòng cho riêng tôi. Tôi hỏi:

- Thế anh không nghỉ trong motel sao?

Anh hất đầu về phía xe:

- Tôi sẽ ngủ trong xe.

Tôi ngạc nhiên hỏi ngay:

- Ngủ trong xe? Hồi này tôi đòi ở trong xe của tôi thì anh bảo là tôi sẽ bị chết cồng..

Anh ngắt lời tôi:

- Xe của tôi có đầy đủ mền gối và máy heat cá nhân, chị đừng lo. Tôi lái xe tải đường dài hết năm này qua tháng nọ, không chuẩn bị mấy thứ đó trong xe thì chết.

Anh trao chìa khoá xe cho tôi, hỏi tôi có đồ đạc gì không? Tôi nói có hai cái xách tay ở sau thùng xe, anh lấy lại chìa khoá bảo tôi vào trong đặt phòng, anh sẽ mang đồ đến cho tôi. Nhìn theo bóng anh băng băng trong mưa, tôi cảm thấy xúc động, thật là anh đấy sao Huy.

Motel không còn phòng một giường, chỉ có phòng hai giường, tôi đành phải đặt phòng hai giường cho mình, cái

mệt và lạnh đang thấm lặn trong người tôi. Phòng 206 ở trên lầu, tôi chạy nhanh lên cầu thang để vào phòng. Phòng cũng khá ngăn nắp với hai chiếc giường nhỏ xinh trải mền bông, có hai cái bàn ngủ hai bên, tôi quăng cái bóp lên bàn và nằm ngay xuống giường, kéo chiếc mền bông ấm lên người. Tôi co ro trong chăn... bỗng có tiếng mở cửa, người đàn ông to béo bước vào với hai túi xách của tôi trên tay:

- Đồ của chị đây.

Tôi hất mền ngồi dậy ngay:

- Cám ơn anh để đó cho tôi, anh kia đâu rồi?

- Ông đi mua đồ ăn rồi, lát ông sẽ quay lại.

Nói rồi gã đóng cửa lại tiến đến bên cửa sổ kéo tấm màn nói:

- Để tôi kéo màn cửa lại kẻo lạnh

Tôi xách túi đồ để trên bàn rồi nói:

- Cám ơn anh nghe, xin lỗi anh có thể ra ngoài dùm, tôi mệt quá cần phải nghỉ một chút

Tiếng tôi vừa dứt thì bàn tay người đàn ông to béo đã chụp lấy eo tôi nhấc lên, hất ném tôi lên chiếc giường nệm, và cả thân hình đồ sộ của hắn ụp lên tôi, hành động quá nhanh, quá bất ngờ khiến tôi ú ớ, tôi cố lấy hết sức mạnh vùng vẫy, cào cấu mong thoát ra được cái thân phì nộn đó, tôi nghe tiếng cười nham nhở và tiếng nói bên tai:

- Sao tôi lại có thể bỏ một cô gái xinh thơm như vậy để ra ngoài, ngoài trời mưa lạnh quá, tôi sẽ sưởi ấm cho em, ngoan nào...

Tôi cắn vào tai hắn thật mạnh, hắn tức tối tát tôi một bạt tai, tôi đau đớn, dấy đập lung tung. Tôi gào khóc, chợt tôi nghe tiếng quát lớn:

- Thằng chó chết, dang ra.

Rồi tiếng đấm nhau huỳnh huỵch, tôi cảm thấy như nghẹt thở, sợ hãi làm tim tôi đập nhanh hơn. Thân thể tôi đau ê ẩm, má tôi sưng lên vì cái tát quá mạnh. Tiếng xô bàn đập ghế rầm rầm, tôi cố nhướng mắt nhìn; lờ mờ thấy Huy và gã to béo đang vật nhau dưới sàn nhà. Sau một hồi xô xát, gã to béo đã bị Huy đập té chúi nhủi vào góc tường. Huy

quay lại hỏi tôi:

- Chị có đau lắm không?

Tôi chưa kịp trả lời thì thấy gã to béo móc ra trong người một khẩu súng ngắn, hấn chĩa súng vào Huy; tôi kinh hãi rú lên, bịt mắt lại, tôi nghe tiếng hấn nói:

- Mà đừng im không tao bắn.

Tôi nghe tiếng Huy thật bình tĩnh:

- Bắn tao hả, chỉ vì tao cản mày làm một việc vô đạo đức sao. Bắn đi, súng làm gì có đạn.

Tôi nghe tiếng bóp cò khô khốc, hấn bực tức quăng khẩu súng về phía Huy, anh chụp lấy rồi đặt cây súng lên bàn. Huy đến gần gã to béo kéo cổ áo hấn đứng dậy tiến lại phía tôi:

- Mày lại đây coi nè, nhìn cô ta đi.

Huy kéo mặt tôi lên, tôi sợ hãi cúi xuống ngay, Huy nói như ra lệnh:

- Chị ngược lên- mày thấy chưa, mặt cô ta sưng tấy lên rồi đó, mày làm cho cô ta sợ đến sắp ngất đi được, thế thì còn vui thú gì cái chuyện đó chứ hả? Thử nghĩ nếu con bạn gái của mày lỡ đường mà cũng bị thằng khác làm nhục như vậy thì mày sẽ thấy thế nào. Mày có muốn tao đem chuyện này nói với nó không?

Gã to béo hất tay Huy:

- Đừng dở giọng đạo đức với tao.

- Tao không lên mặt đạo đức, cũng vừa phải thôi chứ, đừng có để bị vào tù vì chuyện ngu xuẩn này, mày mà bị kiện vào tù lần này tao không có lo cho mày ra đâu.

Gã to béo xịu mặt xuống, không nhìn tôi hấn buông một tiếng cộc lốc:

- Xin lỗi!

Rồi hấn bỏ đi ra ngoài, tôi vẫn còn chưa hết sợ, tay chân tôi run lên cầm cập, tôi ảm ức khóc cho sự ngu ngốc của mình, tôi sẽ phải trải qua ở đây một đêm dài rồi chuyện gì sẽ xảy ra cho tôi nữa nếu Huy cũng bỏ đi. Tôi nghe tiếng động nhẹ gần bên, Huy đã ngồi xuống mép giường, anh dịu dàng hỏi:

- Chị đau lắm phải không? Tôi xin lỗi đã để sự việc tồi này xảy ra, đáng lẽ tôi nên đem đồ lên cho chị. Cũng may là tôi quay lại liền.

Tôi vẫn khóc, tiếng anh lại hỏi:

- Chị có đói không? À để tôi xuống xin một ít đá lên chườm cho chị, bên má trái đã bầm lên rồi kìa. Cái thằng khốn kiếp.

Tôi vội kéo tay áo Huy nói trong tiếng khóc:

- Không, anh đừng đi... tôi sợ lắm.
- Không sao đâu, tôi sẽ lên ngay.
- Tôi sợ ông đó sẽ lên trả thù anh và tôi.

Huy cười:

- Không đâu, tôi làm việc với hắn mấy năm nay biết tính hắn mà, hắn chịu ơn tôi nhiều lắm. Hắn cũng không hẳn là một người xấu, chỉ có tính ham muốn là chưa cải thiện được. Thôi để tôi lấy khăn nhúng nước lạnh cho chị.

Huy vào trong phòng tắm, một lát anh cầm ra chiếc khăn ướt, rồi ngồi xuống bên tôi nâng mặt tôi lên áp chiếc khăn vào bên má, anh đưa tay vén mấy sợi tóc loà xoà trên trán tôi. Hơi mát từ chiếc khăn làm tôi cảm thấy dễ chịu. Tôi nhìn trong mắt anh tràn đầy thời niên thiếu của tôi, và bóng hình anh trẻ trung với cây đàn guitar ngồi hát nghêu ngao trước sân nhà thuở nào. Chợt anh nói:

- Chị có đôi mắt đẹp quá, xin lỗi tôi chưa biết tên chị?

Tôi cúi mặt xuống:

- Tôi tên là Xuân, còn anh là Huy?

- Đúng, tôi là Huy, sao chị biết? À, chắc chị thấy tên tôi trên áo hả?

Tôi gật đầu im lặng, nghe tiếng Huy hỏi tiếp:

- Chị Xuân được mấy cháu rồi?

Tôi lắc đầu:

- Xuân hãy còn độc thân

Giọng Huy ngạc nhiên:

- Vậy sao? Tôi không tin được một người xinh xắn như Xuân thế này mà hãy còn độc thân.

Tôi tròn mắt nhìn anh thẳm hỏi, có thật là em còn xinh

xấn trong mắt anh không? Thời gian đã kéo mất tuổi xuân em đi rồi, cuộc sống lo toan đã làm tóc em điểm bạc, thương nhớ, chờ đợi làm em héo hắt làn da, môi khô nhợt nhạt... Tôi thở dài nhìn xuống bàn tay lạnh giá của mình, nói nhỏ:

- Xuân già rồi...

Huy cắt ngang lời tôi:

- Không, đừng nói thế, người phụ nữ ở tuổi nào cũng có vẻ đẹp riêng. Nhìn Xuân hầy còn trẻ mà.

Tôi xoắn những ngón tay vào nhau, ngượng ngùng hỏi:

- Còn anh thì sao?

- Tôi có hai đứa con trai, đứa bé lên mười, đứa lớn thì mười ba.

- Anh còn chơi đàn guitar không?

Giọng Huy lại đầy sự sốt:

- Ừa, sao Xuân biết tôi chơi đàn guitar?

- Xuân biết chứ, biết anh đã từ lâu nhưng anh không hề biết tí gì về Xuân đâu...

Tôi chột im bật sau câu nói đó, mình có nên kể cho anh nghe những gì mình biết về anh không nhỉ? Kỷ niệm sao gần gũi quá, như anh đang ở gần bên mình đây. Mới hôm nào ở hồ Mê Linh gặp anh trong bộ quân phục sinh viên Võ Bị, mới hôm nào đi xem anh diễn hành oai nghi hùng dũng, mới hôm nào thấy anh tiêu tụy võ vàng, xanh mướt từ trong trại tù... mới đó mà đã bao nhiêu năm qua rồi, bao nhiêu năm em đã sống trong kỷ niệm với bóng hình anh, ngọt ngào, cay đắng, thương yêu và mơ tưởng dù biết những giấc mơ đã không bao giờ có thực, nhưng nó vẫn làm em vui và cho em một hy vọng để sống...

Tiếng Huy hỏi:

- Xuân biết những gì về tôi nào?

- Xuân biết anh hồi còn ở Đà Lạt, nhà anh và nhà Xuân ở trong khu cư xá Chi Lăng. Anh hay ngồi chơi đàn guitar mỗi chiều, khi anh bắt đầu mặc áo sinh viên Võ Bị, anh ít chơi đàn hơn. Thỉnh thoảng anh cũng có ghé qua nhà o Hồng chơi với mấy anh sinh viên khác, anh nhớ không? Mỗi khi thấy anh đến nhà o Hồng, Xuân hay thập thò bên cửa sổ

để chờ nghe anh hát... Chuyện đã lâu rồi, nhưng Xuân không bao giờ quên được anh, Xuân đã nhận ra anh ngay khi anh bước vào xe của Xuân.



- Trời ơi! Xuân nhớ dai quá, Xuân không nói thì tôi đã gần như quên hết rồi, sao em không nói với tôi ngay từ đầu, nhà em

ở dãy nào mà sao hồi đó tôi lại không biết em kìa?

- Nhà Xuân ở cuối dãy B, sát ngay cạnh nhà o Hồng đó, Xuân vẫn còn nhớ số nhà của anh là nhà số 13A, anh làm sao biết Xuân được vì hồi đó anh chỉ lo nhìn những cô gái 19 đôi mươi thôi, còn Xuân là đứa con nít.

Huy bậm môi:

- Không đâu, tại tôi không biết Xuân đó thôi chứ nếu gặp em lúc trước chắc tôi cũng muốn quen em lắm. Mình là hàng xóm với nhau mà.

Huy nhìn tôi ra chiều suy nghĩ:

- Bao nhiêu năm nay Xuân không quen ai hết sao?

Tôi lắc đầu im lặng. Một nỗi buồn man mác dâng trong lòng, tôi nghe tiếng anh thở dài:

- Mình gặp nhau thật không đúng lúc.

Tôi cảm thấy như mũi mình cay cay, và cổ họng thì nghẹn đắng:

- Mình không bao giờ gặp nhau đúng lúc. Khi em gặp anh lần đầu thì em còn quá trẻ để nghĩ đến tình yêu, khi gặp anh ở tuổi được quyền yêu thì anh lại bị tù đày. Rồi gặp anh ở tuổi có thể nghĩ đến hôn nhân thì lúc đó hai đứa đều nghèo, anh phải đi bán than kiếm sống, còn em một gánh nặng cơm áo gia đình. Em đã không biết phải làm sao trong hoàn cảnh ấy, mà anh thì đâu biết em là ai. Dẫu có biết nhau thì cả hai đều không thấy được một tương lai nào sáng sủa phía trước để định đoạt vấn đề hôn nhân. Qua Mỹ, một cuộc sống mới lại bắt đầu, cũng lại cơm áo, và sự nghiệp, lòng em cứ nghĩ đến anh mà không biết là anh

đang ở đâu cho đến ngày hôm nay mình gặp nhau... Em đã già mà vẫn còn độc thân, anh thì đã có vợ...

Huy nắm lấy tay tôi, giọng xót xa:

- Trời ơi, tôi không biết là mình đã may mắn có người con gái như Xuân nghĩ đến trong bao nhiêu năm nay. Nghe em nói... tôi thật cảm động quá, tiếc rằng mình... đã không có duyên nợ với nhau.

Tôi rút tay lại buồn bã nói:

- Dù sao gặp anh hôm nay em cũng thấy vui, càng vui hơn nếu em biết anh thật sự rất hạnh phúc. Cám ơn anh đã đến kịp lúc để cứu em, anh sẽ mãi là người hùng trong lòng em...

Huy cười xòa cắt ngang lời tôi:

- Người hùng gì đâu, đó chỉ là một công việc của lương tâm, em quên tôi đã từng là lính sao.

Tôi gật đầu: Ô! Rồi im lặng nhìn Huy một lúc, tôi nói:

- Sáng mai mình chia tay nhau anh cho em cái áo lính của anh làm kỷ niệm nhé.

Huy cởi áo lính anh đang khoác ra:

- Tưởng xin cái gì chứ xin cái áo thì có ngay. Hy vọng rằng em sẽ gặp một người đàn ông tốt trong tương lai... Thôi khuya lắm rồi em ngủ đi để mai còn lái xe về.

Nói rồi Huy kéo chiếc mền và gối lại gần tôi:

- Nào, nằm xuống đi, tôi biết em rất mệt, giấc ngủ sẽ giúp em khỏe ra và em sẽ quên hết mọi chuyện đêm nay.

Tôi ngoan ngoãn nhích người đến bên chiếc gối nằm xuống, tôi kéo mền lên tận cổ, nhắm mắt lại để nghe hơi ấm đang lan tỏa trong người. Tôi lẩm nhẩm nói với Huy:

- Khi nào anh ra ngoài nhớ khoá cửa cẩn thận dù em nghe.

- Tôi sẽ ở lại đây với em cho em bớt sợ, trông em nằm cứ như là con mèo bị ốm. Thật tội nghiệp quá.

Bỗng có tiếng sấm gầm to ngoài mưa cùng một luồng sáng xanh chớp nhanh làm tôi giật mình không nghe rõ lời Huy nói. Cơn buồn ngủ chập chờn, sao tự nhiên lẫn trong tiếng mưa tôi lại nghe như có tiếng bước chân rầm rập của

những người lính tập, và tôi còn mơ thấy Huy của tôi: một người lính Võ Bị đang đứng nghiêm trang trong phòng làm cận thần trung tín canh giữ cho tôi có được một giấc ngủ bình an qua đêm...

Những tiếng động lách cách và tiếng xì xào làm tôi thức giấc, tôi mở mắt ra cất tiếng gọi yếu ớt:

- Huy, Huy, anh đâu rồi?

Tôi nghe có tiếng nói:

- Cô ta đã tỉnh rồi kìa? Cô ta nói gì thế?

Tôi cố ngóc đầu dậy, một cảm giác choáng váng đã vật tôi xuống ngay, tôi thấy khuôn mặt cô y tá nhòe nhòe trước mắt tôi:

- Cô thấy trong người thế nào?

Tôi thều thào hỏi:

- Tôi đang ở đâu đây? Trong motel phải không?

Người y tá lắc đầu:

- Không cô đang ở trong nhà thương, cô đã bị ngất gần 3 tiếng đồng hồ rồi.

Tôi ngúc ngoắc đầu hốt hoảng:

- Tại sao? Đêm qua tôi ngủ trong motel mà!

- Không, cô đã bị ngất trong xe hơi, khi xe của cô bị lún xuống lầy.

- Xe tôi bị lún nhưng có hai người đàn ông đi xe tải đã đến kéo xe tôi lên mà. Sau đó tôi đã vào motel ngủ, tôi còn nhớ phòng tôi là phòng số 206.

- Chắc cô sợ quá đã nằm mơ. Không biết cô đã thấy gì trong mơ mà trên đường cấp cứu về đây, cô la hét vùng vẫy dữ lắm. Áp suất máu cô xuống quá thấp, tim đập nhanh, hơi thở ngắn.

Tôi cãi trong sự ngạc nhiên:

- Rõ ràng tối qua tôi ở trong motel mà, xe tôi đâu?

Người y tá vẫn ôn tồn:

- Xe cô đã được kéo về bãi đậu xe của bệnh viện rồi, đừng lo lắng gì cả. Cô thấy trong người ra sao?

- Mệt và choáng váng.

- Có lẽ tại thuốc, áp suất máu của cô đã trở lại bình thường, nhịp tim cũng đập tốt, hãy nghỉ ngơi cho khỏe đừng nghĩ ngợi gì hết.

Người y tá chỉnh lại sợi dây chuyền nước biển trên phía đầu giường tôi nằm, rồi đi ra ngoài sau khi dặn dò:

- Nếu cô cần gì thì bấm nút bên tay phải trên giường, chúng tôi sẽ đến ngay.

Tôi nhìn lên chai nước biển, những giọt nước đang từ từ rơi trong ống dây sao giống như những giọt nước mắt đang rơi chậm trong tim tôi đau thắt, tim tôi cũng biết khóc, khóc cho chính tôi, cho một giấc mơ đêm qua mà tôi vẫn không tin được đó là mơ, bởi tôi đã gặp Huy bằng xương, bằng thịt. Không, nhất định không phải là mơ!

Một người phụ nữ có lẽ là bác sĩ bước vào cùng với một cô y tá, họ đến gần tôi, tôi nghe tiếng hỏi:

- Tôi sẽ hỏi cô vài câu hỏi để kiểm tra bộ nhớ của cô nhé.

Tôi ầm ừ:

- Bác sĩ muốn hỏi gì?

- Cô có biết cô đang ở đâu?

- Bệnh viện

- Tốt, cô tên gì?

- Vũ Thanh Xuân

- Tốt. Nhìn ra cửa cô thấy cái gì?

- Xe chạy

- Tốt, cô có biết cô làm nghề gì không?

- Dạy mẫu giáo

- Tốt, cô làm việc ở đâu?

- San Juan College

- Tốt, à cô có nhớ cái áo này không? (người bác sĩ đưa chiếc áo lính lên)

Tôi với tay cầm chiếc áo ngắm nghía. Áo của Huy cho tôi đêm qua đây mà, hãy còn ẩm ướt hơi mưa và mùi mồ hôi của anh. Tôi áp chiếc áo vào bên má và nói:

- Áo của một người bạn tặng tôi đêm qua, có cả tên anh ấy trên đây nè.

Tôi tìm tên Huy trên nắp túi áo, ô kìa tên anh biến mất

đâu rồi. Đâu rồi? Tôi nghe tiếng người bác sĩ nói:

- Cô ta đã bớt nhiều, không cần phải cho thêm thuốc.

Khi người bác sĩ bước ra ngoài, tôi cứ miên man suy nghĩ về cái tên anh trên túi áo. Tôi bóp trán cố moi óc nhớ lại là nó đã mất đi đâu... biến đi đâu mới được chứ... Tôi mân mê cái nắp túi áo, một cảm giác quen thuộc mơ hồ đâu đây, tôi nghe như có tiếng chào hàng, và trả giá... bớt không, 10 đồng đi, tôi lấy cái này nhé... A! Tôi nhớ ra rồi, tôi đã nhìn thấy chiếc áo lính này ở chợ trời, đã đắm mình trong vài giây phút nhớ về Huy, đã ngắm vuốt nó rất lâu trước khi tôi quyết định mua nó. Còn chuyện tôi gặp Huy thì chắc chắn không phải là mộng, vì tôi biết rõ, tôi đã bắt đầu yêu anh bằng trái tim non nớt, nhớ thương anh bằng những cảm giác chân thật trong tâm hồn mình. Tôi nức nở: Có phải em đã mơ tưởng quá nhiều về anh không Huy? Anh đang ở đâu, có biết cho lòng em lúc nào cũng luôn sống với hình ảnh của anh, hình ảnh của một sinh viên Võ Bị oai hùng rất thực, rất sống động...

Tôi nhắm mắt lại, những giòng nước mắt trào ra thật tự nhiên lăn dài trên má, tôi thấy mình đi lang thang trong một vườn hoa đầy những bụi Lavender tím tím. Những chú ong áo vàng sọc đen bay vo ve chung quanh, thi đua với những chú bướm hồng đang lượn trên ngọn hoa dành hút mật. Từ xa, Huy của tôi đang thong thả bước đến, trông anh thật oai nghiêm trong bộ quân phục Võ Bị. Anh vẫy tôi bảo:

- Lại gần đây với anh, đừng đi bên đó nữa coi chừng ong chích em đó.



...những bụi Lavender tím tím

Tôi mừng rỡ nhìn anh nhưng lại ngần ngại không muốn bước qua, anh nhào đến kéo mạnh cánh tay tôi về phía anh, cả vòng tay rắn chắc của anh ôm trọn lấy tôi che chở. Tôi bỗng vùng vẫy cố thoát ra khỏi cánh tay Huy, tôi nói như gào trong nước mắt:

- Không, hãy thả em ra,

mình không là của nhau vì anh đã có vợ, anh đã có vợ rồi...
Thả em ra... thả em ra...

Cùng với tiếng khóc tôi còn nghe có tiếng chân người chạy gấp rút đến gần bên tôi, có ai đó nắm lấy cổ tay tôi và ra lệnh:

- Cho cô ta một mũi thuốc an thần.

Quế Hương
8/2010

(1) hydroplane: là một hiện tượng xảy ra khi chạy xe trên mặt đường ngập nước với tốc độ nhanh, khiến cho bánh xe sẽ không bám vào mặt đường mà sẽ lướt trên mặt nước (giống như chơi tàu lướt sóng trên biển) rất nhanh và nguy hiểm

Đính chính ĐH92

Đa Hiệu 92 có một số chi tiết bị sai sót. Ban Biên Tập Đa Hiệu xin thành thật cáo lỗi và xin đính chính như sau:

Trang	Giòng Đã đăng	Xin sửa lại là
255	6 Mơ	Thương
328	10 anh chị Hoàng	anh chị Thi

Nỗi Thao Thức Đêm Trừ Tịch

■ *Vi Vân 20B*

Năm tàn rơi rụng thời gian
Trữ trong tiềm thức muôn vàn cơn mê
Gió buồn ngơ ngẩn lê thê
Không gian lặng lẽ, náo nê, xa xôi
Ngồi tưởng niệm tháng năm trôi
Em từ gần cách lên ngôi muôn phiêu
Ngày đi hờ hững qua hiên
Phút giây trừ tịch nỗi niềm nao nao
Liều buông đêm tối rì rào
Hắn lên nỗi nhớ lúc nào không hay
Đời ta nghiệt ngã chua cay
Gọi mùa xuân đếm tháng ngày qua tay
Sâu như ngọn gió heo may
Cuốn vào hư ảo phận này sẽ qua
Đời như cảnh vắng sân ga
Tàn mùa chinh chiến em đà xa anh
Giao thừa chợt đến thật nhanh
Nhìn về non nước khói xanh mịt mờ
Đời ta rồi vẫn bơ vơ..

Mùa Xuân Từ Cõi Đoạn Trường

■ *Nguyễn Đông Giang K19*

* *Thân tặng người Việt xa xứ - nđg*

Mùa xuân, hăng hữu trong tim
Em ơi! ta lại đi tìm đâu đâu
Mùa xuân, trong nụ tình sầu
Trong mai năm cũ, vàng màu cố hương



Mùa xuân, từ cõi đoạn trường
Thúy Kiều gặp lại, người thương cuối đời
Mùa xuân, ở khắp nơi nơi
Trong tâm vô lượng, trong đời vô chung

Việt Nam, khốn khổ vô cùng
Mà xuân vẫn đến, chịu chung nỗi buồn
Xuân về, nước mắt còn tuông
Sau cơn tang hải, sau tuồng bể dâu

Mùa xuân, chờ xem... nhiệm màu
Cho ai mất nước, khổ đau hiện còn
Bên này, nhẩn với nước non
Xuân nào dân tộc, hết còn phân ly?

.....

Tha hương, chẳng biết nói gì
Vài dòng thơ thẩn, ích chi buổi này!

Tướng Nguyễn Văn Hiếu, Một Chiến Tướng

■ Nguyễn Văn Tín



Thiếu Tướng Nguyễn Văn Hiếu

Chiến Tướng, Một Tinh Anh Hiếm Có Trong Chiến Tranh Việt Nam

Để trả lời cho ai hỏi những ai là tướng giỏi trong Quân Đội Nhân Dân Cộng Sản Bắc Việt, Bùi Tín đưa ra những tên sau đây: Võ Nguyên Giáp, Trần Văn Trà, Hoàng Văn Thái, Lê Trọng Tấn, Nguyễn Hữu An, Hoàng Minh Thảo.

Ngoài ra, Lê Trọng Tấn được gọi là "Tướng đánh trận giỏi nhất Việt Nam"; Nguyễn Hữu An, "vị tướng trận mạc".

Trong QLVNCH, trong số trên 160 tướng lãnh, những tướng thường được coi là giỏi gồm có: Đỗ Cao Trí, Nguyễn Viết Thanh, Ngô Quang Trưởng, Lê Văn Hưng, Lý Tòng Bá, Lê Minh Đảo.

Ngoài ra, Đỗ Cao Trí được Tướng Wesmoreland gọi là "Patton Việt Nam"; Đỗ Cao Trí và Nguyễn Viết Thanh

được giới quân sự và báo chí Mỹ cho là hai chiến tướng kiệt xuất - outstanding fighting generals (David Fulghum, Terrence Mailand, South Vietnam on Trial - The Vietnam Experience, Boston Publishing Company); và Ngô Quang Trưởng được Tướng Schwarzkopf cho là một Trung Đoàn Trưởng Kiệt Xuất, trong khi Đại Tá James H. Willbanks gọi Tướng Trưởng là “Vị Tướng Sáng Chói Nhất”..

Còn đối với QLHK thì các tướng lãnh được nhắc tới là các Tướng Westmoreland, Abrams, Kinnard, Weyland.

Nhưng nếu định nghĩa chiến tướng là một tướng lãnh cầm quân và đánh giặc cấp sư đoàn trở lên và đánh thắng vài ba trận, không hẳn với quân số đông hơn mà là với mưu trí hơn địch, thì quả là khó mà liệt kê ai trong số các tướng lãnh nêu trên thuộc hạng chiến tướng.

Người ta cố gượng gạo tạo lên hình chiến tướng bằng cách gán những danh xưng nghe kêu thật to, như *"tướng của các chiến trường nóng bỏng"*, *"vị tướng trận mạc"*, *"tướng đánh giặc giỏi nhất Việt Nam"*, *"vị tướng tài ba lỗi lạc của Việt Nam và thế giới"*, *"tướng Nã Phá Luân Việt Nam"*, *"tướng Patton Việt Nam"*, *"tướng Zhukov Việt Nam"*, nhưng khi kê mắt vào nhìn thì thấy thùng trống rỗng, hay le que vài trận nhỏ, như trong trường hợp Tướng Lê Trọng Tấn với các trận "Bình Giã, Đồng Xoài, Bàu Bàng-Dầu Tiếng... Đường 9 Nam Lào, Mặt Trận Trị Thiên Hè 72; Mậu Thân 1968, tư lệnh cánh quân duyên hải phía Đông"!

Sao lại hiếm chiến tướng vậy? Thật ra thì có nhiều lý do. Lý do thứ nhất là vì phía quân đội xâm lăng - cộng sản Bắc Việt - lựa chọn đánh du kích ở mức tiểu đoàn trở xuống và chỉ tập trung quân đánh lớn tương đối ít bậ như Pleime-Iadrang năm 1965 (Chu Huy Mân - Vĩnh Lộc - Kinnard), Khe Sanh năm 1968 (Cushman - Westmoreland - Võ Nguyên Giáp), Đắc Tô - Kontum năm 1972 (Lý Tông Bá - Hoàng Minh Thảo), Quảng Trị năm 1972 (Ngô Quang Trưởng), An Lộc năm 1972 (Lê Văn Hưng). Còn phía quân đội tự vệ - Việt Nam Cộng Hòa - có ít dịp tấn công lớn trong đó phía CSBV buộc phải giao tranh như mặt trận

Toàn Thắng Cẩm Bốt năm 1971 (Đỗ Cao Trí - Nguyễn Việt Thanh), mặt trận Lam Sơn 719 Hạ Lào năm 1971 (Hoàng Xuân Lãm), mặt trận Đức Huệ năm 1974 (Phạm Quốc Thuần). Đến khi phía Cộng Sản Bắc Việt khởi công đánh lớn năm 1975 thì phía Việt Nam Cộng Hòa lại chọn rút lui chiến thuật khỏi Quân Đoàn II rồi Quân Đoàn I, thành thử chỉ xảy ra trận đánh lớn sau cùng tại Xuân Lộc tháng 4 năm 1975 (Lê Minh



Nguyễn Văn Hiếu - Lữ Lan và bạn

Đảo - Hoàng Cầm). Coi như vậy là không có mấy vị tướng lãnh có cơ hội đánh hơn là một trận lớn để thiên hạ chiêm ngưỡng thấy nét chiến tướng của mình.

Lý do thứ hai là vì địa hình tại Nam Việt Nam eo hẹp không cho phép điều động một lúc trọn cả một sư đoàn gồm có ba trung đoàn cùng với hai tiểu đoàn thiết giáp và pháo binh và đơn vị Công binh. Tướng Vĩnh Lộc viết:

Địa thế và vị trí của nước ta trong phương vị hành quân tìm địch để tảo thanh không tạo được cơ hội để dàn trận một lúc đồng thời cả ba trung đoàn cùng các đơn vị yểm trợ. Xét lại từ khi thành lập sư đoàn cho đến ngày thất thủ vùng cao nguyên, chưa thấy Khu Chiến Thuật nào hành quân sử dụng toàn thể sư đoàn, nghĩa là cả 3 Trung Đoàn Bộ Binh, Tiểu Đoàn Pháo Binh, Công Binh và Thiết Giáp v.v.... Dù muốn cũng không có môi trường để dàn ra cả sư đoàn nếu không muốn nói đến hiểm hoi sĩ quan chỉ huy

được huấn luyện nghiêm túc điều khiển đại đơn vị. (Thư Gửi Người Bạn Mỹ, trang 71)

Nhiều khi, khi đọc thấy trong một trận đánh, hai phe tung vào mỗi bên hai ba sư đoàn, người ta ngỡ là đúng y như vậy, nhưng nhìn kỹ ra thì mới hay là chỉ có một vài đơn vị của mỗi sư đoàn sung trận cùng một lúc mà thôi.

Trong đoạn trích dẫn trên, Tướng Vĩnh Lộc cũng nêu lên lý do sao ít có chiến tướng trong QLVNCH: *"hiếm hoi sĩ quan chỉ huy được huấn luyện nghiêm túc điều khiển đại đơn vị."* Xin xem Tướng Lãnh QLVNCH Tốt Nghiệp USACGSC

Điều này cũng đúng đối với giới tướng lãnh quân đội CSBV, điển hình là trường hợp của Tướng Nguyễn Hữu An. Ông kể trong hồi ức, "Chiến Trường Mới" là hai lần đi học quân sự cao cấp hụt: lần đầu năm 1963 sắp sửa đi Nga học thì bị hủy để "đi chiến trường Hạ Lào", và lần thứ hai năm 1964, sẵn sàng đi Tàu học thì bị giữ lại cho làm tư lệnh Sư Đoàn 325 "đi đánh nhau" trong Nam tại vùng Tây Nguyên. Do đó, QĐNDVN coi bộ cũng nằm trong tình trạng *"hiếm hoi sĩ quan chỉ huy được huấn luyện nghiêm túc điều khiển đại đơn vị."* Ngoài ra, trong quân đội CSBV còn có một điểm yếu là số đông tướng lãnh xuất thân từ lớp nông dân và có trình độ văn hóa thấp - như Tướng Nguyễn Chí Thanh "xuất thân cố nông, văn hóa thấp", Tướng Đoàn Khuê "mới học đến lớp hai trung học thời Pháp" hay Tướng Lê Quang Hòa *"văn hóa mới qua trường văn hóa Lạng Sơn học tất, chưa đậu lớp 7, xuất thân từ nông dân"* (Bùi Tín).

Riêng đối với Quân Lực Hoa Kỳ, ngoài Tướng Westmoreland cầm quân 4 năm (6/1964-6/1968) và Tướng Abrams cầm quân 4 năm (6/1968-6/1972), các tướng lãnh Mỹ khác chỉ được luân phiên làm tư lệnh một sư đoàn có một năm. Mất 3 tháng đầu mần mò làm quen với công việc mới và mất 3 tháng cuối bận bịu với công tác chuyển giao. Thành ra các tướng lãnh Mỹ không có đủ thời giờ để hoạch định kế hoạch và thi thố tài năng đánh lớn, ngoài yếu tố phía Việt Cộng né tránh đụng độ lớn với quân Mỹ.

Lẽ ra thì QĐNDVN phải có nhiều chiến tướng vì họ thủ

vai tấn công, có lợi điểm lựa chọn thời điểm và không gian chiến trường. Vậy mà trên thực tế, họ không có được một tướng lĩnh xứng danh là một chiến tướng đúng theo như đã định nghĩa, kể cả Tướng Võ Nguyên Giáp. Trong "thời kỳ chống Mỹ", ông đã không tạo được một chiến công nào cả; cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân năm 1968 là một thất bại ê chề. Còn trong "thời kỳ chống Pháp", huyền thoại chiến tướng của ông, nhất là trong trận Điện Biên Phủ, đã bị tan thành mây khói khi các tài liệu mật của Trung Quốc được bạch hóa đã phát hiện cho thấy là tất cả những chiến công đánh Pháp của Tướng Võ Nguyên Giáp là do công lao của các Cố Vấn Tàu, đặc biệt là La Quý Ba, Trần Canh và Vi Quốc Thanh. (Ghi chép thực về việc đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc viện trợ Việt Nam chống Pháp - Hồi ký của những người trong cuộc. Nhà xuất bản Lịch Sử Đảng Cộng Sản Trung Quốc, Bắc Kinh, 2002). Sau khi các cố vấn Trung Quốc rút về nước thì Võ Nguyên Giáp chẳng tạo được một chiến tích nào khi đánh Mỹ và Nam Việt, mà toàn là thua (Pleime, Khe Sanh, Tết Mậu Thân 1968 v.v...)

Lý do thứ ba hiếm chiến tướng là yếu tố chính trị. Đối với các tướng lĩnh Mỹ thì bị giới hạn trong phạm vi lãnh thổ Nam Việt Nam, không được phép truy đuổi địch qua mật khu bên lãnh thổ Căm Bốt và Lào; khi Tổng Thống Nixon cho phép quân Mỹ hành quân sang lãnh thổ Căm Bốt tháng 4 - tháng 7 năm 1970, thì các đơn vị chiến đấu Mỹ chỉ được tiến sâu không quá 30 miles. Đối với các tướng lĩnh VNCH thì chính sách Mỹ chỉ cho phép đánh tự vệ chứ không khuyến khích tấn công vì quân đội chỉ được trang bị với súng ống tự vệ (không có trực thăng vũ trang Cobra, chẳng hạn) và lỗi thời từ Đệ Nhị Thế Chiến; lại nữa, thường được cung cấp cách trì trệ súng mạnh tương xứng với súng ống quân lính Việt Cộng, chẳng hạn súng M16 lâu sau súng AK47.

Lý do thứ bốn là yếu tố bè phái. Năm 1970, Allan Goldman lập một bảng danh sách phân loại tướng lĩnh theo phe ông Thiệu hay phe ông Kỳ. Khi chọn tướng lĩnh nắm

giữ sư đoàn và quân đoàn, Tổng Thống Thiệu không nhắm người có tài năng quân sự mà nhắm trước hết người có "lòng trung thành" với mình và sẽ không có tham vọng đảo chánh. Chẳng vậy mà ông duy trì Tướng Cao Văn Viên liên tục ở chức vụ Tổng Tham Mưu Trưởng từ năm 1965 đến năm 1975; và trong số các tư lệnh sư đoàn và quân đoàn, tỉ lệ số sĩ quan đã qua Mỹ thụ huấn khóa chỉ huy cao cấp ít hơn số đã không học qua USCGSC (9/25). Thêm nữa, Tướng Đỗ Cao Trí một thời gian đã bị cho đi làm đại sứ Đại Hàn (1965-1969) và Tướng Nguyễn Văn Hiếu làm phụ tá đặc biệt chống tham nhũng dưới quyền Phó Tổng Thống Trần Văn Hương (tháng 2/1972 - tháng 12/1973).

Lý do thứ năm hiếm có chiến tướng tại chiến trường Việt Nam vì chưa có mấy sử gia đào sâu nghiên cứu kỹ về các trận đánh lớn để rồi mô tả các động thái của trận đánh với đầy đủ điều nghiên tình báo về ý đồ địch, hoạch định kế hoạch tấn công hay phản công, vận chuyển của guồng máy điều khiển và chỉ huy, thi hành các thể điều quân v.v... Chẳng hạn, trường hợp của cuộc đánh tái chiếm Quảng Trị, có người cho là Tướng Lê Văn Thân, gốc pháo binh, lúc đó là Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn I, mới là người có công chứ không phải Tướng Ngô Quang Trưởng. Hay trường hợp trận đánh Kontum mùa hè Đỏ Lửa năm 1972, Tướng Lý Tông Bá thì cho là công lao của mình, nhưng Đại Tá Trịnh Tiểu, Trưởng Phòng Nhì Quân Đoàn II, thì lại cho là công lao của Tướng Nguyễn Văn Toàn, Tư Lệnh Quân Đoàn II. Do vậy, nếu đào sâu các tài liệu quân sự của các phe chiến đấu tại Việt Nam - CSBV, VNCH, HK - chắc là có thể khám phá ra thêm một số chiến tướng nữa. Quả thật vậy, qua quá trình nghiên cứu hơn một chục năm, từ năm 1998, tôi đã tìm ra một chiến tướng mà không mấy ai ngờ tới. Đó là Tướng Nguyễn Văn Hiếu.

Chiến Tướng Hiếu

Khi nói tới Tướng Hiếu thường người ta nghĩ Tướng Hiếu chỉ là một tướng thanh liêm, chứ không hề cho là một chiến

tướng, thích cầm quân tấn công địch, có tài đánh giặc với mưu trí, có biệt tài đem ra sử dụng mọi loại quân chủng - Thiết Giáp, Pháo Binh, Không Quân - và huy động mọi loại binh chủng không chỉ duy thiện chiến như Biệt Động Quân, Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Biệt Cách Dù, Lực Lượng Đặc Biệt mà còn binh chủng tầm thường như Địa Phương Quân và Nghĩa Quân.

Các chiến công Tướng Hiếu lập nên trong ba trận đánh lớn Pleime, Thần Phong 1 và Đức Huệ/Svay Riêng đủ để liệt Tướng Hiếu vào hàng chiến tướng.

Pleime

Trận Pleime - hay trận Iadrang (đúng hơn trận Chu Prong) trong ba trận Pleime - ChuProng - Iadrang nằm trong chiến dịch Pleime - được phía Cộng Sản Bắc Việt và phía Hoa Kỳ coi là trận đánh lớn cấp sư đoàn đầu tiên giữa lực lượng của đôi bên. Phía CSBV có các Trung Đoàn 32, 33 và 66; phía Hoa Kỳ có các Lữ Đoàn 1, 2, và 3 Không Ky. Nhưng ít ai đề cập tới vai trò chính - cách chung - của Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II/VNCH - và cách riêng - của Đại Tá Hiếu, Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn II, trong toàn bộ chiến dịch này. Điểm này đã được luận tới cách thấu đáo trong loạt bài sau đây:

Hai Tay Cờ Chính Trong Ván Cờ Pleime

Các Thế Chiến Thuật Trong Trận Pleime

Nhật Ký Trận Pleime

Duyệt Trình Cuốn Sách "Why Pleime"

Chiến Dịch Pleime và Chiến Dịch Pleiku

Tài Điều Binh Khiển Tướng Trong Chiến Dịch Pleime

Vài Điều Cần Nên Biết Về Trận Đánh Pleime-Iadrang

Những Điều Các Quân Sử Gia Không Lên Tiếng Liên

Quan Đến Trận Đánh Tại Bãi Đập X-Ray

Đặc điểm của Đại Tá Hiếu trong việc điều quân trong chiến dịch Pleime là dùng đến tài mưu trí hơn địch và tài khéo dụng binh khiển tướng, kể cả các tướng lãnh Mỹ.

Đại Tá Hiếu đã chẩn đoán nhanh chóng tình hình chiến

trận và đoán biết được mọi mưu kế của địch đồng thời hóa giải được tất cả với phương tiện eo hẹp sẵn có trong tay, từ việc thắng vượt giai đoạn đánh đồn đả viện và phục kích vận động chiến với Chiến Đoàn Đặc Nhiệm 3 Thiết Giáp, đến giai đoạn truy kích và đập tan địch đến tận cùng sào huyệt thâm sâu với Lữ Đoàn Dù .

Đại Tá Hiếu cũng biết dựa vào ưu thế về mặt nắm vững tình báo cách chính xác và tỉ mỉ liên quan đến vị trí và tình trạng của tất cả các đơn vị địch, từ chỉ huy đến tác chiến, để thuyết phục xui khiến cấp chỉ huy Mỹ làm theo ý kiến mình về mặt khái niệm hành quân và thời khóa biểu điều quân, cách khéo léo và kín đáo đến độ từ ngoài nhìn vào chiến trận, ai cũng tưởng và ngay cả các cấp chỉ huy tham chiến Mỹ cũng tưởng là Quân Đội Mỹ đơn phương chủ động trong trận Iadrang (đúng hơn trận Chu Prong).

Ngoài ra, Đại Tá Hiếu cũng chứng tỏ tài khiển dụng mọi loại chiến cụ hiện đại của QLHK như trực thăng vũ trang và phóng pháo cơ B52 và tuần tự điều động hàng loạt chiến binh thuộc đủ loại binh chủng Việt Mỹ: Biệt Cách Dù, Lực Lượng Đặc Biệt, Dân Sự Chiến đấu, Bộ Binh, Biệt Động Quân, Thủy Quân Lục Chiến, Không Kỳ, Thiết Giáp, Pháo Binh, Không Quân.

Thêm nữa, Đại Tá Hiếu còn biểu dương tài biến hóa đủ loại chiến thuật tấn thủ: bao bọc, chống phục kích, giải tỏa, truy đuổi, phục kích, khai thác, tấn công và tiêu diệt.

Thần Phong 1

Hai tháng trước chiến dịch Pleime, Đại Tá Hiếu đã tỏ ra khí khái chiến tướng trong Hành Quân Thần Phong 1. Cuộc hành quân này được tường thuật trong bài Hành Quân Khai Lộ.

Đặc điểm của Đại Tá Hiếu trong cuộc hành quân này là dùng "một kế hoạch dương đông kích tây qui mô" chuẩn bị cho cuộc hành quân khai lộ với Sư Đoàn 22, Thiết Đoàn 3, Chiến Đoàn 2 Dù, các Lực Lượng Địa Phương Quân, Nhóm Dân Sự Chiến Đấu, Chiến Đoàn Alpha TQLC, Trung Đoàn

42 và Nhóm 20 Công Binh Chiến Đấu, đồng loạt tấn công từ phía dọc theo "Quốc Lộ 1 từ Qui Nhơn tới Tuy Hòa", "Quốc Lộ 14", và "Liên Tỉnh Lộ 7 từ Phú Bổn tới Tuy Hòa" cùng tại "Quận Lộ Thanh" và tại "Lộ Bắc", khiến cho các đơn vị địch bị ghim xuống tại chỗ không thể xô dịch để mà thiết lập các ổ phục kích, do đó "điểm chính yếu của khái niệm hành quân là ngăn ngừa và chặn đứng trước các cuộc phục kích hơn là can thiệp để triệt hủy và chống lại các ổ phục kích với các lực lượng tiếp cứu".

Đức Huệ/Svay Riêng

Mặt trận Đức Huệ/Svay Riêng là trận đánh lớn nhất sau cùng của QLVNCH xảy ra vào cuối tháng 4 năm 1974. Trận này được Đại Tá Legro, trưởng phòng tình báo DAO Mỹ mô tả cặn kẽ. Tướng Hiếu lúc đó là Tư Lệnh Phó Hành Quân/Quân Đoàn III, đã huy động một lực lượng cấp quân đoàn nhằm giải tỏa áp lực nặng của Sư Đoàn 5 Bắc Việt đặt vào trại Đức Huệ với 20 tiểu đoàn di động bao quanh vùng Mỏ Vẹt, rồi tấn công vượt biên sâu 16 cây số vào vùng Svay Riêng với ba chiến đoàn: Chiến Đoàn 315 gồm Thiết Đoàn 15 Kỵ Binh, Tiểu Đoàn 64 BĐQ, và một thiết đội chiến xa hạng trung dùng làm lực lượng xung kích; Chiến Đoàn 318, bao gồm Thiết Đoàn 17 Kỵ Binh, một tiểu đoàn BĐQ, một thiết đội chiến xa; Chiến Đoàn 310, bao gồm một tiểu đoàn thuộc Sư Đoàn 18 và một tiểu đoàn thuộc Sư Đoàn 25 và Nhóm 3, Thiết Kỵ 10. Ngoài ra cuộc hành quân còn được yểm trợ bởi hai tiểu đoàn của Quân Đoàn IV cùng pháo binh và Không Lực Việt Nam. Đặc điểm của trận đánh này là vận dụng tối đa yếu tố vận tốc, bí mật, và phối trí của một hành quân đa diện.

Đỗ Xá, Đại Bàng 800, Snoul

Ngoài ba trận đánh lớn cấp sư đoàn và quân đoàn nêu trên, Tướng Hiếu còn đánh ba trận đánh cấp trung đoàn đáng kể: Đỗ Xá năm 1964, Đại Bàng 800 năm 1967 và Snoul năm 1971.

Trong cuộc hành quân Đổ Xá, với tên chính thức là Quyết Thắng 202, Tướng Hiếu, lúc đó là Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn II, dưới quyền Tướng Đỗ Cao Trí, đã tảo bạo tung hai đạo quân gồm Chiến Đoàn A với ba Tiểu Đoàn Biệt Động Quân dưới quyền chỉ huy của Thiếu Tá Sơn Thương và Chiến Đoàn B với các đơn vị của Trung Đoàn 50, thuộc Sư Đoàn 25, dưới quyền chỉ huy của Thiếu Tá Phan Trọng Chinh vào mật khu bất khả xâm phạm Đổ Xá nằm tại giáp giới ba tỉnh Kontum, Quảng Ngãi và Quảng Tín. Ngoài ra, hai toán quân này còn được tăng phái bởi Tiểu Đoàn 5 Dù dưới quyền chỉ huy của Đại Úy Ngô Quang Trưởng.

Trong cuộc hành quân Đại Bàng 800, Tướng Hiếu đã tinh anh dùng kế "điệu hổ ly sơn" dụ được một trung đoàn thuộc Sư Đoàn 3 Sao Vàng xuất đầu lộ diện và nện lên đầu một cú thoi sơn gây cho địch bị tổn thất nặng với xác của 300 chiến binh bỏ lại trên chiến trường, sau khi các đơn vị của Sư Đoàn 1 Không Kỵ Mỹ thất bại trong cuộc lùng kiếm địch dòng đã ba ngày trời.

Trong cuộc hành quân triệt thoái Snoul, Tướng Hiếu đã biểu dương tính khí của một chiến tướng giỏi khi tấn công như khi thủ khi triệt thoái Trung Đoàn 8 thuộc Sư Đoàn 5 khởi thị trận Snoul dưới sự uy hiếp của hai Sư Đoàn 5 và 7 Bắc Việt. Cuộc triệt thoái trên đoạn đường 13 cây số từ Snoul trên phần đất Căm Bốt về tới Lộc Ninh được coi là



thành công với tổn thất tương đối nhẹ. Trong cuộc rút quân này, Tướng Hiếu đã ứng dụng 8 yếu tố bài bản của một chiến thuật lui binh.

Chân Dung Của Một Chiến Tướng

Một lý do chính khiến ít người biết Tướng Hiếu là một chiến tướng là tính kín đáo, không thích lòi loẹt phô trương chiến tích của mình. Tướng Hiếu núp bóng sau Tướng Trí,

Tướng Vĩnh Lộc và Tướng Thuần khi hoạch định và thực hiện các trận đánh Đổ Xá, Thần Phong 1, Pleime và Đức Huệ/Svay Riêng.

Đại Tá John Hayes, Cố Vấn Trưởng Sư Đoàn 5, nhận xét: "Ông cẩn trọng mực thước nhưng khi lấy quyết định thì sắc bén." Về phương diện này, có lẽ Đại Tá Hayes là giới chức quân sự Mỹ duy nhất hiểu rõ Tướng Hiếu, phần đông thì cho là Tướng Hiếu nhút nhát rụt rè không xông xáo đủ. Chẳng hạn như Tướng Abrams phát biểu như sau về Tướng Hiếu, Tư Lệnh Sư Đoàn 22 trong một buổi họp ngày 26 tháng 7 năm 1969:

Và, thật là bất hạnh, Sư Đoàn 22 QLVNCH không nhìn được sự thể như vậy. Sư Đoàn chưa phải là một sư đoàn thiện chiến, xuất trận với cấp trung đoàn và tiểu đoàn và vân vân! Và chính điều đó cần thiết phải được thực hiện tại Bình Định! Và đó chính là điều Sư Đoàn 22 không nhìn thấy! Và đó chính là điều tư lệnh sư đoàn tự tâm tâm không sẵn lòng chịu làm! Và điều mà tất cả mọi người cần phải làm, thay vì bàn đến chuyện xuất trận và chiến đấu với—Trời Đất Quỷ Thần ơi, họ đứng dưới đó liếm đũa chờ cho Sư Đoàn 3 Bắc Quân trở lại! Phải đấy, lẽ dĩ nhiên nếu Sư Đoàn 3 Bắc Quân trở lại thì họ đã rửa sạch đồng hồ rồi. Nhưng đó là ngày họ trông chờ - khi Sư Đoàn 3 Bắc Quân trở lại! Có điều—không thể làm điều mà chưa được tổ chức, điều mà chưa được huấn luyện. Phải đi ra ngoài làm điều phải làm ngay bây giờ tại nước này! Tất cả mọi người làm phải như vậy!

Tướng McAuliffe, Cố Vấn Phó Vùng 2 Chiến Thuật, cũng lượng định sai lầm về Tướng Hiếu khi ông viết trong bản tường trình ngày 26 tháng 11 năm 1970:

Có hai phương thuốc khả dĩ chữa trị cho căn bệnh của sư đoàn, cả hai đã được đề nghị cho Tướng Trí: (a) thay thế tư lệnh sư đoàn, Thiếu Tướng Nguyễn Văn Hiếu, và trung đoàn trưởng Trung Đoàn 8; (b) cho các đơn vị của sư đoàn tham gia thêm vào các cuộc hành quân vượt biên, ngõ hầu nâng cao tinh thần và huấn luyện các năng khiếu chiến đấu của các cấp chỉ huy đơn vị và binh sĩ tham dự. (Tướng Trí

đã đề nghị thay thế Tướng Hiếu, và xem cách cho Sư Đoàn tham gia thêm vào các cuộc hành quân.)

Sai lầm, vì Tướng Trí, trái lại trọng dụng Tướng Hiếu nhất trong số ba Tư Lệnh Sư Đoàn 5, 18 và 25, theo ý kiến của Đại Tá Khuyến, Chỉ Huy Trưởng An Ninh Quân Đội Quân Đoàn III:

Khi tướng Trí về nắm chức Tư Lệnh Quân Đoàn 3 thì tình cờ cả 3 vị Tư Lệnh Sư Đoàn của Quân Đoàn 3 đều xuất thân từ Khóa 3 Đà Lạt. Thiếu Tướng Nguyễn Xuân Thịnh giữ chức Tư Lệnh Sư Đoàn 25, Thiếu Tướng Hiếu, Sư Đoàn 5 và Thiếu Tướng Lâm Quang Thơ, Sư Đoàn 18. Trong 3 vị Tư Lệnh vừa kể thì Tướng Trí tỏ vẻ trọng dụng Tướng Hiếu nhất vì Tướng Hiếu đã từng làm tham Mưu Trưởng cho Tướng Trí trước kia ở Quân Đoàn 1 và Quân Đoàn 2 vào năm 1963.

Chắc hẳn là Tướng McAuliff không biết là Tướng Trí có đề nghị Tổng Thống Thiệu cho Tướng Hiếu thay thế mình trong chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn III khi ông được chỉ định thay Tướng Hoàn Xuân Lãm, Tư Lệnh Quân Đoàn I, cứu vãn cuộc hành quân Lam Sơn 719. Nhưng rủi thay sự việc không xảy đến vì Tướng Trí bị tử nạn trực thăng tháng 2 năm 1971.

Đến ngay cả Tướng Lê Minh Đảo, Tư Lệnh Sư Đoàn 18, cũng xét đoán lầm khí khái hiếu chiến của Tướng Hiếu qua điệu bộ nhỏ nhẹ:

"...anh Hiếu trông bề ngoài có vẻ quá hiền lành, khiến lính có thể không sợ, nên có thể không thích hợp với vai trò tác chiến."

Theo Dale Andrade nhận xét là các tướng VNCH thường tránh phiến hà nên chọn lựa thủ hơn là tấn:

"Tướng Hưng không hèn nhát. Nhưng cũng như các các sĩ quan cao cấp Việt Nam khác, ông không muốn phải lấy những quyết định khó khăn. Nếu được ông thà ngồi đợi và ngó chừng, hy vọng là tình trạng đen tối sẽ tự tan biến đi."

Tuy nhiên Tướng Hiếu lại khác. Một khi đã điều nghiên kỹ tình hình chiến trường và nắm vững tình báo chính xác

về địch, Tướng Hiếu không ngần ngại tấn công vào sâu trong lòng sào huyệt địch, như trong cuộc hành quân Đổ Xá năm 1964, cuộc hành quân Thần Phong 7 năm 1965, cuộc hành quân Snoul năm 1971 và cuộc hành quân Đức Huệ/Svay Riêng năm 1974.

Tướng Hiếu trở nên một chiến tướng nhờ tài tận dụng ba lợi khí: tình báo, thiết giáp và pháo binh.

Tướng Hiếu luôn nghiên cứu kỹ lưỡng để nắm rõ tình hình địch bằng cách dùng các toán trinh sát len lỏi vào lòng địch và khéo khai thác các tù binh và hàng binh địch. Tướng Hiếu căn dặn *"các Trung Đoàn phải cải thiện các đơn vị Trinh Sát và Viễn Thám, phải tận dụng các đơn vị này trong nhiệm vụ tìm và diệt địch. Trước hết phải xâm nhập vào nội địa của địch để phát giác các căn cứ hoặc trạm giao liên của địch"* và *"không những phải biết đích xác tung tích đơn vị địch mà còn phải nắm vững lối đánh sở trường của tổ trưởng của đơn vị đó (...)* Vì vậy Đại Tá Hiếu luôn chỉ thị cho Phòng Nhì phải lấy được danh tánh cùng học hỏi được nhân cách tổ trưởng của đơn vị địch".

Trong trận đánh Pleime, Đại Tá Hiếu điểm rõ các vị trí địch đến độ khiến địch "kết luận là chỉ có thể là gián điệp trà trộn trong bộ đội cung cấp cho các lực lượng của ta vị trí và di chuyển của các phần tử trung đoàn".

Tướng Hiếu rất thành thạo trong việc sử dụng thiết giáp ở cấp trung đoàn (Pleime 1965), cấp sư đoàn (Toàn Thắng 8/B/5) và cấp quân đoàn (Đức Huệ/Svay Riêng).

Theo Đại Tá John Hayes:

Từ khi Thiếu Tướng Nguyễn Văn Hiếu nắm quyền chỉ huy, Sư Đoàn đã khởi công chương trình đưa chiến tranh đến địch. Sáng kiến này là một yếu tố trọng yếu mà Sư Đoàn đã thiếu sót trước đây. Việc sử dụng Trung Đoàn Thiết Kỵ trong vai trò tấn công là một thay đổi lớn lao với sứ mạng "Ngự Lâm Lính Kiểng" trước đây.

Ngoài ra, Tướng Hiếu còn tỏ ra là biết dùng thiết giáp hơn là một tướng thiết giáp chuyên nghiệp:

Trong hầu hết các trường hợp, bộ binh thấp tùng bảo

vệ các đoàn quân chiến xa là điều đòi buộc. Trái lại, trận Pleime là một trường hợp cổ điển trong đó các phần tử bộ binh phương hại nhiều đến tính di động và khả năng của các chiến xa. Vì lẽ đó, các đại đội trưởng thiết giáp không nên bám quá khư khư vào các nguyên tắc bài bản và tốt hơn là bạo dạn phơi trần ra thay vì giới hạn tính di động của mình với một bộ binh thấp tầng sát bên bảo vệ. Điều này sẽ không những tạo tự do hành động mà còn biện minh cho khả năng tự vệ trong trường hợp bị tập kích bất ngờ.

Tướng Hiếu cũng sành sỏi việc sử dụng pháo binh trong mọi trận đánh. Ngoài ra, Tướng Hiếu còn chứng tỏ là một sĩ quan pháo binh thượng thặng khi biết ứng phó với pháo binh địch:

Ngày 3 tháng Giêng năm 1975, Thiếu Tướng Nguyễn Văn Hiếu, Tư Lệnh Phó Vùng 3 Chiến Thuật, chỉ huy hành quân, phân tích các hoạt động quân sự của Việt Cộng và Bắc Quân (VC/BQ) từ ngày 6 tháng Chạp và thảo luận các ý đồ của cộng sản. Trong Tỉnh Tây Ninh, các lực lượng VC/BQ thất bại trong nỗ lực hoàn thành các mục tiêu tấn chiếm các tiền đồn tại Núi Bà Đen và Suối Đá (XT335576) phía đông bắc Thành Phố Tây Ninh vì sau khi pháo binh của QLVNCH lúc đầu bị hỏa lực phản pháo VC/BQ hủy diệt, QLVNCH đã có thể đem thêm pháo binh vào chống cự lại lực lượng tấn công của địch. Trung Đoàn 205 VC/BQ Biệt Lập thiệt hại khoảng một phần ba quân số, trong khi Trung Đoàn 101 VC/BQ hứng chịu khoảng 100 thương vong. Các chiến thuật VC/BQ là hủy diệt pháo binh QLVNCH với hỏa lực phản pháo dựa trên tình báo của các vị trí đại pháo howitzer và rồi sử dụng pháo tập vào lực lượng trú phòng. Trong trận đánh tại Suối Đá, các lực lượng QLVNCH đã có thể đem thêm các ỏ pháo tới tầm bắn của các lực lượng tấn công mà các đơn vị VC/BQ không tài nào tìm thấy để hủy diệt. Theo Tướng Hiếu, nguồn tình báo cho thấy là hai Trung Đoàn VC/BQ sẽ tấn công lại trong Tỉnh Tây Ninh và sử dụng thêm các ỏ pháo binh để triệt hủy pháo binh QLVNCH.

Một nét đặc thù của chiến tướng Hiếu khi điều binh là không trực tiếp áp đặt lệnh lạc mà là điều khiển êm xuôi đến độ các sĩ quan thừa hành lệnh cứ ngỡ là họ hoàn toàn chủ động, như trong trường hợp của Tướng Kinnard trong chiến dịch Pleime/Pleiku và Tướng Trần Quang Khôi trong mặt trận Đức Huệ/Svay Riêng. Và Tướng Schwarzkopf xác tín là Đại Tá Ngô Quang Trưởng hoàn toàn chủ động trong cuộc hành quân Thần Phong 7. Tướng Hiếu tiết lộ biệt tài này của mình như sau trong cuộc hành quân Thần Phong 1: "Các chiến đoàn được kiểm soát chặt chẽ trong tiến trình của họ. Họ hoàn toàn tự do hành động, nhưng kế hoạch của Quân Đoàn II đã buộc họ phải chiếm cứ các cao điểm dọc theo quốc lộ và di chuyển từng đợt nhảy vọt". Tướng Hiếu ra lệnh chỉ huy theo phong cách êm ả của một tham mưu trưởng chuyên nghiệp, chứ không theo phong cách xô bồ của một tướng trận mạc, nghĩa là biết đặt các con cờ đúng vị trí và khả năng trong bàn cờ chiến trận của mình nên các con cờ thi hành nhiệm vụ cách đương nhiên, chứ không cần phải đốc thúc xô đẩy khi họ bị đặt trong một tư thế vụng về và quá khả năng.

Một nét đặc thù khác của chiến tướng Hiếu là biết sử dụng mọi con cờ, từ tướng sĩ tượng (Việt lẫn Mỹ), xe pháo mã (Dù, TQLC, BĐQ) chí đến các con tốt (ĐPQ, NQ). Tướng Hiếu bình phẩm là Tướng Dư Quốc Đống, gốc Dù, không quen dùng Địa Phương Quân: "Trung Tướng Tư Lệnh QĐIII Dư Quốc Đống không có kinh nghiệm chỉ huy các lực lượng địa phương quân nhưng ông đang học hỏi rất nhanh". Tướng Abrams cũng chê Tướng Đỗ Cao Trí theo chiều hướng đó: "*Ông là một chiến thuật gia giỏi, tuy nhiên tôi đã chỉ cho tổng thống thấy là, tuy tôi tán phục chiến thuật Tướng Trí, thật sự Tướng Trí chiến đấu tại Quân Đoàn III với lính Dù, Thủy Quân Lục Chiến, và Biệt Động Quân, và không làm gì để cải tiến mức chiến đấu của....*" Còn Tướng Ngô Quang Trưởng thì bị Chuẩn Tướng Trần Đình Thọ, Phụ Tá Tham Mưu Trưởng G3, chê bai là chỉ giữ được Vùng 1 Chiến Thuật với Dù và Thủy Quân Lục

Chiến: "Bộ Tham Mưu đã làm hết sức mình. Mỗi khi có phương tiện, là Quân Đoàn 1/Quân Khu 1 được ưu tiên yểm trợ. Cả hai Sư Đoàn Dù và Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến, hai lực lượng trừ bị, đều được tăng phái cho Quân Đoàn 1. Ngay sau khi đã đạt được mục tiêu, Tướng Trưởng dùng họ như lính địa phương thay vì gửi trả lại Tổng Tham Mưu để điều quân cho các vùng khác."

Nhà văn Phan Nhật Nam viết:

Năm quyền tư lệnh sư đoàn từ giữa năm (tháng 6, 1966), cuối năm (tháng 11) vị tân tư lệnh đã tạo dựng ngay một chiến thắng vẻ vang dưới chân Đèo Phù Cũ (Quận Phù Mỹ). Lúc ấy, chúng tôi, đơn vị tăng phái (Chiến Đoàn 3 Nhảy Dù – PNN) làm thành phần chặn địch đóng trên núi, chứng kiến đơn vị bạn (Trung Đoàn 42/Sư Đoàn 22 Bộ Binh) hợp cùng chi đoàn thiết vận xa M113 lừa địch từ Quốc Lộ 1 vào núi. Trận chiến hào hùng như một đoạn phim tài liệu lịch sử kỳ Đệ Nhị Thế Chiến - Các chiến sĩ bộ binh từng thiết với thiết vận xa M113 theo đội hình hàng ngang, ào ạt tiến tới sau một đợt tác xạ, mạnh mẽ uy vũ như những hiệp sĩ thời trung cổ xung trận. Chiến Đoàn Trưởng Nhảy Dù, Trung Tá Nguyễn Khoa Nam đứng trên sườn núi chong ống nhòm quan sát trận địa dẫu là người kín đáo, phải nói nên lời thán phục: "Đại Tá Hiếu điều quân như một "ông thiết giáp" nhà nghề, và lính Sư Đoàn 22 đánh đẹp đâu thua lính mình" - Lời ngợi ca chân thật giữa những người chiến đấu nơi trận tiền. (**Hào Kiệt Nước Nam Không Đòi Nào Thiếu**)

Kết Luận

Tướng Hiếu quả thật là một viên ngọc quân sự ẩn tàng bấy lâu nay. Đã đến lúc Tướng Hiếu được nhìn nhận là một chiến tướng hiếm có trong cuộc chiến Việt Nam, một thiên tài quân sự ít có ai sánh bì.

Nguyễn Văn Tín

Ngày 27 tháng 12 năm 2010

Trời Mưa Nhớ Bạn

■ *Song Vũ - Ngô Văn Xuân K17*

(Để tưởng niệm các đồng đội đã nằm xuống trên quê hương)

Một

Liên tiếp ba ngày nay mưa bão tối tấp đổ vào đây. Nơi tôi đang sinh sống là một thành phố nhỏ đã có từ rất lâu, có lẽ cả hơn trăm năm nay. Tôi đành phải bỏ ba buổi sáng cuộc bộ thể dục. Thường thì mỗi ngày khi tôi thức dậy, làm vệ sinh cá nhân xong là tôi khoác chiếc áo lạnh và mở cửa bước ra khỏi nhà. Từ đường Sobrato, qua đường Budd rồi băng qua đại lộ San Tomas là tới công viên Morgan. Tối đó tôi sẽ gặp hai người bạn già từ khu chung cư Rincon, dành riêng cho người cao niên lợi tức thấp, ra cùng đi. Cả ba sau đó đi một vòng tròn lớn, theo đường Rincon qua Winchester rồi trở về lại đường Budd. Thời gian tròn 1 tiếng. Thói quen này chúng tôi có từ cả chục năm nay. Hôm nào mưa gió hoặc cảm cúm không đi được thì trong người thấy bứt rứt khó chịu.

Như hôm nay đây, qua khung cửa nhìn ra đường, những hạt mưa theo gió tạt rào rào lên mái, hơi nước phủ mờ khung kính, thỉnh thoảng một chiếc xe hơi chạy qua hắt nước tung lên hè. Mưa lớn quá, nước chảy vào hệ thống cống không kịp rút. Tivi thông báo có lụt ở vài nơi. Đã thật lâu, tôi mới lại thấy được một cơn mưa lớn như thế này. Thả hồn trôi theo dòng thời gian và cùng với những hạt mưa kia, tôi trở về những hình ảnh quen thuộc cũ, từ lâu nằm ử sâu trong

tiềm thức.

Thói quen đi bộ thực ra chẳng phải do tôi thích làm mà đúng hơn là do lời khuyên của bác sĩ Phan khi phát hiện tôi bị bệnh thấp khớp và cao máu. Phan, trước ngày mất nước, là một bác sĩ của Tiểu Đoàn Quân Y ở vùng 4 chiến thuật. Sau 3 năm cải tạo, trở về nhà được hơn 1 năm thì anh cùng gia đình vượt biên sang Hoa Kỳ. Tại đây, hai vợ chồng vừa đi làm vừa đi học lại và lấy được bằng hành nghề của tiểu bang. Lúc tôi gặp Phan là năm 1993, khi đó tôi cũng qua đây định cư được gần một năm. Tuổi tác tôi nằm ngay đúng ranh giới của sự dở ông dở thằng. Bằng cấp chuyên môn ngoài nghề cầm súng là hai bàn tay trắng, một cơ thể đủ các loại bệnh do hậu quả của những năm tù đầy trong các trại cải tạo từ Nam ra Bắc. Năm 1993 cũng là năm kinh tế Hoa Kỳ trong giai đoạn suy trầm nên xin công việc làm thật khó. Từ việc assembler với lương tối thiểu \$4.25/giờ mà nộp đơn xong cũng phải chờ cả vài tuần mới có nơi gọi phỏng vấn. Nhìn đám người xếp hàng dài chờ đợi tới phiên mình mà chán ngán! Quả đúng như lời của một người bạn sang trước bảo, “Lứa tuổi mình thì chỉ có đi hành nghề tự do là thích hợp thôi.” Đó là lý do tôi đi theo một anh bạn cùng đơn vị ngày trước để làm nghề cắt cỏ. Huỳnh qua trước tôi gần ba năm theo diện HO. Nhờ đứa con út còn vị thành niên nên hẳn được chính phủ cho đi học nghề, hẳn đã chọn lấy cái nghề ít cần chữ nghĩa này. Dĩ nhiên tôi chỉ là phụ tá, một tay lái phụ cho chiếc máy cắt cỏ và công việc chính là sử dụng chiếc máy thổi bụi và lá cây - chúng tôi gọi là cây chổi quét - để vun rác thành đống và sau đó hốt vào bao đựng rác tống lên xe truck rồi đem đi đổ. Những ngày mới vào nghề khá vất vả, nhưng bù lại tối về nhà mệt như tử, nằm ngay cán cuốc đánh một giấc cho tới sáng. Lương ăn chia theo thỏa thuận theo số việc có trong ngày, vì thực ra khi còn chung đơn vị, chúng tôi coi nhau như anh em nên giờ đây cũng là dịp bày tỏ tình nghĩa huynh đệ chi binh vậy thôi. Huỳnh người miền Nam, vùng Cái Vồn nên khi phát âm chữ r thành chữ g nghe cũng vui vui.

Hai

Năm đó là năm 1964. Tôi ra trường đã hơn một năm, là đại đội trưởng Đại Đội 2 Tiểu Đoàn 3/11. Cả tiểu đoàn đang tham dự một cuộc hành quân săn diệt địch. Khu vực hành quân nằm về hướng đông bắc chi khu Cai Lậy, trong vùng Hưng Thạnh Mỹ. Một khu vực chằng chịt kinh rạch. Đơn vị chúng tôi được trực thăng vận từ ngã ba Cái Bè, xuống vùng Kinh Cái Đồi, từ đó lục soát dọc theo Kinh Tổng Đốc Lộc về hướng đông, qua Kinh Một, Kinh Hai...

Cả tiểu đoàn dừng lại giữa cánh đồng ngập nước mênh mông. Thấp Mười lúc này vào mùa mưa. Bốn bề nước trắng xóa chói cả mắt. Xa xa là những hàng cây so đũa chạy dọc theo các mương đào. Xa hơn nữa là những xóm nhà nằm cạp theo bờ kinh. Tất cả phủ mờ dưới cơn mưa buổi chiều. Hành quân vùng Đồng Tháp trong mùa này luôn đòi hỏi những đại đội trưởng đi đầu có khả năng đọc bản đồ giỏi, nếu không, khi đụng trận kêu hoả lực pháo yểm là mang họa. Lộc là đại đội trưởng kỳ cựu nhất trong tiểu đoàn và đặc biệt anh có khả năng chấm tọa độ số một, nên không lạ, mỗi khi hành quân vùng này, đại đội anh luôn tiên phong. Tiếng Đại Úy Cao, Tiểu Đoàn Trưởng, gọi cho Lộc.

- Còn cách mục tiêu bao xa nữa Sài Gòn 1?
- Chừng cây rưỡi nữa thôi, thẩm quyền!
- Có thấy động tĩnh gì không?
- Trời mưa như trút thế này làm sao mà thấy? Thẩm quyền cho thằng Sao Mai đánh vài vòng xem sao, chứ tôi có cảm giác là lạ sao ấy. Sao Mai là danh hiệu truyền tin của máy bay quan sát.
- Sao Mai về rồi, nó bảo khi nào ngớt mưa mới lên được.
- OK, thôi thẩm quyền cho tôi một trái khói điều chỉnh ngay giữa mục tiêu xem sao trước khi vào.
- OK, nói với thằng em đi chung làm đi. Thằng em đi chung đây chính là toán tiền sát viên pháo binh đi theo đại đội của Lộc.

Đoàn quân dừng giữa đồng, từ đây tới bìa Xóm Ông Bốc

cũng còn cả cây số. Nhưng cứ lúi lũi tiến vào mục tiêu như kiểu này, nếu tụi nó nằm phục trong đó mà bắn ra thì chết chắc. Đại Úy Cao, Tiểu Đoàn Trưởng, tự nhủ như thế và cho mời Đại Úy Hiền, Tiểu Đoàn Phó, trở lại phía sau hội ý.

Đại Úy Hiền trở về đại đội tôi rồi kêu Lộc qua cùng bàn bạc. Hiền hỏi chúng tôi, hai chú có nhìn thấy cây liễu cao nằm ở phía tay phải kia không? Lộc nhanh miệng:

- Đó có lẽ là cái đình Đại Úy ạ!

- Sao chú mày biết?

- Kinh nghiệm bản thân của tôi mà Đại Úy. Đại Úy nhìn xem trên bản đồ đây này. Chúng ta đang đứng ở đây, nhìn xéo qua hướng hai giờ là cây liễu đó, cũng chính là ký hiệu cái đình miếu gì đó trên bản đồ đây này.



Tôi gật đầu tán thành. Kinh nghiệm bản thân tôi cũng thấy thế. Trong khuôn viên các miếu đình hoặc chùa trong vùng chúng tôi đi qua luôn luôn có một loại cây gì đó không đa thì phong hoặc thông hoặc liễu. Hình như trồng loại cây tán cao là một chỉ dấu để cho bà con dễ nhận biết khi đi tìm những địa điểm này.

Đại Úy Hiền chỉ về hướng một rặng trâm bầu nằm nhô trên mặt nước quay qua bảo tôi: “Vũ cho tấp đại đội vào dọc theo rặng cây đó bố trí yểm trợ cho Lộc vào mục tiêu. Còn Lộc tiến tới cách mục tiêu chừng 800 thước thì dừng lại, cho tiểu đội quân báo mò vào trước xem sao rồi mới tính nghe chưa?”

Lộc gật đầu nhận lệnh. Quả pháo khói được yêu cầu từ trước bây giờ mới nghe tiếng nổ. Tiếng đạn rít khi bay qua ngang đầu rồi rớt vào trong làng, một cuộn khói trắng bay lên cao.

Đại đội tôi dàn hàng ngang tiến dần đến rặng cây nằm nhô lên giữa cánh đồng, còn đơn vị của Lộc tách qua hướng tay trái tôi, sau đó bì bõm lội nước di chuyển.

Cơn mưa như ngày càng nặng hạt hơn, nước trên đồng

lăn tăn gợn những đợt sóng nhỏ. Vào gần bìa làng, mực nước có vẻ đỡ hơn đôi chút, giữa đồng nước lội trên đầu gối, có chỗ ngang lưng, bây giờ chỉ còn giữa bắp chân một chút. Nước từ trên trời, nước ngập dưới chân, chúng tôi như đang đi giữa một không gian đầm nước. Có lẽ không một hình ảnh nào ảm đạm hơn hình ảnh những người lính trùm kín poncho, đi dưới trời mưa mù mịt, lặng lẽ như chúng tôi trong giờ phút này...

Chuẩn Ủy Huỳnh khi tới bờ cây gọi máy báo cho tôi biết đã tới vị trí. Tôi cho lệnh ngừng và dàn hàng ngang bố trí hướng về phía kinh sắn sàng yểm trợ cho cánh quân Đại Đội 1 của Lộc ở phía trái.

Tiểu đội tiền sát của Lộc cách bìa làng chừng gần trăm mét thì súng từ bìa làng bắt đầu khai hỏa. Trời mưa vẫn âm âm trút nước, tiếng đạn bay vèo vèo trong mưa, những tia chớp lòe sáng nhấp nháy, tiếng người kêu tản thương, tiếng lội nước bì bõm. Tiểu đoàn may mắn nằm ngoài tầm đạn súng nhỏ, ngoại trừ đại đội của Lộc và một trung đội của tôi. Tiếng pháo binh bắn chặn, tiếng la hét tuyệt vọng của những người lính ngã xuống nước vì trúng đạn. Tất cả nhòa đi trong mưa. Tôi bất động, không thể làm gì được trong tình thế này. Biển nước mênh mông chạy tới sát ven làng không cho phép chúng tôi dàn quân mở một cuộc xung phong sinh tử. Chúng tôi đứng giữa hai biển nước, từ trên trời dội xuống và một biển nước phèn chua nằm dưới chân.

Lệnh của tiểu đoàn cho Lộc và tôi rút về phía sau hai trăm mét ra ngoài tầm hỏa lực của địch. Vẫn không chỗ núp, vẫn đứng dưới mưa.

Nửa giờ sau, hai chiếc phi cơ quan sát lên lại bầu trời, cơn mưa thưa hạt dần. Trời về chiều. Bốn chiếc khu trục được gọi đến bay trên mục tiêu, giờ đây pháo binh đã ngưng. Phi cơ lao xuống thả bom dọc theo kinh. Có tiếng đại liên phòng không bắn lên phi cơ. Đạn phòng không toả những vòng khói nhỏ nổ lụp bụp trên trời. Ven làng từng cột nước dâng cao trộn lẫn những đám khói và quầng lửa vụt lên mỗi khi có trái bom được thả xuống. Khi máy bay làm xong nhiệm

vụ, pháo binh lại tiếp tục. Cả mục tiêu trở thành một vùng khói phủ. Tiếng súng bắn trả thưa thớt dần. Bốn chiếc khu trục khác lại vào cuộc, vẫn vũ bắn phá mục tiêu...

Ba

Năm 1995 tôi được nhận vào làm việc cho một hàng lắp ráp điện tử. Công việc của tôi là kiểm soát lại toàn bộ những component đã được gắn trên board xem có thừa thiếu gì không hoặc có bị chập mạch nào không, sau đó đánh dấu và chuyển qua cho bộ phận touch-up sửa chữa điều chỉnh. Nói chung công việc cũng nhàn hơn thời đi cắt cỏ, bỏ báo. Xếp của tôi là một anh chàng Mỹ gốc Jamaica có tên là Jason. Hôm mới vào nhận việc, Jason hỏi tôi đủ mọi thứ chuyện, sau khi nghe tôi kể tôi từng là một sĩ quan quân lực VNCH, hoạt động hành quân khu vực Mỹ Tho, Kiến Phong, Kiến Tường. Jason cho biết cũng từng là hạ sĩ quan mang máy truyền tin cho một đơn vị thuộc Sư Đoàn 9 Hoa Kỳ đóng quân tại căn cứ Đồng Tâm, Mỹ Tho. Jason bảo hồi tết Mậu Thân hẳn bị thương trong cuộc hành quân giải tỏa khu bến xe thị xã. Hẳn được đưa ra Hạm Đội 7 điều trị và sau đó được đưa về Mỹ giải ngũ vì đáo hạn phục vụ 2 năm đã ký trước đó. Jason nghe tôi kể về những ngày tù đầy gian khổ trong các trại tù cải tạo từ Nam ra Bắc, hẳn thực sự cảm thông và chia sẻ. Hẳn bảo: “Đất nước you nếu không có chiến tranh thì dễ thương biết mấy!”

Tôi gạt gù đồng tình. Jason bảo từ nay tôi chịu khó overtime kiếm thêm chút đỉnh mà xài, vì theo hẳn nghĩ chắc hãng này cũng không kéo dài được lâu. Từ đó tôi cặm cụi làm thêm giờ, mỗi ngày thêm 2 tiếng, lợi tức nhờ vậy cũng khá hơn. Đám công nhân trẻ ham vui ít ai chịu làm thêm ngoại trừ được manager yêu cầu khi có công việc bất ngờ cần hoàn tất. Cùng làm chung phòng còn có một người Việt khác tên là Bách. Bách xưa kia là một chuẩn úy bộ binh thuộc Sư Đoàn 2 đóng tại Quảng Ngãi. Bách đi tù 4 năm rưỡi tại Quảng Nam thì được thả, sau đó vào Nam vượt biên mấy lần, bị bắt lên bắt xuống mới tới được Nam Dương và

đến năm 1983 mới vào được Hoa kỳ. Từ ngày qua đây, Bách cũng làm đủ mọi ngành nghề nhưng không thành công vì hấn bệnh tật triền miên. Bách bảo hồi còn trong tù cải tạo, đói quá, đang sức trai nên ăn uống xô bồ linh tinh đủ mọi thứ cây củ rễ lá, cào cào châu chấu ếch nhái nên khi qua đây theo hấn nói, bộ đồ lòng kể như phế thải. Bao tử thì lúc đau lúc không, ruột già ruột non gì cũng thế, đồ ăn thì dị ứng đủ thứ, ăn thịt bò thì nổi mề đay, ăn trứng thì ói, ăn cá thì ngứa gãi rách da, tôm gọn lại chỉ có món thịt gà là tạm ổn. Vì thế Bách giống như một ông già khó tính, lúc nào cũng nhăn nhó khó chịu, đôi lúc bần gắt hấn còn cà khịa với cả Jason xá chi là ai. Được cái Jason cũng từng là một quân nhân nên tốt tính, hấn thông cảm với những người vừa ra khỏi cuộc chiến đầy gian nan và bất hạnh nên thường bỏ đi những lúc khó xử như thế.

Bốn

Trời về chiều. Mưa đã ngớt dần. Một đoàn trực thăng chở thêm Tiểu Đoàn 32BDQ trừ bị đổ vào phía nam khu Xóm Ông Bốc phía bên kia bờ kinh cách chỗ chúng tôi chừng hai cây số. Những đợt bắn dọn bãi đáp của toán trực thăng võ trang và sau đó là các loạt pháo binh từ quận Cai Lậy và Long Định phủ trùm lên mục tiêu trước khi các toán quân được đưa vào trận địa. Đại Úy Cao lại kêu Đại Úy Hiền trở về bộ chỉ huy để bàn bạc. Đồng hồ bây giờ chỉ 5 giờ 40. Đại Úy Hiền kêu tôi và Lộc căng đội hình hàng ngang, mở hỏa lực tiến chiếm bờ kinh. 6 giờ, dàn xong đội hình, chúng tôi bắt đầu vừa di động vừa khai hỏa. Nước mênh mang bốn bề. Dưới những hạt mưa đan chéo, chúng tôi lầm lũi bước. Từng bước bìa làng hiện ra ngày càng rõ hơn và trong cái mù mịt của khói súng, mùi thuốc đạn, mùi rơm rạ cháy, còn thêm mùi tanh tanh của máu và mùi khét của thịt da. Có vài loạt đạn bắn ra từ một căn nhà sập vách. Không ai bảo ai, tất cả đều ùa chạy vào mục tiêu. Tiếng đạn rít man rợ trên đầu, tiếng người la, tiếng thét gào, tiếng hét thất thanh của ai đó trúng đạn, tiếng chửi thề... những âm thanh hỗn

độn ấy làm cho không khí chung quanh ngột ngạt khủng khiếp. Sau cùng thì đại đội tôi và Lộc cũng bám được vào bìa làng. Cuộc lùng giết nhau bắt đầu...

Tiếng của Huỳnh gào lên trong máy, "Có cây trung liên trong lùm tre trước mặt đó!" Rồi những tiếng nổ nghe nhưc cả tai, tiếng súng phóng lựu M79, tiếng lựu đạn, tiếng hét 'Bắt lấy nó!' không phân biệt được của ai... Đạn bay vèo vèo trên đầu, tiếng rít của đạn xuyên trong không trung nghe rờn rợn vì nó cảnh báo người lính sự chết chóc đang diễn ra là có thật. Súng đạn vô tình, chẳng e dè hoặc nề mặt bất kỳ ai, đúng đường đi của nó là mất mạng vậy thôi. Trúng đạn hay không chẳng cần tài giỏi gì, lại càng không thể cố tình mà tránh được. Có những tiếng đạn đi nghe nhẹ mướt mà khi xuyên qua thịt da, cũng có những tiếng nghe khô khốc cục mịch khó chịu. Nhất là những tiếng đạn phang vào các gốc cây, tường nhà, vào các chướng ngại bằng kim khí, tiếng mảnh văng ngược lại nghe chát chúa không chịu nổi.

Đang bám theo Trung Đội 2 của Chuẩn Úy Trí bước vào căn nhà bìa xóm đầu tiên thì tôi kịp nhận ra một cú đẩy mạnh vào ngực và ngã ngửa ra phía sau không thể gượng lại được. Tôi nghi ngờ mình đã bị thương. Tôi nhủ thầm, không sao cả, còn biết được mình trúng đạn nghĩa là mình còn sống. Phải bình tĩnh, không có gì phải hết hoảng cả. Có tiếng thét thất thanh của Cầu - người lính mang máy truyền tin của đại đội:

- Trung úy bị thương rồi...

Cầu vực tôi dậy, dìu tôi ngồi dựa vào một gốc rạ cháy xém một bên nằm cạnh căn nhà. Tiếng Cầu kêu y tá đại đội. Tôi mê man không thấy gì nữa.

Lúc tỉnh lại, có lẽ đã quá nửa đêm, trời lạnh và mưa đã tạnh hẳn, tôi thấy nhói đau vùng ngực phải. Khát nước quá, nhưng không sao nói ra lời, chân tay nặng như đeo chì, không thể nhúc nhích nổi, thậm chí cả một tiếng rên nhỏ cũng không có sức mà phát ra. Tôi nghĩ là tôi sẽ chết. Số phận của một người lính là thế. Kể từ sau khi ra trường

giáp mặt với cái chết hàng ngày mỗi khi nhận được lệnh hành quân thì cái chết không còn ám ảnh khiến tôi phải sợ hãi. Và lại chính mắt tôi đã chứng kiến biết bao nhiêu cái chết và cách chết của đồng đội, của địch quân, lâu dần thành quen. Tôi nhớ tới lời của Võ Thừa Tự một thằng bạn cùng khóa, cùng đơn vị, Tự bảo "Mỗi con người có một cái số. Sợ cũng thế mà không sợ cũng vậy. Chỉ có điều cái sợ làm cho mình hèn đốn và khi chết là cái chết lãng xẹt." Đôi lúc nhậu nhẹt sau một lần hành quân dài ngày hoặc sau những lần đụng độ lớn, hắn còn triết lý, "*Trong chiến tranh có rất ít anh hùng còn sống sót. Những người còn lại sau chiến tranh đa phần là những người may mắn thoát chết hoặc một số hèn nhát chạy trốn đương đầu thôi.*" Tự lớn hơn tôi 2 tuổi. Hắn tuổi con cọp. Xuất thân là một học sinh Cao Thắng nên Tự rất khéo tay và rành rẽ kỹ thuật. Sửa xe, sửa súng là cái thú vui của hắn. Lúc tôi về tiểu đoàn nhận nhiệm vụ Đại Đội Trưởng Đại Đội 2 cũng là lúc Tự bàn giao chức vụ Đại Đội Trưởng Đại Đội Chỉ Huy Tiểu Đoàn lại cho Minh, một sĩ quan đàn anh trước tôi một khóa. Tự là sĩ quan thâm niên trong các đại đội trưởng của tiểu đoàn này, Minh và tôi cũng từng là đại đội trưởng nhưng lại từ các tiểu đoàn khác trong cùng trung đoàn, sau khi học xong khóa đại đội trưởng từ Thủ Đức trở về thì được bổ sung sang đây.

Mặt trời vừa hừng lên, Tự đã đến thăm tôi. Tôi mơ màng không nhìn rõ mặt người mà chỉ còn phân biệt được tiếng nói. Tiếng Tự chửi thề, "Mẹ kiếp" sau khi nghe máy liên lạc từ bộ chỉ huy hành quân cho biết phải chờ một tiếng nữa mới có trực thăng tản thương. Có tiếng nói nhỏ bên tai tôi, "Yên chí, tao đã xin tản thương cho mày rồi, yên tâm, không sao đâu". Đầu óc tôi mù mờ những hình ảnh không rõ nét. Tôi nghĩ đến mẹ tôi. Tôi bỗng thấy hình ảnh bà nhạt nhòa nước mắt...

Năm

Bách tâm sự từ hồi mới qua đây, lúc đầu em đi bỏ báo,

nghề này đơn giản không cần học hành gì, ngoài sự chú tâm luyện tập cách quăng sao cho chính xác vào địa chỉ mình muốn giao là đủ, vì thế nghề còn có tên là "nghề quăng chữ"! Nhưng sau khi làm được vài tháng thì chịu không nổi vì công việc đòi hỏi phải thức rất sớm bảo đảm cho khách hàng có báo đọc trước giờ đi làm nên những ngày mùa hè thì không mấy trở ngại, nhưng về mùa đông, sương mù dày đặc lái xe chạy vào các con lộ nhỏ quăng báo cho những căn nhà trên núi thì vô cùng vất vả khó khăn. Hấn đành phải bỏ nghề và nhường giấy bỏ báo lại cho một người khác. Sau đó thì hấn đi bán chợ trời. Chợ trời ở đây gồm có hai nơi, một trên đường Beryessa, còn gọi là chợ trời Lớn, một nhỏ hơn trên đường Snell, gọi là chợ trời Nhỏ. Cũng do một bạn đồng hương khác giới thiệu, hấn phụ cho gia đình người Campuchia có một nông trại nhỏ tại Gilroy chuyên trồng các loại rau cải và rau thơm. Hàng tuần Bách phụ thu hoạch và phụ đứng bán, mỗi tuần 4 ngày từ thứ 5 đến chủ nhật. Mỗi ngày chủ bao ăn và trả cho 50 tiền mặt, vị chi được 200 một tuần cũng tạm sống qua ngày. Ở những ngày rảnh khác thì hấn đi phụ bếp, bưng phở, dọn vệ sinh đủ thứ... Ấy vậy mà hàng năm Bách cũng dành dụm gửi về cho gia đình bà chị ruột ở trong nước cả ngàn đồng. Làm được gần hai năm thì Bách bỏ chợ, lý do đơn giản, Bách bảo, sống kiểu này chỉ hơn mấy người homeless một bước chân, thành ra hấn cũng giống tôi đi học điện tử cho nó ra một cái nghề! Khi nói chuyện về gia đình, Bách thổ lộ, hấn mới cưới vợ được chưa đầy năm thì mất nước. Trong thời gian đi tù, cô vợ trẻ bỏ đi cặp bồ một cán bộ tập kết trở về làm chủ tịch xã. Khi được tha, Bách không dám trở về làng mà đi ra tá túc nhà bà chị hai tại Hội An. Một thời gian sau đó Bách vào sống lang thang tại Sài Gòn theo một người bà con buôn bán thuốc tây, quần áo cũ tại chợ trời. Có lần tâm sự, Bách bảo tôi, ngày xưa các cụ bảo nước mất nhà tan là đúng thiệt anh nhỉ. Rồi hấn nói người ta bảo ông Thiệu nói câu nổi tiếng, "Đừng nghe những gì cộng sản nói, hãy coi những gì cộng sản làm". Riêng em thì em lại thích câu

này hơn, “Đất nước còn, còn tất cả, đất nước mất, mất tất cả!” Tôi bảo câu nào cũng đúng hết. Chỉ có điều nghe rồi chẳng ai tin nên mới ra nông nổi này thôi.

Sáu

Năm 1965 tôi bị thương lần thứ hai trong cuộc hành quân truy đuổi Tiểu Đoàn 516 tại vùng Thạnh Phú, Kiến Hòa. Lần này thì nhẹ hơn, viên đạn xuyên qua đùi phải khi tôi dẫn đại đội tiến quân vào làng. Viên đạn đi ngọt quá đến nỗi khi phát hiện ra ống quần có vết máu và nhìn thấy một lỗ thủng nhỏ trên đùi tôi mới hay. Cũng may là chúng tôi đã tràn ngập mục tiêu và tôi đang theo dõi các binh sĩ dưới quyền lục soát thu dọn chiến trường. Buổi chiều tôi và một số đồng đội được trực thăng chuyển về bệnh viện dã chiến tại Mỹ Tho. Sau gần hai tháng vừa chữa thương vừa dưỡng thương tôi nhận sự vụ lệnh trở về lại trung đoàn. Trung Tá Thanh, Trung Đoàn Trưởng, hỏi tôi: “Sao, sức khỏe chú mày thế nào?” Tôi cười trả lời: “Cũng bình thường thôi trung tá.” “Thời gian nghỉ vừa qua đã lại sức chưa?” “Cũng tạm tạm”.

Trung Tá Thanh nguyên là vị sĩ quan huấn luyện chúng tôi khi tôi còn là sinh viên sĩ quan. Ông tốt nghiệp Khóa 1 Nam Định. Tướng ông cao lớn khôi ngô, tính tình cởi mở, ông bảo tôi, “Tớ biết chú mày còn mệt, nhưng tình hình cán bộ giờ này kẹt quá. Chắc chú mày có nghe vụ thằng 2 (Tiểu Đoàn 2) mới vừa đụng một trận nặng tại Cái Nứa, hiện đang trở về Vĩnh Kim nằm dưỡng quân và nghỉ ngơi. Ngày mai chú mày về trình diện Đại Úy Rõ nhận đại đội, giúp hắn nghe.” Tôi gật đầu đồng ý.

Có điều rất lạ, khi đi tác chiến lâu, những người lính như chúng tôi đã trở nên quen thuộc với nếp sống đánh đu với tử thần này rồi. Sau những giờ phút hiểm nguy là sự thoải mái thống khoái, chẳng lo ai tranh giành đoạt ghế! Mỗi lần trở về thành phố nghỉ chừng ít ngày lại thấy nhớ thấy thương bạn hữu đồng đội, nhớ đơn vị. Nơi đó tình cảm và thái độ cư xử giữa con người luôn được thử thách, sàng lọc. Vì phải đối mặt với cái chết thường trực nên chân thành

đùm bọc nhau hơn. Những lọc lừa giả mạo được nhận diện chỉ mặt rất nhanh, chỉ cần sau một lần đụng độ là biết đá biết vàng. Khi súng nổ lên, tên bay đạn réo, những phét lác huyênh hoang trốn mất, chỉ còn con người trần trụi thực sự hiện mặt. Đó có lẽ là lý do chính khiến cho những ai từng ở những đơn vị tác chiến lâu năm luôn cảm thấy lạc loài cô đơn khi được đưa trở về các đơn vị yểm trợ hậu phương. Hiểm nguy dễ kết bạn, phú quý lắm kẻ thù, cổ nhân dạy thế.

Đời lính chiến là cuộc hành trình vòng tròn: Trại lính - mặt trận - nhà thương. Cái chết đối với lính có khi là một cách giải thoát. Sự khốc liệt của chiến tranh, sự bế tắc không thể vượt qua nổi cái phi lý và bất công của hiện thực luôn phơi bày ra trước mắt. Khi không có con đường nào để đi ra khỏi cái địa ngục trần gian ấy thì cái chết cũng là một cách để nghỉ ngơi. Đã có lúc tôi suy nghiệm như thế. Lâu dần, tôi thấy mình chai lỳ đi, mất dần cảm xúc. Những hoạt động hàng ngày hoặc trong chiến đấu trở thành một thứ phản xạ mang tính bản năng. Lần bị thương đầu năm 1964 trong cuộc hành quân phía đông bắc Cai Lậy khu vực Kinh 1 thước, Xóm Ông Bốc, lần ấy đại đội của tôi chạm mặt với Trung Đoàn Đồng Tháp 1. Nằm tại Quân Y Viện Cộng Hòa gần hai tháng. Ngửi mùi thuốc, nhìn cảnh chăm sóc thay băng, chích thuốc hàng ngày... tự dưng tôi đâm ngang chán đời! Một anh chàng thiếu úy BĐQ tên Du nằm ngay cạnh giường, hai ba ngày đầu tiên cứ nằm thiu thiu ngủ chừng một lát lại hô xung phong! Viên đạn đại liên lấy đi mất hơn nửa cánh tay, về tới quân y viện đành cho đi nốt phần xương vỡ vụn còn lại! Du bảo tôi, “Lần này thì chắc em được giải ngũ thôi anh nhỉ?” Tôi cười buồn: “Thì cũng tốt cho cậu thôi”. Rồi những ngày về Sài Gòn nghỉ dưỡng thương, nhìn cảnh nhốn nháo biểu tình, xuống đường. Những lần chính biến nối tiếp nhau làm tôi không còn hứng thú gì với cái hậu phương luôn luôn hỗn loạn ấy nữa. Tôi nhớ và thương các đồng đội và đơn vị của mình. Giờ đây chắc hẳn họ đang di chuyển trên các vùng hiểm nguy truy tìm địch hoặc đang nằm nghỉ ngơi trong các làng xóm ven quốc lộ

trong khi chờ đợi một lệnh hành quân mới. Hôm chia tay mẹ để trở về đơn vị, mẹ tôi còn dặn đi dặn lại: “Kỳ này con nhớ xin với ông chỉ huy cho về làm văn phòng nghe con!” Tôi gật đầu cho mẹ vui lòng.

Tôi đón xe đò đi ngã ba Trung Lương rồi đi xe lam về lại trung đoàn vào buổi sáng. Buổi chiều, Vĩnh, sĩ quan Ban 1 của trung đoàn, rủ tôi ra một quán nhậu ven kinh Long Định uống rượu. Bộ chỉ huy Trung Đoàn 11 nằm ngay bên cạnh Kinh Sáng, tọa lạc trong một căn nhà hai tầng lầu. Con kinh nối liền từ sông Mỹ Tho đi ngược lên hướng bắc mở ra hướng vận chuyển đường thủy vào khu vực Mỹ Phước Tây và Tháp Mười. Nước kinh trong veo, mặt kinh rộng hơn hai mươi thước, cư dân trong những vùng bắc cửa kinh về sống tập trung gần quận Long Định để có an ninh hơn.

Xì rượu đế gần hết, Vĩnh muốn kêu thêm một xì khác thì tôi cản lại. Nhức đầu thấy mẹ, thôi không uống nữa. Đĩa lòng heo cũng gần hết, mỗi đứa ăn một tô cháo xong thì chúng tôi ra về. Vĩnh hỏi ngày mai có muốn về Sài Gòn chơi một hai bữa trước khi đi Vĩnh Kim không? Tôi bảo thôi, tháng qua ở nhà chán rồi, bây giờ có về cũng vậy thôi.

Tôi đón xe lam đi ngã ba Vĩnh Kim vào buổi sáng hôm sau. Đầu còn váng vất vì chai rượu đế uống với Vĩnh chiều hôm trước. Chiếc xe cũ chạy trên hương lộ gập ghềnh làm tôi tỉnh táo dần. Đến gần khu chợ, gặp lại Chương, một sĩ quan khóa đàn em cùng dân Võ Bị đang ngồi trong một quán cóc bên đường. Tôi xuống xe khoác ba lô đi dọc theo lộ. Chương nhìn ra kêu: “Niên trưởng, niên trưởng...” Anh em gặp lại nhau mừng rỡ. Chương bảo: “Anh về thế anh Lê Ba phải không?” Tôi gật đầu. Ba, bị tử thương trong trận đánh mấy hôm trước, Liên đại đội phó bị thương nhẹ hiện đang nằm quân y viện.

Nghỉ dưỡng quân và bổ sung quân số được đúng một tuần thì Đại Úy Rõ về Bộ chỉ Huy Trung Đoàn nhận lệnh hành quân. Tiểu đoàn tập trung di chuyển bằng xe tới Ba Dừa rồi lội bộ vào tới ngã ba Long Trung. Từ đó, 8 giờ sáng hôm sau sẽ tiến về hướng tây tới mục tiêu là xã Xuân Sơn,

Cẩm Sơn. Nơi đây nổi tiếng là khu hang ổ cố thủ của các Trung Đoàn Đồng Tháp thay phiên nhau trú đóng để thực hiện các cuộc tấn công phá hoại và phục kích trên quốc lộ 4. Cuộc hành quân được tổ chức quy mô với sự tham dự của nhiều đơn vị, binh chủng. Chúng tôi đi men theo sông Mỹ Tho trong khi một tiểu đoàn TQLC và một tiểu đoàn BĐQ tiến quân từ ngoài quốc lộ 4 đi vào. Ngoài ra còn có thiết vận xa thuộc Thiết Đoàn 6 và các đơn vị địa phương quân thuộc tiểu khu Định Tường phối hợp.

Cuộc chạm súng lẻ tẻ bắt đầu từ 10 giờ sáng từ các hướng tiến quân khác. Cùng thời gian đó, chúng tôi vẫn đang lặng lẽ di chuyển. Cho tới gần trưa đại đội tôi mới chạm địch khi còn cách mục tiêu chính cả gần cây số khu Xóm Ông Khâm. Tôi nhận định đây chỉ là các toán tiền tiêu canh chừng và hứa hẹn sẽ có một cuộc nổ lớn tiếp theo.

Bám theo từ những xóm nhỏ trên đồng dần dần chúng tôi áp sát bìa làng. Trên bản đồ hành quân, khu chúng tôi lục soát nằm gọn bên này kinh, một nhánh ăn thông vào sông Mỹ Tho. Cả khu vực là một bệt xanh đậm toàn là dừa và dừa nước.

Cuộc chạm súng thực sự nổ lớn lúc gần 1 giờ. Súng đủ loại bắn ra từ bìa làng ghìm chân đơn vị chúng tôi lại. Nhờ địa thế ở đây là ruộng khô và bờ thửa nhiều nên chúng tôi có chỗ nấp tránh dễ dàng hơn. Đại Úy Rõ cho lệnh xin pháo binh tác xạ yểm trợ, một chi đoàn thiết vận xa thuộc Thiết Đoàn 6 có một đại đội ĐPQ từng thiết cũng được điều tới hỗ trợ chúng tôi. Lại một màn luân vũ mới với súng đạn và người chết.

Đơn vị địch bỏ vị trí rút sang bên kia kinh bằng những chiếc ghe ba lá nhỏ lúc trời chạng vạng tối. Dấu vết máu và bông băng kéo lê bê bết trên cỏ và vài xác người nằm vùi trong các hầm cá nhân chữ A đã bị đạn pháo và bom đánh sập. 8 giờ, tiểu đoàn mới kiểm soát được mục tiêu nhưng trời đổ tối rất mau nên không lục soát kỹ được. Tổn thất của đơn vị chúng tôi cũng chưa được kiểm kê chính xác. Đại Úy Rõ ra lệnh cho bố trí phòng thủ tạm thời trong khu vực.

Đại đội tôi được phân công bố trí quay về hướng bắc. Đại đội của Chương tổn thất nặng hơn lui về nằm chung với tiểu đoàn. Phía ngoài bìa làng giao lại cho chi đoàn thiết quân vận. Bên kia kinh có tiếng chân người chạy ào ào. Tôi xin bắn chiếu sáng, có tiếng người hét nằm xuống. Chúng tôi khai hỏa. Địch đang rút quân. Những lần đạn chiếu sáng vạch những vệt xanh đỏ chen nhau găm vào các lùm bụi bên kia bờ kinh. Lại có tiếng người la í ới kêu gọi nhau, những tiếng chân chạy bì bõm trong nước...

9 giờ đêm. Chiến trường chìm trong im lặng. Cả tiếng côn trùng cũng không nghe. Cái lặng lẽ của chết chóc và kinh hoàng. Tôi nằm sau một thân cây dừa nhìn



qua bên kia bờ kinh. Bên ấy giờ đây cũng lặng im không tiếng động. Nhìn lên bầu trời mây phủ không một vì sao. Chiếc phi cơ thả trái sáng bay vùn vụt, tiếng động cơ ù ù nghe buồn nẫu ruột. Lâu lâu một chiếc phi cơ bay ngang rất cao, chỉ có đèn tín hiệu màu đỏ nhấp nháy ở phía đuôi là còn thấy rõ. Cuộc chiến này sẽ kết thúc như thế nào đây? Vài tháng trước, mấy ông tướng còn thay nhau làm đảo chánh, chỉnh lý. Sinh viên học sinh nay xuống đường biểu tình, mai xuống đường tranh đấu... không biết những người đó có bao giờ nghĩ tới những người lính quần áo ướt sũng bùn nước, đang nằm giữa cái chết rình rập? Từ tiền tuyến nhìn về một hậu phương luôn nhốn nháo xáo trộn. Rất buồn.

Lũ bạn cùng học lớp thời trung học đại học nay cũng tản ra tứ hướng, đưa vào lính, đưa trốn lính vào bưng, đưa dọt ra nước ngoài... chẳng đưa nào yên phận. Đất nước tôi điều linh quá, oan nghiệt quá, cứ chém giết hoài như thế này bao giờ mới ngưng tay? Nhớ tới bức thư cô bạn gái mới nhận được hai hôm trước, đánh tiếng gia đình muốn có cuộc gặp mặt chính thức của hai bên. Mới đó mà cũng hai

năm rồi từ ngày gặp nhau. Đời người con gái có thì, đâu có thể cứ chờ đợi viễn vông không rõ đích đến sẽ như thế nào. Tôi định bụng sau cuộc hành quân này về sẽ viết trả lời rõ ràng khuyên cô ta hãy tìm một người khác có cuộc sống bớt hiểm nguy hơn. Thực ra cũng đã có lần tôi viết bóng gió như thế nhưng không biết cô ấy có nhận ra không, hay nhận ra mà làm như không hay biết! Khóa sĩ quan của tôi ra trường hồi cuối tháng 3 năm 63, mới hơn hai năm mà đã hơn hai chục mạng trong tổng số 180 thiếu úy ra trường già từ cuộc chơi. Cuộc chiến ngày càng hung dữ hơn, tính mạng con người ngày càng rẻ rúng hơn. Đất ăn thịt người, đồng ruộng hoang hóa, dân tình xơ xác, tản lạc, biết bao nhiêu là điều buồn đau.

Bảy

Làm cho hãng Sequel được hai năm thì hãng bán lại cho tập đoàn Solectron lớn hơn. Trước hôm chia tay, Jason bảo hãy giữ liên lạc xem khi nào có thể giúp được gì hấn sẽ giúp. Còn Bách thì bảo tạm thời hấn nghỉ làm, lãnh lương thất nghiệp một thời gian rồi tính tiếp. Tôi bảo tuổi cậu còn trẻ sao không vào college học lấy một nghề chính thức mà sống cho có tương lai. Bách cười bảo tôi cũng đã thử rồi, đầu tôi trống rỗng, bụng da muốn đau lúc nào thì đau, lúc nào cũng ngồi đứng không yên, chẳng làm gì ra hồn. Cuộc chiến tranh đã cướp đi của tôi mọi thứ. Ba tôi, từ khi tôi và ông anh rể đi tù, đâm chửi bắt mẫn chửi tứ tung, chính quyền địa phương bắt ông đi cải tạo cho tới lúc nhìn ra ông bị chứng tâm thần gần hai năm sau mới thả ông về thì ông cũng không sống nổi quá một tháng. Mẹ tôi bị trầm cảm, cả ngày chẳng nói một lời với bất cứ ai. Khi tôi ra tù về bà có người ngoại chút ít và lúc tỉnh táo nhất là lúc bà vào Hội An thăm tôi rồi khuyên tôi phải bỏ xứ mà đi tìm đường sống. Bà bảo: “Đất nước này không có dung chứa con đâu.” Tôi từ già mẹ khóc sưng cả mắt. Chị hai tôi bán nhà của ba má ruột, rút về bên nhà chồng ngoài Hội An sống với 5 đứa con sau khi ba má tôi mất. Ông anh rể là đại úy

tiểu đoàn trưởng địa phương quân bị đưa đi Bắc năm 1977 thì bị bệnh kiệt lực chết chẳng biết chôn ở đâu. Con vợ tôi cưới chưa đầy năm bỏ đi lấy làm bé thằng chủ tịch xã ông thấy có tức không. Thà rằng nó lấy ai cũng được đằng này lại đi lấy ngay một thằng hại cả gia đình mình. Tôi lặng im nghe Bách kể mà bùi ngùi. Tôi bảo cô ta lấy hẳn chắc cũng vì cuộc sống mà thôi trách làm gì. Cậu phải biết là khi tụi mình đi tù, chỉ có đám cán bộ mới có khả năng kiếm ra đồ ăn mà chu cấp cho người khác. Đừng trách cô ấy, cô ta còn quá trẻ mà, vả lại chính cậu đâu có tin rằng khi đi tù rồi sẽ có một ngày cậu trở về phải không? Bách nghe tôi nói, ngồi lặng im không lên tiếng nữa, tôi chẳng biết hẳn nghe lời tôi nói là có lý hay cho rằng những lời khuyên đó chỉ là lời nhảm nhí cũng nên.

Tám

Sáng hôm sau, Tiểu Đoàn 41BDQ phía bên kia kinh lục soát tiến quân lên ngang với chúng tôi. Tiếng Thông, thằng bạn cùng khóa hỏi vọng sang, “Tiểu đoàn mấy đây?” Một người lính trong đại đội trả lời “Tiểu Đoàn 2/11.” “Có trung úy Vũ đó không?” Tôi nhận ra Thông, hẳn đưa tay vẫy, hỏi vọng sang, “Mày khỏe không? Có gì lạ không?.. Vợ con gì chưa?” Tôi cười lớn, “Không có gì mới, cũng vẫn vậy thôi.” Hồi trên Võ Bị, hai đứa chúng tôi cùng chung Đại Đội F. Thông người Huế tính hiền lành dễ thương, ít nói. Thỉnh thoảng hai đứa về gặp mặt nhau tại Mỹ Tho thường rủ nhau đi nhậu tại các quán bên sông. Tôi hỏi có thấy dấu vết gì không? Thông bảo vết máu me tùm lum với vài cái xác và mấy tên ngắc ngoải nằm lại còn tụi nó chạy về hướng Bắc hết rồi.

Tiểu đoàn chúng tôi được lệnh gom những thương binh về một địa điểm để di tản, riêng những người chết thì được chôn sau. Sau đó, đơn vị được lệnh bọc theo kinh đi ngược ra quốc lộ 4 trở về quận Cai Lậy. Chúng tôi nhận lệnh đêm nay sẽ tạm trú quân theo xóm ven quận để làm trừ bị cho tiểu đoàn TQLC và 2 tiểu đoàn bộ binh khác của Trung

Đoàn 12 tiếp tục truy kích địch đang đào tẩu về hướng Đồng Tháp. Trên đường đi ra quốc lộ, tôi bắt gặp từng đoàn ghe xuồng nhỏ nối đuôi nhau quay trở về khu vực giao tranh hôm qua. Bà con dân làng trở về xem nhà cửa của mình ra sao. Cuộc chiến tranh này thật tức cười, giống như một trò chơi. Tôi trầm nghĩ khi nhìn thấy những dân làng đang trên đường trở về nhà nơi cuộc giao chiến chưa bay hết mùi thuốc súng. Họ sẽ vun quén thu dọn lại đồng tro tàn đổ nát lợm mùi tanh của máu và mùi khét của thịt da người và súc vật chết, để rồi một ngày nào sau đó khi những đơn vị công sản trở lại. Lại có một cuộc giao tranh mới, rồi chạy tiếp, làm hoà, không biết những người dân vô tội đó đang suy nghĩ gì...? Cuộc chiến này đã làm mọi người đứng đưng với sự đau thương mất mát, với cái tàn bạo vô nhân rồi. Tất cả chỉ là trò chơi trốn tìm. Cuộc chơi có súng đạn thật và người chết thật, chỉ có những lời tuyên bố của các chính trị gia hàng ngày trên báo chí đài phát thanh là giả dối thôi. Cay đắng là cả người tìm lẫn người trốn đều không muốn gặp mặt nhau, bởi vì, cứ mỗi lần gặp mặt như thế, biết bao oan khiên tang tóc lại đổ ập đến.

Tối hôm ấy, năm đứa chúng tôi, Nguyễn Thông - TĐ41 BĐQ, Trịnh Văn Huệ và Nguyễn Ngọc Điệp TQLC, Vĩnh Nhi - TĐ3/12 và tôi kiếm một quán nhỏ góc chợ ngồi uống bia. Lâu lắm kể từ ngày ra trường, đã gần 2 năm bây giờ mới có dịp gặp nhau đông như vậy. Chúng tôi ngồi kể nhau nghe những bạn cùng khóa đã ra đi, ôn lại những kỷ niệm trong sáng hồn nhiên lúc còn ở trường, những giờ học văn hóa, những buổi tập quân sự... Gần nửa đêm, Nhi đứng dậy nói với Huệ và Thông, "*Thôi tụi bây về nghỉ đi ngày mai phải đi sớm rồi đó nha!*" Chia tay nhau ai về đơn vị nấy mà thấy trong lòng nao nao. Có lẽ bởi vì cuộc chơi trốn tìm này lại tiếp tục khởi đầu ở một vùng địa thế khác. Biết đâu cuộc hội ngộ đêm nay cũng là cuộc vĩnh biệt của một đứa nào đó trong bọn vào ngày hôm sau!

Rốt cục, cuộc chơi nửa nước đi tìm nửa kia đi trốn cũng đã chấm dứt gần 10 năm sau bữa nhậu của chúng tôi đêm

ấy. Ba trong năm đứa cũng không còn. Giờ đây chỉ còn lại Thông và tôi. Ngày 30 tháng 4 năm 75 hai bên trốn và tìm đã giáp mặt nhau. Mọi che dấu được phơi bày. Dân tộc tôi lê lết ra khỏi cuộc chiến tranh với thương tích đầy mình và một tâm thần hoảng loạn hoang mang tột độ. Và cũng từ buổi sáng tháng Tư năm ấy cả dân tộc lại dắt tay nhau bước vào một cuộc trốn tìm mới. Lần này thay đổi thành phần tham dự, đảng cầm quyền truy đuổi, cả dân tộc tôi đi trốn! Dân tộc tôi ơi, biết đến bao giờ mới được sống bình yên?

Trời đã bớt mưa hơn những tuần trước đó. Một hai ngày nắng ráo xen kẽ trong tuần lạnh cóng cả người. Buổi chiều ngày Lễ Tạ Ơn trời lất phất mưa. Lái xe đi qua những khu nhà sang trọng đèn kết thành chùm lấp lánh chiếu sáng. Bỗng dừng tôi nhìn thấy hình ảnh những ngày mưa của vùng Đồng Tháp ngày nào trong quá khứ trên quê hương. Nhớ tới những đồng đội của tôi đã nằm xuống trên khắp vùng đất nước. Thương những người dân quê chân chất trên những vùng đất xa xôi hẻo lánh với những cái tên hết sức bình dị mộc mạc: Xóm Ông Bốc, Xóm Ông Đùm, gẫy Cờ Đen, Cờ đỏ, Cổ Cò, Cái Quao, Cái Mơn, Sông Trăng, Mỏ Vẹt, Hốt Hoả, Cầu Ngang, Cầu Kè, Ô Lắc, Bà Om, Sóc Ruộng... Những nơi ấy tôi đã đi qua và máu của chúng tôi đã đổ xuống, một số đồng đội chiến hữu của tôi đã nằm lại. Chúng tôi, những người lính chiến đã từ trong không gian đan dây dẫu đạn, bước trên những nẻo đường chằng chịt bom mìn, đã hít thở cái không khí nặc nồng trí trá và phản bội để ra khỏi cuộc chiến. Trong nỗi cô đơn và khổ đau tận cùng của kiếp nhân sinh. Một cảm giác rất mạnh như bỗng dưng có ai chặn ngang cổ. Tôi cho xe dừng sát bên lề đường. Mắt tôi mờ đi không biết vì cơn mưa ngoài kia hay bởi một cơn mưa khác đang đổ xuống ngay trong chính lòng mình.

Song Vũ
(Mùa Lễ Tạ Ơn 2010)



Tâm Sự Với Đặng Kim Thu

■ *Phạm Kim Khôi K19*

Mỗi lần coi đá banh
Tao lại nhớ mày
Đặng Kim Thu
Thủ môn đội bóng nổi danh
Khóa 19 Sinh Viên Sĩ Quan Trường Võ Bị
Tấn công
Phòng thủ
Giữ vững khung thành
Vô địch túc cầu Tuyên Đức

Rồi với niềm tin rạo rực
Y như lúc đá banh
Chúng mình xuống núi xuất chinh
Giao tranh với quân giặc Cộng
Không hề nao núng
Đạp trên đầu chúng nó tiến lên
Đất lệch trời nghiêng
Khấp các chiến trường máu lửa
Lấy lưng một thuở
Tấn công
Phòng thủ
Bảo vệ khung thành đất nước thân yêu
Trở trâu
Chúng ta không bao giờ bỏ cuộc
Không bao giờ thất ước
Hiến dâng đời cho tổ quốc thiêng liêng
Nhưng
Chữ nhưng có ai ngờ được
Ngày cuối cùng trong tháng Tư đen
Tức tử tan hàng theo lệnh buộc
Oan nghiệt
Tại sao
Đây là câu hỏi
Cho những kẻ gây ra lầm lỗi
Trả lời
Thu ơi
Mỗi lần coi đá banh
Tao lại nhớ mày
Nhớ tới tinh thần đội bóng nổi danh
Khóa 19 Sinh Viên Sĩ Quang Trường Võ Bị



Thêm Một “Đòn” Mới Của Nghị Quyết 36!

■ *Mũ xanh Phạm văn Tiền*

Bài của tác giả Vũ Ánh được đăng trong mục “Chuyện khó tin nhưng có thật” trong số báo Người Việt Dallas số 882 ra ngày 24/12/2010.

Đây là bài viết thứ nhì tiếp theo bài viết trước đây cũng trên tờ báo này: ***Chống Cộng Làm Sao Khỏi Bị Kiện!*** Nói cho cùng thì các bài viết của ông Vũ Ánh lý luận quá đông dài, nhưng tựu trung chỉ là việc bênh vực những thành phần tiếp tay cho một nghị quyết Việt cộng và chê trách những thành phần quốc gia, những đồng hương tỵ nạn cộng sản, những nhà hoạt động lãnh đạo cộng đồng, các cơ quan truyền thông báo chí và gồm hơn 150 nhà trí thức mà chẳng biết làm sao chống lại một nghị quyết gian ác. Nghị Quyết 36 chẳng tan, mà các tổ chức chống nghị quyết đó bị cháy như bó đuốc.

Đây là đoạn mở đầu trong bài viết mới của ông: “Nói một cách tóm lược, đòn mới của Nghị Quyết 36 là chiến dịch “dân vận”. Một vài người thích dao to búa lớn thì gọi đó là “chiến dịch nhuộm đỏ hải ngoại” cho thêm phần gay gắt. Những người trầm tĩnh hơn, sâu sắc hơn thì tỏ ra lo ngại thật sự. Trong những câu chuyện riêng tư nơi góc một quán cà phê vắng, họ đặt vấn đề, đại khái tóm lược như sau:

“Thế liệu trong cộng đồng này có ai biết chắc nghị quyết 36 là cái gì không, hay cứ nói ra thì chỉ có một cách hiểu đó một âm mưu, một phương thức nhuộm đỏ cộng đồng người

Việt ở hải ngoại? Mà cứ cho rằng nghị quyết 36 chỉ giản dị như thế đi, vậy chúng ta chống nó bằng cách nào? Biểu tình bao vây các cơ sở ngoại giao của họ? Tốt lắm, nhưng đến bao giờ? Biểu tình chống những cơ



sở truyền thông hay thương mại nào không đồng tình với các lãnh tụ cộng đồng, các ông ủy ban? Cứ cho là tốt đi, nhưng đã có bao giờ các cuộc biểu tình biểu dương như vậy thành công chưa? Cho đến bấy giờ bọn đồ tung ra đòn thứ nhì thì hành động này chứng tỏ điều gì? Trước mắt, có phải là đòn dân vận của người cộng sản cho thấy nghị quyết 36 chưa chết và những nỗ lực của người đứng ra chống đã không thành công không?"

Chưa nghe ai nói từng có cá nhân hay tập thể cộng đồng nào "Biểu tình chống các cơ sở truyền thông hay thương mại nào không đồng tình với các lãnh tụ cộng đồng, các ông ủy ban" cả, ông Vũ Ánh nhập nhằng chuyện những cơ quan truyền thông đăng bài, hình ảnh tuyên truyền cho CS bị biểu tình phản đối rồi tự lau mặt bằng cách đánh đồng chữ nghĩa là vì "không đồng tình với các lãnh tụ cộng đồng, các ông ủy ban!"

Đọc đoạn văn trên đây ai cũng cứ tưởng ông là người yêu nước thứ thiệt, ông suy tư và lo ngại một cách trầm tĩnh sâu sắc. Nhưng lo ngại rồi để làm gì cho tổ quốc và dân tộc, chẳng thấy ông nhắc đến. Bôi bác hơn ông còn mĩa may dẫn chứng một vấn đề vô cùng quan trọng trong cuộc đấu tranh chính trị một mất một còn với kẻ thù bằng những câu chuyện phiếm nơi một góc cà phê vắng vẻ nào đó, thường là để bàn những tin xe cán chó, chó cán xe...

Ông coi thường các vị lãnh đạo cộng đồng, ông gọi mĩa mai họ là các lãnh tụ chống cộng, các ông ủy ban...! Điều này đã nói lên lòng thù hận và ích kỷ của một con người tầm thường. Các vị ấy là những người tự nguyện ăn cơm

nhà vắc ngừa voi, hy sinh thời giờ và hạnh phúc riêng tư, chỉ vì một tấm lòng son sắc với quê hương đất nước. Họ chẳng có một thứ quyền hành gì cả, ngoài việc kêu gọi, nài nỉ đồng hương, sẵn sàng đi tiên phong đứng mũi chịu sào trước những âm mưu quỷ quái của kẻ thù. Tại sao ông không tiếp tay với họ mà lại chê trách họ?

Trong cuộc chiến giải thể một chế độ gian ác với nhiều trò lưu manh, chúng ta không thể chấp nhận thái độ chằng hắng, hai hàng. Ông không góp ý xây dựng mà chỉ thích đóng vai trò đứng bên lê làm thầy bàn, chờ đợi sơ hở để mà đả kích phê bình chê bai chẳng mang được lợi lộc gì. Như đoạn ông viết dưới đây “Thế rồi nhân vụ Lý Tống xịt hơi cay vào ca sĩ Đàm Vĩnh Hưng, ủy ban vận động chống tay sai từng bưng biểu dương bằng một cuộc biểu tình chống một show nhạc có Đàm Vĩnh Hưng hát ở Anaheim Convention Center. Ban tổ chức biểu tình tuyên bố thắng lợi (nhưng sự thật có thắng hay không thì cũng chưa ai biết vì cần có sự đánh giá độc lập), ủy ban họp báo cấm cửa không cho 3 nhà báo hành nghề (thực sự các ông các bà trong ủy ban làm gì có quyền hành này, ngay cả tổng thống Mỹ cũng không có cái quyền ấy huống chi chỉ mấy ông bà quyền thì chẳng có mà hành thì cũng không). Bị phản bác, ủy ban cháy như cây đuốc...”

Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia là một tổ chức thiện nguyện, đứng ra đảm trách các công việc chung không ai trả lương và cũng chẳng có quyền hành gì. Điều đó đúng không ai chối cãi. Các cuộc họp báo của cộng đồng thường được thuê mượn một nơi nào đó để thông tin đến toàn thể mọi người những vấn đề liên quan hệ trọng trong mọi cuộc sinh hoạt của đồng hương mà mình là người được bầu cử đại diện. Và vì vậy họ có quyền không mời cũng như không chấp nhận những thành phần chuyên môn rình rập đánh phá, những kẻ luôn lợi dụng danh từ ký giả làm xáo trộn cuộc sống bình yên của mọi người. Đâu phải hễ ai cứ tự xưng là nhà báo thì họ có quyền tham dự, nhất là những nhà báo có thành tích bất hảo, báo hại, báo đời, chẳng ai

mời mà mặt lỳ lợm cứ đến.

Việc tẩy chay, hoặc tổng cổ họ ra khỏi phòng họp là một việc làm đúng đắn chẳng có gì vi phạm cả. Việc tác giả mang quyền hạn của tổng thống Mỹ như trên đây là một sự hù dọa, bào chữa lối bịch vô duyên. Ngay cả Nguyễn Minh Triết, Nguyễn Tấn Dũng khi được mời sang Mỹ, được đón tiếp long trọng như là một vị khách quý của đất nước và nhân dân Hoa Kỳ, còn bị đồng hương ty nạn chúng ta chống đối đũa về, kể cả việc anh Lê Phước Tuấn đâm vào mặt tên phụ tá phó thủ tướng cộng sản ngay trong khuôn viên tòa Bạch Ốc dầu phải bị ra tòa dưới áp lực của tòa đại sứ Việt cộng, nhưng nhờ có chính nghĩa và sự hỗ trợ hết lòng của đồng hương ty nạn nên cũng chẳng sao, hiện anh đang ở Dallas và vẫn tiếp tục cùng cộng đồng trong mọi cuộc biểu tình chống văn công cộng sản. Đó mới chính là quyền tự do hiếm có và cao cả của một xứ sở văn minh. Việc làm của chúng ta có chính nghĩa rõ ràng, không có bất cứ luật pháp nào ở đây cấm cản chúng ta.

Hãy xem ông viết tiếp: “Hóa ra dù chưa quyền hành gì mà các ông các bà trong ủy ban đã hành động y chang bọn đồ đũa với các bloggers ở Việt Nam thời gian gần đây. Hèn chi mà mấy ổng chẳng âm thầm đóng cửa. Mới vận động thôi mà đã ghê gớm như vậy chứ giả sử mà mấy ổng cầm quyền thì bỏ mẹ dân đen’. Không thiếu gì những người trong cộng đồng nói như vậy...” Chẳng ai là người Việt Nam ty nạn cộng sản than phiền điều này, trừ những thành phần tiếp tay nối giáo cho giặc qua hình thức nghị quyết 36. Việc giải thể chế độ cộng sản không phải là chuyện dễ dàng, một ngày một bữa, mà phải trường kỳ kháng chiến có thể từ thế hệ này sang thế hệ khác. Tự do nào cũng phải trả bằng xương, bằng máu, ngay cả chết chóc tù đầy. Cần đòi hỏi những tấm lòng yêu nước cao cả và một sự hy sinh đoàn kết thật sự. Thời gian có thể dài ngắn, nhưng đừng bao giờ đem thành bại để luận anh hùng! Các nhà đấu tranh trong nước biết chắc rằng sớm muộn gì rồi cũng sẽ bị ngòi tù, nhưng họ chẳng có gì lo sợ cả. Cha Lý vừa ra lời kêu gọi

giải thể chế độ cộng sản để thiết lập chế độ dân chủ đa đảng Việt Nam, thẳng tiến hòa bình dù ông biết trước rồi ra chúng sẽ bắt giam ông trở lại bất cứ lúc nào, nhưng lòng yêu đất nước không cho phép ông im lặng. Thà nói ra lúc này trước khi ông lại bị bịt mồm bịt miệng như trong phiên tòa ô nhục trước đây.

Ông lại cho rằng những ồn ào chấn động, những cáo buộc, lăng mạ, chụp mũ, lộn xộn nhất chỉ diễn ra trong cộng đồng Việt Nam ở bên này Thái Bình Dương, còn bên kia dân chúng có biết không? Ở đất nước tự do này, không ai có quyền lăng mạ hoặc chụp mũ ai, chỉ có những kẻ có tật thường hay giật mình. Không có lửa làm sao có khói, không có những kẻ tiếp tay, dàn dựng, mời mọc, thuê mướn, quảng bá truyền thông thì làm sao có chuyện chống cộng mà ông cho là ồn ào, bát nháo. Là một nhà báo lại là từng làm chủ bút một tờ báo lớn, thế mà tại sao ông đặt ra một câu hỏi vô cùng ngớ ngẩn như vậy, điều này hơi quá đáng, không đúng sự thật. Cá nhân người viết bài này đã từng gặp và nghe những lời xác nhận từ giáo sư Nguyễn Chính Kết, nhà đấu tranh dân chủ cho Việt Nam, hiện đang được tỵ nạn cộng sản tại Hoa Kỳ. Ông đã nói: “Đồng bào ở trong nước, mỗi lần nghe hải ngoại biểu tình chống cộng sản thì họ mừng lắm, càng chống chúng bao nhiêu càng làm tăng thêm khí thế của các nhà đấu tranh dân chủ trong nước chúng tôi bấy nhiêu”.

Đâu có phải chỉ có ở Hoa Kỳ chúng ta chống đâu, mà từ Âu qua Úc hay khắp năm châu cũng thế. Nơi nào có người Việt tỵ nạn cộng sản là nơi đó cũng có những thành phần tiếp tay, cò mồi, ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản, và cũng chính những nơi đó mới làm nên được sức mạnh cộng đồng.

Trước khi viết tiếp tôi xin dẫn chứng một số điều quan trọng trong nghị quyết số 36/NQ-TW ngày 26/3/2004 của Bộ Chính Trị về công tác đối ngoại Việt Nam ở nước ngoài, để khỏi bị ông chê là chống cộng vu vơ. Vì trong phạm vi bài viết hạn hẹp, tôi chỉ nêu ra những điểm cần thiết liên quan đến những vấn đề đang sôi nổi trong sinh hoạt cộng

đồng người Việt của chúng ta.

Trong phần thứ ba về Nhiệm Vụ Chủ Yếu, ở đoạn 5 như sau: *“Tích cực đầu tư cho chương trình dạy và học tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài, nhất là cho thế hệ trẻ. Xây dựng và hoàn chỉnh sách giáo khoa tiếng Việt cho kiều bào, cải tiến chương trình dạy tiếng Việt trên vô tuyến truyền hình, đài phát thanh và qua mạng internet. Cử giáo viên dạy tiếng Việt tới những nơi có thể giúp bà con học tiếng Việt. Tổ chức trại hè nói tiếng Việt cho thanh, thiếu niên người Việt Nam ở nước ngoài. Tổ chức cho các đoàn nghệ thuật, nhất là các đoàn nghệ thuật dân tộc ra nước ngoài biểu diễn phục vụ cộng đồng. Tạo điều kiện cho các nghệ sĩ, vận động viên là người Việt Nam ở nước ngoài về nước biểu diễn, thi đấu quốc tế. Thường xuyên tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa, văn học, nghệ thuật, triển lãm, hội thảo, du lịch, về nguồn...”*

Nghị quyết 36 cộng sản nguyên thủy là một nghị quyết “dân vận” rồi. Nhưng để đạt được mục đích đó, chúng tìm đủ mọi cách vận động để bộn tay sai nằm vùng thực hiện bằng nhiều chiêu thức khác nhau, chẳng có “Đòn” nào là đòn mới như ông đã “bịa” trong lời tựa bài viết của ông. Nghị quyết 36 do chính thủ tướng Việt gian cộng sản Võ Văn Kiệt đã ký với những lời nhấn nhủ như sau: *“Tôi kêu gọi tất cả đồng bào trong nước và đang ở nước ngoài hãy hướng về tổ quốc, đồng tâm đoàn kết, góp phần xây dựng đất nước ta. Chúng ta hết sức quan tâm đến sự hòa hợp, chúng ta phải đặt quyền lợi dân tộc là tối thượng, cho dù chính kiến tôn giáo, quan điểm có khác nhau, nhưng lợi ích dân tộc phải đặt lên trên hết. Mọi người Việt Nam phải cùng nhau góp sức, không phân biệt chính kiến, tôn giáo, không có gì chúng ta gây ra trở ngại đó. Đối với người nước ngoài còn bỏ qua được, không lẽ người Việt Nam với nhau không bỏ qua được hay sao! Nếu cố chấp nhau dân tộc không lớn mạnh được...”*

Câu nói của cựu Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu: *“Đừng tin những gì cộng sản nói, mà hãy nhìn những gì cộng sản*

làm”, muôn đời vẫn luôn luôn còn giá trị với bất cứ chế độ cộng sản nào. Chuyện cộng sản cho phép một số ca sĩ hải ngoại về nước hát và ca sĩ trong nước ra hải ngoại trình diễn cũng nằm trong kế sách của chúng. Có gì mới lạ đâu, đó là chỉ là việc cố gắng đưa bàn tay nối dài với người Việt chúng ta tại hải ngoại.

Tôi cố đọc hết bài viết của ông để cố tìm ra một “đòn” mới của nghị quyết 36 nhưng tôi cảm thấy thất vọng hoàn toàn như những điều ông dẫn chứng sau đây: *“Chưa cần phải luận bàn là công cuộc chống nghị quyết 36 thành công hay thất bại, nhưng cứ duyệt lại những diễn biến trong cộng đồng từ lâu người ta có thể kết luận riêng cho mình và chuyện Hà Nội tung ra đòn thứ hai là chuyện đương nhiên. Điều quan trọng là đòn thứ hai này do chính trung ương đảng cộng sản điều khiển, cộng thêm với việc thiết lập một trang mạng cho Việt kiều ở nước ngoài. Website đưa tin về người Việt ở nước ngoài vừa được ra mắt hôm thứ Tư vừa rồi, nhằm mục đích tuyên truyền đường lối chính sách của đảng và nhà nước đối với người Việt ở nước ngoài.”*

Đầu bộ chính trị hay trung ương đảng điều khiển thì có khác gì nhau, chẳng qua là cách sử dụng ngôn từ. Chẳng có gì gọi là “đòn” thứ hai hay thứ ba cả! Chúng là một bè lũ gian manh đầy tham vọng càng ngày càng bị cô lập tứ bề. Việc nhắm vào chất xám và tiền của nơi kiều bào hải ngoại để sống còn là việc họ cần làm trong khi cố ra sức đè bẹp các tôn giáo, các thành phần trí thức yêu nước có thể làm rung rinh chế độ một cách không gớm tay. Họ có yêu nước, yêu dân tộc gì đâu. Đối với họ là củng cố quyền lực cho đảng bằng bất cứ thủ đoạn, kế sách nào để đưa đến sự thành công cho một nghị quyết.

Bài ông viết rất dài theo kiểu đánh hỏa mù, vòng vo tam quốc, nhưng qua bài viết này cũng như bài viết trước đây, mọi người có thể hiểu ông, một ông Vũ Ánh nằm ở phe nào trong công cuộc chống cộng: *“Xương sống của nghị quyết 36 chính là đường lối khai triển sự kiểm soát cộng đồng người Việt tại hải ngoại nói chung và tại Mỹ nói riêng. Trong khi*

đó thì đáng buồn thay, khi nhắc tới nghị quyết 36 hay chuyện chống nghị quyết 36, nhiều người ở đây cười. Họ cười cũng phải, bởi vì trong quá trình chống nghị quyết 36 vừa qua, có bao nhiêu chuyện cười ra nước mắt trong cộng đồng và cái bi kịch chính là một số người trong tổ chức chống nghị quyết 36 trở thành những người thực hiện nghị quyết 36 cho Hà Nội, bằng cách thay vì chống cộng thì họ quay ra chống nhau, chống đồng hương, đòn nhắm vào Việt cộng là đòn gió, còn đòn nhắm vào những người quốc gia chỉ vì không ưa những người đó, chỉ vì cách nhìn của họ khác mình, là đòn thật. Thay vì vận động thuyết phục, lôi kéo thì ra lệnh, biểu diễn quyền lực; thay vì mở rộng lòng, chứng tỏ sự hào phóng bao dung, thận trọng và cảnh giác thì giở trò nhỏ mọn, tư thù ganh ghét, thiển cận, nóng vội, thiếu ngay cả yếu tố quan trọng của nhân bản: đó là sự tử tế giữa con người và con người...”

Ông không dẫn chứng được ai cười, nhưng tôi nghĩ ông là người cười chê trước tiên cùng nhóm bạn trong một góc nhỏ quán cà phê “Lú” nào đó. Đã nói là cộng đồng hay ủy ban không có đủ thẩm quyền thì lấy cái gì để ra lệnh, biểu diễn quyền lực như ông đã nói, cho dù có thật quyền đi nữa nếu họ nói bậy thì cũng chẳng ai rảnh để mà nghe. Ông đừng xem thường đồng hương quá như vậy. Chuyện chống lại một chế độ gian ác là bốn phận của tất cả mọi người.

Tại sao cần phải thuyết phục, lôi kéo, hào phóng bao dung với bọn đón gió trở cờ. Yếu tố nhân bản trong cuộc sống là cần thiết, nhưng phải tùy trường hợp đúng lúc đúng nơi. Tại sao ông không bảo bọn cộng sản và những kẻ tay sai phải biết những điều gì nên hoặc không nên làm. Đối với kẻ thù hoặc là chống đến nơi đến chốn, hoặc là cúi đầu làm tay sai, chứ chẳng có chỗ đứng nào khác hơn cho những kẻ mà ông cho là tử tế. Cộng đồng và các nhà lãnh đạo các ủy ban họ thừa hiểu ai là người quốc gia và ai là người tay sai cộng sản. Một chương trình ca hát toàn là đoàn văn công cộng sản thứ thiệt về ngay tại nơi địa phương ta đang ở, tổ chức không cần biết đến lỗ lời, vé thì cho free nhiều

hơn vé được bán, thì không chống thì còn gì là tổ chức của một cộng đồng ty nạn.

Cá nhân người viết bài này là một cư dân Dallas hơn 20 năm qua, đã từng có mặt hầu hết trong mọi sinh hoạt cộng đồng. Đã từng chứng kiến mọi sự thảm hại của các đoàn văn công Cộng sản được bọn con buôn tiếp tay dàn dựng. Từ Vùng Trời Bình Yên 2006, Trái Thảm Đỏ 2007, Tiếng Cười Dallas 2008, Nhạc Hội Thanksgiving 2009 với vụ kiện tụng đặc biệt đòi bồi thường 14 triệu USD còn trong vòng thưa kiện, nhưng cộng đồng vẫn tiếp tục biểu tình trước sự khiêu khích của chương trình ca hát toán văn công cộng sản “Tiểu Vương Hội 2010”. Tất cả mọi người hiện diện để phản đối chiến dịch tuyên truyền văn hóa vận lãn này được đến từ khắp mọi nơi: Nam Cali, Austin, Houston, Washington, Florida, và hơn 400 đồng hương tại Dallas. Được các cơ quan truyền thông báo chí người Mỹ tại địa phương hiện diện tường thuật đầy đủ. Rạp hát trình diễn với sức chứa hơn 3000 chỗ ngồi, nhưng vào giờ chót cố gắng bán và cho thêm chỉ vỏn vẹn khoảng dưới 250 người.

Đặc biệt lần này, dù bầu show đã thuê nguyên cả khu vực trình diễn, nhưng cảnh sát an ninh đã thông cảm và rất hiểu được việc làm chính đáng của chúng ta, ra vào dễ dãi và chuyện ế ẩm bọn cai thầu văn nghệ không thể che giấu được. Nói lên điều này để minh chứng và trả lời với ông Vũ Ánh là chuyện chống nghị 36 của cộng đồng và đồng hương thành công hay thất bại! Ông cứ yên tâm đừng buồn vì cá nhân tôi là người trong ủy ban yểm trợ pháp lý cho các vị lãnh đạo cộng đồng và hai cơ quan truyền thông báo chí bị kiện thưa tại Dallas, chúng ta đang có một ngân quỹ dồi dào do đồng hương khắp nơi đóng góp, thừa sức để đối đầu với âm mưu của những kẻ nhiều tiền lắm bạc!

Vỏ quýt dày thì bao giờ cũng có móng tay nhọn. Ông cho rằng cái vỏ dân vận Việt Cộng cũng khá độc hiểm đấy, nhưng vấn đề đặt ra là móng tay một số tổ chức chống Cộng ở đây có đủ nhọn hay không. Làm thế nào để có những móng tay nhọn thì hiện nay vẫn còn là một thử thách trong

cộng đồng. Xin cảm ơn ông đã đưa ra một vấn đề rất chí lý, và cũng xin kính nhờ ông hãy xắn tay áo giúp giùm một tay, dù tuổi già sức yếu, nhưng sự hiện diện của ông cũng đủ nói lên được một tấm lòng. Xin ông hãy ngưng chỉ trích bôi bẩn việc chống Cộng của các cộng đồng. Tôi đọc ở đâu đó trên diễn đàn có một đoạn họ nhắc đến tên tuổi ông: “Phần ông Vũ Ánh viết thì bà con ít người tin vì chính ông là là người đồng ý cho đăng bài Huỳnh Thủy Châu vào hình chậu rửa chân có cờ Việt Nam Cộng Hòa, và cũng chính ông bị báo Người Việt cho đi nghỉ mát...”

Trên phương diện này, phương diện khác, mỗi con người đều có giới hạn về mặt tài năng và cả khiếm khuyết, những người đứng ra nhận lãnh trách nhiệm cộng đồng, hội đoàn cũng thế. Họ hơn người ở chỗ dám đứng lên, trong khi có người tài năng hơn lại né tránh! Phê bình để họ sửa sai là điều cần, nhưng viết bài đánh phá là tiếp tay cho những loại báo chí đã và đang công khai đứng về phía kẻ thù là điều không thể chấp nhận được.

Dù chỉ một lần thất tín thôi, thì vạn sự chẳng ai tin ông. Chuyện chống lại nghị quyết cộng sản sẽ còn dài, nhưng có một điều xin ông phải công nhận được một sự thật: Nghị quyết 36 của cộng sản dù chưa chết nhưng chúng cũng đang ngất ngư, còn các lãnh tụ cộng đồng cùng các ủy ban chống cộng vẫn còn rất mạnh, vẫn còn là thành trì đủ sức ngăn chặn sự xâm nhập của bất cứ nghị quyết nào của cộng sản.

Nhân dịp đầu năm kính chúc ông được nhiều sức khỏe sớm nhận ra được vấn đề. Xin ông hãy trả lại sự yên lặng trên diễn đàn. Thành thật cảm ơn ông trước.

*Arlington, Texas những ngày đầu năm 2011
Mũ xanh Phạm Văn Tiền*

■ *Tạp ghi*

Buổi Sáng Mùa Đông Cho Đa Hiệu

■ *Hoa Trạng Nguyên 25B*

(Thân tặng quý anh, chị có tấm lòng với Đa Hiệu)

Thấm thoát toà soạn báo Đa Hiệu đã ở Bắc Cali này được hai mùa đông rồi, sở dĩ tôi nhớ như vậy là mỗi lần đi xếp báo vào mùa giáng sinh và sau tết VN, dự báo thời tiết thường báo là mưa sa, gió lạnh hay bão. Cứ mỗi lần như thế, dù có tham dự hay không tham dự tôi đều cầu mong... đừng mưa vào buổi sáng, buổi chiều hãy mưa.... Kỳ này Đa Hiệu 92 cũng rơi vào hoàn cảnh trên, trong lòng tôi lừng khừng không muốn tham dự, nhưng chuyện báo Đa Hiệu này cũng có dính chút dính với lão gia nhà tôi, thôi cũng đành vậy... Vả lại, ngày nghỉ cuối tuần cứ ở nhà nấu nướng, dọn dẹp, chăm sóc vườn tược mãi cũng chán, bỏ mấy giờ không công cho tập thể, gặp, cười hùn với mọi người cũng thoải mái tâm hồn.

Đến địa điểm tập trung xếp báo đã 9.30AM nhưng hiện diện cũng chỉ có năm vị, chú Minh trị sự, chú Lợi, Thủ Quỹ Tổng Hội, niên trưởng Thái K15, niên trưởng Thành K22, niên trưởng Tài K20. Các quý vị này đang leo trèo để cột những tấm bạt che mưa. Lại là chuyện của đàn ông, cùng mùi thuốc lá khó chịu, cũng có những hạt mưa bụi lất phất, tôi lui vào trong góc của nhà in để tránh những luồng gió

lạnh, mùi thuốc in, bụi, mồ hóng càng làm cho tôi khó thở. Hai ballet báo Đa Hiệu nằm chình ỉnh chắn cửa ra vào, tôi chọn một chỗ tạm sạch sẽ để ngồi, lấy một cuốn Đa Hiệu đọc để giết thì giờ và chờ công tác thợ vịn. Từ số báo Đa Hiệu 86 đến nay là số 92, báo càng ngày càng đẹp. Ai ai ở Bắc Cali đều khen anh Trí K29 chủ bút thật có nhiều tài. Những cái biệt tài tế nhị này nở rộ khi Bắc Cali đảm nhận Đại Hội Võ Bị 16 toàn cầu. Từ thiệp mời, đến những thông báo mau lẹ, chính xác cho kịp với thời gian thực hiện đại hội. Tôi thích nhất là cái hình người thiếu nữ VN trên cái huy hiệu PNLV. Cái phù hiệu nhỏ nhắn, nhưng dễ thương xinh đẹp vô cùng, hình ảnh rõ ràng là tượng trưng cho người phụ nữ VN với mái tóc dài buông xuôi nhưng chờ được linh hồn VN - Đó là ba sọc đỏ của màu cờ xứ sở, hai tay xoè rộng, nâng phù hiệu Đa Hiệu với tất cả tấm lòng. Tôi không nghĩ - đó không chỉ

tượng trưng cho đoàn PNLV, mà tôi nghĩ đó tượng trưng cho tất cả các chị có đức lang quân là dân alfa đỏ. Thật là quá khâm phục cho những chị xếp áo phu nhân, biến thành những người cùng khổ,



Cà phê điểm tâm chuẩn bị gói báo

chung thủy, chịu đựng làm thân cò gánh gạo nuôi chồng, bị tù đầy, cùng áp ử đàn con khôn lớn. Đã cam tâm là vợ chiến sĩ, mà chiến sĩ xuất thân từ lò Đa Hiệu thì các chị cũng suốt đời trân quý Đa Hiệu như hình ảnh người thiếu nữ trong phù hiệu đó thôi.

Về truyền thông, nhất là coi hình ảnh trên diễn đàn VB, do anh Trí chuyển tôi cũng rất thích, vì lúc nào tôi cũng coi được những hình ảnh chính xác, chỉ cần nhấp con mao là đã xem được hình rồi - vì tôi quá dốt về điện toán nên không biết vào password của nhà tôi cũng như vào album; vả lại, không có thì giờ để ngồi chờ khi máy chuyển tải. (mỗi ngày

tôi đều mở computer để máy không có tình trạng bị rối thư)

Cầm Đa Hiệu 92 trong tay, sách mới. Hình bìa của họa sĩ Lâm Mạnh, trình bày cũng do chủ bút thực hiện, đẹp, láng, sáng hẳn lên nhờ những chấm phá vàng trắng của màu cờ, màu vàng của lá đầu mùa thu, (vì bầu trời vẫn còn xanh?) lật vội vào trong, layout rõ ràng, chữ nghĩa và đánh máy ít sai lỗi chánh tả. Tôi kiểm bài của o Hải 25B để đọc liền (vì tôi đã đọc mục lục Đa Hiệu trên online tuần trước). Bà phu nhân của hội trưởng VB vùng Saramento là dân Bắc kỳ, mà cũng viết văn giọng Huế xem cũng truyền cảm, tình tứ ra phết. Khoá 25B, chị Hải đôi khi viết bài cho Đa Hiệu, phần tôi từ ngày lão gia của tôi vào bệnh viện... đến nay đã đi cây trở lại, tôi đã được thêm cái tật lười suy nghĩ... vả lại báo Đa Hiệu dạo này cũng đông nhà văn nữ như Minh Nguyệt, Tường Thúy, Thu Nga, Ngu Lãm Cơ, Vi Vân, TeaLan, Quế Hương, Ngọc Trâm, Kim Cao... cứ nghĩ như thế tôi lại càng lười biếng viết hơn. Đọc xong bài của chị Hải, chưa sang trang 279 thì tiếp theo là thông báo Đa Hiệu 93 sẽ phát hành vào 19/3/2011, chủ đề Trá Ta Sông Núi, bao gồm các bài viết về Trường Sa, Hoàng Sa, Dân Quyền của VN v.v... Nhìn chủ đề này có vẻ khô khan với tôi bởi vì tôi lờ quờ về những lý luận chính trị này lắm. Tôi còn nhớ anh Võ Văn Lê, nhà thơ của Khoá 25 đã hỏi tôi rằng... gửi bài cho ĐH mà làm sao chắc chắn được chọn đăng – tôi trả lời phải cần viết đúng chủ đề. Tôi cũng còn nhớ anh Nguyễn Hàm 25 cũng nói thêm viết lan man thì dễ, viết theo chủ đề thì khó, khó là ở chỗ bị gò bó và nhứt đầu là ở điểm này.

Hoàng Sa, Trường Sa là những địa danh của những hòn đảo nằm ở phía Đông thuộc vùng biển VN. Tôi còn nhớ khi học môn địa lý bậc tiểu học, tôi học thuộc lòng như vẹt... phía Đông VN, ngoài khơi vịnh Bắc Việt, phía Bắc có đảo Hải Nam, Cái Bàn, Cái Bầu, Các Bà, nơi đây dân cư thưa thớt, đa số dân sống bằng nghề đánh cá và làm nước mắm. Miền Trung, trong vĩ tuyến 17, có nhiều đảo nhỏ như Trường Sa, Hoàng Sa, quan trọng là vịnh Cam Ranh, đa số những

nơi này là khu quân sự. Miền Nam có đảo Phú Quốc, dân chúng chuyên nghề đánh cá và làm nước mắm... Tôi cứ học cho thuộc để trả bài chứ có bao giờ quan tâm đến những cái đảo xa xôi mịt mù ngoài khơi kia! Tôi là dân Sài Gòn nên lúc nào cũng hưởng được ơn phước sung sướng. Đến năm Mậu Thân, tôi mới biết được một chút mùi vị của chiến tranh, nhà tôi ở trên đường Nguyễn Cư Trinh, nằm giữa ba con đường Võ Tánh, (ngày nay là Nguyễn Trãi) Cộng Hoà và Trần Hưng Đạo. Ở trên những con đường này toàn là cơ quan của Cảnh Sát và Công An VNCH. Thời kỳ Mậu Thân và thời kỳ cận 1975, Việt cộng cứ nhằm hai cơ quan này để pháo kích, nhưng chúng pháo quá bết, nên chỉ bay vào khu dân nghèo, đó là Mã Lạng (phía trước khu nhà tôi) và khu xóm Bùi Viện. Hai khu này, là khu dân lao động, thành phần dân nghèo chiếm hết 80%, họ càng cơ cực hơn khi khu nhà họ bị cháy. Năm 75 khi Việt cộng làm chủ tình hình, người dân Mã Lạng thường nói một cách vô tội vạ:

- Nhờ giải phóng vào sớm, không thì mấy thằng Việt cộng tụi nó cứ pháo kích vô, cháy nhà tụi tui hết!

Sau Mậu Thân, việc tổng động viên thường diễn ra ở miền Nam, cả việc quân sự hoá học đường cho những nam sinh viên trường đại học. Có bọn sinh viên ăn cơm miền Nam mà nhớ giặc Hồ, họ khuấy động nên những cuộc biểu tình, ám sát... Lúc ấy, tôi đang theo học Đại Học Sư Phạm, tôi ít để ý đến những biến động trên. Mỗi đầu một niên học, thường có bầu ban đại diện sinh viên; lúc đó, mới sáng sớm là tôi đã thấy công an và cảnh sát đã chiến đi nhiều quanh sân trường, thư viện, sân cỏ. Sau này tôi mới biết thì ra những tên sinh viên cộng sản đang dùng những thủ đoạn(dành chức đại diện sinh viên) để làm chủ tình hình bọn chúng tôi. Nhưng đừng hòng, tôi là dân học chăm để được tốt nghiệp ra trường (nếu tốt nghiệp cuối bảng, sẽ ít khi được chọn vùng như ý) còn các bạn tôi đa số có người yêu là lính cộng hòa. Ngày ấy, tôi thường thấy sinh viên Luật, Văn, Y Khoa là nơi tập trung bọn sinh viên xôi đậu này nhiều nhất - (vì lúc đó Huỳnh Tấn Mẫm là sinh viên y

khoa, cũng là VC nằm vùng). Nói điều này tôi có quá hồ đồ không? Gia đình tôi không có ai là quân nhân, nhưng không vì vậy mà ba mẹ tôi lại thích cộng sản. Ba tôi là dạng người Tây hoá, mẹ tôi lại có dòng máu quan liêu, do đó chuyện Việt cộng là một chuyện rác rưởi không có trong thùng rác nhà tôi. Chị em tôi là những cô gái Hai Lúa Sài Gòn phi chánh trị, nhưng không dễ dàng bị hấp dẫn bởi những xảo ngữ của bọn vẹt; còn riêng phần tôi, tôi có ấn tượng sâu sắc về bọn họ. Tôi sợ những hình ảnh đấu tố trong Chúng Tôi Muốn Sống; tôi sợ những đôi dép râu, những cái mũ tấu, những cái nón cối, những cái bao bố trùm đầu, chỉ còn hai lỗ mắt đen thui... nửa đêm gõ cửa, dẫn người đem đi giết, những cái trả thù hèn hạ, bởi vì những người dân này có tội là họ chỉ có tinh thần quốc gia.

Chiến sự gần 1975, càng ngày càng khốn khổ cho dân, quân miền Nam. Quân lực VNCH đã quá hy sinh chiến đấu anh dũng để giành lại cố thành Quảng Trị, Bình Long, Phước Long, Kontum, Dakto... rồi đến Trường Sa, Hoàng Sa bị khuấy động. Căn nhà tôi là nhà anh Thiếu Tá Đoàn Trọng Thông, tôi không biết là anh ở hạm nào - tôi chỉ nghe chị Thông nói với mẹ tôi:

- Anh Thông đi tuần xa về... con biểu bác rổ chim cút này... (sau 75, anh Thông đi tù ở Bắc 7 năm, về vượt biên, nay định cư tại Úc)

Tiếp theo là ông anh rể thứ hai của tôi là trung úy Khóa 20 HQVN, (tôi cũng không để ý anh ở hạm nào) bị thương ở bàn chân mặt, một miếng đạn pháo cứ vào gân bàn chân tưởng rằng bị liệt, nhưng anh đã trì công tập đi bằng cách cột sợi dây ở chỗ bị liệt xuyên qua đôi giày, rồi lại quấn lên cổ chân, như vậy là anh cố điều khiển bước đi bằng cách lê bàn chân bằng sức mạnh của bắp đùi dưới. Ngày nay anh đã đi lại bình thường xen chút ít khập khểnh. Vào trường, thì gặp bạn tôi là Y., mặt buồn thiu, nàng là bạn thân Nguyễn Văn Đồng K25, Trâm Kha. Y. báo rằng chàng đã tử trận Hoàng Sa. Tôi cũng chùng lòng, vì tôi cũng có đọc qua Đa Hiệu thời bấy giờ, tôi cũng thích thơ văn của anh, hay và

rất hay - Tình lính, tình em, tình người - rất được độc giả ưa chuộng, trong đó có tôi, đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ:

Ngày mai anh đi núi đồi mây ở lại

Anh đi rồi, Đà Lạt có buồn không?

Và

Anh vẫn đợi ngày thanh bình trở lại

Anh sẽ về với một mối tình say

Cho em cả cuộc đời

Áo chiến bạc vai, thêm mùi nắng cháy

Cho em hết không còn gì giữ lại...

Sau này, lão gia tôi cũng là dân Đa Hiệu 25, nên tôi mới biết thêm, vì khoá 25 là khoá đầu tiên trong chương trình huấn luyện liên quân chủng nên khoá 25 có 32 cùi được chọn theo binh chủng hải quân. Trong những vị này, Trầm Kha - Nguyễn Văn Đồng, tử trận trên dương hạm HQ5, còn anh Nguyễn Đông Mai ở HQ10, may mắn thoát chết, trôi trên biển lạnh 5 ngày. Chiến đấu, đói, khát, lạnh, cầm cự với thần chết, anh là chứng nhân sống động trong cuộc chiến đấu sinh tử ở Hoàng Sa (nay anh định cư tại Houston - Texas) và anh đã viết thành hồi ký. Mỗi năm đến lễ truy điệu của dân Lướt Sóng, đài phát thanh có dịp đọc lại những dòng hồi ký này. Thuở đó người dân Sài Gòn, trong đó có tôi, cứ tưởng bọn Trung Cộng giương oai quân sự chút ít với Hải Quân VNCH ta mà thôi.

Bất chấp Hoàng, Trường sa nằm trong vùng lãnh hải VN, năm 1948 Tàu cộng công khai tuyên bố về hải phận 12 hải lý, kể từ đất liền Hoa lục và đường khoanh lưỡi bò bao toàn lãnh hải, trong đó bao gồm hai đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Bọn cộng sản đã hô hào Trung Quốc và Việt Nam là hai nước thân thiết như răng lợi dính liền, vì vậy Phạm Văn Đồng cũng tán thành việc trên. Năm 1974, 58 chiến sĩ Hải Quân miền Nam anh dũng hy sinh. Năm 1988, 64 bộ đội cộng sản miền Bắc tử thương.

Những năm tháng gần đây, đồng bào miền Trung hành nghề đánh cá cũng thường lâm vào tình trạng bị bắt, lúc thì bị bắn chết, lúc thì bị bắt, bị làm nhục, bị đòi tiền chuộc, còn

bị lấy tàu, phá tàu, còn quyền lợi khai thác dầu khí, Trung Quốc cũng đang tranh chấp và khống chế... hiện nay, vùng biển đông thuộc hải phận VN, bây giờ là hoàn toàn của Trung Cộng. Hoàng Sa, Trường sa biển thành tỉnh Tam Sa. Cực Nam của đảo Hải Nam có thành phố du lịch là Tam A, khí hậu ấm áp mát mẽ như Hawaii, hấp dẫn du khách thăm viếng 6 triệu người/năm. Cái nguy hiểm là Trung Cộng đã thiết lập căn cứ quân sự như tàu ngầm nguyên tử, hàng không mẫu hạm, phòng không, hoả tiễn tầm xa, tất cả đều trong chiến lược biển Đông. Trung Cộng muốn khống chế Phi Luật Tân, Mã lai, Việt Nam, Thái Lan, Ấn Độ. Phía Bắc đảo Hải Nam có Nhật Bản, Đại Hàn. Đảo Hải Nam VN lại nằm trong vị trí quân sự quan trọng như vậy, thế mà bọn Việt Cộng tham quyền cố vị đã dọn đường cho bọn bành trướng Trung Quốc có cơ hội thoả mộng bá quyền.

Ngày hôm nay vì những quyền lợi dầu hoả, vì những sự phần nộ của dân chúng, Việt cộng đã lập lời muốn có một số nước can thiệp, nói thay chúng. Nhưng đã muộn rồi. Chuyện biển Đông đã không lối thoát, rồi lại đến chuyện đất đai. Non sông gấm vóc Việt Nam, nhỏ hơn một tỉnh của Trung Quốc, thế mà chú Chệt Trung cộng cũng thích tòm tèm lân la, đổi lại cho Việt cộng một số đặc quyền về cung cấp vũ khí để tiến đánh miền Nam, thế là cũng tên Phạm Văn Đồng đã ký nhượng 759km² của Cao Bằng, Lạng Sơn, và Ải Nam Quan ngày xưa, nơi Nguyễn Trãi khóc biệt ly với cha là Nguyễn Phi Khanh bị bắt dẫn về Tàu, cũng nằm hẳn bên phía cực Nam của Trung quốc. Cột mốc biên giới mới 0km được trải thảm đỏ để khánh thành. Đại diện Tàu đỏ và Việt đỏ tay bắt mặt mừng, đạp lên đường biên giới mới. (Tôi xem trong internet) Thật là...

Khen ai khéo vẽ trò vui thế

Vui thế bao nhiêu, nhục bấy nhiêu. (NK)

Và hôm nay, còn đâu...

Nam quốc sơn hà nam đế cư

Tuyệt nhiên định phận tại thiên thư

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm

Nhữ đấng hành khan thủ bại hư. (Lý Thường Kiệt)

Thường ngày, tôi cũng thích nghe đài Á Châu Tự Do loan tin về những bất bình, phần nộ của người dân VN về việc mất đất, mất biển. Cộng sản cho thuê 300.000 ha rừng đầu nguồn trong 50 năm. Vùng rừng núi này dân cư VN thưa thớt, dân Trung quốc sang khai thác rừng, làm rẫy, lập khu công nghiệp, dân Trung Quốc sẽ ở đó 50 năm, sinh sản và sẽ có gần hai thế hệ người Trung Quốc. Sau 50 năm vùng đó sẽ tự chuyển biến thành vùng của Trung Quốc, vì họ chỉ nói toàn tiếng Hoa. Còn việc khai thác bôxít, mặc cho dân than thở vì không khí ô nhiễm của quặng bôxít, cùng chấm dứt nhập cư hàng ngàn công nhân Trung Quốc trá hình, họ có thể là đoàn lính viễn chinh? Kiến nghị chấm dứt hai việc trên của những đảng viên già nua, điển hình như của Võ Nguyên Giáp, thì chính quyền Đỏ Việt Nam vẫn giả điếc, lấp liếm cho qua chuyện. Bọn họ có nhớ gì tổ quốc, đồng bào, bọn họ có nhớ gì 1000 năm bị đô hộ giặc Tàu.

Có một dịp tình cờ trên xe bus, tôi được nói chuyện với một người Tây Tạng, anh ta cũng là dân tị nạn cộng sản, suốt câu chuyện anh tỏ thái độ căm ghét Tàu cộng, khi anh biết tôi cũng là dân tị nạn VN, anh rất thích thú vì gặp được người đồng hành cùng hoàn cảnh. Trước khi chia tay, anh kết luận...

- Rồi đây đất nước chị cũng giống như đất nước tôi.

Lại một lần nữa, nhìn hình ảnh mấy dân công hát chèo Việt Nam sang Trung Quốc để diễn vở kịch hai bà Trưng tế hồn Mã Viện, những cảnh dâng kiếm, chúc rượu của hai mẹ dân công đóng vai hai bà Trưng, thật là xốn xang khốn nạn. Đúng là một bọn phường chèo. Lịch sử VN ở



trong tay bọn người đồ cuồng tín. Chúng bẻ ngược lịch sử trắng thành đen, gian dối đúng như bản chất của chế độ cộng sản. Ôi! chúng chỉ chúc cho dân tộc một sự tận cùng nhục nhã. Thiên thiên, địa địa ơi, hồn thiêng sông núi ơi, xin hãy thổi thêm sức mạnh Phù Đổng cho dân tộc VN vùng dậy, bức bỏ tai ách của loài quỷ đỏ. Từ 1954 đến nay, thời mạt Pháp đã thống trị hơn nửa thế kỷ rồi, dân tộc VN cứ vẫn lầm than! Chúng ta ngày hôm nay, cũng thấm thía nỗi buồn con chim Quốc, nhận nơi đây là quê hương thứ hai.

Trời xứ Mỹ, vào đông mưa rét lạnh

Lá rơi nhiều, vàng cả lối đi

Sài Gòn xưa - Bây giờ xa quá!

Dâu biển tang điền, ta nhớ em.

Vấn đề nhân quyền ở VN thì khỏi cần bàn, cứ như thường trực xảy ra hàng ngày, nào chiếm đất nhà thờ, chuyện thánh địa La Vang, Nhà Chung, Làng Mai của chùa. Giam, bắt, quản chế linh mục, thượng toạ, luật sư... kiểm soát các mạng Internet của những người dân có tư tưởng tiến bộ, chiếm đất của dân, đánh người dân đến chết... Việc gần nhất là việc giành đất của dân Cần Dầu....

Chủ đề Đa Hiệu 93 thật là phong phú... cũng có thể viết thêm về chuyện Tết. Tôi đã hưởng bao nhiêu cái tết rồi nhỉ? Tết của miền Nam sau 1954, những cái tết sung túc, những cái Tết ẩm đạm, thất lựng buộc bụng của dân Sài Gòn sau 30/4/75, những cái Tết trên xứ người đầy đủ cao lương mỹ vị, nhưng nhạt nhẽo, trống rỗng. Còn chuyện của những ngày trong tháng Tư thì viết hoài cũng không hết, tôi cứ tưởng ngày ấy... đến nay, hình như mới đâu đây.

Buồn ơi, cũng đã gần xong một đời người mà chí vẫn chưa thành!

Chắc rằng Đa Hiệu Xuân Tân Mão 93 sẽ có nhiều bài vở lắm. Gần 10 giờ sáng mà mặt trời vẫn chưa mở mắt, ngoài kia chắc cũng khá đông quý vị để bắt đầu cho một buổi sáng làm việc tự nguyện. Tiếng cụ Trương Khương 19 cứng ngắt đang chia nhóm, tiếng cụ Tài 20, cụ Thành

22 thâm trầm nhắc nhớ, tiếng anh Hợi, anh Lợi 30 thúc đẩy, gấp gáp, anh Sang 28, cụ Hồng 23 thì thông thả, thoải mái, phần anh chủ bút và anh trị sự thì nhanh tay, lẹ chân, kèm thêm nghề xúc, đẩy khuôn vác. Còn cái giọng Huế đặc kẹo khổi thuốc lá của cụ Trân 20 thì thật là vô tư và khôi hài, mỗi một câu chuyện cụ kể lại đều cho chúng tôi những tiếng cười thích thú, có lẽ vì vậy mà ngày xưa bà Ngu Lãm Cơ đã làm cả tập thơ để ca tụng người hùng 20 xứ thần kinh không tiếc lời. (Còn quý vị nào nữa không... chắc còn thiếu, xin thông cảm, vì tôi không biết tên quý vị)

Ra ngưỡng cửa nhà in, nhìn những hạt mưa sương, mà trong lòng cứ mong... Xin mưa đừng đến, mưa ơi... Mưa ơi, xin hãy đến chơi buổi chiều.

Tiếng của chị Thiếu, chị Lợi 30 lao xao...

- Hôm nay các ông đóng gói cả rồi, thôi chị em mình làm khâu đầu tiên này, bỏ phiếu hồi báo vào Đa Hiệu vậy.

Giọng ân cần của chị Anh 30 bên tai tôi...

- Trà nóng đây, chị nhấp cho ấm, rồi chị em mình bắt tay vào việc. Có lẽ hôm nay, công việc sẽ xong trước 1 giờ.

- Ủ, chắc như vậy. Với Đa Hiệu, chuyện gì cũng hoàn tất.



Yêu Hồng Nhan

■ Kathy Trần 12C

Hồng nhan chỉ người con gái, đàn bà đẹp, có ánh mặt tươi thắm như mầu cánh hoa đào. Đàn ông đẹp người ta không gọi là hồng nhan hay... thanh nhan gì cả, người ta gọi trống không là “mỹ nam tử”, người đàn ông đẹp, giản dị thế thôi.

Cùng là đàn ông nhưng các ông lại ky “mỹ nam tử”,



có ý chê các ông mỹ nam tử là khác: “Cái thằng đẹp như con gái!” Nhưng các ông, dù trẻ dại hay đã bạc đầu đều rất mê “cái hồng nhan!”:

*“Em là con gái trời cho đẹp,
Tuổi mới mười ba đã đẹp rồi...”*

Đàn bà, ai chẳng muốn đẹp? Càng đẹp càng tốt! Càng

được nhiều người yêu càng hãnh diện và con người luôn biết yêu cái đẹp, nhất là cái đẹp của chính loài người.

Thời buổi văn minh, người ta ỷ vào trí thông minh, vào tiến bộ khoa học, kỹ thuật tân kỳ lại dự phương tiện nên các bà đòi hỏi và muốn được làm chủ một tấm nhan sắc hoàn mỹ, dư sức làm nghiêng thùng, đổ nước như chơi.

Người bạn thân thiết nhất của các bà là... các ông đã không vì bạn vàng ngăn lòng tham của các bà mà còn chiều các bà hết mức. Các ông hì hục học mớ người cả chục năm để thành bác sĩ thẩm mỹ, các ông học phép ... tiên (đồng thời làm ra khối... tiền) sửa tơi, sửa lui cho tấm nhan sắc các bà ngày càng đẹp thêm. Sửa mãi thành nhàm, đẹp mấy cũng chưa đủ nên nhiều bà sửa đã đẹp rồi, mà vẫn đòi hỏi sửa riết thành ra... hết đẹp!

Chưa hết chuyện, có ông còn đại dột theo chân bạn vàng, cũng cắt, cưa, đục đẽo, sửa chữa linh tinh đủ cả rồi lạm thuốc men, chết cay đắng như Michael Jackson chẳng hạn. Anh ca sĩ này đã đổi trắng thành đen, sửa đẹp trai thành không đẹp... gái và bây giờ, anh tiêu diêu miên cực lạc để lại 3 con trắng bóc như bông bưởi, xinh xắn, dễ thương, tuy không biết anh có phải là cha của ba đứa con của anh không vì chúng chẳng giống anh tí nào?

Chuyện nhà phó thường dân đã như thế, chuyện nhà giàu nghe càng thêm mệt...

Các cụ ngày xưa cũng yêu mê cái đẹp y hệt chúng ta nhưng các cụ may mắn hơn, hễ yêu mê thì đúng là hồng nhan, người đẹp thật chứ không có của giả. Thời bây giờ, yêu mà cứ hồi hộp không biết mình đang ca tụng, tôn thờ tấm nhan sắc khuynh thành hay đang ôm ấp, nâng niu mấy túi silicon, saline nâng chỗ này, đỡ chỗ kia bày đầy dẫy trong thẩm mỹ viện? Nghe tiểu muội thắc mắc, người quân tử quắc mắt:

- Chắc bà nghèo, không có tiền sửa nên ghen với... của giả chứ gì, không sao cứ thắc mắc mãi chuyện đó? Thật với giả có gì khác nhau đâu? Đẹp là đẹp mà đã đẹp là được yêu mê, khen ngợi, có thể thôi!

Tiểu muội cãi:

- Thế thôi làm sao được? Thật với giả làm sao không khác? Như hột xoàn với hột đá, giá trị hoàn toàn khác nhau chứ.

Ông cười:

- Đó là bà biết một mà không biết mười. Khi bà đem bán thì thật, giả phải phân minh, không thì ở tù. Còn khi các bà đeo thì cứ sáng chói là đủ cho chúng tôi thấy “đây sao trong mắt em” rồi mê mẩn đến quên đường về luôn! Bà có thấy ông nào lẩm cẩm hỏi “em đeo của giả hay của thật?” bao giờ chưa? Hay có ông còn đích thân bỏ tiền ra cho hồng nhan tri kỷ mua của giả nhét vào để “chúng mình” dùng chung?

Nghe ông nói có lý quá, tiểu muội chữa thẹn:

- Tiểu muội là phó thường dân, nhan sắc khiêm nhường, đã nghèo mạt rệp lại thêm tính nhát gan, có cho không cũng chẳng dám nhét của nợ vào người, nói gì tới chuyện đòi làm hồng nhan tri kỷ.

Ông chếp miệng, thương hại:

- Thế, chưa biết mùi bao giờ nên mới bày đặt phân biệt chứ biết rồi lại chẳng mê mà đòi đi sửa mãi không chừng!

Hồng nhan đẹp nên nhiều người yêu thương, mê mẩn, nhất là trong giới nghệ sĩ, trong đó hăng hái nhất phải kể đến thi... sĩ, kể đến phải nói tới nhạc sĩ. Hai sĩ này có ưu điểm là họ có tài!

Thi sĩ “xuất khẩu thành thi”, nói là thành thơ văn trau chuốt. Một bữa nhìn qua cửa sổ, thấy mấy cánh hoa vàng rụng, vài con bướm bay, thi sĩ bâng quơ:

“Ngõ hẹp rụng hoa vàng

Bướm bay đây cửa sổ

Ta bỗng gọi tên nàng

Áo vàng lồng lộng gió...

...Ta nhớ, ôi ta nhớ

Mùa thu ta gặp nàng...

(Hà Thượng Nhân)

Thơ đang ra khơi khơi cũng thiếu gì... hồng nhan mê mẩn cả người mà yêu nhà thơ!

Mùa thu! Có hiếm hoi gì đâu? Năm nào chẳng có mùa thu, thế mà cứ thi sĩ ca tụng (mùa) Thu thì biết bao nàng tên Thu tự nhiên thấy mình là hồng nhan tri kỷ của ai kia trong những vần thơ diễm tuyệt.

- Ôi chao, thơ tình đến thế thì nhất định... “chàng” nhớ mình, gọi tên mình chứ nhớ ai!

Được người đẹp yêu, dĩ nhiên, nhà thơ yêu lại ngay, lòng nào từ chối được tình yêu! Hơn nữa, trái tim thi nhân bao giờ cũng mỏng tanh, trong veo như pha lê, dễ rung động, dễ yêu người hơn thiên hạ. Thế là nhà thơ có hồng nhan tri kỷ để rung động, để yêu tưởng, thương hờ, để thơ văn xướng hoạ làm giàu cho tâm hồn mình và tâm hồn người đọc dù căn ngõ hẹp có hoa vàng, có bướm bay và có rất nhiều người... áo vàng đi qua, đi lại và mùa thu thơ mộng là mùa thi sĩ nào cũng ấp ủ để làm thơ.

Nhạc sĩ còn giỏi hơn một bậc, nói thành thơ xong, múa bút vẽ trong 5 dòng kẻ thành luôn nhạc điệu réo rất êm tai!

*“Đêm nay thu sang cùng heo may,
Đêm nay sương lam mờ chân mây,
Thuyền ai lơ lững trôi xuôi dòng,
Như nhớ thương ai chùng tắc lòng...”*

- Trời ơi chàng đang cô đơn trên con thuyền lẻ loi trong đêm tối và chàng đang nhớ tới mình. Thu đây chứ đâu chàng ơi! Lòng chàng, lòng thiếp, ai... chùng hơn ai?

*“Chiều về không buồn nắng,
Cho mây âm thầm,
Một mình trong chiều vắng,
Nhớ đôi môi mềm,
Ngày nào ân cần trao thân...”*

- Lời chàng thiết tha, nhạc chàng thánh thót, chàng đưa mình vào thế giới thi ca, vào văn học sử rồi còn chi! Trao thân một lần chứ trao... luôn cuộc đời cũng chẳng có gì hối tiếc!

Rất nhiều khi chỉ một bản nhạc làm nên danh nhạc sĩ và

thêm hồng nhan tri kỷ đeo đẳng nhau trong suốt cuộc đời!

Không phải thi sĩ lúc nào cũng có những bài thơ “lớn” để tặng người yêu... đọc chơi và tiện thể nhờ thêm nhạc sĩ đưa nàng vào văn học sử. Kẹt quá vì không ý thơ thì nhạc sĩ “mượn tạm” ý của nhà thơ rồi phổ nhạc bởi vì trong thơ đã tràn đầy hình ảnh thơ mộng, mơ hồ và tràn đầy nhạc điệu như những bài thơ của Phạm Thiên Thư, Nguyễn Tất Nhiên, Minh Đức Hoài Trinh... (Khoan nói tới những người ái mộ nhà thơ nữ, những... tri âm chứ không là hồng nhan tri kỷ) rồi nhạc sĩ màiũa, trau chuốt thêm cho câu thơ bóng lên lộng lộng.

“Em hỏi anh, em hỏi anh bao giờ trở lại

Xin trả lời mai một anh về

Anh trở về nhìn nhau xa lạ

Anhh trở về dang dở đời em

Ta nhìn nhau ánh mắt chưa quen

Cố quên đi một lần trăm trời... Em ơi!”

Ý thơ nghe đã não nùng đứt ruột còn thêm nhạc điệu tuyệt vời làm rơi bao nước mắt con người khóc cho những cuộc tình không trọn. Thơ có nhạc sẽ dễ dàng vượt qua bức tường giấy mực, bay bổng vào không gian, đưa tận... tai, chui vào tuốt trong trái tim người thưởng ngoạn và từ đó được kể là tâm sự, là chuyện tình, là tài sản văn hoá của loài người!

Cái tình văn nghệ của thi nhân và nhạc sĩ rất đặc biệt, khác hẳn... người phàm. Thi nhân làm thơ và nhờ nhạc sĩ mà thơ thăng hoa, chấp cánh.

Có một nghệ sĩ khác cũng đam mê, cũng yêu đương cuồng nhiệt, cũng tài hoa nhưng phải vất vả hơn nhiều khi chiến đấu chiếm trái tim hồng nhan, đó là hoạ sĩ. Hoạ sĩ vẽ vời, nhiều lúc nhờ người đẹp ngồi cả tháng trời để chàng sẫm soi, ngắm nghía mà đến lúc tác phẩm ra trình làng thì... bá nhân, bá tánh! Hoạ sĩ đành đem về nhà treo người đẹp lên mà ngắm nghía đã đời cho tới khi nàng... son nhạt màu môi vẫn chưa tìm được người gả nàng để vẽ thêm nàng nữa.

Con mắt của hoạ sĩ khác xa con mắt người phàm!

Người đẹp như mơ, vào tranh chàng có khi đầu rơi, tay chân dài loằng ngoằng, mắt mũi mọc lung tung và tất thân ngọc ngà nhiều lúc lòi cả ruột gan ra nên ngoài những người biết thưởng ngoạn nghệ thuật, người đẹp chẳng mấy gì thích làm mẫu cho chàng vẽ và có làm mẫu đi nữa thì chẳng mấy ai nhận ra người mẫu là ai! Rủi được một bức mình thích, đưa con tinh thần một đời tuyệt vời, mà người ta cũng thích thì hoạ sĩ đành bút trái tim mình gửi theo khi “gả” nàng đi, bởi vì không “gả” thì lấy chỗ đâu mà... treo nàng lên và tiền đâu mà mua vải, mua sơn vẽ tiếp?

Mối tình của hoạ sĩ, rõ ràng, khó quá, mắc quá, đau thương quá so với thi sĩ và nhạc sĩ.

Yêu hồng nhan nhưng thường họ không lấy được hồng nhan mà chỉ lấy... vợ, xong rồi mới thấy cần có “hồng nhan tri kỷ” vì... vợ là vợ, chẳng phải người yêu, chẳng hiểu được tâm hồn cao thấu trời xanh của các ông mà chỉ thấp lè tè toàn chuyện đời thường cơm áo cho chồng con! Chẳng có gì thơ mộng, tuyệt vời, chẳng còn tí tê tâm sự, chẳng còn bàn chuyện đội đá, vá trời, chán chết!

Cũng có khi họ tưởng mình lấy được hồng nhan tri kỷ nhưng lấy xong ít lâu mới biết mình... lầm! Hồng nhan tri kỷ vẫn còn đâu đó trên cõi đời, ngoài vòng tay mình để họ lại bắt đầu bán khoán tìm kiếm khi vợ nhà cơm không lành, canh không ngọt để hiểu rằng y như trong mọi cuộc xô số, cả triệu người mới có MỘT người trúng số!

Chàng yêu hồng nhan nhưng rất nhiều hồng nhan lại đại đột không chịu yêu chàng, hất hủi, xô đuổi, chê bai cũng có nên có khi nghĩ tới mặt nàng là thi sĩ... ứ gan, kêu đích danh hồng nhan ra mà xỉ vả, trù ẻo:

“Khiến người trăm năm

Đau khổ ăn năn

Khiến người tên Duyên

Đau khổ muôn niên!”

Ghê gớm hơn nữa, họ hùng hổ hăm dọa:

“Giết người đi, giết người trong mộng đã bội thề,

Giết người đi, giết người trong mộng vẫn u mê,

*Giết người đi, giết người mơ, giết tình thơ,
Giết người trong mộng... mơ...*

Chàng yêu say mê, cuồng nhiệt hung hăng quá làm các bà có trái tim mềm như tấu hũ nước đường, thấy vậy hoảng hồn xin quy hàng, chịu “theo chàng về dinh”.

“Về dinh” rồi, dù vẫn là hồng nhan nhưng cái hồng nhan, coi bộ, ngày càng nhạt và hiếm khi còn được chàng coi là tri kỷ.

Hết “chuyện hai chúng mình”, hết yêu đương thơ thần, hết cuồng si, hận thù, oán ghét ... coi như hết chuyện.

Kathy Trần



tranh Vũ Thái Hòa

Có Phải Em Về Xuân Áo Mới?

Ta thấy gì đâu, bạc đầu tuyết lạnh
Người co ro đóm thuốc bập liên hơi
Khoan bước vội đường đời đầy trơn trượt
Níu tay anh từng bước sẽ là đôi!
Đâu đã xuân khi cành khô sứt mứt
Thả mình rơi chưa hẹn một ngày vui
Chim báo bão vượn cánh dài ngạo nghễ
Mịt mù đông tuyết trắng bạc tinh khôi
Em đừng đợi, trời chưa về đã tối
Bởi tìm anh còn nặng nỗi quan san
Thương quê mẹ giặc xéo giày tờ tả
Nói lòng đau cùng món nợ trăm năm
Bước đã mỏi nhưng dốc đời thườn thợt
Tiếng thở dài, đôi mắt đã quầng thâm
Đâu hoa lá? Bên ta đầy nụ tuyết
Môi em nồng làm nhớ rượu ngày xuân
Ngã vào đây em, chiều hôm đã tối
Chẳng bao lâu trừ tịch đón giao thừa
Ở bên nhà giờ này bao ngóng đợi
Cách nghìn trùng nên xuân vẫn là chưa!

Trong Mơ Chợt Thấy Ta Về

Hoàng hạc bay về phía núi xa
Tím lam ký ức nổi mong nhà
Rong rêu tường cũ trắng đơn chiếc
Kiếm bặt trời nam khúc biệt ca.

Tráng sĩ về chưa bình lửa tan?
Hay ngậm ngùi đau cuộc chiến tàn?
Tích xưa, thanh sử ai lưu dấu?
Ai mãi ngàn thu nắm cổ hoang?
Chợt thấy ta về đôi dốc cũ
Huynh đệ dìu nhau tóc bạc phơ
Nam Quan đâu trống kèn thôi thúc ?
Đâu dáng thuyền xưa bóng đợi chờ?
Mimosa em vẫn vàng phai áo
Râm rập quân đi bước dập dồn
Trăng non chênh chếch hồn u uẩn
Tử sĩ hồn đau chạnh nước non
Ừ nhỉ! ta chỉ vừa đôi mươi
Loáng tay ánh thép kiếm ngang trời
Lâm Viên son sắt thề sông núi
Chưa diệt sài lang dạ chẳng nguôi!....

Lữ Khách

(Tặng Vợ sau 34 năm tái đoàn viên)

Lữ khách đến thuyền hoa chiều yên ắng
Mộng nam kha sao biếng khóc quên cười?
Mưa hạnh ngộ tằm hoài chưa đủ mát
Trời mộng lung thơ ấu biệt đâu rồi?
Lữ khách đến hẹn thề xưa đơn đả
Thú đãi bôi nhiều như nắm sau mưa
Thương khấp khiễng và lọc lừa chí chết
Cho vô cùng và nhận chỉ lừa thừa
Lữ khách đến ấm trà xưa trở lạnh
Chông chơ chun rượu nhạt thiếu người say
Thơ cổ tích bỗng lạc loài trên liễn
Nhũ vàng phai mới một xúm phân thân
Lữ khách đến thánh thần xa bỏ tượng
Trên ngai xưa gỗ đá bỗng vô hồn
Lâm râm khẩn hương tàn tâm bão động
Nhìn xa xa thần thánh kéo về non

Lữ khách đến tuyết bỗng rơi giữa hạ
Nắng khát khô chan chát giữa đêm đông
Mua nhân nghĩa bằng thoi vàng nén bạc
Không thứ gì thiên hạ biếu cho không
Lữ khách đi thứ gì ta cũng mất
May ghê hồn còn lại mảnh tình xưa
Người chần gối bước bên đời hóm hém
Gặp nhau mừng, lau nước mắt như mưa....

Ơn Em

(Tặng vợ sau 34 năm gặp lại)

V ốC tay
đầy bụi mưa thu
Lối quanh lối quất
ngập mù lá rơi
Ở đây
gió núi mọc mời
Vẫn yêu nắng ấm
khoảng trời riêng em
Giọt cà phê phố
quen thềm
Chưa quên tiếng ngọc
rót mềm vào tai
Tóc dài
xõa nhánh thiên thai
Ru bản thân
giấc ngủ ngày rong chơi
Ơn em!
ơn nửa cuối đời
Sưởi ta đủ ấm
một trời giá đông!....

Chu Thụy Nguyên K24

■ *truyện ngắn*

Vượt Thoát

■ *Ngô Minh Hằng*

Thời gian lúc này với Nhung thật nặng nề chậm chạp. Nhung ngồi yên như thế đã lâu lắm rồi. Trong đám cỏ cao ngập đầu người, nàng cố gắng thu mình cho nhỏ hơn nữa. Nhung nghe rõ tiếng tim đập loạn xạ trong lồng ngực và chân tay nàng lạnh giá. Mùi cỏ mục và mùi bùn hăng hắc thoảng trong sương đêm.

Dưới hai bàn chân trần, Nhung cảm thấy nước và bùn ướt nhẹp. Quái ác hơn nữa, những cơn gió dù rất nhẹ cũng đủ cho đám cỏ gây thành tiếng động làm cho những con cào cào nhảy loạn.

Một chú nhái nhỏ bỗng nhảy đến ngồi ngay trên lưng bàn chân Nhung. Giá phải lúc thường thì Nhung đã nhảy nhồm và la chói lói. Cảm giác lạnh lạnh ươn ướt từ con vật thấm qua da chân làm Nhung càng thêm khiếp đảm. Một cái gì ớn ớn chạy dọc theo chiều xương sống. Nhung rùng mình.

May quá, nhờ cái rùng mình, con vật thấy động hốt hoảng nhảy đi. Tuy vậy, Nhung vẫn cảm thấy còn quá sức căng thẳng. Căng thẳng vì sợ hãi. Nàng sợ hãi không phải chỉ

vì con nhái nhỏ bé kia mà vì đám công an, du kích đang ở cách đó không xa.

Cách nằng chừng nửa cây số, những ánh đèn pin vẫn loang loáng trong đêm. Tiếng gọi nhau, tiếng quát tháo, tiếng chửi thề tục tĩu của đám du kích xã vọng lại từ phía bãi cỏ gần bờ lạch tùy theo chiều gió nên nghe lúc rõ lúc không.

Phía bên mặt của Nhung, anh Long và đứa con trai cũng cố nép mình thật thấp. Nhung đoán chắc họ cũng sợ hãi không kém gì nàng. Phía bên trái, gần Nhung hơn là chị Thanh và Thảo, chị em bạn dì với Nhung. Thảo vai lớn nhưng vì cùng tuổi lại học chung trường nên hai đứa gọi nhau bằng tên từ bé.

Bỗng đâu, trong lúc bất ngờ nhất, một tiếng cười nhỏ vang lên. Sau đó, Nhung nghe chị Thanh rít qua kẽ răng bực bội:

- Cái con này. Lúc này mà mày còn cười được thì tao chịu!

Không có tiếng trả lời nhưng tiếng cười vẫn tiếp tục nổi lên. Đúng ra, không phải là tiếng cười mà chỉ là những tiếng gió đi qua ống mũi nghe "hích hích". Hình như Thảo đã lấy tay bịt cả mũi miệng lại để cố giữ không cho những tiếng "cười" đó bay thoát ra ngoài. Qua tiếng cười của Thảo, dù không biết lý do nhưng Nhung cũng cảm thấy không khí nhẹ đi đôi chút. Không lâu, một mùi xú ối thoảng xông lên. Nhung chợt nhớ mẹ kể rằng chị Thanh phải cái bệnh cứ sợ quá thì chị lại đau bụng đi ngoài. Xưa, hồi mới lấy chồng, chị đến đơn vị thăm anh, chẳng may đêm đó bị VC pháo kích, chị "xón" ra quần. Chị mắc cỡ khóc suốt đêm. Ông chồng đỡ mãi chị cũng không chịu nín. Sáng sớm, chị đòi anh đưa ra bến xe đò chuyển sớm nhất về thẳng nhà mẹ ở đến cả tuần. Từ đó, dù anh Nho bận hành quân mấy tháng không về được, nhớ vợ nhớ con, nhắn chị đi thăm, chị cũng nhất định không đi. Nghĩ đến đây Nhung cũng không nhịn được cười. Nàng vội đưa tay bịt miệng và thấy mình rung cả hai vai. "Ừ nhỉ. Sao lúc này mà mình cười được nhỉ!"

Nhung nghĩ thầm.

Trời vừa xẩm tối là Nhung và Thảo đã từ Sài Gòn đi chuyến xe chót đến nhà ông Cả. Ông Cả làm nghề đánh cá ở Chu Hải từ lâu. Ông khá giả, tốt bụng và hay giúp đỡ người cơ khó nên rất có uy tín với xóm giềng. Ông bà Cả có bảy người con, năm trai, hai gái. Các con ông, tất cả đã thành gia thất và ông có một bầy cháu nội ngoại đến gần hai chục đứa.



Sau biến cố 75, ông nghỉ đi biển. Con ông, ba người con trai, một con rể nối nghề của bố. Mấy năm sau này cứ chờ lúc thuận tiện ông lại tổ chức một chuyến vượt biên cho con cháu ông đi. Không biết do ông may mắn hay giỏi tổ chức mà chuyến nào cũng lọt. Do đó, họ hàng thân quen ông, ai biết chuyện đều gửi gắm con cháu họ. Anh Long, cháu gọi mẹ Nhung là cô, vợ anh là cháu gọi ông Cả bằng bác nên khi mẹ Nhung thấy Long đi, bà nhất định gửi Nhung và chị em Thảo đi theo vì trước đó, Nhung đã bị lừa và đi hụt mấy lần.

Theo sự sắp xếp của ông Cả, chị Thanh đến nhà bà Tư, em gái ông từ sáng hôm qua để "ăn giỗ" ông Tự Anh Long và Mạnh, người con trai lớn mười bảy tuổi của anh thì nằm ở kho chứa lưới và vật dụng phế thải đã hai hôm. Nhung và Thảo mới đến hồi chiều. Chờ cho Nhung và Thảo vào hẳn trong nhà, Ông Cả bảo chị Thêm, người con dâu thứ hai, đưa sang nhà bà Tư bằng cửa sau để chờ nửa đêm lên ghe ngay tại con lạch nhỏ sau nhà.

Con lạch nhỏ này chỉ có những ngày nước lớn ghe mới đi lại được mà phải là loại ghe nhẹ nên bọn công an không nghĩ đó là một khởi điểm tốt cho những cuộc vượt biên do ông Cả tổ chức. Cũng bằng con lạch nhỏ này, chỉ có người

trong xóm như gia đình ông Cả mới dùng làm con đường tắt ra bến, nơi ông neo tàu đánh cá cho gần. Những ngày nước cạn phơi cả lòng đất nứt nẻ, không ai qua lại nên bọn công an và du kích xã không lưu tâm đến.

Cho đến một hôm thấy đám con cháu ông với dầm, bọn công an hỏi, ông bèn mua lòng heo, rượu đế cho chúng ăn uống rồi ông mượn cơ say chửi toáng lên là con cháu ông hư hỏng, chê nghề đánh cá của ông nặng nề tanh tưởi nên bỏ lên Saigon làm du đãng. Ông giận nên không thèm ngó mặt và cũng không thích ai nhắc đến những đứa con, đứa cháu hư hỏng ấy nữa.

Được ăn uống no say, bọn công an phường chẳng tìm hiểu gì thêm nhưng bọn du kích xã thì bắt đầu để ý. Chuyển vượt biên mới đây, ông Cả phải chi cho bọn chúng hai chục cây vàng để chúng lờ đi. Lần này cũng vậy. Lúc này Nhung nghe anh Long nói là ông Cả đang bị hai phe công an và du kích tranh ăn với nhau nên ông phải chi cho cả hai phe. Ấy vậy mà chúng vẫn còn cố bới móc lẫn nhau.

Bữa cơm tối dọn ra vội vã và ai cũng chỉ ăn qua loa. Cô Nhân, con gái bà Tư vừa đọc kinh xong, định đi ngủ thì có người đứng ngoài cửa sổ làm tín hiệu gọi anh Long, bảo rằng tất cả phải đi ra bãi cỏ phía sau nhà mà trốn vì có tin là bọn công an sẽ "kiểm tra hộ khẩu". Thế là tất cả hoảng hốt bỏ cả guốc dép, nối đuôi nhau ra đây. Chỉ còn hai đứa con nhỏ của chị Thanh đang ngủ nên đành để lại trong nhà.

Đột nhiên trong gió, một giọng đàn ông vọng lại làm Nhung trở về thực tại:

- Các đồng chí chỉ nghe tin thất thiệt rồi làm chúng ta phí công vô ích. Hồi chiều này đội tôi đi công tác ở đây có thấy gì đâu. Vả lại, các đồng chí công an ai cũng đề cao đạo đức cách mạng, noi gương Bác mà canh gác kỹ lưỡng thế này thì bọn phản động nào mà dám đưa đầu vào rọ cơ chứ.

- Ấy, đồng chí trưởng ban du kích nói thế thì rất phải nhưng tội nguy nó ghê lắm, phản động lắm. Mình cứ đề cao cảnh giác là hơn. Hồi chiều tôi được nhân dân báo cáo là bọn nó tổ chức đi "tắc xi" từ đây cơ đấy!

Một tên khác xen vào:

- Hay là tụi nó ẩn nấp ở nhà nhân dân đấy. Mình đi kiểm tra xem.

Giọng nói đầu lại ồm ồm:

- Ý kiến của đồng chí Bảy cũng tốt thôi. Nhưng tôi chỉ sợ mất công mà chẳng thu được thắng lợi gì. Mà đi kiểm tra mà không báo cáo công tác thực hiện trước, rồi lại phải làm kiểm điểm vì trễ buổi họp trên xã tối nay đấy.

Nghe đến đây, chị Thanh hoảng hốt thầm thì:

- Thôi chết rồi. Nếu lỡ tụi nó khám nhà bà Tư, thấy mấy đứa nhỏ lạ nằm ngủ mà không có người lớn, nó hỏi, mẹ con bà Tư lúống cuống, nó tuá ra đây thì chết cả đám. Thảo ơi, Nhung ơi, để chị vào với cháu.

Thảo vội vàng:

- Thế lỡ tụi nó hỏi thì chị nói thế nào?

- Chị nói là cho con về nhà bà cô ăn giỗ và đưa giấy phép đi đường chứng minh cho chúng nó là xong chứ gì! Hơn nữa, ông Cả đã lo lót cho thằng trưởng toán rồi. Chắc không đến nỗi nào đâu!

Thảo làm ra vẻ sành đời:

- Ấy, thế mới chết. Nếu thằng này ăn mà thằng kia nhin, chúng nó ganh nhau thì mình mệt.

Nghe chị em Thảo bàn tính và thấy chị Thanh có lý, lại thấy quãng đường từ chỗ núp đến cửa sau nhà bà Tư nếu "đi" theo kiểu "ngồi" thì độ năm bảy phút. Nhưng phụ họa:

- Đúng đấy chị Thanh ạ. Thấy trẻ con lạ mà không thấy bố mẹ là chúng nó nghi ngay, lúc đó, nó ra đây lục soát thì nguy cả đám. Nhất là anh Long. Anh ấy mới đi tù cải tạo về.

"Được lời như cởi tấm lòng" chị Thanh vẫn theo thế ngồi, dùng hai tay vệt nhẹ từng đám cỏ, cẩn thận "đi" về phía nhà bà Tư, Nhung và Thảo hồi hộp nhìn theo dấu chị. Mỗi "bước" chị "đi" qua, đám cỏ lao xao nhưng mau trở về vị trí cũ. Lại cũng may là có gió. Những cơn gió đồng lõa với những tiếng xào xạc của cỏ làm sự di động của chị khó ai nhận biết.

Cỏ lại cao nên chị chỉ "đi" được vài "bước" là đã mất

dấu.Đoạn đường ngắn ngủi nhưng thời gian chờ đợi thì lại thật dài. Sau cùng, Nhung và Thảo cũng nghe được tiếng cửa mở rít lên. Đến lúc ấy, Thảo mới hoàn hồn, cô nhích lại gần Nhung. Hai tiếng thở phào cùng vang lên một lượt.

- Tội nghiệp bà Thanh. Nhung biết không, sợ quá, bà ấy....bà ấy....

Nhung không nói, gật đầu thông cảm.

Chuyến đi ấy ông Cả không mất tay. Nhung chán nản tính bỏ cuộc. Nhưng mỗi lần nhận thư và tiền Lâm gửi về cùng những lời bóng gió giục giã là Nhung lại nôn nả tìm mối này, mối nọ. Liên tiếp trong ba tháng Nhung nhận cả chục lá thư của Lâm làm nàng càng thêm bấn loạn. Nàng thương nhớ Lâm nên rất mong đi được để gặp lại chàng.

Lâm và Nhung yêu nhau từ hồi nàng còn học trung học và được cả hai gia đình chấp thuận. Lâm ra trường khóa Trừ Bị, Thủ Đức được ít tháng và Nhung vừa học xong sư phạm chưa kịp cưới thì mất nước.

Tuy là lính mới, Lâm cũng phải đi tù cải tạo gần hai năm. Đến khi gia đình Lâm chứng đủ bằng chứng quốc tịch Pháp và dứt lốt khá nhiều Lâm mới được thả về.

Lâm theo gia đình xuất ngoại do sự can thiệp đặc biệt của toà đại sứ Pháp ngay sau khi ra tù. Trước khi Lâm đi, họ đã đính hôn. Nếu không vì lập gia đình mà Lâm phải ở lại thì họ đã làm đám cưới. Mẹ Lâm dù thương Nhung nhưng bà lại không muốn con trai bà bị kẹt lại trên mảnh đất có một chế độ quá ư quái gở này. Bà khuyên Lâm nên đi trước rồi tìm đường cho Nhung qua sau vì như thế vẫn dễ hơn. Lâm thấy có lý nên vâng lời mẹ.

Khi đến nơi, Lâm liên lạc ngay với các cơ quan liên hệ. Ở đâu Lâm cũng chỉ được trả lời là chưa có chương trình bảo lãnh cho vợ chưa cưới. Lâm thì chưa đủ điều kiện và thời gian định cư cần thiết để có thể về cưới Nhung mà đem nàng đi được. Hoặc nếu có thì ngày ra đi của Nhung cũng trong vòng chờ đợi và không ai biết là chờ đợi đến bao giờ.

Thấy Lâm buồn, gia đình cũng như bạn bè Lâm bàn với

chàng rằng đề nghị Nhung vượt biên. Bàn đi tính lại, Lâm thấy chỉ có cách ấy là hay hơn cả. Mặc dù nguy hiểm thật nhưng nhiều người làm và đã thành công.

Thế là dự định được thi hành.

Thư và quà ngoại quốc gửi về đều chịu sự kiểm soát rất gắt gao. Có khi Nhung nhận lá thư đã bị bóc ra mà cũng không dám kêu ca gì. Để qua mắt được sự kiểm soát đó, Lâm và Nhung phải viết cho nhau bằng những mật mã đã dặn nhau từ trước và chỉ có hai người mới biết được là họ muốn nói gì.

Đọc thư Lâm, Nhung hiểu là Lâm muốn nàng tìm cách ra đi. Mỗi lần nghĩ đến đi, Nhung lại ngần ngại và xót xa thương cha mẹ. Ông bà Đức chỉ có hai người con, Hùng và Nhung. Như bao thanh niên cùng lứa tuổi, Hùng đang ở trong trại tù của cộng sản. Rã ngũ chạy về, Hùng đem vợ con về nhà cha mẹ. Khi trình diện "học tập cải tạo", chàng thật thà tin tưởng rằng chỉ có mười ngày như lời họ nói. Chàng an ủi vợ:

- Em ạ, mười ngày thôi thì cũng chẳng nhiều nhận gì. Em và con cứ an tâm ở với ba mẹ. Anh về rồi mình tính.

Thế mà gần năm năm vẫn chưa thấy Hùng về. Ông bà Đức thương con, thương dâu, thương đàn cháu ngoan bốn đứa nên đâu ông cứ bạc thêm, mắt bà cứ yếu thêm vì khóc. Chút tiền bạc dành dụm được của những ngày ông làm cán sự ở bệnh viện từ từ biến thành quà thăm nuôi cho con trai, bù đắp cho bà cháu nhỏ. Hạnh, vợ Hùng, dù có giỏi giang tần tảo thì cũng chỉ kiếm thêm rau mắm giữa thời buổi gạo châu củi quế. May mà bà Đức còn khoẻ mạnh, săn sóc được cho lũ trẻ để Hạnh rảnh rang buôn bán. Còn ở nhà, Nhung còn giúp đỡ cha mẹ lo cho bà cháu chút đỉnh, nhưng nếu Nhung đi, bà Đức sẽ mất đi một cánh tay và chắc chắn là sẽ buồn hơn nữa. Nhưng nếu nàng đi được, nàng sẽ có điều kiện giúp cha mẹ và chị dâu được nhiều hơn. Ấy là chưa kể sau này biết đâu nàng chẳng bảo lãnh được cho ông bà Đức. Người ta chẳng vẫn đồn rằng có con cháu đi ngoại quốc là sẽ có cơ hội bảo lãnh cho gia đình, cho cha mẹ là

gì. Cứ như thế, Nhung với trăm ngàn nỗi suy tính thiệt hơn, cộng với sự hồi thúc của Lâm làm Nhung như điên lên được.

Cuối cùng, Nhung cũng vượt khỏi hải phận VN. Qua một đêm lắc lư theo tàu mệt lả, đến trưa hôm sau thì ai cũng ngất ngư. Sóng cấp bốn và mưa như trút. Chủ tàu nói phải ra đi vào lúc thời tiết xấu như thế thì mới có nhiều hy vọng thoát được sự kiểm soát gắt gao của bọn công an biên phòng.



Phải liều mới được!

Phải liều mới được.

Thế mà đúng. Xế chiều hôm sau thì trời ngưng mưa nhưng mây vẫn âm u dày đặc và gió vẫn dữ dằn. Một số đàn

ông hoặc gốc hải quân hoặc đi biển đã quen, ít say sóng hơn nên đã dắt dìu vợ con, anh em lên khỏi hầm tàu. Trên tàu, gần phân nửa là đàn bà trẻ con. Họ nằm ngồi la liệt trong lòng tàu và ói mửa lên nhau. Số người quá say sóng, không lên trên được, nằm lịm trong hầm tàu có cả Nhung.

Ở đây, trong lòng tàu, nước biển, dầu máy, và các thứ từ trong bao tử cho ra trộn lẫn vào nhau thành một thứ nước bầy nhầy, đen ngòm, nồng nặc, hôi hám và dơ bẩn.

Vũng nước ấy giạt dờ xô đẩy nhau theo sự lắc lư nhiều ít của con tàu và đôi lúc chồm tới, phủ lên tóc, lên mặt, thấm vào quần áo những người nằm lại không chút xót thương. Đã thế, những gì có được từ trong bao tử của những người ở phía trên cũng đều cho ra sạch sẽ. Những thứ ấy hoà cùng nước tiểu khai nồng của đám trẻ con đã len qua kẽ ván lòng tàu chảy cả xuống đầu, xuống mặt, xuống quần áo những người ở dưới. Cũng may mà Nhung quá say sóng để không biết thế nào là dơ bẩn, nếu không, trong hoàn cảnh đó, chắc Nhung cũng đến chết đi vì ghê sợ...

Tàu đi được hai đêm một ngày thì sóng bắt đầu êm. Sang ngày thứ ba, bầu trời trong lại. Người trên tàu đã hết ói nhưng nhiều người vẫn nằm im như cá hộp. Nhung cũng đã lên được khỏi hầm. Quần áo Nhung đã khô đổi màu lem

lướt và bần cứng. Mái tóc dài óng ả của Nhung không còn óng ả nữa mà dính bết lại từng chùm. Nhung đưa tay vuốt, nàng có cảm tưởng như chạm phải những sợi dây thừng ẩm. Một chất dính dính bám vào tay làm Nhung thấy ghê ghê, nhờn nhờn.

Nhung không thấy đói, chỉ thấy dã dượi, mệt và khát nước. Mọi người chuyền tay nhau bình nước bằng nhựa và mỗi người chỉ được uống mỗi lần một cái nắp bình đầy và uống ba lần một ngày để cầm chân sự sống.

Đầu óc trống rỗng, mệt mỏi, Nhung ngồi dựa lưng vào thành tàu nhìn ra biển cả. Trước mặt nàng bát ngát một màu xanh.

Nắng buổi sáng rực rỡ long lanh trên mặt nước.

Không có đường chân trời mà biển và trời là một màu xanh hài hoà kỳ diệu. Ở tận cùng tầm mắt, biển và trời như nối liền lại với nhau. Nhung thấy biển quá đổi hiền hòa. Hiền hòa như chưa từng bao giờ có sóng. Biển như một hồ nước mênh mông xanh thắm với mặt hồ gợn sóng lăn tăn. Biển trải lòng ra bao dung ôm lấy con tàu như hai cánh tay mẹ hiền dang ra đón lấy đứa con với vô vàn yêu dấu. Biển nên thơ và trong lành vô tội. Biển thật đầy, thật đẹp. Đẹp như mối tình Nhung dành cho cho Lâm. Nghĩ đến Lâm, Nhung thấy lòng êm hẳn lại.

Lâm ơi, cuối cùng, em đã bỏ hết để ra đi. Em sắp gặp được anh rồi. Nhưng cũng vừa nghĩ đến đây, niềm vui vừa tới đột nhiên biến mất. Nhung chợt thấy lòng mình buồn bã. Ô, thật thế sao? Có phải mình đã thật sự rời khỏi quê hương mình sao? Mình rời xa cha mẹ mình thật rồi sao? Ôi, Mẹ! Một người mẹ hiền hoà cả đời nhẫn nhục hy sinh cho chồng con. Đời mẹ như không có niềm vui riêng và chỉ lấy niềm vui của chồng của con làm niềm vui của mình. Ôi Cha! Một người cha hiền lành, thương yêu gia đình rất mực. Lúc nào cũng tiện tặn phần mình để nhường đồng lương bé nhỏ cho no con, đủ vợ. Ôi những đứa cháu ngoan ngoan dễ thương luôn luôn chạy theo gọi "cô Nhung, cô Nhung...." Ôi, bạn bè, ơi tuổi xanh và ơi kỷ niệm! Nói đến kỷ niệm,

Nhung lại nhớ da diết chiếc bàn học cũ với bao buồn vui của phần đời. Đó là chiếc bàn cũ kỹ kê ở góc phòng từ những ngày còn là học trò cho đến khi là cô giáo. Những buổi tối học thi và lá thơ tình vụng dại đầu đời được Nhung viết viết, xé xé cũng trên chiếc bàn đó. Cũng chiếc bàn đó những lúc Lâm đến thăm, hai người đã ngồi hàng giờ tâm sự. Những chồng vở đem từ trường về cũng được chấm trên đó. Những đêm soạn bài khuya cũng trên bàn đó và những lá thư của Lâm, những bài thơ, những bản nhạc của một thời học trò thơ mộng cũng được xếp gọn gàng trong ngăn kéo đó... Tất cả đã xa thật rồi sao?

Ôi...Việt Nam... Việt Nam, một mảnh đất thân yêu nhưng cũng đầy đau khổ. Đến bao giờ... có bao giờ mình được trở lại quê hương tội nghiệp của mình không? Ngôi trường với khuôn sân rộng và bốn cây phượng đầy hoa đỏ ở bốn góc sân mỗi độ vào hè.... hình ảnh và khuôn mặt từng đưa học trò xinh xắn, dễ thương cứ chờn vờn trong trí tưởng... Nhưng cứ tự hỏi rằng mình đã xa đất nước thật rồi sao và như thế từ đây, có phải tất cả chỉ còn là dĩ vãng?

Hỏi mà không dám trả lời. Đôi mắt Nhung cay sè. Cơn đau ập đến và Nhung thấy lòng mình xót xa chìm đắm vào nỗi tiếc thương. Bất chợt, nàng nghĩ đến mấy câu thơ:

*Ngoài nhìn quê cũ lòng đau
Bao hải lý, bấy nhiêu sầu, nước ơi
Mênh mông những biển cùng trời
Một ranh trời biển chia đôi muôn trùng...
Người bên ấy nhớ ta không???
Riêng ta vẫn một tấm lòng nhớ thương....*

Ba ơi, Mẹ ơi, phượng ấy ba mẹ có nhớ con không? Còn con, con nhớ ba mẹ lắm. Cu Bi, cu Tèo, bé Nhè, bé Mũm ơi, cô nhớ các bé quá. Chị Hạnh ơi, em nhớ chị. Chị về làm dâu ba mẹ thì em mới bắt đầu học lớp Đệ Lục. Chúng ta là chị dâu em chồng mà thương nhau như chị em ruột. Chị có nhớ những lần em nấu canh mặn, cơm khô bị mẹ trách, chị nhận cho em không? Chị có nhớ lúc em mới quen Lâm, ba bảo em còn nhỏ, cấm em nghiêm ngặt. Nhớ Lâm quá em

buồn ngơ ngẩn. Chị tội nghiệp, nhấn Lâm đến nhà bạn chị và xin phép ba mẹ cho em đi chơi với chị để em gặp Lâm không? Ôi... bao giờ... bao giờ em mới lại về. Bao giờ gia đình ta mới lại đoàn tụ như xưa...

Mặc cho những giọt lệ theo nhau tràn xuống má, Nhung thấy mặn ở môi nhưng không buồn lau nước mắt. Chưa lúc nào Nhung thấy bơ vơ, nhỏ bé và bất lực như lúc này. Nàng cảm thấy một mát mát quá lớn lao và lòng tràn đầy đau khổ. Giá của hai chữ Tự Do quá lớn. Nàng phải đánh đổi bằng cả tình thương yêu và sự đoàn tụ của một gia đình.

Biển xanh vẫn đẹp nhưng nàng không còn cảm thấy vẻ đẹp của nó nữa mà nàng cảm thấy một nỗi tức giận trào dâng. Nàng giận cho chế độ tham tàn để Lâm và nàng phải ra đi... Nàng giận luôn cả biển. Giận bọn người dã man làm đất nước đau thương thì nàng hiểu được nhưng giận biển thì thật là phi lý. Nàng biết mình vô lý nhưng không thể phân tích. Ừ, đúng rồi. Cũng biển. Biển đã đưa mình đi xa để không còn được ở bên những người yêu dấu. Biển đã chôn sống biết bao người dân Việt Nam vô tội. Biển làm bộ hiền lành để che giấu những cuồng nộ của sóng gió thê lương. Biển giả dối lắm. Giả dối như những con người từng khoe là nhân đạo, từng khoe là chiến thắng. Họ chiến thắng gì và chiến thắng ở đâu? Ừ, thì cứ cho là họ chiến thắng như họ khoe đi nữa nhưng thật sự trong tình cảm và lý trí người dân trên mảnh đất bị họ chiếm đoạt kia, họ hoàn toàn thất bại. Nếu không, sao bao người phải bỏ họ mà đi? Bởi họ, chính họ... Họ chứ không phải biển. Họ là nguyên nhân của sự chia lìa. Họ là nguyên nhân của những cái chết đau thương tức tưởi.

Càng nghĩ, Nhung càng cảm thấy nỗi đau lớn quá. Bên cạnh nỗi nhớ thương cha mẹ, ý nghĩ về những kỷ niệm thân yêu bỗng chốc trở thành quá khứ làm Nhung như người bị rơi vào khoảng chân không. Dù có chuẩn bị tinh thần cách nào đi nữa, Nhung cũng vẫn không thể chấp nhận mau chóng một đổi thay mát mát to lớn quá trong đời. Bây giờ, Nhung mới hiểu rằng tại sao lúc trước nhiều người đã bước



Thuyền nhân được cứu thoát - ảnh Getty

xuống tàu rồi
mà bỏ cuộc.
Rằng tại sao
ngày 30/4 có
những con tàu
đã ra đến hải
phận quốc tế
mà sau đó lại
trở lại nơi họ
nhổ neo. Và
chính Nhung,
nàng đã mất

bao nhiêu tiền bạc, công sức để chỉ mong cuộc vượt trốn thành công. Nay, những giờ phút kinh hoàng nguy hiểm đã qua và con tàu đang tiến về miền đất hứa thì cơ sao lòng nàng lại không vui? Nhung sắp gặp lại Lâm rồi mà. Trước khi đi, Nhung vẽ cho mình bao nhiêu là hình ảnh mộng mơ hạnh phúc khi vượt thoát. Chẳng phải là Nhung từng ước mong được Lâm ôm gọn lấy bằng hai cánh tay thương yêu của chàng và Nhung sẽ khóc trong lòng chàng cho thỏa niềm thương nhớ đó sao? Chẳng phải là ai cũng thành công khi ôm mộng ra đi, bởi đi như thế cái chết rình rập và đến với họ bất cứ lúc nào. Bây giờ Nhung ngồi đây, trên thành tàu và con tàu đang hướng về vùng trời bình an mà sao nàng lại thấm buồn? Những ý nghĩ miên man mâu thuẫn cứ thi nhau chiếm trọn tâm hồn Nhung. Nghĩ đến sự tàn bạo của những con người CS, Nhung lại thấm cảm ơn Thượng Đế đã đưa con tàu ra khỏi hải phận Việt nam, đã đưa nàng rời xa quê hương khốn khổ. Niềm vui dù to lớn thật nhưng vẫn không đủ làm tan đi bao xúc cảm buồn đau của kẻ phải rời bỏ những gì thân yêu nhất. Chưa bao giờ Nhung thấy thấm thía về ý nghĩa của hai chữ QUÊ HƯƠNG như lúc này. Cũng như gia đình, quê hương là một thực thể hiện hữu mà ai cũng có từ lúc chào đời. Vì thế, những hình ảnh gia đình, quê hương đã thấm vào dòng máu, hòa tan trong hơi thở và gắn bó với đời sống và tâm hồn. Có xa quê mới

thấy quê hương là một nơi chốn con người đặt những tình cảm thiêng liêng và thương nhớ khôn nguôi. Bởi thế nên qua bao nhiêu thế hệ, các bậc anh hùng liệt nữ trong lịch sử VN đã chẳng ngại ngần hy sinh cả mạng sống mình cho quê hương đó sao. Thế mà từ nay, với Nhung, quê hương chỉ còn trong trí nhớ vì đã xa cách ngàn trùng. Nhung biết là mình đã có cái may vượt thoát khỏi gông cùm cộng sản. Đúng. Trên một phương diện nào đó và chỉ ở một phương diện nào đó thôi, nàng đã vượt thoát. Nhưng cùng một lúc, nàng chìm đắm và không thể vượt thoát được sự tù đày của dần vật nhớ thương.

Một vệt sóng dài nối cái đuôi tàu với miền xa tấp rồi chìm trên mặt biển. Nhung nhìn theo vệt sóng. Cuối vệt sóng đó là quê hương.

Quê hương mỗi lúc một xa và mịt mù trong màu xanh của trời, của biển. Lòng ngổn ngang mâu thuẫn, Nhung thấy xót xa thương những người không may mắn còn ở lại và thương cả kẻ may mắn đã ra đi. Càng nghĩ, càng buồn. Nhung ngồi dựa lưng vào thành tàu bất động, hai cánh tay vòng lại ôm lấy hai đầu gối như cố giữ lại chút hình ảnh cuối cùng. Nàng vẫn nhìn thẳng nhưng không còn thấy rõ màu tươi xanh của biển trời rục rỡ.

Mắt Nhung lại mờ đi. Hình như những dòng nước mắt lại âm thầm chảy dài trên má và Nhung lại cảm thấy mằn mằn ở một góc môi.

Ngô Minh Hằng



Hoa Tư Tưởng

*I find hope in the darkest of days, and focus in the brightest.
I do not judge the universe.*

Dalai Lama

Đường Khổ Anh Đi Mới Nửa Chừng...!!

■ Nguyễn Minh Thanh K22



* Xót xa tưởng niệm: Đoàn Văn Xường
Võ Văn Xương
Và...

Đôi núi chập chùng mút mắt trông
Ngu ngơ khốn khổ lũ chim lồng
Dã ba đồng cảnh lai rai chết
Lả tả... lá rơi rừng mũi lòng...!!
 Ví biết đời ra nông nổi nầy
 Thà nơi trận địa được tan thân
 Máu xương vung vãi ươm mầu đất
 Hồn phách chan hòa với cỏ cây
Mạt lộ khóc anh hùng tử lộ
Từng xem cái chết tựa lông hồng
Núi sông bồi đắp lòng hăm hở
Thương dã tràng xe cát biển Đông...!!

Thân gầy lá úa chừ nằm đây
Hiu quạnh tứ bề núi bủa vây
Đêm lạnh sao khuya soi mộ lạnh
Trời Nam thân quyến nào ai hay..!!
Chong đèn thiếu phụ giữa đêm sâu
Đối bóng nhìn con dạ thảm sầu
Vàng võ mong chồng ngày trở lại
Đâu ngờ chàng đã hoá xanh dâu..!!
Mẹ già còm cõi nhớ thương con
Đôi mắt đăm chiêu dấu mỗi mòn
Tắm cá mịt mờ ngoài biển Bắc
Bọt bèo ruột héo dạ thon von..!!
Vườn xưa Sứ trắng dịu dàng hương
Giặc đến ly tan vạn nẻo đường
Hoa Sứ chờ ai hoa hóa đá
Trên đồi hiu quạnh đếm tà dương..!!
Gió hú nghẹn ngào thổi thở than
Một manh chiếu rách bó thân tàn
Hỡi ơi chiến sĩ thành tù sĩ
Tù sĩ cam đành cảnh chết oan..!!
Khoảnh đất đìu hiu dăm mộ lạnh
Chẳng ai chăm sóc hoặc tìm thăm
Tù nhân qua lại thềm ngao ngán
Xót bạn, lo mình cũng... tối tăm..!!
Bất Cô Trói Cột giọng thê lương
Chim cửa rừng xanh cảm động đường
Thương tiếc hùm thiêng nhiều hệ lụy
Xót đời binh bại ngập tai ương..!!
Lìa Nam vào độ mùa trăng úa
Lặng lẽ âm thầm những bóng ma
Súng chĩa lưỡi lê ghìm tủa tủa
Cai tù hai phía bấm đèn pha
Thăm thẳm đêm đen áp xuống tàu
Tàu hàng hầm rộng sàn trên cao
Mấy trăm lúc nhúc tù dờ dáy
Chẳng thấy ánh đèn chẳng thấy sao

Lên đên trên biển những đêm ngày
Miền Bắc đến rồi thê thảm thay
Tàu hỏa chèn lên vào xó núi
Chên vên vách đá ngút ngàn cây
 Đốn tre đẵn gỗ tận truông rừng
 Ì ạch khiêng về dựng lán lun
 Ta lại rào ta hàng mấy lớp
 Nửa vầu kèm cặp chắc vô cùng
Phá rừng cuốc đất đắp giồng khoai
Trồng bắp, đậu xanh... ngày tiếp ngày
Trời nắng chang chang người hốc hác
Thân hình gầy rạc gió nghiêng lay
 Heo may lạnh lạnh lá Thu rơi
 Đất Bắc thương mây tận cuối trời
 Cá chậu bâng khuâng dòng nước cũ
 Miền Nam nổi nhớ thuở nào vui...!!
Ăn uống rất ròn khoai với sắn
Vài thìa nước muối chấm cầm hơi
Đêm Đông gậm nhấm niêm cay đắng
Lạnh thấu tủy xương lạnh thấu trời...!!
 Sương trắng rừng sâu đắp mái đầu
 Mồ hôi nhễ nhại đọng bờ râu
 Một bầy lếch thếch như hành khất
 Chầm đắp trên lưng áo dãi dầu
Đau ốm chẳng hề có thuốc thang
Xuyên Tâm Liên mấy thứ làng nhàng
Rùa leo lên dốc qua ngày tháng
Lây lất dật dờ lấm chết oan...!!
 Đói quá có người ăn củ lạ
 Tưởng rằng đỡ dạ đợi ngày qua
 Ngờ đâu ngộ độc thân tàn tạ
 Hấp hối trong mơ nhớ mái nhà...!!
Trốn trại rủ nhau chuyện vượt rừng
Chim lồng trời rộng mắt rừng rừng
Hơi ôi sập bẫy... ra thiên cổ
Đường khổ anh đi mới nửa chừng...!!

Hỡi những hồn oan nương gió mây
Về Nam cố lý để xum vầy
Hỡi ơi chiến địa sao không chết
Hùm lại sa cơ ở chốn này...!!
Mạt lộ khóc anh hùng tử lộ
Súng gươm nón sắt dẹt giầy sô
Xông pha trận mạc như đi chợ
Chết dấp... nằm đây hận xuống mồ...!!
Thanh Chương đất khách vùi xương cốt
Nghiệt ngã trời ơi chế độ tù
Gương nước chau mày nhìn thế sự
Ôm buồn Sông Cả chảy thiên thu...!!
Lơ lửng tầng mây hồn tử sĩ
Nỗi niềm u uất dễ gì nguôi
Cố hương diêu vợi đường thiên lý
Biền biệt người thân... núi ngậm ngùi...!!
Vẫn biết rằng sinh ký tử qui
Thương người côی cút buổi ra đi
Âm thầm chiếc lá khô rơi rụng
Nắm mộ bơ vơ thảm cực kỳ...!!
Cõi thế gập ghềnh bước nhục vinh
Bụi trần giữ sạch kiếp phù sinh
Nguyện cầu an lạc nơi tiên giới
U, hiển còn nhau một chút tình...!!

Đoàn Văn Xường K22, trốn trại, bị VC bắt và đánh cho đến chết, trại tù Thanh Chương, Nghệ An !!! (tin KCC)

Võ Văn Xương K22, trốn trại, bị VC bắt hành hạ, biệt giam cho đến chết !!! (tin KCC)

Bắt Cô Trói Cột: Họ cu cu, lớn hơn chim cu một chút, mắt đen, viền mắt lục xám, mỏ đen nâu, lưng nâu; ngực, bụng xám trắng có vằn đen, chân vàng, đuôi dài. Tiếng kêu vang dội u oán cả khu rừng. Chúng nhiều ở vùng cao Việt Bắc, Lào Cai, Hoàng Liên Sơn...

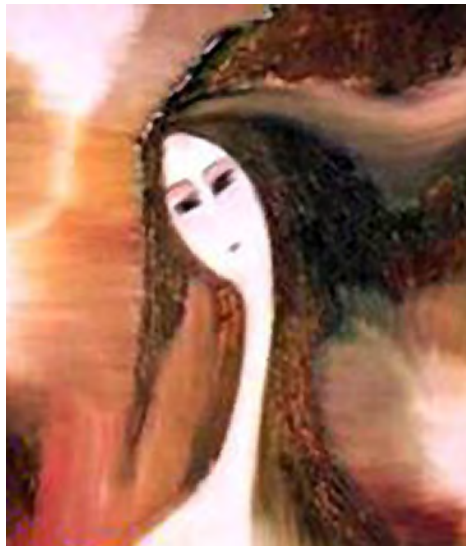
■ truyện ngắn

Bóng Ma Trên Đồi

■ Phạm Phong Dinh

(Cảm tác từ câu chuyện có thật ở An Lộc, các chiến sĩ Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù đã cứu sống hai em bé gái, Mùa Hè Đỏ Lửa 1972)

Hậu hớ n
hở từ trên
chiếc xe
đò xách chiếc ba lô
cũ sờn nháy xuống.
Chàng đưa mắt nhìn
quanh tìm kiếm những
hình ảnh thân quen
của thị trấn mà chàng
đã từ giã nó từ mấy
mùa thu năm trước.
Hậu mong sẽ được
thấy lại con đường
nhựa với hai hàng cây
phượng vĩ hoa nở đỏ



ối, những cánh hoa mỏng mảnh rơi lả tả theo gió trải đầy
lối đi vào cổng ngôi trường, mà ở đó chàng đã từng đứng
chôn chân chờ đợi một tà áo trắng. Hậu cứ đứng đó mãi
hoài, không dám tỏ lời tình, bọn con gái bám nhau cười
khúc khích đùn đẩy nhau trên ghẹo anh chàng học trò có
khuôn mặt ngô nghê si dại, chẳng học giỏi, không đẹp mã,

không cả một chiếc xe đạp cho ra hồn mà dám tơ tưởng đến nàng hoa khôi con nhà giàu của trường. Tiếng cười dòn như tiếng chim hát của nàng vang vọng trong khoảng trời đầu thu dịu mát, Hậu ngơ ngẩn nhìn theo mảnh áo trắng và mái tóc đen nhánh của nàng bay cuốn theo chiều gió, chiếc Honda phóng vút xa dần trên con đường thênh thang. Đó là hình ảnh cuối cùng của mối tình câm mà Hậu khắc sâu vào lòng, trước khi già từ phố phường dẫn mình vào cơn lửa đỏ của chiến tranh.

Nhưng lạ chưa kia, rõ ràng là Hậu đã về đến thành phố nơi chàng sinh ra và lớn lên, trong túi áo Hậu còn cồm cộm tờ giấy phép, mà sao quanh chàng chỉ toàn là trùng điệp hàng hàng lớp lớp cây cao su. Bóng tối đen thẫm vây lấy Hậu. Hậu ngơ ngác không tin là mình vẫn còn đang ở trong cánh rừng, giữa mặt trận mà chàng mới vừa được phép ra đi. Những cây cao su cao, to vươn những cành nhánh xám khoằm khoằm như những cánh tay ma quái. Từng cơn gió từ trên ngọn đồi thấp đùa xuống, thân cây nghiêng ngả xào xạc, chúng vụn vụn và rít lên những âm thanh kèn kẹt. Bất chợt Hậu thấy ớn lạnh. Chàng rùng mình nhìn trừng trừng vào cánh rừng cao su đen đặc, dường như, trời ơi, chàng nghe có những chuỗi tiếng kêu rên ảo não hòa cùng tiếng gió hú từ trên đồi cao. Một luồng gai lạnh chạy dọc theo sống lưng Hậu. Ma. Bọn bạn chàng đã chẳng từng quả quyết rằng ở chung quanh đây ma như rươi, hễ đêm xuống là ma hiện lên. Ma dân có, ma lính có. Những hồn oan tức uất chưa siêu thoát, vẫn còn quấy luyến cõi thế gian và căm hờn đi tìm những người đã biến họ thành những cái bóng vất vưởng thiên thu. Bỗng có tiếng cú rúc dài ghê rợn từ trên chòm cây ven rừng, Hậu giật mình lùi lại, trái tim chàng đập loạn xạ như muốn nhảy vọt ra ngoài.

Một cơn gió mạnh đùa tới, cành cây oặt oại kêu rảng rặc, chúng cúi xuống thấp hơn nữa như muốn túm lấy người lính. Hậu kinh khiếp cất tiếng kêu cứu, nhưng từ cổ họng chàng chỉ phóng ra những tràng âm thanh đéct đặc và mất hút vào cõi đêm. Rồi Hậu thấy, từ trên đỉnh đồi, một cái

bóng trắng mỏng mảnh như sương như khói đập cánh lướt trên rừng cao su bay về phía chàng. Hậu co giò toan chạy, nhưng đôi chân chàng như đã bị dính chặt xuống mặt đường và nặng chình chịch như đeo đá. Hậu cố rút chân lên, nhưng càng rút nó càng lún sâu vào lòng đất. Mẹ ơi, con ma nó đã bay tới rồi, Hậu trợn trừng mắt sững sờ và kinh hoàng nhìn thấy khuôn mặt một cô gái đẹp nhưng làn da tái nhợt như một tờ giấy trắng, đôi mắt nàng trong và sâu thẳm như cặp mắt mèo hoang ánh những tia âm khí ghê rợn. Chiếc áo trắng của con ma lơ lửng trên đầu người lính. Hậu ú ớ, khẳng khặc kêu không thành tiếng. Chàng đã trông thấy con ma chỉ có một nửa thân, phía bụng dưới của nó chỉ là những mảnh vải tối tả đầm đầy máu đỏ. Hai cánh tay dài ngoằng với hai bàn tay trắng muốt của nàng vươn về phía Hậu, dường như muốn phân tỏ điều gì. Những sợi tóc trên đầu Hậu dựng đứng lên như một chùm rễ tre. Chàng sợ. Một luồng sức mạnh bỗng đâu hiện đến nhắc đôi bàn chân Hậu lên và đẩy chàng chạy về phía bên kia đường. Hậu thấy mình chới với lướt trên mặt đất bằng những động tác dật dờ như trong một cuốn phim quay chậm. Nhưng con ma đã kêu hú lên một tiếng thê thiết, cánh tay của nó bỗng kéo dài ra như một sợi dây thừng túm lấy bắp chân Hậu. Hậu dẫy dụa và gào lên:

- Buông tôi ra, buông ra...

Nhưng chàng càng kêu bao nhiêu thì con ma càng bấu mạnh năm ngón tay lạnh băng của nó vào sâu hơn trong da thịt. Trong cơn kinh hoàng mà Hậu còn nhìn thấy từ đôi mắt buồn thẳm thẳm của nó ứa ra mấy giọt lệ trong như những viên ngọc, rồi bỗng chúng vỡ tan ra thành những hạt máu đỏ thẫm chảy đầm đìa trên đôi má. Bàn tay của nó bóp mạnh chân chàng và lúc lắc dữ dội. Hậu cố sức đấm mạnh vào mặt con ma, chàng nghe một tiếng bốp vang dội, làm con ma ngoác miệng kêu lên:

- Úi cha...

Hậu mở choàng mắt ra ngơ ngác nhìn lên. Một cái bóng đen đang ngồi ôm má nhả nhổ, cánh tay của nó vẫn còn

đang nắm lấy ống quần của chàng. Hậu nghe con ma rên rĩ:
- Ông thầy chơi đàn em hả, đau bỏ mẹ. Ông thầy ngủ
thấy cái gì mà la dữ vậy?

Hậu chống tay ngồi dậy nhìn. Bỗng chàng không thể không bật tiếng cười phì. Hóa ra con ma níu cẳng chàng là thằng binh nhì Lém. Hậu đã qua một cơn mộng dài kỳ lạ. Chẳng có đi phép, chẳng có về đến thị trấn thân thương, cũng không con đường hoa phượng vĩ. Hậu đã nằm ở giữa rừng cao su mơ về cõi quê nhà đã quá xa. Nhưng đôi mắt nào nùng của con ma trên đôi vẫn còn đây áp trong đầu chàng. Hậu lẩm bẩm:

- Tao thấy ma!

Lém cười khục khục:

- Ma cái phải không ông thầy?

Hậu lạ lùng:

- Sao mà biết?

- Chung quanh đây ma cái thiếu gì ông thầy, em thấy
tụi nó hoài!

- Thấy cái gì?

- Ma gái, ma bà già, ông già, con nít...

Hậu lắc đầu rùng mình:

- Ma đâu mà nhiều vậy?

Lém thở dài:

- Dân chết nhiều quá mà ông thầy... chết oan, chết ức...

Lém ngồi xích lại gần Hậu hóm hỉnh hỏi:

- Con ma của ông thầy chắc đẹp lắm hả, đẹp trai hào
hoa như ông thầy thì phải là thứ ma nữ đa tình mới xứng.

- Nói tầm phào, đưa tao cái đèn pin.

- Ông thầy đi đâu vậy?

- Đi theo tao thăm mấy thằng gác.

Hai thầy trò lom khom đi dưới giao thông hào lẩn mò ra phía trước. Hậu nhìn qua phía bên kia đường, cánh rừng cao su đang xào xạc cành lá theo từng cơn gió. Trời nửa khuya sương xuống lạnh. Cối đêm huyền hoặc và bí ẩn trong màn sương lãng đãng. Người lính gác co mình nép vào thành đất xoa hai bàn tay vào nhau rồi đắp lên đôi gò má đen nhẻm

của anh để tìm chút hơi ấm. Hậu bắt giác nhìn lên hướng đỉnh đồi hỏi bằng giọng:

- Thấy gì không thằng em?

Chàng chợt nhận thấy câu hỏi của mình thật ngốc. Nếu thấy có gì thì nó đã phớt mấy phát báo động rồi. Nhưng người lính đã dáo dác nhìn quanh thì thào:

- Ông thầy tin có ma không?

Hậu ngẩn ngơ nhìn vào đôi mắt hiền lành của người lính. Cũng chuyện ma nữa. Người lính chỉ tay vào cánh rừng bên kia đường run run:

- Em mới vừa thấy một lũ ma trong rừng kéo nhau ra đi trên đường kêu khóc thảm lắm ông thầy, con ma nào cũng mang khăn tang trên đầu, mình mẩy máu me tím lúm, người cụt tay, người cụt chân...

- Mầy có sợ không?

Người lính lè lưỡi:

- Sợ té đái trong quần, may mà ông thầy ra tới, tụi nó biến hết, chắc vía ông thầy nặng!

Hậu cười phì:

- Nhẹ hều thì có, gặp ma tao cũng phọt ra như tụi mầy vậy thôi.

Lém thì thào:

- Mấy đêm trước em nằm ngủ thấy mấy thằng lính bộ binh nhào vô trong cái hố cá nhân với em. Tụi nó nói ở ngoài rừng lạnh quá, vô nằm chung cho ấm!

Nét mặt sợ sệt của hai người lính làm cho Hậu cũng cảm thấy càng lúc càng lạnh căng thực sự. Đánh giặc và đối đầu với quân thù Hậu không sợ, nhưng ba cái chuyện ma, mà là ma trên chiến trường đã làm những người lính trận chuyên nghiệp như bọn chàng lạnh từ chân lên tới đỉnh đầu. Hậu còn nhớ rõ hồi xưa nghe ông bà kể chuyện ma ném đá lên nóc nhà, ma nhét đất sét vô miệng con nít rồi giấu trong mấy bụi tre gai, thằng nhỏ đã nhảy thót vào giữa đám con nít đang co rúm người lại. Ông ngoại vuốt râu cười khà khà ôm lũ cháu vào lòng.

Hậu lại đưa mắt nhìn lên đồi. Không hiểu sao, khôn

mặt trắng bệch ma quái nhưng đẹp như trong tranh tố nữ của nàng vẫn còn ám ảnh Hậu quá đỗi. Từ trái tim chàng dậy lên một nỗi xốn xang bồi hồi đến khôn cùng. Chàng không sao dứt được đôi mắt trong veo chất chứa những nỗi đau buồn thảm thương nào đó. Hay nàng cũng là một trong những hồn oan trong đám ma rừng vẫn còn vất vưởng kêu khóc hằng đêm, trên một chiến trường thảm khốc mà có lúc xác quân và dân đã cùng nằm chung trong những cái hố tập thể đào vội dưới những những cơn bão pháo kinh khủng của giặc. Người lính hướng tia mắt theo với Hậu, bỗng anh ta ú ớ lập bập nói không không thành tiếng:

- Ông... ông... thầy, con ma... trên... trên... đồ...

Lém cũng quíu lưỡi:

- Con... con... ma... cái...

Từ trên ngọn đồi, cái bóng trắng nửa thân đẫm máu quen thuộc mà Hậu vừa gặp gỡ trong cơn mộng đang bay là đà từ trên đỉnh đồi xuống. Như vậy con ma nữ này có thật chứ không phải trong mộng mị gì hết. Mái tóc đen của nàng ẩn hiện trong cội sương mù trắng đục như sữa xỏa tung tóe bởi trong gió. Máu như đặc cứng thành những khối đá lạnh giá trong từng tế bào của thân thể chàng, Hậu sững sờ nhìn vào đôi mắt ứa đầy lệ và máu của nàng. “Nó” nhìn Hậu bằng một ánh mắt tha thiết như muốn nói riêng một điều gì đó với chàng. Con ma bay lơ lửng giữa triền dốc, một cánh tay của nàng buông thõng xuống, dường như bàn tay đang chỉ xuống chân đồi. Thật kỳ lạ, bóng ma cứ bay lên bay xuống một chỗ. Nó muốn chuyển đến Hậu một dấu hiệu khẩn thiết nào đó mà sự ngăn cách nghiệt ngã giữa một hồn ma và một con người sống trên dương gian đã không bắt cho nó một nhịp cầu giao cảm nào với chàng được. Một lúc sau, cái bóng trắng tan biến vào cội đen thẫm của cánh rừng cao su.

Câu chuyện con ma hiện trên đồi đã mờ nhạt đi trong ngày hôm sau khi Hậu phải dẫn lính đi xa. Đi ra khỏi cánh rừng cao su, Hậu được ngủ một đêm an lành. Nói ngủ thì thật quá đáng đối với những người lính đang đối diện từng

phút giây với cái chết trên một chiến trường khắc nghiệt. Chỉ dựa lưng vào cái vách đất lạnh lẽo của chiếc hố cá nhân mỗi đêm chừng một hay hai tiếng đồng hồ là cũng đã hạnh phúc quá đỗi, gọi là đã được ngủ. Thật tội nghiệp binh nhì Lém, nó cứ nài nỉ mãi:

- Ông thầy cứ ngủ đi, để em coi chừng cho. Ông thầy có yên giấc thì tụi em mới an lòng...

Hậu ngạc nhiên hỏi lại:

- Tại sao tao ngủ mà mấy thằng em mày lại vui chứ hả?

Lém gãi đầu cười hiền hậu:

- Có ngủ thì thức dậy ông thầy mới tỉnh táo. Có tỉnh táo thì ông thầy mới đánh thắng tụi nó và tụi em mới được sống!

Hậu rưng rưng nắm lấy bàn tay to lớn và thô ráp của người lính. Ôi, tấm lòng chơn chất của những người lính như Lém cao cả quá. Những người lính như Lém là thành phần nằm tận đáy bậc thang xã hội, gánh gồng trên đôi vai nhỏ gầy những cay đắng cùng cực mà họ vẫn không hề một lời thở than. Phía trước là quân giặc hung dữ, đằng sau lưng là vợ con, cha mẹ đói kém ngày đêm trông chờ khắc khoải, trên đầu là lưỡi hái của sự chết. Vậy mà những người lính đó vẫn cứ mãi triền miên xông vào những cõi chiến trường đỏ lửa, tận lực ngăn chống những cơn phong ba tàn bạo, không tiếc máu xương, không nề hà chuyện tử sinh, không mơ mộng dựng xây binh nghiệp vinh quang. Họ chỉ có mỗi một ước mơ thật giản dị là có một ngày đất nước yên bình, để được trở về với con trâu, cái cày và cùng sống với vợ con dưới mái lá hạnh phúc. Ước mơ nhỏ bé đó đã càng lúc càng xa vời và trở nên thành một thứ ảo vọng xa xỉ không bao giờ có, khi cường độ chiến tranh càng lúc càng lên cao, giống như thổi sắt bị nung đỏ lên trong lò lửa, cứ nóng mãi lên cho đến lúc nó tan chảy ra thành thứ chất lỏng hực sáng.

Ngày hôm sau bọn Hậu đi qua một cái ấp nhỏ đìu hiu và hoang tàn. Không còn ai ở trong đó nữa hết. Có lẽ người dân đã bỏ chạy cả rồi. Lém nhặt được ở đâu đó một cái khung ảnh đưa cho Hậu xem. Bỗng Hậu tái mặt, chàng lão

đảo tựa lưng vào cái vách của một căn nhà lá bên đường. Đằng sau tấm kiếng là hình của một cô gái trẻ đang tươi cười ôm trong lòng hai đứa em nhỏ. Trái tim Hậu chùng xuống rên rỉ. Chính là nàng. Là con ma trên ngọn đồi giữa rừng cao su. Có phải cô gái trong tấm hình này đã chết và đã biến thành cái bóng trắng bay ảo não trên đồi đó không? Hậu thần thờ lật phía sau tấm hình. Một hàng chữ mực màu xanh đã hơi mờ nhạt, có lẽ vì bị mưa gió vùi dập: “*Tú Nga và hai em Tú Quỳnh, Tú Minh. Mùa xuân năm 1972*”. Có phải là hồn oan của nàng vẫn còn cố đeo đuổi bước chân Hậu, xui khiến chàng nhận được tấm hình này, chắc là để nhấn nhủ một điều gì tha thiết lắm. Hai đứa bé này bây giờ đã phiêu dạt ở phương nào. Chúng nó còn sống hay cũng đã vùi thân dưới đất lạnh, cùng cam chịu làm kiếp ma hoang như người chị của chúng?

Khi bọn Hậu được lệnh rút trở về đóng quân ở một vị trí rất gần ngọn đồi ma thì Hậu chợt nhận biết có một niềm vui nhỏ đang xôn xao cuộn sóng lên trong lòng chàng. Hậu biết chắc thế nào cô gái có đôi mắt nâu nùng ấy sẽ bay đến với chàng, hoặc sẽ hiện ra trong một cơn mộng. Chàng bỗng nhiên không còn chút nào sợ hãi chiếc áo trắng mỏng như sương khói của nàng nữa. Hậu đếm từng giây phút, chàng cứ nhìn mãi hoài chiếc đĩa mặt trời trên bầu trời trong xanh, chàng muốn nó mau chìm mất sau dãy cây rừng xanh và trả đêm đen lại cho chàng. Để Hậu tái ngộ với con ma kiều diễm ấy. Cái khung ảnh của Tú Nga, Hậu đã khéo giấu kín trong tận đáy ba lô của chàng. Có lẽ là chàng đã mê mẩn, đã chìm đắm vào một mối tình huyền hoặc đầy chất liêu trai Bồ Tùng Linh mất rồi. Chàng đã để cho mình lạc vào thế giới của một mối tình cam đơn phương khác, mà lần này là với một con ma chưa hề quen biết.

Từ phía chân trời xa bỗng có tiếng đập phành phạch của những chiếc cánh quạt trực thăng. Bọn Hậu đứng dưới hố che tay nhìn lên. Người lính truyền tin chạy đến trao cái ống nói cho chàng. Hậu nghe ông xếp của mình thông báo:

- Chuẩn bị đón tiếp “mặt trời lớn”, tin vui... tin vui cho

tụi mày... Có kèm theo em gái hậu phương nữa, tha hồ mà sướng nhé.

Hậu thấy không sướng tí nào. Nếu cắt phần trước, thì đúng là sướng với nửa phần sau. Nhưng cái này là “mặt trời lớn”, là “ổng” xuống đó. Nghe có ổng xuống bọn lính cuống lên chạy lảng xảng như những con vịt đẹt. Những người lính vô danh ở cái tiền đồn nhỏ bé này mà cũng có vinh dự được ổng để ý tới nữa sao. Niềm vui chợt đến đó làm bọn lính của Hậu bối rối quá đỗi. Suốt cuộc đời đánh giặc họ chưa từng bao giờ dám mơ ước có một ngày được thăm viếng, mà là “ổng”. Nghe nói có em gái hậu phương, bọn lính nhìn nhau cười như mếu. Thằng nào thằng nấy quần áo rách bươm, có thằng lòi cả đít.

Một hợp đoàn trực thăng hùng hậu là đà bay sát đầu ngọn cao su, vùn vủ trên đám cỏ tranh mà Hậu đã rải lính giữ an ninh cho ông mặt trời, là cái ông lớn nhất nước cứ phải chơi sao. Bọn lính an ninh súng ống đầy mình trên máy bay nhảy tóa ra làm vòng đai bảo vệ cho mặt trời. Kia kìa, ông đã tươi cười bước xuống vẫy tay chào những đôi mắt ngơ ngác của những người lính. Bộ quần áo kaki màu vàng và chiếc mũ cát kết quen thuộc mà bọn lính thỉnh thoảng nhìn thấy trên những đoạn phim thời sự. Nhiều ông to khác, trong đó có xếp của bọn Hậu cũng rầm rộ theo cùng và bao quanh “ổng”. Đột nhiên bọn lính bưng tỉnh, nhảy lên tung nón reo hò:

- Tổng Thống! Tổng Thống!

Toán đàn chào danh dự bỗng quên nhiệm vụ trang trọng của mình, họ cùng những người lính bạn chạy ùa tới bao lấy mặt trời hoan hô inh ỏi. Ông xếp trừng mắt một cái. Bọn lính lại tản ra như những vòng nước dưới hồ bị một viên đá ném xuống. Nhưng mặt trời đã đưa tay ngăn lại, hai bàn tay của ông đặt lên đôi vai gầy của một người lính đứng gần nhất, mà anh có thể nhìn thấy trong đó ánh lên một niềm thương cảm khôn cùng. Hậu gom bọn lính chàng đứng thành một khối nghiêm chào vị chủ tướng tối cao. Ông chậm rãi nhìn vào từng khuôn mặt đen nhẻm, hốc hác của

từng người lính:

- Hôm nay tôi đến đây để thay mặt quân đội và đồng bào trân trọng tuyên dương công trạng của tất cả những chiến sĩ tại cái tiền đồn này. Tôi mới vừa xuống An Lộc. Tôi đã cảm ơn những người lính ở đó đã chiến thắng quân giặc. Tôi cũng không quên những người chiến sĩ ở đây. Tôi đã thăng cấp đặc cách tại mặt trận cho tất cả chiến sĩ An Lộc. Tôi cũng thăng cấp đặc cách cho tất cả chiến sĩ hiện diện ở đây. Quân đội cùng dân tộc tri ân và vinh danh các anh.

Không kềm được nổi hân hoan, những người lính tiền đồn nhảy lên reo hò âm ỉ. Ông tiến đến trước mặt Hậu và hơi xoay mặt nhìn người sĩ quan tùy viên như muốn hỏi một điều gì. Người sĩ quan xạm mặt hoảng sợ, anh không dưng đem lon lá mới cho những chiến sĩ tiền đồn. Anh đâu có ngờ bỗng nhiên “ông” đòi nhảy xuống chỗ khỉ ho cò gáy này. Nhưng ông đã mỉm cười bao dung, nhẹ nhàng gỡ hai đóa hoa mai trên ve áo của người tùy viên trân trọng gắn lên ve áo cho Hậu. Hậu cảm xúc chào nghiêm người chủ tướng của mình. Ông gục gặc đầu ra dấu khích lệ. Ông gọi tất cả bọn lính cùng đứng chung quanh ông để cho bọn phóng viên chụp hình. Một trong những bức hình này đã lên trang nhất của những tờ báo ở hậu phương ngày hôm sau.

Đến lúc này thì bọn lính tiền đồn mới để ý đến phần thứ hai, là cuộc ủy lạo chiến sĩ tiền tuyến của những em gái hậu phương. Mười mấy chiếc áo trắng hiện ra dưới ánh mặt trời. Ở trong rừng suốt năm, làm bạn với cây lá, chim chóc và muông thú, những người lính sững sờ đứng lặng thình chịch ngưỡng bầy nữ sinh đẹp như những thiên thần. Một cô gái nhẹ nhàng tiến đến gần Hậu mỉm cười:

- Chào anh.

Hậu ấp úng:

- Chào cô...

Bỗng nhiên cả hai người đều lảo đảo lùi lại, họ nhìn nhau trân trối. Cô gái đưa tay ôm ngực thảng thốt:

- Là anh à... Anh là anh Hậu đây mà!

Hậu bóp mạnh hai bàn tay vào nhau lấp bắp:



- Cô Trân... Trân vẫn mạnh khỏe chứ?

Cô gái nhìn người lính, đôi mắt chứa một chút gì đó như trách móc:

- Anh Hậu, anh... Trân không ngờ còn gặp lại anh...

Hậu kêu khẽ:

- Trân ngỡ là tôi đã chết từ lâu rồi phải không?

Trân cúi đầu buồn buồn nắm lấy vạt áo đang bay lộng theo gió:

- Anh vô tình lắm... anh đi mà Trân đâu có biết...

Lém hiện ra giữa đôi bạn cũ, anh đưa cho mỗi người một chai nước ngọt, háy mắt nhìn Hậu một cái đầy ngụ ý rồi biến mất. Hậu địu cô bạn gái ngồi xuống chiếc thùng đạn không bằng gỗ:

- Trân uống nước đi. Hôm nay Trân và các bạn lên đây thăm, tụi tôi vui và cảm ơn nhiều lắm.

Trân run run trao cho bạn một phong thư:

- Hậu, anh... đây là quà quyên góp của trường tụi em kính tặng mấy anh. Quà ít lắm nhưng mà nó gói ghém tấm lòng của người hậu phương tụi em.

Hậu không thể không không đưa tay nhận. Chợt chàng rùng mình, trái tim tưởng chừng như vỡ tan trong một nỗi đốn đau tột cùng. Trời ơi, chàng vừa trông thấy chiếc nhẫn đính hôn lóng lánh trên ngón tay áp út của nàng. Như vậy có nghĩa là vườn hoa đã mở ngõ và đã có người vào làm chủ rồi. Cánh cổng của hoa mộng và tình ái từ nay đã vĩnh viễn đóng sầm lại trước mặt chàng. Chiếc phong bì rơi xuống đất trong một niềm cảm nín, như cùng chia sẻ nỗi

bàng hoàng với người lính. Chắt nước ngọt trôi vào cổ họng chàng bỗng nhiên chát đắng một cách dị kỳ. Trân rút bàn tay lại, nàng cúi đầu nhìn xuống chiếc phong bì ngượng ngùng không biết phải nói gì. Có tiếng bọn con gái gọi nhau ới ới. Trân ngược mặt lên đăm đăm nhìn chàng trai, đôi mắt rưng rưng mấy giọt lệ:

- Trân phải đi rồi... Hậu ở lại nhớ cẩn thận gìn giữ thân thể... Trân chúc anh và các bạn anh luôn được bình yên, xin ơn trên phù hộ cho các anh.

Hậu thần thờ:

- Cám ơn Trân và các bạn...

Trân cúi mặt quay đi, nàng đưa tay lên che miệng, có lẽ là cố nén một tiếng nấc. Hậu gọi theo:

- Chúc cho Trân hạnh phúc trăm năm...

Trân lắc đầu ôm mặt bỏ chạy. Được vài bước, bỗng Trân quay lại, đôi má hồng tươi của nàng có hai vệt nước dài, nàng nghẹn ngào:

- Hậu ác lắm, người ta là con gái... làm sao người ta ngổ lời... vĩnh biệt Hậu!

Hậu ngẩn ngơ đứng chôn chân nhìn theo tà áo trắng của Trân chìm mất sau cánh cửa chiếc phi cơ. Chàng trông thấy khuôn mặt của nàng áp sát vào tấm kính, và bàn tay nhỏ của nàng đưa lên vẫy chào. Hậu biết chắc đó là hình ảnh cuối cùng của mối tình một chiều mà chàng ươm dệt từ bấy lâu nay. Chiếc trực thăng cất lên cao. Một quầng bụi đỏ cuốn lên thổi thốc vào người Hậu. Trong cơn gió xoáy, đột nhiên Hậu chợt trông thấy, trời ơi, chàng có nhìn lầm không. Một mảnh khăn trắng rơi là đà xuống chỗ chàng đứng. Hậu đưa tay bắt lấy. Chàng bồi hồi gỡ chiếc khăn ra. Một vài vệt nước loang thành mấy cái vòng tròn nhỏ, ở góc khăn có một hàng chữ thêu màu đỏ: “Thùy Trân”. Phải chăng đó có phải là mấy giọt lệ của Trân dành cho một cuộc tình đến muộn và lỡ làng, như là một nhẩn nhủ rằng nàng đã hiểu tình chàng. Chiếc khăn chính là kỷ vật làm chứng cho lời tạ tình và vĩnh biệt của nàng.

Ngày hôm sau, có lệnh cho Hậu dẫn lính tiến về phía

chân đồi. Thật là may quá đi, dù sao thì Hậu cũng đã định thế nào chàng cũng dẫn vài người lính men tới chân đồi. Trong thâm tâm Hậu, chàng có một nỗi khát khao điên rồ, rằng trong chuyến hành quân này, khi đêm xuống chàng sẽ gặp lại hồn ma của Tú Nga. Hậu không biết đó có phải là một mối tình một chiều vô vọng và điên khùng khác của mình hay không. Càng ngày chàng càng sống trong một thế giới hoang tưởng, ôm ấp những mối tình si dại và chưa bao giờ được đáp nhận. Đang suy nghĩ miên man, thì Lém kéo giắt Hậu nép đằng sau một gốc cây cao su, anh ta đưa ngón tay lên môi suýt một cái:

- Ông thầy, có hầm!

Hậu bưng tỉnh và trở về với thế giới thực sự hiện tại của mình. Chàng chăm chú nhìn vào hướng Lém chỉ. Một cái miệng hầm tối om om khuất sau mấy gốc cây đằng xa. Một khoảng khắc im lặng nặng nề. Trong buổi sáng sớm, chỉ có ánh nắng của mặt trời chiếu xuyên qua cành lá xiên xuống thành những vệt dài màu vàng nhạt. Sự hiện diện và tiếng chân bước của những người lính đã làm cho lũ chim rừng ngại ngần ngừng buông tiếng hót. Hai người lính tiền sát nhẹ nhàng bò tới miệng cái hầm. Họ nhìn Hậu chờ lệnh. Nếu chàng gạt đầu thì mấy quả lựu đạn sẽ được thả vào cái lỗ đen đặc đó. Bỗng nhiên Hậu linh cảm có một điều gì đó rất không ổn, rất không bình thường. Hậu khoát tay biểu dừng, chàng đưa ngón tay trở lên môi, ngụ ý hãy hỏi trước. Một người lính chĩa súng vào miệng gọi to:

- Ai trong đó, trả lời và chun ra, chúng tôi không bắn đâu!

Người lính thứ hai nhìn Hậu, ngón tay trở của anh đưa lên tai, ngụ ý anh đã nghe thấy có tiếng động trong hầm. Người lính thứ nhất tiếp tục nói vọng xuống, giọng êm dịu hơn:

- Có phải là dân không, đừng sợ, lính mình đây, ra đi!

Anh vẫy tay với Hậu ra dấu cho chàng lên. Hậu bước tới gần chiếc hầm bí mật. Dường như chàng nghe một loại âm thanh the thé, nghèn nghẹn, nửa như tiếng rên, nửa như tiếng khóc vọng lên từ đáy hầm. Lém nhẹ nhàng như một con beo rừng, trườn người nằm sấp trên nóc hầm, rồi từ từ

thả nửa người xuống giữa miệng hầm. Chiếc đèn pin trong tay lóe lên rồi phụt tắt, Lém nhanh chóng ưỡn ngược nửa thân người lên cao về phía sau để phòng đạn từ trong bắn ra. Lém nhẩy xuống đất khẽ nói với Hậu:

- Chỉ có hai đứa nhỏ trong đó thôi ông thầy, để em xuống kéo tụi nó ra.

Hậu gật đầu. Nhưng Lém chưa kịp làm gì thì từ miệng hầm, hai cái đầu tóc rũ rượi, xác xơ và dính đầy bùn đất của hai đứa nhỏ len lén thò lên. Rồi bốn cặp mắt đen, mở to thao láo ánh vẻ sợ sệt thất thần hiện ra. Bốn cánh tay khẳng khiu như bốn khúc xương bọc da bám vào thành hầm run rẩy trèo ra ngoài. Hai người lính đứng gần nhất đưa tay kéo hai đứa nhỏ lên. Nhiều người lính đứng chung quanh kêu thảng thốt:

- Trời ơi!

Hậu cũng không kiềm được nổi xúc động, chàng buột miệng:

- Ôi...

Trước mặt những người lính là hai đứa bé, một trai một gái, gầy còm như hai bộ xương người. Hai cái thân thể co rút nhăn nhú, bày ra những hàng xương sườn như những cái xương cá nham nhỏ. Bụng chúng teo tóp thảm thương, có lẽ vì đói, giống như bị một bàn tay vô hình thít chặt lại. Hai vai của chúng nhô lên cao bên cái cổ ốm nhỏ như một ống tre, làm người ta có cái ảo giác là hai cái đầu to quá khổ. Con bé gái có lẽ là con chị ốm thằng bé trai trong lòng ra đáng bảo vệ cho em mình. Nó thu người lại cố che giấu nửa tấm thân trần trụi của nó trước bọn đàn ông. Thằng bé trai hoàn toàn trần truồng, nước mắt nước mũi chầm ngòam trên khuôn mặt đem nhèm, tóc của nó cuộn với đất ướt làm thành một đồng bùn nhùng. Hậu khụy chân xuống nắm lấy cánh tay chỉ còn bằng cọng que tăm của đứa bé gái:

- Ba má mấy em đâu rồi mà mấy em phải ở nơi này?

Từ hố mắt sâu hoắm của con bé ứa ra mấy giọt nước mắt, chiếc cổ nhỏ xíu của nó dường như đã bị tắc nghẹn từ lâu, cố lắm nó mới khò khè được mấy tiếng:

- B...ba... m...má chể... chết hết... rồi...

Mấy người lính lục trong ba lô lấy chiếc áo trận của mình khoác lên thân thể hai đứa nhỏ. Lém tiến đến gần định hỏi thì bỗng nhiên chúng cùng ngã ra nằm sổng sãi trên mặt đất. Chút tàn hơi còn sót lại mà chúng cố gắng bò được lên mặt đất để trở lại với thế giới của con người, như ngọn đèn đã uống đến giọt dầu cuối cùng. Thân thể còm cõi của chúng co giật từng hồi. Hậu cùng Lém bồng chúng trong lòng tìm một chỗ trải tấm poncho đặt chúng nằm lên. Hậu bảo bọn lính:

- Hai đứa nhỏ này có lẽ bị đói khát lâu ngày kiệt sức, mấy thằng khuấy chút sữa cho tụi nó.

Được tiếp chất dinh dưỡng, hai đứa trẻ tỉnh lại dần. Lém múc dưới suối một nón sắt nước, anh nhúng chiếc khăn tay vào, vắt khô nước rồi lau chùi bọn trẻ. Tội nghiệp con bé, nó co người lại ngại ngùng trước bàn tay đen to của người lính. Lém hiểu ý, hẩn đưa chiếc khăn cho con bé. Đến lúc này thì con nhỏ đã lấy lại một phần sức, nó nhoẻn miệng cười với Lém:

- Tụi con cảm ơn chú.

Lém xoa đầu thằng nhỏ, trong mắt anh dường như ngân ngấn một chút nước mắt:

- Cưng tên gì?

Thằng nhỏ khoanh tay lễ phép:

- Dạ con tên Tú Minh ...

Hậu suyt chút nữa đã nhảy dựng lên, chàng lấp bắp hỏi con bé:

- Còn em có phải tên là Tú Quỳnh không?

Con bé tròn xoe mắt nhìn Hậu:

- Dạ đúng rồi, sao chú biết tên con?

Hậu đặt hai bàn tay lên vai Tú Quỳnh dịu dàng:

- Em có chị nào tên Tú Nga không?

Bàn tay nhỏ xíu và xương xẩu của Tú Quỳnh nắm lấy cánh tay Hậu thổ thổ:

- Dạ Tú Nga là chị con.

Hậu rên lên, chàng nghẹn ngào ôm hai đứa trẻ vào lòng.

Trời ơi, thì ra dù đã chết đi rồi mà nàng cũng không thể nào siêu thăng cho được khi mà hai đứa em của nàng còn nằm hấp hối trong chiếc hầm. Chúng đã ở trong cõi tối tăm đó không biết đã từ bao lâu rồi. Phép mầu nhiệm nào đã che chở cho chúng được sống giữa cơn bão lửa đạn kinh hoàng. Con bé Tú Quỳnh cựa quậy trong lòng Hậu:

- Chú ơi, con muốn dẫn chú tới chỗ này...

Nó đứng dậy nắm bàn tay của Hậu kéo đi. Hậu ẵm thằng bé thần thờ đi theo sau. Được một lát, Tú Quỳnh dừng lại trước một cái hốc nhỏ dưới chân đồi, nó chỉ vào đồng cảnh lá vụn phủ lên một cái xác người bật khóc:

- Chị Tú Nga của con nằm đây nè!

Hậu run run quỳ xuống vạch đồng lá mọc ra. Bàn tay chàng chạm phải chất thịt rửa nát nhầy nhụa và mấy đoạn xương. Một chiếc đầu lâu với hai cái hố mắt sâu trũng hiện ra dưới đám lá chăm chăm nhìn Hậu. Mớ tóc dài đen đã rụng nhám nhở còn dính trên vài mảnh da thâm đen. Hậu đưa mấy cành cây phủ lên thân thể của người con gái. Chiếc áo bà ba bông bằng vải tơ màu trắng điểm những cánh hoa nhỏ màu hồng nhạt rách nát tơi tả. Nửa thân người của Tú Nga phơi bày thắm thương trước mắt Hậu. Trời hỡi, nàng chỉ còn có một nửa thân thể. Một nửa kia đã nát tan cùng với đạn pháo. Bọn trẻ chỉ đủ thời gian vùi vộ Tú Nga trong cái hốc đất này rồi chui xuống hầm. Kể từ đó linh hồn của Tú Nga đã biến thành một con ma áo trắng phiêu phưởng trên ngọn đồi...

Hậu ngồi tựa lưng dưới giao thông hào nhìn lên bầu trời đen thẫm của nửa khuya. Lũ giun dế đang rỉ rả tiếng nhạc đêm trường. Mí mắt của Hậu nặng chình chịch. Chàng cố gắng chống chọi với cơn buồn ngủ đang ùn ùn kéo đến. Chàng biết, thế nào đêm nay Tú Nga cũng đến với chàng, chàng không thể ngủ được. Hậu đã cùng với binh nhì Lém tìm một nơi yên tĩnh dưới chân đồi đào một cái huyệt an táng thi thể Tú Nga. Giữa rừng núi không có ván làm hòm, Hậu chỉ có thể rưng rưng gói thân cô gái trong chiếc poncho của chàng. Hậu cắm một cái chũr thập làm bằng hai khúc gỗ

cột tréo, những người lính giúp chàng khâu những tảng đá đắp cho Tú Nga một nấm mộ. Tú Quỳnh và Tú Minh được một tiểu đội thay nhau công vào An Lộc, rồi từ đó chúng cùng với những thương binh và thường dân chiến nạn lên trực thăng về những trạm tiếp cư. Hậu và những người lính của chàng đã làm hết sức, bằng tất cả những gì mà những người lính trần thân, cơ cực như bọn chàng có thể làm được để giúp đỡ đồng bào của mình. Tú Nga được an nghỉ, hai em của nàng được về chốn bình yên.

Chợt có tiếng cú rúc dài. Hậu đứng dậy nhìn ra ngoài cõi mù sương dày đặc. Tim chàng đập thành thạch. Phải chăng đó là dấu hiệu báo tin con ma trên đồi sẽ hiện đến với chàng. Bỗng đứng trong con hào tràn ngập một mùi hương ngất ngây mà chàng chưa từng biết bao giờ. Một bóng trắng ẻo lả và uyển chuyển từ trong đám sương mù nhẹ nhàng hiện ra bên cạnh Hậu. Một nửa chiếc áo bà ba trắng và khuôn mặt liêu trai của Tú Nga chỉ cách chàng một khoảng ngắn. Nước da tái nhợt của cô gái đã hừng lên màu sáng như ngọc. Những giòng lệ máu đã không còn nữa, mà là đôi mắt long lánh chan chứa niềm vui.

Cô gái ma đưa bàn tay thon nhỏ về phía chàng trai. Hậu bồi hồi nắm lấy. Chàng cảm nhận một làn hơi lạnh mát, êm ái lan truyền qua da thịt mình. Tú Nga khẽ gật đầu dịu dàng mỉm cười với chàng. Hậu bồi hồi hiểu rằng đó là dấu hiệu của già biệt. Cô gái ma quyến luyến ấp ủ bàn tay của người lính vào trong hai bàn tay trắng muốt như ngọc của nàng một lần nữa. Một cơn gió đùa tới, chiếc áo trắng bịn rịn bốc lên khỏi đỉnh đồi, rồi biến thành một làn sương mỏng mắt hút trong cõi đêm đen. ■

■ *Hồi ký 30/04*

Cuộc Di Tản Của Trường VBQGVN & Người Thương Binh

■ *Lộc Phan K30*

Trong buổi tiệc của Hội Võ Bị Âu Châu, niên trưởng Nguyễn Thanh Đoàn K21, thuộc Bộ Chỉ Huy trường Võ Bị, kể cho Phạm Xuân Sơn K30 nghe việc trường Võ Bị di chuyển khỏi Đà Lạt vào những ngày cuối tháng 3/1975. Khi di chuyển về đến Bình Tuy thì có một SVSQ khóa 30 bị thương nặng, khó sống được trong hoàn cảnh hỗn độn thiếu thốn trăm bề, nhưng NT Đoàn vẫn cầu nguyện xin ơn trên ban cho người SVSQ đó được tai qua nạn khỏi. Cho đến ngày hôm nay trong lòng niên trưởng vẫn nghĩ đến người SVSQ bị thương đó và không biết sống chết thế nào? Niên trưởng Đoàn hỏi Sơn có biết tin tức về người bạn đồng khóa đó không? Cảm động trước tấm lòng của người sĩ quan đàn anh, Sơn đã cho NT Đoàn biết người bị thương đó là Phan Văn Lộc, còn sống và hiện đang ở Mỹ.

Đó là tóm tắt nội dung email của Sơn gửi cho tôi kèm theo số phôn và địa chỉ email của niên trưởng Đoàn. Tôi,

Phan Văn Lộc, khóa 30 rất xúc động trước tấm chân tình của niên trưởng Nguyễn Thanh Đoàn K21 nên đã tiếp xúc ngay với NT. Chuyện bị thương và tử thương trên chiến trường, trên đường đi tản là quá bình thường, hơn nữa sự việc đã xảy ra cách nay 36 năm đi vào quên lãng là chuyện thường tình. Nhưng một sĩ quan còn nhớ tới vết thương của một SVSQ mà ông không biết tên, thì quả thật không bình thường chút nào mà đầy lòng nhân ái.



Là em áp út trong một đại gia đình có truyền thống tôn ti, tôi xin cảm ơn tấm lòng của niên trưởng Nguyễn Thanh Đoàn, của các niên trưởng K21, của tất cả quý niên trưởng. Xin cảm

ơn trường Mẹ, trường VBQGVN đã sản sinh ra những người con đây “tình tự Võ Bị” và rồi trở thành những cấp chỉ huy đầy ấp tình đồng đội, tình chiến hữu ngoài chiến trường.

Câu chuyện xảy ra đã hơn ba mươi mấy năm, giờ đây nhờ những buổi họp mặt, nhờ nhắc lại kỷ niệm cũ, chiến trường xưa của niên trưởng Đoàn khiến dĩ vãng trở về như một cuốn phim quay lại trước mắt tôi, xin phép quý huynh đệ cho tôi kể lại chuyện xưa, chuyện những SVSQ bỏ trường mà ra đi vào nơi lửa đạn.

Sau khi mãn mùa quân sự năm thứ hai và bước vào mùa văn hóa, khóa 30 cũng như các khóa khác khi đi học văn hóa vẫn phải trang bị vũ khí đầy đủ để sẵn sàng tác chiến vì tình hình chiến sự càng ngày càng thêm căng thẳng. Ngày 30 tháng 3 năm 1975, lúc 3 giờ chiều Trung Đoàn SVSQ được lệnh trở về doanh trại để chuẩn bị cuộc di hành xa với đầy đủ hỏa lực tác chiến. Khoảng hơn 4 giờ chiều, liên đội G, H rời khỏi trường Mẹ bằng cổng Nam Quan trên 4 chiếc GMC. Ra đi lần này chúng tôi không ngờ đây là lần vĩnh biệt ngôi trường thân yêu mà chúng tôi đã sống một

năm 4 tháng 4 ngày 15 giờ.

Liên Đội G, H chúng tôi được đưa xuống bảo vệ Cầu Đất, còn các liên đội khác thì trải dài cho đến đập thủy điện Đa Nhim. Ngày hôm sau dân cư trong thị xã Đà Lạt biết được các SVSQ đã rời trường Võ Bị nên họ bắt đầu bỏ Đà Lạt để ra đi. Đến 7 giờ tối chúng tôi được lệnh của Trung Đoàn di chuyển theo hai bên lề đường để bảo vệ cho dân Đà Lạt di tản, chúng tôi đi bộ suốt đêm mãi đến 5 giờ sáng hôm sau chúng tôi mới qua khỏi đèo Sông Pha thuộc quận Đơn Dương và dừng quân tại đây chờ các liên đội khác tập hợp đầy đủ.

Vì Liên Đội G, H đi đầu nên chúng tôi có thời giờ nghỉ chân chờ cho cả Trung Đoàn tập hợp đầy đủ dưới chân đèo Sông Pha. Tôi nằm đại bên lề đường, đầu gác lên balo đưa mắt nhìn chung quanh, bạn bè trong đại đội nằm rải rác khắp nơi, xa xa từng đoàn người di tản từ Đà Lạt, theo quốc lộ hướng về Bình Tuy. Cả một đoàn người hỗn độn nào là tiếng động cơ của GMC, xe dân chính và tiếng người hòa lẫn nhau như một điệu nhạc quay cuồng mặc dù trong tâm tư của tôi trầm lắng và buồn bã về cuộc di tản này. Tôi nghĩ là chúng tôi không thể nào trở về ngôi trường thân yêu được nữa. Rồi giấc ngủ đã đến với tôi lúc nào tôi không hay, mãi cho đến khi bị cái đá của một người bạn đồng khóa vào chân tôi mới chợt tỉnh dậy thì trời đã sáng. Nhìn đồng hồ tay tôi thấy kim chỉ 7 giờ 30 sáng, cả Trung Đoàn SVSQ được lệnh tập hợp và lần lượt lên xe GMC để tiếp tục cuộc hành trình hướng về Bình Tuy. Lần này cuộc hành trình của Trung Đoàn SVSQ không lẻ loi vì có thêm vị chỉ huy trưởng



khả kính của chúng tôi là Thiếu Tướng Lâm Quang Thơ dẫn đầu mặc dù ông có sẵn trực thăng dành riêng cho ông.

Đoàn xe của chúng tôi đi đầu, theo sau là

cả một đoàn người di tản, hễ xe của chúng tôi đi đến đâu là dân chúng bỏ nhà đi theo bằng đủ mọi phương tiện mà họ có thể dùng, kể cả xe bò, tạo nên một làn sóng người khổng lồ di tản xuôi Nam. Xe chúng tôi chạy qua Phan Rí, Phan Rang, tôi nhận thấy hai quận này không còn chính quyền kiểm soát nữa, cướp bóc nổi lên khắp nơi. Mãi đến chiều ngày hôm đó, chúng tôi được lệnh dừng quân tại Phan Thiết và Trung Đoàn SVSQ đóng quân phòng thủ trong trường tiểu học cách tòa tỉnh trưởng không xa.

Một đêm an lành trôi qua. Đang đắm chìm trong giấc ngủ, quên hết cả trời đất sau một cuộc hành trình mệt mỏi thì chúng tôi bị đánh thức bởi một tiếng nổ long trời lở đất. Bừng tỉnh dậy tôi mới biết Việt cộng đang pháo kích vào Phan Thiết, một trái đã rơi trúng hầm xăng của tòa tỉnh trưởng, một cụm lửa bốc cao hơn 20 thước mặc dù tôi đứng tại trường tiểu học. Ngay lúc đó chúng tôi được lệnh phân tán mỏng, vì sợ sau khi pháo kích Việt Cộng sẽ tấn công. Chờ mãi không thấy động tĩnh gì, trung đoàn được lệnh tập hợp và lên xe tiếp tục cuộc hành trình tiến về Bình Tuy.

Lúc này trên quốc lộ về Bình Tuy chúng tôi di chuyển rất khó khăn vì làn sóng người di tản quá đông kể cả dân chúng cùng quân đội từ vùng 1 chạy về tạo nên một đoàn người di tản vô trật tự. Biết bao nhiêu cảnh thương tâm đã xảy ra trước mắt tôi. Nào cha mẹ lạc mất con, vợ mất chồng, người chết vì đạn lạc, kẻ chết vì bị rơi xuống đường bị xe cán, thân xác họ được người đồng hành mang để đại bên lề đường!

Xế chiều, đoàn xe của chúng tôi đến ngã ba Bình Tuy, nơi đây có một chiếc cầu bắc qua con kinh nhỏ nhưng mùa này không có nước chảy qua và cầu đã bị VC giựt mìn sập từ lâu, được công binh sửa chữa tạm bằng những vĩ sắt của phi đạo để cho xe qua tạm. Kế bên cầu có một ngọn đồi, Địa Phương Quân đóng giữ để bảo vệ cầu. Khi đoàn xe của chúng tôi qua cầu thì bị Địa Phương Quân bắt xuống không cho qua, nên Tướng Thơ điện vào Bình Tuy hỏi thì được Tướng Nhật (K10), Tư Lệnh Chiến Trường Bình Tuy cho

biết vì giữ an ninh cho tỉnh, ông không cho lệnh vào Bình Tuy khi trời tối nên Tướng Thơ ra lệnh cho Trung Đoàn SVSQ nghỉ lại qua đêm, chờ sáng sẽ tính sau.

Hôm sau, 5 giờ sáng, được lệnh của Tướng Thơ, Trung Đoàn SVSQ bắt đầu di chuyển vào Bình Tuy, dẫn đầu là thiết giáp M113, một xe jeep, một chi đội Thiết Giáp, một đại đội Biệt Động Quân, tất cả đều chịu dưới quyền chỉ huy của Tướng Thơ. Không ngờ khi chiếc xe jeep đã qua được bên kia cầu, xe M113 còn đang ở giữa cầu thì bị 2 trái B40 của VC từ trên đồi bắn xuống, một trái làm cháy chiếc M113, trái khác làm lật chiếc xe jeep. Tôi đứng trên chiếc xe GMC cách xa hơn 200 thước. Trước xe GMC là xe của Tướng Thơ và chiếc thiết giáp của trường do Đại Úy Lập chỉ huy.

Trước sự việc xảy ra như vậy, Tướng Thơ mới ra lệnh cho NT Cần, thủ khoa K20, là tùy viên của ông, gọi điện vào Bình Tuy thì được biết đồn Địa Phương Quân trú đóng trên đồi đã bị mất liên lạc hồi 12 giờ đêm hôm qua. Phải diệt chốt để vượt qua, Tướng Thơ ra lệnh phá chốt để vào Bình Tuy, những chiếc thiết giáp được dàn hàng ngang và SVSQ cùng Biệt Động Quân từng thiết tiến lên chiếm đồi.

VC từ trên đồi bắn xối xả xuống, nào là đại liên, B40, và AK47, cho nên tôi, NT Xù K28 cùng NT Hoà K27 (SĐL, từ vùng 1 về, gặp trường đi tản nên đi chung luôn) nhảy xuống mô đất gần đó để tránh đạn. Chúng tôi nghe một tiếng nổ thật lớn, bụi cát bay mịt trời, sau đó chúng tôi kiểm soát lại coi có ai bị thương không. Nhìn qua NT Xù, tôi thấy tay của NT bị một mảnh đạn trúng chảy máu, tôi nói:

- “Tay của NT bị thương rồi, để tôi băng cho”.

Tôi lấy băng cá nhân trên nón của NT Xù để băng cho anh. Trong lúc tôi đang băng thì NT Xù nhìn nơi ngực của tôi có vết máu chảy ra, NT la lên:

- “Ngực anh Lộc cũng bị thương”.

Tôi vội vạch áo ra thì thấy ở ngực bên phải có một lỗ nhỏ và máu đang chảy ra. NT Hoà nghe được vội chạy tới bắt tôi nằm xuống và băng vết thương cho tôi, đồng thời

NT la lớn lên:

- “Lộc đã bị thương nặng, có y tá nào gần đây xin tiếp cứu.”

May có một anh y tá của trường ở gần đó chạy đến và băng bó cho tôi. Có lẽ do kinh nghiệm cứu thương, anh thấy tôi bị ở ngực lại thở khò khè nên anh biết tình trạng của tôi, anh vội la lên:

- “Anh này bị thương xuyên qua phổi, cần phải đưa vào bệnh viện gấp, nếu không máu sẽ đông lại rất nguy hiểm đến tính mạng”.

May cho tôi, có một NT K26 (tôi quên tên) mang được một chiếc xe jeep từ trường về, NT vội chạy đến đưa tôi lên xe và la to:

- “Có anh SV nào theo tôi đưa anh này vào bệnh viện không?”

Người bạn thân cùng trung đội là Võ Lê Đình Nhân nhảy lên xe ôm tôi cho NT chạy xe về hướng Bình Tuy. Mặc dù nửa người của tôi tê cứng, nhưng đầu óc tôi vẫn còn tỉnh táo, tai tôi vẫn còn nghe tiếng đạn hai bên nổ giòn... rồi dần dần tôi thiếp trong hôn mê không còn biết gì nữa... Tôi bừng tỉnh dậy khi ai nắm vai lay động và nghe tiếng Võ Lê Đình Nhân nói:

- “Lộc! Lệnh trên không cho lính đi tản lẻ tẻ vào Bình Tuy nên tao chỉ được đưa mày đến đây, NT K26 và tao sẽ đỡ mày xuống đây để chờ xe cứu thương đưa mày vào bệnh viện. Mày yên tâm, NT Nhật đã gọi xe cứu thương tới rồi. Tao phải trở lại chỗ cũ để di chuyển theo trường, chúc mày bình an”.

Tôi nhờ Nhân lấy sợi dây chuyền tôi đang đeo trong cổ ra, sợi dây chuyền có tượng Phật mà bà nội tôi đã đeo vào cổ tôi trước khi từ giã gia đình để vào trường Võ Bị. Cầm tay Nhân tôi nói:

- “Nhân, mày giúp tao, đưa sợi dây chuyền này cho bà nội tao, nói với bà nếu tao không về là tao đã chết, bà đừng ra đây tìm xác tao rất nguy hiểm, tao cảm ơn mày, tạm biệt...”

Chưa nói hết câu “tạm biệt mày và niên trưởng...” thì tôi



thiếp đi, hồn lảng lảng như đi và o khoảng không, tất cả những hình ảnh từ thời ấu thơ, hình ảnh những người thân yêu trong gia đình kể cả hình ảnh của người yêu lần lượt hiện ra trong trí

tôi. Sau này khi nghe tôi kể lại, những người lớn tuổi cho biết đó là sự việc xảy ra cho người sắp lìa đời. Thấm nhuần triết lý của đạo Phật do ông bà nội tôi thường giảng dạy, tôi nghĩ đời sống con người có sinh thì phải có tử, đó là định luật tự nhiên của tạo hoá cho nên lúc đó lòng tôi rất bình thản, cũng may vì nửa bên người không còn cảm giác nên tôi không cảm thấy đau đớn vì vết thương.

Tôi bị đánh thức bởi một tiếng nói rất to:

- “Các anh đưa anh SV này đến bệnh viện ngay”.

Tôi vội đưa mắt nhìn về phía phát ra tiếng nói, tôi nhìn thấy một quân nhân đứng trên thiết vận xa M113, trên nón sắt của ông có 2 ngôi sao, bảng tên là Trần Văn Nhật. Sau này tôi mới biết là Tướng Trần Văn Nhật K10 xuất thân từ trường VBQGVN, lúc đó ông là Tư Lệnh Chiến Trường Bình Tuy.

Người đứng đối diện với Tướng Nhật là một vị Đại Úy Quân Y, ông chào đáp lễ Tướng Nhật rồi quay qua giúp anh y tá đưa tôi lên xe cứu thương, hối anh tài xế chạy lẹ lên.

Tôi chợt thấy niên trưởng K26 và Nhân còn tần ngần đứng đó, họ chưa đi mà còn ở lại với tôi cho tới khi xe cứu thương từ trong Bình Tuy đến. Xúc động biết chừng nào, có lẽ tim tôi bóp mạnh và mắt tôi mờ đi, tôi chỉ kịp nhận ra những bàn tay huynh đệ Trường Mẹ vẫy vẫy khi xe tải thương rồ máy, tôi muốn vẫy tay lại “vĩnh biệt” các anh nhưng đưa tay lên không được khiến tôi nấc lên mấy lần. Thấy vậy, người bác sĩ ngồi bên cạnh vỗ vỗ nhẹ lên ngực tôi an ủi:

- “Trước đây tôi có phục vụ tại Trường Võ Bị một thời gian, nên tôi xem anh như người thân, anh đừng lo, tôi sẽ tận tình giúp anh”.

Đến bệnh viện, ông tìm Đại Úy Bác Sĩ Trưởng ngay để chữa cho tôi. Lúc đó miệng tôi cứng lại, không nói được nhưng đầu óc vẫn còn tỉnh táo. Bác sĩ lấy tên và loại máu trên thẻ bài của tôi xong gọi 2 y tá đưa tôi vào phòng cấp cứu và chính tay ông đã giải phẫu thông phổi cho tôi. Xong phẫu giải phẫu và băng bó vết thương, ông nói sẽ tiếp máu cho tôi, vì tôi bị mất máu nhiều quá nhưng rất tiếc loại máu của tôi không còn, ông nói sẽ cố gắng tìm kiếm những quân nhân và thương binh nhẹ trong bệnh viện có cùng loại máu.

Nghe bác sĩ nói mà tôi lòng tôi vẫn bình thản, tôi nghĩ nếu số tôi còn sống thì ơn trên sẽ giúp cho tôi tìm được người cùng máu. Một lúc sau, bác sĩ trở lại nói:

- “Mạng anh lớn lắm vì có một anh lính TQLC bị thương nhẹ có cùng loại máu với anh và chịu hiến máu cho anh, tôi cảm ơn dùm anh rồi.”

Tôi đã nhận máu của một người lính mà tôi không biết mặt biết tên, ơn nghĩa này tôi không biết sao đền đáp chỉ biết cầu Trời Phật cho anh vạn sự an lành. Sau đó tôi đã thiếp đi, khi tôi tỉnh dậy thì trời đã tối, nhìn đồng hồ trên tường, kim chỉ 9 giờ tối, đảo mắt nhìn quanh tôi thấy thương binh nằm chật kín cả phòng, không đủ chỗ phải nằm trên băng ca.

Một đêm an bình trôi qua tại bệnh viện Bình Tuy, khoảng 10 giờ sáng, một bác sĩ đến thăm tôi và kể cho tôi biết ông tốt nghiệp trường Quân Y, mỗi năm khi đến mùa quân sự, khóa của ông phải ra Đà Lạt thụ huấn chung với khoá 19 Võ Bị, do đó ông luôn nghĩ ông cũng xuất thân từ trường VB nên ông tận tình với tôi như đàn em. Tôi và ông tâm sự với nhau, một lúc sau ông nói:

- “Tôi sẽ tìm một cô y tá có gia đình ở Sài Gòn để cho theo anh về Quân Y Viện Cộng Hòa nội trong chiều nay, 3 giờ chiều sẽ có chuyến bay chở thương binh về bệnh viện Cộng Hòa. Tôi nghĩ Bình Tuy sẽ mất, với tình trạng

vết thương quan trọng này, anh sẽ gặp nguy hiểm lắm nếu không được tiếp tục săn sóc”.

Nói xong ông cầm tay tôi thật lâu, lắc lắc như muốn nói thêm rồi ra đi. Tôi nhắm mắt ngủ một giấc cho đến khi nghe một giọng nói trong trẻo của một người con gái đánh thức tôi dậy. Trước mắt tôi là bác sĩ và một cô y tá đứng kế bên, ông giới thiệu cô tên là Hồng, cô sẽ săn sóc và theo tôi về Sài Gòn và cô sẽ ở lại Sài Gòn. À ra thế, nhất cử lưỡng tiện, chứ mạng sống của một SVSQ chưa một ngày ra trận dễ gì được ưu đãi đặc biệt như thế. Nhưng tôi vẫn thấy vui nên nói lời cảm ơn vị bác sĩ và cô y tá Hồng nhưng không quên một tí khôi hài:

- “Có nghĩa là khi về đến BV Cộng Hòa thì cô Hồng không “theo” tôi nữa mà đường ai người nấy đi, Hồng đi đường Hồng, Lộc nằm lại Cộng Hòa”.

Bác sĩ thì cười, nhưng cô y tá thì “nguyt lá rằm” và hình như nói thêm:

- “Chết đến nơi rồi mà còn thả dề...”

Gì thì gì chứ cái tật thả... thì khó bỏ. Tôi được đưa lên máy bay lúc 4 giờ chiều cùng với những thương binh khác.

Khi về đến bệnh viện Cộng Hòa tôi được đưa vào phòng cấp cứu để BS giải phẫu lại một lần nữa. Tôi mê man và khi tỉnh dậy thấy mình đang nằm phòng khác là phòng hồi sinh ở tầng hai, đó là ngày 5 tháng 4 năm 1975, ngày mà tôi không bao giờ quên được vì khoảng 9 giờ 30 sáng tên phản bội Nguyễn Thành Trung đã dội bom vào Dinh Độc Lập.

Tôi nằm ở đây được một tuần, trong thời gian này tôi nhờ người báo tin cho gia đình lên thăm. Sau đó tôi được chuyển qua khu phục hồi của sĩ quan. Vì thiếu phòng nên 3 người ở chung một phòng. Trong phòng tôi gồm có một chuẩn úy Địa Phương Quân bị thương ở bụng, ruột già phải cho ra ngang hông, một thiếu úy Lôi Hồ bị đạn xuyên từ cằm lên đầu, anh nằm đây hơn 3 tháng để chờ tái giải phẫu. Lúc nào trên môi anh cũng nở nụ cười và luôn miệng hát:

- *“Trên nòng súng quê hương...tổ quốc đã nghiêng mình...”*

Đến hôm nay tôi không biết vị thiếu úy đó còn sống hay đã chết vì ngày 30 tháng 4 khi VC vào Sài Gòn, chúng đã đuổi tất cả thương bệnh binh VNCH ra khỏi bệnh viện. Những ngày sau đó tình hình Sài Gòn thêm căng thẳng, gia đình tôi ở Sài Gòn đã đưa tôi về nhà, mời y tá đến săn sóc vết thương cho tôi..

Tôi chỉ là một người lính chữa ra trận mà đã bị trọng thương và đã may mắn được mọi người thương, cứu tôi khỏi bàn tay tử thần trong khi những quân nhân chiến đấu thực sự trên chiến trường thì không được may mắn như tôi, biết bao các anh đã nằm xuống bên vệ đường, trong rừng sâu, trên đồi cao để đồng bào được bình an. Đã 36 năm qua, vết thương trên da thịt tôi đã lành nhưng vết thương lòng vẫn còn đang rỉ máu. Tôi không bao giờ quên được ngày 30 tháng 4, lúc 9 giờ sáng, tôi chết lặng người khi nghe trên đài phát thanh tiếng của Tổng Thống Dương Văn Minh ra lệnh cho quân nhân các cấp buông súng đầu hàng!!!

Gần đến ngày đau buồn của đất nước, tôi xin chia sẻ niềm đau cùng những người trai trẻ như tôi với bầu nhiệt huyết và mộng tang bồng hồ tử mang hoài bão lập biển vá trời phải đành gián đoạn nửa đường với lòng uất hận...

Tôi viết lên những dòng chữ này để gửi lời tri ân đến các niên trưởng, bác sĩ, y tá, bạn cùng khóa, những quân nhân các đơn vị bạn đã giúp đỡ cứu mạng sống của tôi. Những tấm chân tình đó đã nói lên tình tự Võ Bị của các cựu SVSQ cũng như những người đã từng một thời đến với Trường Mẹ, của những người cùng chung chiến tuyến. Tôi rất hãnh diện là một cựu SVSQ của Trường VBQGVN, là một người lính của QLVNCH, hiện tại cũng như mãi mãi về sau...

Phan Văn Lộc K30

XUỐNG ĐƯỜNG

Fox Trot - 90

Nhạc & lời: Nguyệt Ánh
Virginia, February 25, 2011



Anh em ơi, chúng ta cùng xuống đường. Chị em ơi, chúng ta cùng xuống đường! Kia từng
Anh em ơi, chúng ta cùng xuống đường. Chị em ơi, chúng ta cùng xuống đường! Kia mẹ



đoàn thanh niên, kia từng đoàn sinh viên, đòi tự do, cơm no công bằng, nhân ái. Anh em
già em thơ, tìm từng hạt cơm khô, còn đảng viên tham quan tha hồ cướp bóc. Anh em



ơi, chúng ta cùng xuống đường! Chị em ơi! Chúng ta cùng xuống đường! Hãy trông
ơi, chúng ta cùng xuống đường! Chị em ơi! Chúng ta cùng xuống đường! Khi Dân



kia nông dân, hãy trông kia công dân, cùng đi chống độc tài áp bức bất công. Xuống
Chủ đơm hoa, khi Nhân Quyền hoan ca, Tự Do sẽ vươn mình trên đất quê cha. Xuống



đường! Chấm dứt đêm kinh hoàng. Xuống đường! Kết thúc ngày ly tan. Xuống
đường! Đất nước đang nguy nàn. Xuống đường! Quyết bảo toàn giang san. Xuống



đường! Chấm dứt ngay độc tài. Xuống đường! Sáng lên mầm tương lai. Anh em...
đường! Dầu trong cơn kinh hoàng. Xuống đường! Đứng thẳng người hiền ngang.

(Nghe MIDI: <http://www.dahieu.com/music/xuongduong.mid>)

Hình ảnh cộng đồng Nam Cali
xuống đường ngày 27/02/2011



■ Hồi ký 30/04

Bạc Tóc Tuổi Hai Mươi

■ Phạm Mai Hương

*(Kính tưởng nhớ thân phụ,
nhà thơ Việt Trang Phạm Gia Triếp)*

Từ già mái trường thân yêu (15/3/1975)

Đà Lạt, tháng 3/1975, thành phố tôi ở vốn bình yên, an lành trong các tỉnh thành miền nam ngay cả những ngày chiến tranh khốc liệt nhất, bỗng trở nên xáo trộn. Người ta bàn tán, thì thầm to nhỏ về cuộc chiến, tính chuyện tản cư, dù không hiểu hết điều gì sẽ xảy ra, nhưng ai cũng cảm nhận không khí chiến tranh đang tới gần, tới rất gần. Để trấn an nỗi sợ hãi, người dân đổ tiền ra mua đồ dự trữ: gạo cơm, thuốc men, xăng dầu, nhất là mì ăn liền phòng khi cuộc chiến xảy ra. Bên ngoài thành phố bình yên đến lặng lẽ, người ta giấu nỗi sợ hãi vào trong lòng. Dọc các con phố chính, các cửa hiệu lần lượt đóng cửa báo hiệu chủ nhân đã đi tản cư. Người ta bỏ ra đi, không ồn ào sôi động.

Sáng nay, tôi và các bạn đồng nghiệp vẫn đến trường trên chiếc xe lam đưa rước hàng tháng. Ngôi trường tiểu học Đa Phước nằm tận Trại Mát, cách trung tâm thành phố mười kilômét, dưới chân ngọn đồi cao làm trung tâm huấn luyện Cảnh Sát Dã Chiến. Đường đi rất thơ mộng, len qua

những rặng thông xanh thắm, vòng quanh những ngọn núi chập chùng. Mấy hôm nay, chúng tôi không cảm thấy vẻ đẹp của giọt sương mai ướt đầm lá cây hay tia nắng sáng rọi qua tán lá. Dầu không nói ra, nhưng mọi người đều e ngại nhìn hai bên sợ bóng những người mặc áo bà ba đen xuất hiện, lo lắng nhìn trên lòng mặt đường xem có cây cối chắn ngang đắp ụ.

Chiếc xe lam bỏ chúng tôi trước cổng trường rồi vội vàng qua về lại thành phố. Sân trường không bóng dáng một em học sinh. Chúng tôi hoang mang nhìn nhau, vội vàng vào văn phòng. Ông hiệu trưởng già dường như chờ chúng tôi từ lâu, ông nhỏ giọng:

- Tôi muốn liên lạc với các cô mà không được. Tình hình an ninh không xuôi lắm. Cha mẹ học sinh không cho con đến trường, họ sợ có chuyện gì, con họ còn nhỏ về nhà không kịp.

Giọng ông nhỏ hơn, lo âu:

- Với lại ở dưới này xa quá, tôi có nghe trong Tây Hồ, Trạm Hành, buổi tối VC đã về. Thôi các cô mau quay về, khi nào tình hình sáng sủa hãy xuống. Giờ không còn xe lam, các cô qua đón xe đò nghe.

Chúng tôi nặng trĩu lòng, đứa nào cũng mới ra trường nên đối với ông như một người cha, chúng tôi chào ông và băng qua bên kia đường. Chờ chúng tôi ra khỏi cổng, ông lấy chiếc xích lớn khóa hai cánh cổng lại với nhau rồi đi về hướng chợ. Dáng ông nhỏ lại, hai vai trĩu xuống như vác một gánh nặng trên lưng. Đứng chờ xe, tôi chưa hoàn hồn, tiếc nuối vì chưa một lời từ biệt với học sinh, những em học sinh đầu tiên của tôi, hình ảnh hai mươi tám em hiện lên rõ từng nét mặt, dáng người.

Võ Quang Nam nhỏ con nhưng chững chạc, ngồi ngay bàn đầu, em giỏi và ngoan nhất lớp, chẳng khi nào nói chuyện khi tôi giảng bài. Hôm Nam bị ốm, tôi rủ cả lớp đi thăm, cả lớp thưa:

- Cô ơi! Vào nhà trò ấy sợ lắm, ba trở chết rồi, mẹ trở hay nổi cơn điên cầm dao chém người. Mọi chuyện ở nhà,

trở đều tự làm lấy.

Thảo nào mà khuôn mặt em mang vẻ cam phận, nhần nhục mỗi khi bạn bè tị nạnh bảo tôi thiên vị.

Nguyễn Mẹo thông minh, giỏi toán, chăm học nhưng viết chữ xấu, không chú ý nên bài làm ít được điểm cao. Mẹo tốt với bạn bè, lễ phép với tất cả các thầy cô trong trường, đôi khi em làm tôi bối rối vì những câu hỏi thông minh bất ngờ. Tôi thực sự thương em hơn khi biết nửa năm ngoái, em phải nghỉ học đi làm thuê cho người ta, vậy mà khi đi học lại vẫn không chịu kém ai.

Nguyễn Văn Mỹ mồ côi cha mẹ, ở với cậu mợ. Khi người chị ruột duy nhất của em chết vì bệnh thì khuôn mặt em tắt tiếng cười, học hành sút hẳn, người như ở trong mê.

Trần Phương có khuôn mặt luôn cười, mấy ngày đầu vào nhận lớp, tôi cho bài tập, em không làm. Bực mình, tôi hỏi:

- Ba em làm gì?

- Thưa cô! Ba em đi lính ở xa.

- Má em làm gì?

- Thưa cô! Má em đi làm thuê.

- Em có anh chị không?

- Thưa cô, không. Em là anh đầu.

- Ba em đi lính biết sống chết ra sao, má em đi làm thuê cực khổ mà em không chịu học để buồn lòng ba má. Em lại là anh đầu không làm gương cho các em sao.

Tôi bất ngờ khi thấy em khóc, từ đó em học ngoan hơn. Danh sách hai mươi tám em học sinh nam được tôi viết trên một miếng bìa cứng treo sau lưng với bảng đen, trong đó ghi địa chỉ học sinh, tên học sinh được khen thưởng. Hai mươi tám em đầy đủ cá tính, có em ngoan hiền như Ngô Đình Vân, Nguyễn Tấn Đạo... Nghịch ngợm như Kiều Phương, Bùi Đức Danh... Ở ngôi trường tiểu học nằm ven đô thành phố này, học sinh đều nghèo, rời cuốn vở là về phụ với cha mẹ làm vườn. Hai mươi tám em tuổi mới lên mười mà số mồ côi cha không ít. Một số ghi cha mất nhưng mẹ ở nhà vẫn sinh thêm em, có phải trong đêm tối cha đã về đâu đó.

Nhìn lại cổng trường bị khóa chặt, tôi xót xa, biết rằng

không bao giờ còn được dạy hay nhìn lại đầy đủ các em. Buổi chia tay cuối cùng không học trò, không một chiếc bánh liên hoan, cũng không có lễ phát thưởng. Giờ mới giữa tháng ba, còn hơn tháng nữa đến tháng năm nghỉ hè. Tôi đi dạy chưa trọn năm, lương tháng vừa nhận hôm qua, biết còn tháng lương nào để được nhận nữa không? Tôi không thể hình dung mình sống ra sao khi không còn được đi dạy. Mười bốn năm ăn học để có một nghề sinh sống, giờ không biết mình còn có cơ hội nào đứng trên bục giảng nữa? Bỗng dưng tôi thấy mình thật nghèo nàn đáng thương. Buồn cười thật, cuộc chiến sắp tới, ngày mai biết sống chết ra sao mà còn nghĩ chuyện dạy dỗ. Giờ mới giữa tháng ba, tôi còn chưa tròn tuổi hai mươi. Tháng sau mới đến sinh nhật.

Để thành phố lại phía sau (20/3/1975)

Sự hoảng sợ của mọi người lên đỉnh điểm khi đài BBC loan tin Buôn Mê Thuật thất thủ. Tin dữ lan nhanh như ngọn lửa giữa mùa hè nóng bỏng. Buôn Mê Thuật cách Đà Lạt khoảng 200 cây số, tính theo đường chim bay còn ngắn hơn nữa. Không khí cuộc chiến đã lờn vờn ở thành phố có lẽ yên bình nhất nước này. Chính quyền không thông báo về tình hình chiến sự, người dân tự tìm hiểu theo cách nào mà mình có được nên sự mù mờ càng làm cho họ rối rắm, hoang mang. Chị ruột tôi dạy học và lấy chồng, một sĩ quan bộ binh đóng quân trên Quảng Đức, mới về ăn Tết với gia đình mà không có anh rể đi theo vì phải cấm trại. Chị vừa trở về trường nay phải quay lại Đà Lạt một mình, anh rể tôi hứa sẽ xuống đón chị để cùng đi về Saigon. Chị tôi vô tư lên trường Bùi Thị Xuân vào ngày 17/3/1975 dự buổi cấm trại mừng kết thúc đệ nhị cá nguyệt và họp mặt cựu học sinh. Buổi lễ còn đang vui, nhà trường được lệnh bế mạc để học sinh về nhà khi nghe tin VC đã về đến ngoại ô thành phố.

Người dân Đà Lạt sống trong nỗi sợ hãi, ban ngày họ hạn chế việc ra khỏi nhà, đêm về thành phố im như chết. Viện Đại Học đóng cửa từ lâu để sinh viên ở xa về với gia

đình. Toàn bộ học sinh tiểu và trung học được lệnh nghỉ học vô thời hạn. Sĩ quan và khoá sinh các trường Võ Bị Quốc Gia, Chiến Tranh Chính Trị, Cảnh Sát Dã Chiến cấm trại 100%. Dân chúng đi tản cư khá nhiều, nhất là gia đình có thân nhân ở Sài Gòn, Nha Trang...

Buổi chiều, ba tôi từ công sở về, khuôn mặt ông đăm chiêu, bồn chồn khi gia đình bạn bè của ông đi tản cư gần hết. Không lo lắng sao được khi gia đình tôi không có người quen thân ở Sài Gòn, con cái đông đúc, tiền bạc không nhiều, về Sài Gòn không biết tá túc ở đâu. Mọi người đồn đoán: có thể vĩ tuyến 17 sẽ dời đến Đà Nẵng vì vậy ông quyết định cho gia đình về lánh nạn ở Nha Trang với cậu T., em ruột mẹ tôi. Còn ông sẽ đi sau. Tác phong, nề nếp công chức ăn sâu vào nếp sống, suy nghĩ, ông không thể bỏ nhiệm sở khi chưa có lệnh.

Mặc dù trời đã tối, mẹ tôi cũng thuê được một chiếc xe G.M.C. mui trần. Cả nhà quyết định: ba tôi và anh trai đầu ở lại Đà Lạt, mẹ tôi dắt cả nhà ra đi. Bỗng dưng tôi trở thành lớn nhất nhà. Mẹ tôi cho xếp một loạt bao gạo dự phòng trên sàn xe, vài tấm nệm, mùng mền cột chặt từng gói. Chúng tôi xếp tất cả quần áo, sách vở vào trong túi sắc, ba lô, thậm chí cả bao đựng gạo. Mỗi đứa con một tay nải. Một đứa em ngây thơ xì quả banh da cho xẹp nhét giữa bộ quần áo. Cơ nghiệp của ba mẹ tôi gầy dựng 25 năm trời chất được một góc xe. Ba tôi vào bàn thờ, thấp nhang khấn vái tổ tiên, rồi lấy tấm di ảnh của ông bà nội cùng cuốn băng mangétophone lưu giọng ông nội tụng kinh khi còn sống để vào chiếc cặp da trao cho đứa em tôi giữ. Chị gái của tôi gói ghém vài bộ quần áo đi cùng các em. Cả nhà như đang trải qua cơn mê. Phút chốc gia đình chia đàn xẻ nghé: bố mẹ, anh chị em chia tay nhau mà không chắc có ngày gặp mặt, đoàn tụ, còn anh trai thứ đóng quân ở Qui Nhơn không biết giờ này phiêu bạt nơi đâu!

Cũng như bao gia đình khác trong chiến tranh, gia đình tôi cũng không tránh khỏi những mất mát đau thương. Chú tôi, quận trưởng Tuy Phước – Quy Nhơn, bị bắn chết tại

nơi làm việc cùng mấy giáo sinh sư phạm khi VC tấn công vào quận. Rồi Tết Mậu Thân, bên nội và ngoại tôi ở Huế cũng có người mất tích sau khi bị bắt đưa đi, đến nay cũng chưa tìm thấy xác. Ở Đà Lạt yên bình, chúng tôi tuy chưa tiếp cận với cuộc chiến nhưng những hình ảnh, thước phim mờ chôn tập thể, vụ nổ rạp ciné Ngọc Lan... làm chúng tôi lo sợ cho ba tôi và gia đình mình khi VC đến.

Trời Đà Lạt còn sương mù, chúng tôi chất xong đồ đạc lên xe. Các em chạy quanh xóm từ già bạn bè, tôi đi vòng quanh nhà xem lại còn sót vật dụng nào không, căn nhà nơi lưu dấu tiếng khóc chào đời của anh em chúng tôi trống trơn đến lạnh người. Mẹ tôi gửi nhà cho hàng xóm trông giùm. Bà vẫn nghĩ đến ngày trở lại. Dân Lò Gạch thuộc xóm lao động nên nhiều người không có điều kiện ra đi phải ở lại. Ông Tư Mạnh, bác Lợi, o Liên... ra tiễn đưa, nhìn theo gia đình chúng tôi nửa ao ước có cơ hội để được đi, nửa thương xót vì ra đi mà đích đến thật mông lung. Tình cảm xóm giềng thật sâu đậm. Đêm qua tôi viết thư từ già ba đưa bạn thân nhưng sáng ra lại xé bỏ, kể đâu tẩu biệt mình đâu có giá trị, tôi không biết mình còn được gặp lại các bạn, những người bạn chí cốt từ thuở bé, san sẻ với nhau biết bao buồn vui tuổi học trò.

Xe nổ máy, từ từ lăn bánh. Bóng người ở lại khuất dần trong khói xe. Xe chạy lên đường Duy Tân, phố xá hai bên đường vắng vẻ cùng Khu Hoà Bình bình yên trên con dốc cao của thành phố; rồi xuôi theo đường Lê Đại Hành. Hồ Xuân Hương lặng im in bóng nhà Thủy Tạ. Bên kia hồ, Đồi Cù xanh ngắt cỏ và thông. Cảnh vật chung quanh không thay đổi, chỉ có lòng người là bất an.

Sáng nay, chúng tôi vội vã ra đi. Bỏ lại thành phố, nhà cửa, bạn bè, xóm giềng và muôn vàn kỷ niệm dấu yêu phía sau lưng.

Nha Trang, ngày hoảng loạn (1/4/1975)

Chịu nửa ngày dưới cái nắng cháy người của miền Trung, chúng tôi đến Nha Trang với khuôn mặt đỏ bừng như tôm

luộc. Nhà ông cậu không lớn, chúng tôi chỉ ăn uống tại đó, tối đi ngủ nhờ chỗ khác. Qua cơn mệt mỏi, các em tôi theo đám em họ háo hức xuống biển, tưởng như để lại mọi nguy hiểm trên Đà Lạt .



Đoàn người đi tẩu hỏa loạn trên Liên minh lý 4b sau quyết định Cam Ranh 14/03/1975 bị rơi Quân Khu II của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu cùng Hội đồng trường lãnh

Sau khi Quảng Đức bỏ ngõ, anh rể tôi đi đường bộ về Đà Lạt, ba tôi bảo anh nghỉ ngơi vài hôm, ông xuống đón chị tôi lên tiệm thể thăm vợ con. Ba tôi xuống Nha Trang được một hôm, Nha Trang trở nên hỗn loạn hơn vì lính các nơi đổ dồn về đây. Dân Nha Trang cũng bắt đầu tản cư. Gia đình cậu tôi và người bạn cho gia đình tôi tá túc trong những ngày qua quyết định về Sài Gòn. Cậu rớm nước mắt khi ra đi vì chính bản thân cậu cũng khó có thể cứu mang nổi gia đình cậu nói chi mang theo gia đình tôi.

Sau khi tiễn cậu xong, ba mẹ tôi đưa cả nhà quay lại Đà Lạt, bởi gia đình tôi thực sự không biết đi đâu khi mà đưa lớn nhất mới tròn hai mươi, đưa bé nhất chỉ lên mười. Giữa cái chết đói, chết vì súng đạn, dường như chọn cái chết trong nhà mình thì vẫn dễ hơn. Mẹ tôi cùng chị và các em lên trước với ít quần áo trong người. Ba và tôi thu dọn đồ đạc thuê xe lên sau. Mẹ và các em đi rồi, tôi gói quần áo của bà lại, chỉ lỏm loi vài bộ. Tôi nhớ bà vẫn ao ước có một chiếc áo dài nhưng màu hạt xay, và tự hứa khi nào có tiền sẽ may cho mẹ áo dài nhưng đủ màu. Dọn xong đồ đạc,

trong lúc chờ ba thuê xe quay trở lại, như có linh tính tôi lấy chiếc cặp da đen mà ba đựng tấm hình của ông bà nội, gói ghém thêm một vài bộ quần áo. Tôi thay chiếc quần tây đen, áo chemise trắng, chân mang đôi giày bata trắng, dưới lòng bàn chân, trong chiếc bít tất tôi lót ba mươi ngàn đồng tiền lương vừa lãnh.

Đúng lúc ba tôi vừa về, ông bảo tìm xe không có, hai cha con hốt hoảng chạy ra đường. Như một luồng bão thổi qua, thành phố vắng hoe, thay đổi đến không ngờ, không khí lạnh ngắt, ngột thở. Ba và tôi chạy đến bến xe đi Cam Ranh, chỉ thấy người chen nhau mà không một chiếc xe. Hai cha con lại chạy về bến xe đi Đà Lạt, nhưng ở đó tình hình không khác mấy. Lúc này súng nổ vang trời. Đường phố thấp thoáng tù vượt ngục đầu trọc, cỡi trần, tay mang súng, bắn vang trời. Tôi hoảng sợ, ba và tôi núp vào một chiếc xe đậu dọc đường. Ngột tiếng súng, hai cha con chạy xuống bãi biển. Bất ngờ ba đón được chiếc xe Minh Tâm của một người thuê đón gia đình về lại Đà Lạt. Hai cha con mừng rỡ leo lên. Thành phố lại vang tiếng súng, ngoài bóng dáng người tù còn đầy rẫy lính tráng đeo ba lô, súng ống đầy đủ, khuôn mặt ai cũng hoang mang, không hiểu chuyện gì xảy ra, tiếng súng nổ khắp nơi. Ra khỏi Nha Trang vài chục cây số, xe không thể chạy tiếp vì phía trước ngổn ngang xe cộ. Tôi luôn miệng hỏi ông tài xế:

- Đà Lạt có gì không bác?

- Lúc bảy giờ tôi đi xuống đây thì Đà Lạt vẫn bình thường.

Xe chạy ngang qua Trung Tâm II, con đường tràn ngập những tân binh xả trại, ai cũng tìm đường về nhà. Trong số đó có hai người quen của tài xế, họ mừng rỡ trèo lên xe. Những chiếc xe nhích từng mét một, xe nào tắt máy bị kéo bỏ sang hai bên đường. Rồi chiếc xe chúng tôi đi cũng hết xăng. Ba tôi nóng lòng muốn xuống đi bộ, nhưng hành lý còn ở trên xe không thể mang đi theo, vả lại xung quanh toàn là lính tráng, khuôn mặt ai cũng căng thẳng, tôi lại là thân con gái, cuối cùng hai cha con phải ở lại với

những người trên xe ngủ gật gù. Tôi thấp thỏm nguyện cầu cho mẹ, chị và các em về Đà Lạt bình an. Bởi nhìn sự hỗn loạn chung quanh, súng nổ rền trời thì khó mà biết được chuyện gì xảy ra nếu mẹ và các em còn ở đây. Một chị trên xe nấu được miếng cơm chia cho hai cha con. Bấy giờ tôi mới cảm thấy cái đói, bởi từ hôm qua đến giờ không một cái gì bỏ bụng.

Mười giờ đêm, ba tôi sốt ruột không chịu nổi, hai cha con bỏ lại hành lý trên xe lần mò đi bộ hướng về Đà Lạt.

Con đường về nhà (2/4/1975)

Hai cha con đi suốt đêm, không biết được bao nhiêu kilômet. Tôi ôm chiếc cặp như một đứa trẻ lạc nhà, hết đêm qua sáng, mặt trời xứ biển lên mau và nắng gay gắt, nhưng hai cha con không cảm thấy khát nước. Chân tôi mỗi nhừ tưởng chừng như bị bỏng thì ba tôi vẫy được chiếc xe hồng thập tự quân đội, hai cha con được quá giang, phải đứng trên hai chiếc bánh xe secur.

Tối một ngã ba, xe rẽ hướng khác, hai cha con đi bộ thêm vài cây số đến Cam Ranh. Thành phố đầy người đi hôi của, người ta phá kho, vác gạo, sữa, đồ hộp quân tiếp vụ... không chỉ có người dân địa phương, mà có cả người dân tản cư, lính lạc đơn vị, tù phá ngục. Đúng là một sự hỗn loạn! Hai cha con ngơ ngác nhìn mà quên hẳn mình rất đói. Không biết cơ man người từ đâu về, đông nghịt người và người. Hai cha con đón được chiếc xe G.M.C. chở những người tản cư ở Qui Nhơn đến, họ cho đi và không đòi lấy một đồng. Đi một đoạn khá xa, đến một chiếc cầu dài bị gãy mấy nhịp, từng đoàn xe dừng lại bên cầu nhưng toàn là xe dân sự, hình như sau khi rút quân, người ta bỏ bom cho sập. Hàng loạt người đứng ngồi theo từng nhóm dọc hai bên chiếc cầu, đồ đạc, quần áo, máy móc, gạo cơm, sách vở, thậm chí những tập album hình ngồn ngang khắp nơi, người ta quá vội vã bỏ đi không có thời gian cúi xuống nhặt nhạnh. Hai cha con đứng lặng bên cầu, nhìn dòng nước chảy, cuối cùng xắn quần lội nước. Qua được cầu, chúng tôi đón được

chiếc xe về Phan Rang.

Trên xe người ta bàn tán nhau về tình hình chiến sự. Một người cho biết đoàn quân của các trường Võ Bị Quốc Gia, Chiến Tranh Chính Trị, Cảnh Sát Dã Chiến di tản xong, Đà Lạt trở nên thành phố chết, không chính quyền, không quân đội. Sự tan rã lan dần đến Phan Rang, hiện nay không ai biết điều gì đang xảy ra trong thành phố tôi ở. Tôi cố an ủi ba:

- Mới có một ngày thì không thể mau như vậy được. Và lại đâu có đánh nhau, mà không thể nào không có đánh nhau.

Trung tâm thành phố Phan Rang tràn người tản cư, họ ngồi hai bên lề đường, trong chùa, trong trường học. Niềm vui tràn ngập khi tôi gặp được bác Hai Dĩ, một người hàng xóm. Bác cho biết:

- Mạ và các em con đã về đến Đà Lạt tối hôm trước, nhưng không biết sáng nay có đi di tản theo đoàn quân hay không. Chị con đã gặp được anh rể. Như vậy anh chị con và anh đầu chắc theo đoàn quân đi về Sài Gòn rồi.

Hoang mang, tôi để ba ngồi dựa vào gốc cây còn mình chạy vào trường học, vào chùa để kiếm mạ và các em, không trông mong thấy được anh chị, vì đoàn quân đã đi qua. Và tôi biết mình đang tự lừa dối mình vì không bao giờ mạ tôi dám đưa đám con còn quá nhỏ để ra đi lần nữa, mạ sẽ chờ cha con tôi trở về nhà. Một người đàn ông tốt bụng thấy tôi chạy loăng quăng, lên tiếng khuyên:

- Cháu tìm ai, giờ này sao không về nhà, còn cấp cặp đi đâu nữa, về nhà đi cháu ơi, coi chừng lạc bố mẹ đó.

Tôi không thể giải thích với ông lý do mình đi tìm mẹ. Ba tôi ngồi bên gốc cây trông thảm hại. Ông như một cây cỏ thụ bị đốn ngã. Trước đây ông luôn tự hào mình là người thành đạt, từ một cậu học trò nghèo ham học, ông vươn dần lên chức vụ của người đứng đầu một cơ quan trong tỉnh, nay theo bản năng ông muốn trở về Đà Lạt tìm lại vợ con, nhưng ông cũng hình dung ra những gì chờ đón mình khi mình bước chân về nhà khiến ông chùn chân, ngồi suy nghĩ với trăm bề khổ đau. Trước cổng chùa có một em bé ngồi

khóc, có người dỗ dành, em nức nở:

- Mẹ bảo cháu ngồi đây để mẹ đi tìm cha mà giờ này không thấy mẹ quay lại!

Chẳng biết bà mẹ đó giờ này cuống cuống chạy ngược xuôi tìm con hay nằm lại một góc đường nào đó.

Không tìm thấy mẹ và các em, tôi tuyệt vọng. Hai cha con ngồi ở ngã ba Phan Rang, khóc ròng. Bỗng một đoàn lính đi ngang, một vài người đóng quân gần trường tôi dạy nhận ra tôi. Một vài người chào ba tôi, bởi thành phố Đà Lạt quá nhỏ, mọi người hầu như biết nhau. Đó là những anh lính Địa Phương Quân được lệnh về đóng ở Ninh Thuận, hỗ trợ cho trường Võ Bị Quốc Gia, Chiến Tranh Chính Trị rút quân. Khi đoàn quân di tản đi qua, các anh không biết đơn vị mình đi đâu nên họ trở lên lại Đà Lạt vì gia đình còn trên đó. Không còn gì may mắn hơn, ba và tôi vững niềm tin, chúng tôi hòa vào đoàn người, một người lính nào đó bắt một chiếc xe tải dừng lại, cũng may ông tài xế cũng có ý định lên lại Đà Lạt, mọi người trèo qua thành chiếc xe tải phủ kín mui, người nào đó chìa những chiếc bánh lương khô cho ba và tôi, tôi thực sự cảm động biết ơn.

Những người lính lạc đơn vị từ khắp nơi đổ về, không người chỉ huy, ai có súng là có sức mạnh, thêm vào đó, không chính quyền, tù hình sự phá ngục thoát ra phá phách và hôi của. Một thành phố kinh hoàng, súng nổ rền trời. Một toán lính khác lên cò súng bắn chỉ thiên, bắt chiếc xe tôi đang chạy dừng lại, hai toán lính đối đầu nhau, cả hai bên cùng có súng, cuối cùng toán lính đứng dưới bỏ đi sau khi lột chiếc đồng hồ của ông tài xế. Ông tài xế sợ hãi không dám đi tiếp, ông bỏ xe lại lẫn vào dân. Mọi người xuống xe lại tiếp tục đi bộ đến gần tối thì đón được một chiếc xe chở thuốc tây cho pharmacie Đà Lạt ngay trung tâm thành phố. Ông tài xế rộng rãi cho tất cả mọi người lên xe. Xe chạy ra khỏi Phan Rang, không khí yên tĩnh, người đi đường thưa thớt, không có đoàn người chạy ngược xuôi. Đêm buông dần xuống, xe dừng giữa đèo Song Pha để nghỉ, không dám lên đèo trong một không khí lặng đến ghê người.

Một chiếc xe lambetta bỗng xuất hiện trong đêm tối mịt mùng. Khuôn mặt một người đàn ông vẫn còn nét hoang mang, ông nhận ra ngay ba tôi:

- Anh ơi! Quân đội đã rút đi hết rồi. Không còn chính quyền trên đó, nghe nói Việt Cộng về rồi, họ đã đặt đại điện. Anh không nên lên, không nên...

Báo tin xong, ông hối hả chạy tiếp. Mọi người trên xe nửa tin nửa ngờ vì thông tin này, còn đang bàn tán thì trong rừng, bóng hai người đàn ông khác xuất hiện. Họ là hai cha con, tay đeo nãi, khoác ruột tượng dựng gạo trên vai. Dáng người cha to lớn in trong rừng cây tối đen. Ba tôi nhận ra bác Ngãi, một công chức đồng sự với ông. Chỉ vài câu nói bác xác nhận tin trên là đúng sự thật. Bác khuyên ba tôi không nên trở lại Đà Lạt. Ba tôi sụp xuống, ông đẩy dũa, bác Ngãi quay qua tôi nói nhỏ:

- Bác nói cho cháu nghe, cháu phải cẩn không để ba cháu lên Đà Lạt nữa, nguy hiểm lắm.

Tôi òa khóc, người như mê đi, trong tiếng mọi người bàn tán, tôi nghe tiếng bác Ngãi an ủi, vỗ về.

Con đường phía trước không còn lối thoát. Với ngân ấy năm là m công chức cao cấp, bây giờ Đà Lạt không còn là đất cho ba



tôi dung thân. Tôi nhớ khi còn học bậc trung học, ba bạn tôi là bác Tăng Văn Danh làm trưởng ấp dưới Trại Hầm, một đêm họ về đem ra xử bắn trước sân ngay trước mặt vợ con. Tôi sợ thất thân, tôi biết nếu mình trở lên chắc không chết nhưng ba tôi không có cơ may sống sót hay thoát cảnh tù tội. Tôi không nghĩ ba tôi có thể thoát chết trong cuộc

chiến này được nhưng tôi không muốn chính mình là người đem cha lên Đà Lạt để nạp mạng. Những thước phim về những cuộc đấu tố, những hố chôn tập thể hiển hiện trước mắt làm tôi điếng người. Giờ thì ba tôi không còn một chút tâm trí nào, không biết quyết định ra sao, ông khóc than, tự trách mình không lên chuyến xe cùng vợ con, nay gia đình ly tán, ông không cùng vợ chia sẻ nỗi nhọc nhằn, thậm chí giờ không biết vợ con vất vưởng ở đâu. Tôi cũng khóc hết nước mắt giữa đèo Sông Pha, tôi không biết mình còn gặp lại mẹ và các em. Tôi nhớ từng khuôn mặt của mỗi đứa em: Hoàn nhỏ nhất mới lên mười, ít nói có đôi mắt to buồn, Phương nhí nhảnh, lên xe về Đà Lạt mặc bộ đồ mới tôi vừa mới may trông thật dễ thương. Sâm chính là đứa em đặt trái banh giữa bộ quần áo để tôi không thấy bắt bỏ lại, em còn có tên Sâm Banh. Cẩn đi xe đạp đến trường xa hơn năm cây số mà không than thở. Ngày xưa còn bé, tôi bồng Chi suốt trên tay, mỗi khi em đòi tôi bế, giọng nói ngọng nghịu: Gương ơi! Gương! Lạc, Lâm tuy lớn nhưng rất ngoan, dẫu gần nhà có một điểm bán bạch phiến mà các em không hề ghé mắt nhìn qua. Quyền chăm lo học hành, lúc nào sách vở cũng trên tay.

Một đêm hãi hùng giữa đèo Sông Pha, bỗng nhiên tôi trở thành người tứ cố vô thân không một mái nhà, hay có một mái nhà mà không dám về, có người thân chờ đợi mà không dám ghé. Tôi không dám nghĩ ba tôi sẽ sống như thế nào nếu cha con thoát thân về được Sài Gòn nhưng tôi cố tự nhủ mình: nếu không về gặp được mẹ và các em thì phải cố đưa ba tìm gặp các anh và chị vì tôi tin họ đã về đến Sài Gòn và nghiến răng thề bảo hã y để nước mắt ở giữa đèo. Với một con bé suốt tháng năm qua chỉ biết ăn và học, ra đời chưa được bao lâu nay phải tự mình quyết định một việc như thế, tôi biết tóc mình đã bạc dẫu chưa qua tuổi hai mươi.

Con đường tìm sự sống (ngày 3 tháng 4 năm 1975)

Sáng sớm, ông tài xế xe thuốc tây e dè hỏi cha con

tôi có muốn lên Đà Lạt nữa không. Mọi người đã xuống xe, ba muốn trèo lên nhưng tôi níu tay lại. Xe chạy, hai cha con lại chạy theo một đoạn rồi đứng lại nhìn chiếc xe mất hút đem theo niềm hy vọng trở về nhà. Toán người đi xuống đèo, ngoài cha con tôi, hai cha con bác Ngãi còn có ba người lính địa phương đóng trong trường tôi dạy, hai người tên Phụng và Tân, còn người kia thì tôi không biết, ba người lính muốn về Sài Gòn để trình diện tại Bộ Tổng Tham Mưu. Trên đoạn đường đi, mỗi người một suy nghĩ, chỉ có cha con bác Ngãi háng hái nhất, bởi gia đình bác về được Sài Gòn mấy hôm, bác đi sau cũng chỉ vì không dám bỏ nhiệm sở. Ba người lính tuy từng trải trong chiến trường nhưng cũng không hình dung nổi việc mình đang làm, không nhận thức mình muốn và đang muốn cái gì. Ba đi như người mộng du. Tôi nhìn mặt đường đi trong lòng chỉ cầu nguyện, biết chừng anh chị tôi thuyết phục mà chạy theo đoàn quân và cũng sẽ về được Sài Gòn, nhưng trong thâm tâm tôi cũng tự biết điều đó là không thể. Nước mắt đã cạn ở giữa đèo, trong tôi có một sức cứng rắn đến tàn nhẫn, tôi kéo mũ sụp che khuất khuôn mặt, tay cầm cặp, tay điều ba tôi đi, phải đi nhanh cho bằng những người nam đồng hành để không bị bỏ lại phía sau. Xuống cuối đèo, có một tượng phật Quan Thế Âm nhỏ bên cạnh đường, mọi người đứng lặng, ba tôi chấp tay cầu xin Phật phò hộ, tôi không biết mình ao ước điều gì, bởi mỗi bước chân là mỗi bước cách xa mẹ và các em.

Đi thêm một đoạn đường dài, đoàn người đón được chiếc xe đò từ Đơn Dương xuống, chúng tôi leo lên. Xe chạy được một lúc lại đến ngã ba rẽ đường khác, chúng tôi lếch thếch đi bộ, khác với ngày hôm qua, con đường đi vào Phan Rang đây nghịt người không biết từ đâu đổ về, không hiểu người ta đi đâu, nhóm người này đi tới lại đụng phải nhóm người đi lui, có lẽ họ cũng như chúng tôi, người muốn trở về nhà người muốn đi tiếp về Sài Gòn, hình như mọi người thấy phải đi thì mới cảm thấy yên tâm hơn. Phan Rang thực sự một thành phố kinh hoàng, ngày hôm qua chỉ là hôi của,

còn giờ thành phố đầy rẫy sự cướp bóc.

Đoàn người chúng tôi không có hành lý. Tôi có tháng lương để dưới bút tất và chiếc cặp da nhỏ, ba có 10000 đồng, hai cha con bác Ngãi đeo tay nải lương thực, ba anh lính với chiếc ba lô. Chúng tôi đi giữa sự hỗn loạn, dưới cái nắng nóng của Phan Rang. Đến lúc mọi người tưởng như chịu không nổi lại đón được xe vào thành phố, lính tráng có mặt khắp nơi, đủ các binh chủng, họ đi thành từng nhóm, mặt mày căng thẳng, một toán lính đứng trên thành cầu, nhóm khác đứng hai bên vệ đường, một người ra giữa đường chĩa súng lên trời bắn chỉ thiên buộc xe của chúng tôi dừng lại, chiếc xe ngang ngạnh không chịu dừng, một tràng súng bắn ngang. Xe dừng lại, có người trúng đạn, xác chết bị kéo xuống đặt dưới đường, không một tiếng khóc có lẽ là một người đi lẻ loi, gia đình không biết con mình đã chết nằm ở vệ đường. Toán lính dưới đất trèo lên xe, xe lại tiếp tục chạy. Tôi ngồi giữa những người lính đầy súng ống, sợ điếng người vì phải đối mặt với cái tàn nhẫn của chiến tranh. Những người lính lạc đoàn quân từ miền trung chạy vào, họ không có một thông tin, không biết chỉ huy nay ở đâu, không biết cấp chỉ huy ai còn ai mất, những cuộc phục kích khiến họ không biết cuộc chiến nay đã xảy ra nơi đâu và kết quả như thế nào. Những người lính bình tâm lại, họ hỏi thăm những người ngồi trên xe, thương hại cha con tôi. Tôi không dám nhìn ai, không hé môi một lời, có lẽ họ cũng chỉ nghĩ tôi là một con bé trung học lạc nhà. Xe chạy đến Phan Rí thì ngừng lại. Đoàn người đi từ đèo Song Pha giờ như một gia đình nhỏ, tá túc dưới một mái hiên, mấy anh lính Địa phương Quân cho ba tôi mượn chiếc poncho, họ cho tôi nắm cơm, với bàn tay mấy ngày không nước rửa tôi bẻ nắm cơm ăn đến hạt cuối cùng.

Đoạn đường kinh hoàng (ngày 4 tháng 4 năm 1975)

Sáng hôm sau, xe chạy ngang qua Phan Thiết, mặc dù xe chở đầy lính tráng không bị chặn lại nhưng đi rất chậm vì người đi đầy đường bằng đủ các loại phương tiện: xe ba

gác, xe đạp xe gắn máy, xe tải, xe quân đội người đi bộ gồng gánh lấn ra cả lòng đường... Đến ngã ba vào Bình Tuy, đoàn người phải xuống đi bộ. Đoạn đường dài, nắng nóng, không một bóng nhà, không một bóng cây, không nước uống, chỉ có những vũng lầy nước đục ngầu. Ba và tôi nhắm mắt cố uống cho qua cơn khát.

Con đường đầy những xác chết. Mới thoạt nhìn tưởng người ngoại quốc vì ai cũng to lớn. Nhưng thực ra đó là những người lính, người dân xấu số bị chết thương phình vì không người chôn cất. Xung quanh, những đám ruồi xanh bay vo ve. Tôi không dám nhìn chung quanh, cúi mặt sát đường hơn, nhìn kỹ bước chân để tránh đạp nhầm súng ống ngổn ngang. Ba tôi cũng chẳng hơn, ông vốn chỉ là một công chức lại mang trong người một dòng máu của nàng thơ nên sống không thực tế, tất cả mọi việc trong gia đình đều một tay mà tôi lo toan. Không có bà bên cạnh, ông hụt hẫng không quyết đoán được việc gì. Hai cha con dìu nhau đi trên đoạn đường địa ngục, sự sợ hãi quá sức khiến mọi xúc cảm không còn, tôi lẩn thẩn tự hỏi: chắc gì mình may mắn hơn những người nằm xuống.

Buổi tối bên hiên nhà trên con đường vào Bình Tuy. Trời mưa, tôi nằm dưới đất, gối đầu trên chiếc cặp da, người lấm lem đất cát, đoàn người đã khốn khổ vì chạy loạn nay lại chịu ướt đến khốn khổ. Trên bầu trời, hoả châu soi sáng một góc trời, tiếng súng âm ì ở đâu đó, tôi mong một trái đạn pháo nào rớt vào; nếu tôi chết, chắc chắn hồn tôi sẽ linh thiêng, tôi phù hộ cho ba mẹ và các em tôi.

Miền đất hứa (ngày 5 tháng 4 năm 1975)

Tôi thức giấc khi bầu trời còn tinh tú và không ngờ mình vẫn còn sống, tôi dẫn ba lầm lũi đi sau cha con bác Ngãi. Mấy lần ba thối chí muốn dừng lại bên lề đường nhưng tôi không cho. Tôi cúi đầu không nhìn ai, níu tay ba tôi không cho ông dừng lại để nói chuyện với ai, bởi một lần gặp gỡ ông lại khóc. Có lúc ông bảo tôi thấy một người nào đó mặc chiếc áo len của anh rể do chính tôi đan tặng nhưng tôi dứt

khoát không cho ông hỏi thăm bởi nếu đúng chiếc áo của anh thì điều đó chỉ báo điềm không may mà thôi. Giờ ông lại xem tôi là người có tội khi hai cha con lâm vào tình thế này. Bao nhiêu lời trách móc ông dành cho tôi, kết tội tôi không cho ông lên đèo, ông cứ hỏi tại sao tôi lại là con gái mà không phải con trai.

Từng đoàn người tản cư của khắp miền trung đổ dồn về, tới đây họ cảm thấy yên tâm, họ cảm giác mọi chuyện trở nên bình yên nếu về được Sài Gòn, thánh địa cuối cùng. Đường đi về bãi biển nóng khá nguy hiểm bởi ngoài đò đặc vất ngổn ngang còn lẫn súng ống, những quả lựu đạn nằm lẫn lóc đến đáng sợ, người ta chen lấn nhau thuê ghe máy vào Long Hải. Trời về chiều, ba người lính có lẽ tìm được đơn vị hay gặp nhiều người trong đơn vị nên đi đâu mất, cha con bác Ngãi ái ngại hoàn cảnh cha con tôi nên dọc đường có ý chăm sóc, bác thuê giùm ghe máy và cùng nhau đến Long Hải.

Chiếc ghe máy chạt người, nước mấp máy vào mạn ghe, khuôn mặt nhiều người đã thấy nụ cười, miền đất hứa hiện ra trước mắt. Lòng tôi khô cứng lại, tôi biết không thể nào mình gặp mẹ và các em nữa. Giờ ba tôi như một người điên, ông ôm, đánh, cấu véo tôi như thể tôi là nguyên nhân gây cho ông nỗi khổ này, rồi ông lại khóc ôm tôi, quay quắt gọi tên từng đứa con. Ghe cập bến, mọi người xuống ghe với nụ cười, chúng tôi xuống ghe với tâm hồn nặng trĩu. Bờ biển Long Hải đầy người. Không muốn nhìn niềm hạnh phúc của cha con bác Ngãi cũng như không muốn ba tôi khốn khổ khi thấy bác sắp gặp lại gia đình khiến ông nổi cơn khùng hoảng, tôi dẫn ông lẫn vào đám đông mà không cảm ơn cha con bác lấy một lời.

Trời sắp tối, tôi ra bể nước giặt cho ba tôi chiếc áo chemise, hai cha con mua một đĩa cơm, đó là đĩa cơm đúng nghĩa sau mấy ngày chạy loạn, khiến tôi cũng ngạc nhiên về cái ngon miệng của mình.

Đêm đó, cha con tôi thuê chiếc ghé bố ngủ trên bãi biển, chung quanh tôi rất đông người, nơi hội tụ của trăm ngàn

hoàn cảnh từ khắp nơi đổ về. Hoàn cảnh như cha con tôi không phải cá biệt, những người giàu có đã đi tản cư bằng máy bay, phần còn lại đi bộ thất lạc nhau, chết chóc dọc đường. Một ông đứng tuổi nằm gấn bên ba khóc nức nở, vợ con ông chết ngay trước mắt, ông thấy xe cán lên mà không thể dừng lại để chôn cất; tiếng khóc, tiếng than, tiếng kể lể nổi lên, con xa cha mẹ, vợ lạc chồng. Tiếng người bàn luận nhau về cuộc chiến, người ta không biết vĩ tuyến 17 giờ sẽ đặt ở đâu. Tôi nhìn trên trời cao, tìm ngôi sao bản mệnh của mình. Ngày mai, hai cha con tôi sẽ thuê xe về Sài Gòn, tôi có gặp được các anh chị trong đoàn quân di tản? Anh trai tôi trong đoàn quân tan tác miền trung có về kịp hay bị bắt, bị chết ở đâu? Hai cha con về Sài Gòn để làm gì khi anh chị không ai về được? Cuộc chiến sắp kết thúc hay chỉ là mới bắt đầu? Sự trầm luân của hai cha con tôi mới khởi sự và bao giờ thì kết thúc? Tiếng khóc, tiếng cười ồn ào xung quanh mà không ai trả lời câu hỏi đó... Tôi ngậm ngùi nghĩ tháng ngày này thật khủng khiếp khi tôi mới ở tuổi hai mươi.

Phạm Mai Hương

** Hơn 30 năm qua tôi chưa bao giờ dám mở lại những trang nhật ký này. Mãi đến hôm nay đọc lại, tôi mới thấy những ngày tháng ấy thật đáng sợ, đủ để bạc cả mái tóc dù chỉ ở tuổi hai mươi.*



■ *tùy bút*

Bà Mẹ Quê

■ *Captovan K19*

Có nhiều cách gọi về song thân tùy theo địa phương, nhưng ở quê tôi, một vùng thuộc tỉnh Kiến An, Hải Phòng thì con gọi bố mẹ là thầy bu, vì thế tôi xin giữ hai danh từ này cho bài viết về mẹ tôi, một bà mẹ quê.

*

Thầy tôi qua đời ngày 15 tháng Giêng năm 1947, hưởng dương 41 tuổi! Ông cụ mất đi khoảng sau 2 tháng bị bệnh mà thuở ấy người vùng quê chỉ biết gọi là bệnh “thương hàn”(?). Những ngày thầy tôi lâm trọng bệnh và khi các con tiễn chân ông cụ ra cánh đồng thì nay tôi không còn nhớ gì nữa! Kỷ niệm duy nhất còn sót lại trong đầu tôi là khi ông cụ tháo vai cày ra khỏi cổ con trâu rồi đưa sợi dây thừng cho tôi dẫn nó đi ăn, đang gặm cỏ, khi đến bên bờ hồ trước cửa nhà thờ thì nó nhào xuống nước, ngược mũi lên thở phì phò, còn tôi, một thằng bé chăn trâu mới 6 tuổi, không thể kéo nó lên được nên tôi đành buông dây thừng, đứng trên bờ mà khóc vì sợ con trâu sẽ chết đuối.

Nhưng với bu tôi, một bà mẹ quê, thì tôi nhớ nhiều, nhưng chưa một lần nhắc lại những kỷ niệm này với anh chị em và con cháu. Khi thầy tôi mất thì bu tôi mới 43 tuổi với một nách bầy đứa con, tất cả cùng sống trong căn nhà

tranh vách đất ba gian hai trái, một mảnh vườn với dăm ba sào ruộng thuộc làng Cựu Viên, tỉnh Kiến An, thành phố Hải Phòng, và chỉ cách hai nơi này chừng hơn 3 cây số.

Một hình ảnh tuy đã hơn 60 năm rồi mà tôi vẫn còn như đang thấy trước mắt, đó là cảnh vào lúc hoàng hôn, bu tôi đứng ở góc vườn, hướng ra nghĩa trang mà kêu tên thầy tôi trong tiếng nấc sau khi đã chôn cất thầy tôi xong.

Bu tôi cả ngày phải chân lấm tay bùn với ruộng lúa vườn rau, mỗi buổi chiều về, sau khi thổi cơm cho con, nấu cám cho lợn (heo) xong thì mặt trời đã lặn, giữa lúc tranh tối tranh sáng, bà lẳng lặng ra góc vườn, lúc thì ngồi ngắt đọt khoai lang, khi thì đứng hái lá chè mà thút thít khóc trong khi các con không hay biết.

Một buổi chiều tối, khi chim đã về tổ, tôi leo lên cây cau ở góc vườn để bắt ỏ chim sáo đen khi nghe chim con “chíp chíp” mà tôi đã rình từ lâu, tôi thất kinh suýt rơi xuống đất khi bất chợt thấy bóng đen đứng khóc góc vườn. Nhưng tôi hoàn hồn ngay khi nhận ra giải khăn tang trắng vắt trên đầu, hai đuôi khăn chạy dọc sống lưng của bu tôi, tôi vội tụt xuống định chạy vào nhà, nhưng rồi khựng lại, ngồi thụp xuống bên gốc cây cau vì nghe tiếng bu tôi khóc:

“Ôi ông ơi! Trời đã tối rồi! Ông đi đâu mà sao không về ăn cơm uống nước với các con ông ơi!”

Tuy tuổi lên 6, tuổi nghịch ngợm của trẻ nhà quê không biết sợ ma nhưng tôi rùng mình nổi gai ốc khi nghe bu tôi kêu lên như thế. Bà khóc trong nấc nghẹn, cố kềm trong họng không cho ra tiếng vì sợ các con nghe được, chắc bà cam chịu đau khổ thương nhớ một mình, không đành chia nỗi buồn với các con. Các anh chị em chúng tôi không ai hay biết việc này, vì sau một ngày quần quật với công việc ruộng lúa vồng khoai thì tất cả đã mệt nhoài, mọi người đi nghỉ sớm để sáng mai, khi gà vừa gáy và tiếng chuông nhà thờ “bính-boong” lúc 5 giờ sáng là đã phải dậy để chuẩn bị ra đồng.

Riêng mình tôi biết bu tôi khóc, tôi chẳng nói cho ai hay, nhưng tiếng khóc của mẹ xoáy vào đầu tuổi thơ khiến tôi

cứ đứng sau hè nhìn bu tôi rũ xuống như tàu lá chuối héo, nghe bà nấc nghẹn mà ứa nước mắt theo. Nhiều khi tôi thấy bà vịn cành chè rồi sức nặng của khổ đau kéo cành chè gãy xuống! Một chiều tối, tôi nghe tiếng nói bên kia vườn, cách bụi tre, vắng sang:

- Mẹ Quán sao cứ khóc mãi thế! Hãy để cho Quán nó yên nghĩ.

Đó là tiếng của cụ Dương, chú của thầy tôi, chắc cụ cũng sốt ruột vì tiếng khóc mỗi chiều tối ngoài góc vườn. Bu tôi là cháu dâu nên phải vâng lời chú, từ đó bu tôi không đứng khóc ngoài góc vườn nữa. Nhưng nỗi sầu vì năm mồ chôn chồng chưa xanh cỏ thì làm sao với nên nước mắt tiếp tục rơi cùng những tiếng nấc nghẹn trong góc bếp giữa đêm khuya.

Mùa Đông tháng giá, tiết trời khá lạnh ở vùng quê với căn nhà lá có nhiều khe hở để gió lùa vào, anh em tôi nằm ổ rơm, đắp chiếu, kín đầu thì hở đuôi và ngược lại kín chân thì thò đầu, cái lạnh đêm khuya lại thêm dạ dày trống đùng với câu châm ngôn “bụng đói cật rét” nên giấc ngủ chập chờn. Nửa đêm về sáng, khi gà vữa gáy, tôi thức giấc thấy ánh lửa từ nhà bếp hắt lên, tôi bò dậy và mon men tới để sưởi cho ấm thì thấy bu tôi ngồi nấu cám heo, một tay cầm que, tay kia nắm mở rơm đẩy vào tiếp cho lửa cháy, bóng mẹ tôi in lên vách bếp, ngả nghiêng theo ánh lửa bập bùng. Đêm khuya, thấy con thức dậy bò xuống bếp thì bà mẹ biết con đang thiếu cái gì. Vừa trông thấy tôi, bà vội kéo vạt áo lau nước mắt, rồi nói:

- Đói hả? Ngồi xuống đây sưởi cho ấm rồi bu nướng cho con củ khoai.

Bếp nhà quê đun bằng rơm rạ nên có tiếng nổ lép-bép làm bắn ra những tia lửa tựa pháo bông và kéo theo tro bụi phủ lên người ngồi nấu. Bu tôi đứng dậy khẽ phủi tro trên tấm khăn tang trắng rồi lấy củ khoai lang ở cái thúng treo sau lưng vùi vào đám tro giữa ba “ông đầu rau”.

Có thể nhiều người không biết “khoai nướng vùi bếp tro” là gì, mùi vị nó ra sao, ngay cả con cháu nội ngoại của bu tôi hiện nay đang sinh sống trên đất Mỹ cũng không

biết. Nhưng với tôi, củ khoai lang vùi bếp tro mà bu tôi “ban” cho tôi không có gì so sánh được. Người ta thường dùng chữ “ban” để nói về những “hồng ân” mà Thượng Đế, Chúa, Phật ban cho con chiên, phật tử, nhưng bu tôi đã “ban” cho tôi củ khoai nướng vùi bếp tro giữa đêm đông giá lạnh mà xung quanh bếp chỉ có rơm rạ, tro bụi, bóng tối và tình mẹ con.

Bà mẹ khều củ khoai trong đám tro ra, vò nắm rơm chà lên vỏ ngoài cho sạch chỗ cháy đen rồi đưa cho con:

- Khoai còn nóng lắm, con ăn từ từ.

Đúng rồi, khoai nướng thơm và ngon với trẻ em miền quê, nếu em đói mà vội ăn đến nỗi quên cả bóc vỏ thì sẽ bị nóng phải hả miệng ra, ngứa mắt lên mà thổi “phù-phù”, ăn vụng mà nuốt vội miếng khoai lang dễ bị nghẹn. Bụng đói, cật rét mà hai tay nắm củ khoai nướng nóng thì thích lắm, nhưng không hiểu sao cái tật tham ăn của tôi biến đi đâu mất, tôi cũng chẳng hiểu chữ “hiếu” là gì, nhưng vẫn cứ bẻ củ khoai ra làm hai, đưa bu tôi một nửa mà không nói một lời nào cả? Biết nói gì hơn, và dù biết văn hoa chữ tốt thì trong hoàn cảnh ấy, ngàn vạn lời nói cũng bằng thừa, là sáo ngữ. Tôi đưa nửa củ khoai cho bu tôi chỉ vì tôi thấy bu tôi kéo vạt áo lau nước mắt, chỉ vì trong ánh lửa rơm chập chờn giữa đêm khuya mà tôi thấy mắt bu tôi đỏ. Tôi đưa nửa củ khoai cho bu vì tôi biết bu tôi cũng đói nhưng nhường miếng ăn cho con như tất cả các bà mẹ khác.

Cầm miếng khoai trong tay, bu tôi nhìn tôi không nói gì cả nhưng lại choàng tay qua kéo tôi vào lòng. Tôi biết bu tôi đang thổn thức và rồi bà khẽ nói:

- Con lên nhà đánh thức các anh chị dậy ăn cơm để còn kịp “ra đồng”.

Hai chữ “ra đồng” là chỉ công việc ngoài đồng ruộng như cuốc đất, nhổ mạ, cấy lúa, làm cỏ, trồng rau, trồng khoai, trồng bắp (ngô) v.v... những công việc của nhà nông để làm ra thực phẩm mà người “thành phố”, nhất là các bạn trẻ người Mỹ gốc Việt, không bao giờ có thể hình dung ra được nó vất vả như thế nào.

Ngày qua ngày, bầy gà một mẹ bảy con đùm bọc quây quần dưới mái tranh được bao quanh bởi lũy tre, rồi bị chạy loạn vì chiến tranh! Khi hồi cư về làng cũ thì chỉ còn hoang tàn đổ nát nên mẹ con lại chạy theo dòng người di tản. Thấy họ đi thì bà mẹ quê cũng dắt con đi, không biết đi về đâu và làm gì! Những lúc gian nan khốn khổ như thế chắc hẳn bu tôi lại kêu tên thầy tôi và mong chồng chỉ lối đưa đường cho vợ góa con cô được về nơi bình an.

Cuối cùng thì gia đình tôi làm dân di cư trôi dạt vào Nam, về làng Bến Xúc, quận Bến Cát, tỉnh Bình Dương năm 1954. Người nông dân thường có sức chịu đựng như “cỏ dại”, vất đâu cũng sống được với đất, nhưng mẹ con chúng tôi ra đi không mang theo ruộng vườn, chỉ có hai bàn tay nên phải xoay sở, các anh chị tôi lúc này đã trưởng thành nên phiêu lưu về thành phố và gia đình tôi lại di chuyển về 172/41 đường Đỗ Thành Nhân, Khánh Hội, quận Bốn, Sài Gòn.

Bu tôi, một bà mẹ quê “lạc” về thành phố, bỏ lại sau lưng xa tít mù khơi mái tranh, lũy tre, ruộng vườn và nhất là mồ chồng mà sẽ không bao giờ được nhìn lại nên bu tôi như tàu lá úa và chỉ hồi sinh sau khi đã có tiếng bập bẹ “bà bà” của các cháu nội ngoại. Có lẽ đây là giây phút hạnh phúc nhất của bu tôi cũng như các bà mẹ khác, thương cháu chăm sóc cháu hơn thương con.

Vẫn tưởng bu tôi được vui hưởng thái bình với cháo rau đạm bạc bên con cháu cho tới lúc đầu bạc răng long thì chiến tranh lại tràn về, các con trai con rể của cụ lên đường tòng quân, thẳng cao nguyên, đưa Đông Hà, con trai út ở núi Sơn Chà thì con trai áp út ở mãi tận mũi Cà Mau, đâu đâu cũng nghe tiếng súng nổ! “Đại bác đêm đêm vọng về thành phố” thì bà mẹ quê khốn khổ thức giấc ngồi tựa lưng vào vách, mắt nhắm, tay cầm tràng hạt, miệng đọc thầm chuỗi mân cô cầu xin thượng đế ban ơn lành cho đàn con nơi lửa đạn.

Nhưng hằng ngày bu tôi vẫn nhói tim khi nhìn những xe nhà binh GMC trên chổ quan tài phủ cờ chạy qua cửa! Khi nghe mấy bà hàng xóm kháo nhau rằng áo quan phủ

cờ vàng sọc đỏ là của lính chết trận đó thì bu tôi vịn tường ngồi xuống đất đọc kinh tiếp.

Rồi sáng ngày N tháng 6/1966, một xe GMC chạy vào xóm và từ từ dừng lại khiến bu tôi hốt hoảng khuyu xuống, nhưng người lính TQLC tìm nhà bà Châu, bà hàng xóm và cũng là người cùng quê, để báo tin con trai bà là thằng Mão đã tử trận! Bà Châu xỉu, bu tôi hoảng hốt lo lắng muốn xỉu theo, vì Mão và tôi là bạn và cùng tình nguyện vào TQLC. Mão Tiểu Đoàn 1, tôi Tiểu Đoàn 2, cả hai vừa đụng trận tại ngã ba sông Định, thuộc Bích La Thôn Quảng Trị, nó tử thương, tôi bị đạn xuyên khuỷu tay, thấy không sao nên tôi đã nói với hậu trạm là đừng báo tin về cho gia đình biết. Khốn thay, hậu cứ ở Thủ Đức cứ theo đúng thủ tục mà báo tin nên hai ngày sau lại một xe nhà binh đậu trước cửa hỏi nhà bà Tiệp, tên anh cả của chúng tôi, người báo tin chưa kịp nói gì thì bu tôi không còn biết gì nữa!

Vì bị thương nhẹ nên tôi xin xuất viện ngay để đi phép. Bu tôi đang nằm trên giường bệnh, thấy tôi về, cụ ngồi bật dậy ngơ ngác nhìn con, hai tay vuốt mặt con, nắm vai, nắm tay con lắc lắc như muốn biết đây là thực hay chiêm bao? Bu tôi không nói gì mà chỉ khóc, có lẽ cụ khóc vì lo âu, cụ khóc vì hạnh phúc còn cầm được tay con vừa từ mặt trận trở về, những bà mẹ của lính chiến thấy mặt con lúc nào thì hạnh phúc lúc đó. Tôi xin mượn ý bài thơ Màu Tím Hoa Sim: *“không chết người con lính chiến mà chết người mẹ ở hậu phương”*, người lính chiến nếu có chết, chỉ chết một lần, nhưng bà mẹ hậu phương thì chết dần chết mòn, chết giặc vì con!

Bu tôi đã chết giấc nhiều lần như thế khi thấy mấy đứa con, đứa cháu trong họ hàng và cùng ở TQLC lần hồi tử trận như Tô Chiêu, Tô Sơn, Vũ Tuấn, Nguyễn Thanh v.v.. Cuối cùng thì ngày 19/6/1969, trên con kinh Cán Gáo thuộc tỉnh Chương Thiện, những tiếng nổ đã loại tôi ra khỏi vòng chiến, nhưng may mắn hơn Chiêu, Sơn, Tuấn, Thanh v.v..., tôi còn nặng nợ, chưa đi được nên khi tỉnh dậy, thấy mình nằm trên giường bệnh bệnh viện, toàn thân những dây



*Hoạt cảnh
"Người thương
bình VNCH" do
ban Từ Ca Xu-
ân Diễm thực
hiện đã là một
trong nhiều tiết
mục tạo được
những xúc cảm
sâu đậm khó
quên trong
ngày "Cám Ơn
Anh"
(Ảnh Hồ Đăng)*

cùng nhộ! Mờ mờ nhìn qua lớp băng quấn đầu, tôi nhận ra bu tôi đang lấy cạy vết máu, vết sinh đã khô trên mặt tôi, tôi mấp máy đôi môi, gọi qua hơi thở của bình dưỡng khí:

- “Mẹ!”

Tiếng “Mẹ” dễ gọi dễ thương là thế nên tôi quen với chữ “Mẹ” từ đó.

Tôi bị trọng thương, bị loại khỏi vòng chiến thì cũng là lúc mẹ tôi bớt được một phần lo âu, thấy tôi lê lét với đôi nạng gỗ kẹp nách thì mẹ lại mỉm cười:

- “Con cứ như thế này thì mẹ đỡ lo”.

Chưa trả hết nợ nước nên tôi được hạnh phúc quanh quẩn một thời gian bên bà mẹ già nhà quê, bà mẹ không biết viết, không biết đọc mà chỉ biết khóc vì con. Thế rồi đất bằng dậy sóng, các bà mẹ lại tiếp tục vất vả vì các con, lần sau cùng tôi nghe mẹ khóc là khi tôi cúi kính nhìn mẹ rồi vất đôi dép làm bằng vỏ xe hơi mà cụ đã len lén để vào túi xách cho tôi lên đường “vinh quang”.

Sau ngày 30/4/75, ba anh em trai tôi cùng hai người anh rể đều lên đường để “được” cải tạo làm con người! Chẳng cần nói thêm thì ai cũng biết một bà mẹ già trong hoàn cảnh ấy thì “có vui bao giờ”! Nghe hàng xóm xì xào bán tán, mẹ tôi thật thà đi mua quần áo đen và dép râu cho các con để sớm được về đoàn tụ!

Quá khứ đời tôi lính chiến đã khiến mẹ lo âu sợ hãi nhưng chưa lần nào tôi hỗn với mẹ như lần này, tôi lôi đôi dép cao su ra khỏi túi xách và quăng nó vào góc nhà, mẹ tôi nhìn sững tôi và chắc bà tự hỏi tại sao con lại vất những thứ cần thiết ấy, nó sẽ giúp con để sớm được về với mẹ. Làm sao tôi hiểu được tình thương mệnh mông của bà mẹ quê trong khi bà cũng không biết được con trai mẹ đang chín từng khúc ruột. Tôi lẳng lẳng cầm túi xách với bộ quần áo lên đường, không lời chào từ giã mẹ già đang ngồi tựa lưng vào vách mà mắt nhìn theo gót chân con!

“Cải tạo” tới năm thứ chín thì tôi hay nằm mơ thấy mẹ, linh tính cho biết có điều chẳng lành, tôi hỏi người nhà mỗi khi đến thăm nuôi thì được biết mẹ tôi vẫn bình thường. Nhưng sao vẫn thấy mẹ trong giấc mơ, tôi đem chuyện hỏi lại thì lúc đó vợ tôi đành lôi trong túi xách ra một xấp hình đám tang mẹ tôi mà vợ tôi đem theo nhưng dấu kín. Tôi không còn nước mắt để khóc mẹ vì tôi đã không chào mẹ khi ra đi, không biết rằng đó là lúc chào lời vĩnh biệt, không biết ai vĩnh biệt ai. Mẹ tôi khóc vì các con phải đi xa khi đã thái bình khiến mẹ mù lòa! Mẹ tôi ra đi vĩnh viễn khi tôi chưa quay về!

“Lòng mẹ thương con như biển Thái Bình dạt dào”, lòng mẹ như bị dao chém mỗi khi nghe tin con “thắng trận” trở về, “trở về trên đôi nạng gỗ, trở về hòm gỗ cài hoa”! Lời nào nói cho đủ, viết cho hết trong vài trang giấy! Những bà mẹ dù quê hay thành phố, dù bên này hay bên kia đều là Mẹ Việt Nam. Mẹ VN thì lúc nào cũng vui và khổ đau theo đời sống thăng trầm của các con, không vui khi các con không vui với nhau. Khổ đau biết bao những bà mẹ của các anh lính chiến luôn canh cánh bên lòng, lo sợ phải rên rỉ câu:

- “Lá vàng đeo đẵng trên cây, lá xanh rụng xuống!”

Những ai còn mẹ, dù trong hoàn cảnh nào đi nữa thì xin chớ có cử chỉ đáng trách như tôi đã phạm đối với “bà Mẹ quê” để khỏi phải ân hận khôn nguôi.

Gián Điệp

■ Trần Tuấn Ngọc K28

(Chúng ta sinh ra trong chiến tranh, trưởng thành trong chiến tranh, mất mát bởi chiến tranh, lưu lạc cũng vì chiến tranh, cả lịch sử của dân tộc luôn luôn phải đương đầu với những cuộc chiến tranh. Nếu dân tộc chúng ta muốn tồn tại, chúng ta phải chuẩn bị chiến tranh, không cách nào chọn lựa nữa.) - TrantuanngocK28

Bài này viết ra như là phần lượm lặt phụ trội sưu khảo cho hai bài Thiên Lý Nhân, Vạn Lý Nhĩ, để cho bạn đọc thưởng ngoạn như là những “kiến thức đọc giùm bạn” Bài gồm có 3 phần. Phần I: Eli Cohen, người điệp viên tài ba đã giúp cho Do Thái lấy được cao nguyên Golan Heights trong vòng 2 ngày. Phần II về kỹ thuật Nanotechnology và phần III liên quan đến Việt Nam và Trung Quốc.

Eli Cohen

Là một trong những điệp viên nổi tiếng nhất trong làng điệp báo tại Trung Đông, Aliahu ben Shaoul Cohen là người Ai Cập gốc Do Thái đã lọt được vào tận trong guồng máy của Syria, để lấy tin tức về cao nguyên Golan Heights chuyển về cho Do Thái. Thấy cũng thú vị nhắc



lại cho bạn đọc để thấy giá trị chiến lược của cao nguyên Golan Heights.

Sau Thế Chiến Thứ Hai, nước Pháp hầu như bị phá sản, đồng tiền Phậ lãng không còn có giá trị trên thị trường mậ dịch. Những người yêu nước Pháp đồng cầu nguyện phép lạ cho một quốc gia đang vào thời kỳ đen tối của lịch sử. Quả nhiên phép lạ đã đến vào lúc nửa đê¹, trên chuyến máy bay từ New York tới Pháp, Morgan đã tuyên bố bảo lãnh đồng tiền Phậ lãng, thì ngay sau đó đồng tiền Phậ lãng đã lên như điều gặp gió trên thị trường chứng khoán tại Âu châu.

Đây không phải lần đầu tiên mà Morgan đã dùng sức mạnh của ngân hàng mình cứu vãn nước Pháp.

Lần thứ nhất: Sau trận chiến, “Battle of Sedan” giữa Pháp và Đức vào năm 1870², Pierpont Morgan đã bỏ vào 250 triệu Mỹ kim cho Leon Gambetta để cứu vãn nước Pháp ra khỏi vỡ nợ, giúp kinh tế nước Pháp có cơ hội phục hồi.

Lần thứ hai: Năm 1915, tức là ngay sau Đệ Nhất Thế Chiến, J.P. Morgan lại xếp đặt một cuộc cho hai nước Anh và Pháp vay, số tiền lớn nhất trong lịch sử của thị trường chứng khoán Wall Street, lên đến 500 triệu Mỹ kim³

Lần thứ ba này, để trả ơn, Tổng Thống Pháp Charles de Gaulle hỏi Morgan muốn gì? Morgan đã xin nước Pháp hãy thả những tiểu đoàn lính biệt cách gốc Do Thái vào sa mạc Trung Đông và cung cấp vũ khí cùng lương thực cho họ. Ngày này tác giả cho rằng đó là mố^c của ngày độc lập 14/5/1948 của Do Thái. Hai tiểu đoàn đầu tiên từ những túp lều bằng vải bạt đã nhanh chóng khai triển trở thành nơi có thể sống và chiến đấu từng phút cho đất nước Do Thái.

Chúng ta cũng nên hiểu rằng, sau cuộc chiến tranh Đệ Nhị Thế Chiến, phe đồng minh thặng dư vũ khí rất nhiều. Các nước lớn đã tìm cách tiêu thụ những số lượng vũ khí này. Trong miền Nam Việt Nam, Việt Nam Cộng Hoà đã

1 Dụa theo trí nhớ của tác giả, khi đọc “Những Khuôn Mặt Tài Phiệt” vào năm 1975.

2 <http://www.jpmorgan.com/pages/jpmorgan/emea/local/fr>

3 <http://www.jpmorgan.com/pages/jpmorgan/emea/local/fr/history>

được nhận những khẩu súng Garant M1, Carbine M1 từ Mỹ; còn miền Bắc Cộng Sản nhận súng Trung liên nổi hoặc súng trường Nga Bá Đỏ từ khối Cộng. Nước Pháp cũng y hệt như thế, và quốc hội Pháp nhận ra cách để tiêu thụ số vũ khí thặng dư trong thời kỳ chiến tranh là đổ dồn vào cho Do Thái để trừ bớt nợ quốc gia.



Vùng đất hứa của Do Thái này lại bị khống chế bởi cao nguyên Golan Heights, vốn thuộc về Syria. Cả khối Ả rập nhận ra ngay mối nguy cơ lâu dài, bèn yểm trợ cho Syria mọi mặt để Syria thường xuyên nả trọng pháo xuống vùng lập nghiệp của Do Thái. Tuyến phòng thủ của Golan Heights rất kỹ càng và địa đạo rất góc ngách, không ai có thể biết được toàn vẹn hệ thống phòng thủ của cao nguyên này ra sao chỉ trừ tổng thống Syria và bộ trưởng quốc phòng đương nhiệm.

Do Thái phải sử dụng đến tình báo

Mossad là một cơ quan tình báo nổi danh ở Trung Đông và Âu Châu với những thành quả ngoạn mục thí dụ như cú cướp động trời có tên là Operation Uranium Ship, xảy ra năm 1968, lấy được nguyên con tàu đầy Uranium⁴ của Iran được coi như là tuyệt chiêu, nhưng đối với Mossad thì Eli Cohen vẫn là một điệp viên xuất sắc nhất từ trước đến giờ. Ông ta không những được mọi người nghiêng mình kính trọng tại Do Thái mà còn được ngưỡng mộ bởi cả phe đối nghịch tại Syria nữa.

Eli Cohen làm việc cho cơ quan tình báo Do Thái là Mossad từ năm 1962 cho đến khi ông ta bị lộ tẩy và bị hành quyết. Eli Cohen không những đã cung cấp vô số tin tức

⁴ Dennis Eisenberg, Eli Landau and Menachem Portugali, *Operation Uranium Ship, Tel Aviv, 1978*

chính xác quý báu về tình hình chính trị ngay trong nội bộ của Syrian mà còn cả những chi tiết về quân sự của nước này nữa. Eli Cohen có một sức lôi cuốn cá nhân mạnh mẽ với khả năng thuyết phục thiên phú đã kết hợp khéo léo trong việc làm ăn buôn bán để tạo thành sợi dây liên hệ mật thiết với các lãnh tụ tôn giáo trong giáo phái Ba'ath Party tới các lãnh tụ quân sự, và đã từng là bạn thân thiết với ông Amin el Hafiz, Tổng Thống đương nhiệm thời đó của Syria.

Mặc dầu một số lớn những nhà lãnh đạo thế giới và Do Thái gửi công hàm đến xin Syria nương tay nhưng vào ngày 18/5/1965, chính phủ Syria vẫn treo cổ Eli Cohen tại quảng trường Martyr's Square, thủ đô Damascus của Syria. Không những thế họ còn muốn để cả thế giới biết bằng cách cho phép truyền hình chuyển đạt toàn bộ hình ảnh trong buổi hành quyết. Hai năm sau khi Eli Cohen đã bị giết, tin tức tình báo của Eli vẫn còn giá trị để mang chiến thắng trong trận chiến 6 ngày vào tháng 6 năm 1967.

Golan Heights khi xưa vốn là cao nguyên chiến lược thuộc về Syria, nhờ ở địa thế cao, quân Syria đã có thể quan sát và thường xuyên nả trọng pháo trực tiếp xuống vùng lập nghiệp của Do Thái mà Do Thái không thể nào làm gì được. Đã nhiều lần các tiểu đoàn thiện chiến tiến đánh ào ạt bằng một loạt bộ binh từng thiết tràn lên vào ban ngày hoặc đột kích vào ban đêm vẫn thất bại, đây là một vùng đất luôn làm Do Thái căng thẳng từ những ngày lập quốc cho mãi đến năm 1967.

Sau trận chiến 6 ngày kết thúc (10/6/1967), khi đã lấy được cao nguyên Golan Heights rồi, cho dù bao nhiêu mặc cả, cho dù bao nhiêu công hàm Liên Hiệp Quốc và mọi đe dọa quân sự khác, Do Thái nhất định không trả lại cao nguyên Golan Heights cho Syria. Với Do Thái, trả lại cao nguyên này cho Syria đồng nghĩa với sự chiến bại toàn diện.

Trong thời gian hoạt động, Eli Cohen đã trở thành nhân vật trực tiếp bàn bạc chia sẻ bí mật quốc gia trong giới thượng lưu cao cấp của chính phủ Syria, thậm chí còn được

coi như người có triển vọng nhất để trở thành bộ trưởng quốc phòng của nước này. Ông ta là người độc nhất không phải xuất thân từ giới quân sự mà lại được phép tham dự mọi chuyện quan hệ tới quân sự và khéo léo đến độ được trực tiếp thảo luận về hệ thống phòng thủ Golan Heights của Syria với các cấp chỉ huy của vùng cao nguyên chiến lược này.

Eli Cohen đã gợi về Do Thái hai đề án quan trọng bậc nhất của Syria đó là kế hoạch chiến lược về hải lộ kể cả đường sông, đường biển và tuyến phòng thủ tại cao nguyên Golan Heights. Với trí nhớ tuyệt diệu, Eli vẽ lại từng ổ lô cốt ngầm đến cả hệ thống bẫy chống chiến xa Do Thái. Thậm chí Eli Cohen còn làm được một việc ngoài sự mong ước của Do Thái bằng cách đề nghị Syria trồng giàn cây eucalyptus, là loại cây có nhiều lá xanh gần những giàn trọng pháo của nước này, để che bớt lửa phát ra từ nòng súng, vì thế trong khi trận chiến 6 ngày của Do Thái và khối Ả Rập, Do Thái đã biết chính xác từng địa điểm để triệt hạ toàn bộ các giàn trọng pháo này. Dù đến hai năm sau khi bị treo cổ, những tin tức của Eli Cohen vẫn có giá trị tuyệt diệu, đã giúp cho quân đội Do Thái một phần không nhỏ để chiếm trọn cao nguyên Golan Heights trong vòng hai ngày.

Ngày 13/11/1964, Do Thái đã dùng máy bay thả mìn lại chính xác từng vị trí trọng pháo của Syria mới vừa nả vào vùng định cư Dan, Dafna và Shear Yishuv của Do Thái, bấy giờ giới tình báo của Syria mới tỉnh người ra, biết chắc chắn rằng có kẻ nào đó đã dùng điện đài



đưa tin tức cho Do Thái để trả đũa đúng chỗ nhanh như thế.

Ngày 24/1/1965, Syria đã giăng ra một cái bẫy bằng cách áp dụng khi nào điện đài hoạt động, và lúc nào thì toàn bộ điện đài tắt im lặng. Cái bẫy giăng ra từ đó, và tình báo điện tử của Syria đã dùng máy kiểm sóng của Liên Xô truy được những tín hiệu đang phát ra từ lầu biệt thự của Eli Cohen vào lúc bình minh chưa ló dạng.

Đối với người Do Thái, Eli Cohen đã hy sinh cuộc đời của ông cho quốc gia, cho mọi người dân Do Thái, cho bao thế hệ hậu duệ và cho cả gia đình của ông nữa.

45 năm đã trôi qua, Do Thái vẫn mong đợi một ngày nào đó chính phủ Syria trả lại hài cốt Eli Cohen lại cho gia đình ông để quốc gia Do Thái có thể quốc táng ông, họ đã để sẵn lòng mộ huyệt còn trống, chờ đợi với hàng chữ “Kaddish” với ý nghĩa là “Vị Thánh Của Tổ Quốc”.

Phần II: Nano Technology

Nano Technology là một ngành khoa học kỹ thuật mới mẻ mà đang được các đại học khoa học nổi tiếng đang nỗ lực khai triển cho sinh viên tìm tòi. Những sinh viên này kiếm được việc làm rất nhanh, nhiều khi chưa ra trường mà đã được tận dụng qua những project đang tiến hành, vì họ đang cần thêm nhân sự.

Nanotechnology tạo ra những sản phẩm cực kỳ bé nhỏ mà mắt thường chúng ta không nhìn thấy được, nhỏ ở mức độ vi thể (cellular level). Từ những ứng dụng trong dụng cụ y khoa như thể cái máy hiển vi microscopic cho các nhà sĩ để trợ giúp làm những công việc mà trong tầm mắt thường không nhìn thấy đến lãnh vực viễn thông ngoài không gian. Công việc của Nanotechnology là tạo ra một cái máy để cái máy này lại tạo ra máy nhỏ hơn, rồi lại tạo ra một máy sản xuất và lắp ráp linh kiện nhỏ bội phần hơn nữa, tinh tế hơn nữa.

Tất cả sinh viên xuất sắc của ngành điện tử đang được tận dụng để nghiên cứu. Bạn không thể nào hình dung được độ nhỏ của một con transistor chỉ nhỏ hơn 1/25 nanometers

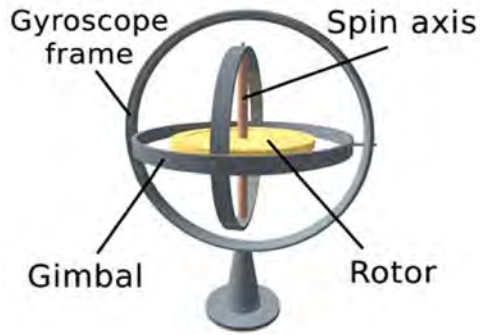
hay nói dễ hiểu hơn là nhỏ bằng 1/40.000 của cái pin head⁵ đâu, thực là quá nhỏ để mắt trần chúng ta có thể nhìn thấy!

Nhiều quốc gia trên thế giới đã đầu tư vào kỹ thuật này trên dưới 10 năm nay rồi. Đây là một vài thí dụ:

Ngày 15/7/2008, một toán những nhà vật lý gồm Charles Stafford, Sumit Mazumdar and David Cardamone của đại học đường Arizona đã thực sự thành công với những sản phẩm cực kỳ vi tế, từ đó họ tạo ra một tên riêng với nickname của nhóm là QuIET đại diện cho nhóm chữ Quantum Interference Effect Transistor.

Trước đó, trên thế giới đã có những nhà khoa học gia tiên phuông, thí dụ từ tháng 8 năm 1998, tại Netherland đã thành tựu những mini transistors cho máy điều hòa không khí. Những transistors nhỏ như một phân tử (molecule) mà mắt người không thể nào nhìn ra được. Vào những năm này thì ngay cả UWA University tại Tây Úc cũng có những sinh viên đang trằm mình vào những projects liên quan đến nanotechnology. Không những thế, khoa trưởng còn mời những người kỳ cựu trong làng điện tử đang làm việc trong chính phủ để họ có thể biệt phái vào những project thích hợp.

Trong cuốn Prey, sách truyện giả tưởng của nhà văn Michael Crichton, tác giả đã dựa vào những thành tựu của nanotechnology mà viết ra câu chuyện kinh khủng, có khả năng xoá bỏ cả con người, nếu để những làn mây vi thể này (rogue micro-robots) thoát ra ngoài lãnh vực thí nghiệm của sa mạc Nevada. Đám mây vi thể thông minh



⁵ <http://www.nanoscienceworks.org/articles/quiet-2013-nanotransistors-at-work>

này có khả năng đoàn kết, phân tích, tự tạo thêm đám vi thể khác. Điều quan trọng hơn cả là những đám vi thể này lấy sức sống của con người và động vật làm năng lượng, lại có thể học hỏi từ những kinh nghiệm thất bại nhanh chóng mà khai triển nhanh đến nỗi các nhà khoa học này, nếu không nhanh tay hơn thì sẽ bị đám vi thể này diệt hết. Một khi các nhà khoa học này bị chết thì không còn ai biết đến chúng nữa, cả loài người và cả loài vật trên quả đất sẽ bị tận diệt một thời gian kỷ lục mà không ai sau này hiểu tại sao sự sống trên quả địa cầu đột nhiên biến mất hoàn toàn.

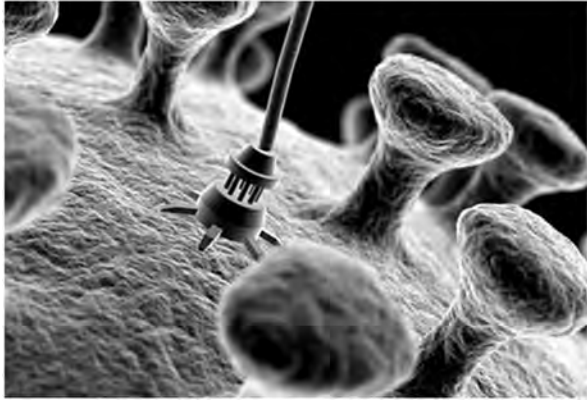
Trong câu chuyện, các vi thể này thoát nhiên được dụng trong lãnh vực y khoa, đó là những cameras cực kỳ bé nhỏ để bơm vào động mạch theo máu con người. Một khi đi vào máu rồi, thì các camera này tự hợp quần để thành những con mắt đưa hình ảnh liên tục. Khi những cameras này theo máu về tim, đã truyền ra ngoài những hình ảnh, để rồi các bác sĩ sẽ dựa vào hình ảnh đó chẩn đoán, mạch tim chỗ nào nghẹt cần phải giải phẫu chữa trị.

Vì nhỏ như thế cho nên những thảo trình viên đã viết ra để máy tự sản xuất ra máy, và tự lấy năng lượng của con người mà điều hành nội bộ lẫn nhau. Số lượng cameras này được sản xuất tại phòng thí nghiệm không tính bằng con số đơn vị mà tính bằng ký lô.

Câu chuyện của Michael viết chỉ là giả tưởng, đã trở thành “*The International Best Seller*” đã tận dụng những thành tựu có thực của khoa học đang trên đường phát triển trong nhiều lãnh vực từ những giàn chip “IC” mắt không thấy nhưng đang chứa hàng chục ngàn những transistors áp dụng trong các dụng cụ của phi thuyền không gian, trong vệ tinh đến lãnh vực nông gia và nhiều lãnh vực khác hơn nữa. Chính các nhà khoa học cũng phải ngạc nhiên về khả năng đa dụng của các dụng cụ cực kỳ nhỏ bé này.

Michael tưởng tượng, thì chúng ta cũng thử tưởng tượng xem sao. Nào mời các bạn nhìn một máy truyền sóng (transmitter) được tạo thành. Dụng cụ này chưa hẳn dùng vào việc gì, nhưng có thể chuyển thành một dụng cụ nghe ngóng.

Nơi một cuộc bàn bạc quan trọng, một hai nhân viên sẽ được xếp đặt để họ trộn lẫn trong đám nhân viên phục vụ. Nhiệm vụ của họ chỉ việc bấm



một dụng cụ, để chắc chắn những dụng cụ này được thối vào lớp quần áo đối phương. Người có nhiệm vụ được mở cửa để đón khách, hoặc người đưa thức uống tới tận bàn đã bấm một cái dụng cụ bắn ra cả hàng trăm transmitters như thế vào áo veston của khách, có nhiều khi trộn vào cả vào trong thức ăn nữa.

Thế rồi, sau khi mọi người rời bàn hội họp để nghỉ ngơi bàn tính riêng với nhau, một chuyên viên lập tức thu lượm những tín hiệu một cách máy móc và chuyển giao ngay lại cho một hai chuyên viên phân tích âm thanh để đánh giá. Thế rồi trước khi bàn hội nghị được tái họp thì lá bài tẩy của đối phương đã được bên này biết trước khi thảo luận. Nhưng cái khó là làm sao thu hồi được máy lại, vì nhỏ thế nào chẳng nữa, máy cũng phải được thu hồi. Thế rồi người ta phải nghĩ đến cái cánh cửa bằng sắt, khi có dòng điện chạy vào sẽ tạo ra một lực nam châm với lực hút thật mạnh. Chi phí cho một việc này không đơn giản, thế rồi kế hoạch cũng chỉ là chuyện giả tưởng.

Phần III: Việt Nam và Trung Quốc

Trở lại chuyện thật, vào ngày 22/02/2010, trang 2 của tờ Việt Nam News, tờ báo viết bằng Anh Ngữ phát hành tại Việt Nam đã chính thức đăng tin Việt Nam ký với Do

Thái những kế ước về kỹ thuật viễn thông, kỹ thuật vệ tinh⁶ và các kỹ thuật khác lên tới 159.5 triệu dollars Mỹ chỉ nội trong năm 2008. Bản tin nhấn mạnh đến viễn thông và kỹ thuật quốc phòng. Lập tức những nhà phân tích kỹ thuật hiểu rằng Việt Nam từ lâu nỗ lực tìm những phương tiện để đối phó với một cuộc chiến tranh có lẽ sẽ không tránh được với Trung Quốc. Tưởng cũng nên nhắc lại, Do Thái là một trong những nước đã tận dụng được vô tuyến điện viễn thám một cách tài tình nhất cách đây cả trên 40 năm.

Với một nhà kỹ thuật có trí óc nhận xét bình thường cũng phải chú ý ngay đến bản tin, đó là kỹ thuật làm ra những nano satellites nhỏ đến nỗi chỉ nặng 1 kg. Như vậy trong một cuộc chiến diện địa đối nghịch nhau, những vệ tinh tí hon này được dùng như là tai mắt để điều khiển phi đạn, được bắn đẩy vào tầng khí quyển qua những chiếc phóng pháo cơ bình thường.

Đoạn văn tuy ngắn ngủi nhưng cho chúng ta thấy Do Thái làm xa hơn công việc viễn thám. Họ đã hợp tác được với sự nghiên cứu của nông gia trồng trọt và những vệ tinh tí hon này phát sóng đưa trở về mặt đất những tín hiệu giả tạo cho cả cây cối, thực vật để hoa màu tưởng là mùa xuân đến, phải đơm bông kết trái, tạo ra một sản lượng khủng khiếp là 400 tấn cà chua cho mỗi mẫu ruộng, ngay cả



C. F. Bolden, Dr Zvi Kaplan, Daniel Herschkowitz



Charles F. Bolden, Jr. NASA admin

⁶ *Using advanced IT technology, Israel has developed micro satellite and nano satellites weighting as little as 1kg, and also used IT to boost agricultural productivity with amazing results including a productivity of 400 tonnes of tomatoes per hectare. (Amassador: Đinh Xuân Lưu)*

trong sa mạc, miễn là mẫu ruộng đó cung cấp đủ nước và phân bón cho các loại hoa màu này. Hiện nay Do Thái còn đang tìm cách tạo ra nước ngọt, tương lai sau này sa mạc Trung Đông biến thành đồng ruộng phì nhiêu thì chắc cũng chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ nghe thấy.

Về kỹ thuật vệ tinh tí hon này, thì mới đây theo nguồn tin của Judy Siegel-Itzkovic viết vào ngày 17/8/2010, đã cho thấy chính NASA cũng rất quan tâm đến kỹ thuật của những vệ tinh nhỏ bé này của Israel. Hiện nay thì bản hợp đồng đã thành hình sau năm lần hội thảo giữa Bộ Trưởng Khoa Học Kỹ Thuật Do Thái là Daniel Herschkowitz⁷ tháp tùng với Dr. Zvi Kaplan, Tổng Giám Đốc của Israel Space Agency để ký kết với xếp lớn nhất của NASA là Charles F. Bolden, Jr. NASA. Hai bên đã chính thức hợp tác toàn diện với nhau.

Hoa kỳ tỏ ra rất quan tâm với những vệ tinh tí hon này vì một phần có thể được bắn phóng ra từ phi cơ bình thường cùng với hyperspectral sensors và ăng ten để phân tích được những hình ảnh diện địa cấp thời, mà còn có khả năng ứng dụng trong dụng cụ thám thính không gian như chương trình thám hiểm sao Venus trong tương lai.

Gián điệp trong binh pháp và thương trường

Trong thiên 13 Binh Pháp Tôn Tử có nói:

“Phàm dấy binh mười vạn, đi xa ngàn dặm, tính chung các phí tổn của trăm họ, sự cung phụng của các nhà công mỗi ngày lên tới ngàn lạng vàng; trong ngoài phải náo động, nhân dân chịu vất vả vì việc phu dịch ở dọc đường, bỏ bê công việc làm ăn, lên tới bảy mươi vạn nhà.

Kéo dài đến nhiều năm để tranh thắng lợi trong một ngày, mà lại không dám ban tước lộc, không dám thưởng trăm lạng vàng để dùng gián điệp, đến nỗi không biết tình hình quân địch, đó là hạng người hết sức bất nhân: người ấy chẳng đáng làm chủ tướng của mọi người, chẳng đáng

⁷ <http://www.jpost.com/HealthAndSci-Tech/ScienceAndEnvironment/Article.aspx?ID=184992>

*làm tôi phò chúa, không thể làm chủ được sự thắng lợi vậy!
Cho nên các bậc vua sáng tướng tài, sở dĩ dấy binh thắng
dịch, thành công hơn người, đó là nhờ biết trước vậy.”*

Vụ án Rio Tinto

Phải nói là Trung Hoa vẫn sử dụng tối đa kỹ thuật dò thám vào mọi lãnh vực, ngay cả trong lãnh vực làm ăn buôn bán, mậu dịch. Mới đây nhất vụ án Rio Tinto đã chứng minh được điều này.

Khởi đầu, vào ngày 5/07/2009, Trung Hoa đã bắt giữ 4 nhân viên làm việc cho hãng Rio Tinto Group, một hãng mua bán sắt qua hầm mỏ Rio Tinto của Úc, về tội ăn hối lộ và bán tin tức buôn bán. Hai ngày sau đó, một nhân viên cốt cán điều hành công ty Shougang Group và Laigang Group cũng bị bắt. Sau cùng, ngày 22/03/2010 thì ba người khác là Wang Yong, Ge Minqiang và Liu Caikui cũng bị đưa ra toà tại Thượng Hải, lần này thì thêm một nhân vật khác nữa là Stern Hu.

Stern Hu có quốc tịch Úc, và là nhân viên điều hành cao cấp nhất trong công ty Rio Tinto Group cũng bị án 10 năm tù vì tội đút lót và gián điệp để lấy tin tức buôn bán làm thiệt hại Trung Hoa đến 100 tỉ đô la trong vòng 6 năm vừa qua.

Điều ngạc nhiên cho giới tình báo phân tích là bằng cách nào mà tình báo của Hoa Lục thu lượm chứng cứ quá chính xác đến nỗi giới chính quyền tại Úc cũng không cách gì mở miệng bảo vệ được nhân viên làm việc của họ thoát khỏi vòng lao lý của Trung Hoa.

Sở trường của người Trung Hoa là quà cáp mua chuộc và gián điệp. Trước khi đi sứ, hay mua bán đổi chác điều gì, họ đều tìm cách để biết đối phương. Biết từng cá tính của mỗi người trong đoàn cho đến cả những người liên hệ như con cái và cả thói quen nữa. Mua chuộc không được thì tìm cách loại trừ. Trong cuộc chiến tranh Việt Nam. Larry Vũ Tài Chinh⁸ gốc người Trung Hoa đã làm việc ngay trong Toà Bạch Ốc với Tổng Thống Nixon, tất cả tình hình Đông

⁸ <http://www.pbs.org/wgbh/pages/frontline/shows/spy/spies/four.html>

Nam Á Châu, phê chuẩn kế hoạch để đạt từ chiến trường. Vô số hồ sơ được đưa lên bàn Vũ Tài Chinh, để cho Chinh đọc và tóm gọn trong vòng 15 phút trước khi đệ trình lên Tổng Thống hằng tháng. Vũ Tài Chinh đã đưa về Trung Hoa tất cả kế hoạch của Mỹ từ việc nhỏ đến việc lớn, ngay cả những gì sẽ nhượng bộ và những gì sẽ không nhượng bộ.

Mỹ luôn luôn phải chấp nhận những bước nhượng bộ sau cùng. Thí dụ việc chọn lựa bàn tròn hoặc bàn vuông, hoặc bàn bầu dục cho hội nghị đàm phán tại Paris, chúng ta cũng phải nhượng bộ, còn nói chi đến những trận đánh phải chuẩn bị trước cả năm. Thí dụ như mặt trận tại Hạ Lào!

Vào những ngày tháng cuối năm 1999, đài phát thanh Việt Ngữ phát thanh tại Melbourne có phỏng vấn nhà văn Phan Nhật Nam, về trận đánh Hạ Lào. Trong cuộc phỏng vấn, ông Phan Nhật Nam đã khóc bạn là y sĩ Nguyễn Ngọc Liệu, và ông có nói đến việc từng toán biệt kích đổ bộ bằng trực thăng vận, thần tốc ở những vị trí chiến thuật. Những ngọn núi này đã được đón bằng phẳng bằng bom chỉ vài tiếng trước khi thả toán nhảy. Nhưng từng toán từ 6 người trở lên này toàn bị lọt ổ phục kích khốc liệt, làm như Việt Cộng đã biết được những vị trí này cả năm trước đó. Những cái hầm được làm rất kỹ lưỡng cho thấy đã làm ra từ lâu để tránh được bom, và ngay cả lối ở miệng hầm đi ra đi vào cũng nguy trang cẩn thận, thậm chí không hề có bước chân người lai vãng một thời gian trước khi thực sự phải dùng.

Ngay trong hồi ký “Cơn Uất Hạ Lào”⁹ Mũ đỏ Bùi Đức Lạc là sĩ quan cao cấp nhất đã chính thức lên tiếng về trận đánh lịch sử này. Trong mục khả năng tình báo, ông viết: “...vùng hành quân cận kề biên giới địch quân đều có toạ độ địa hình (lên sa bàn). Khi nhìn thấy các mốc địa hình mới làm trong tháng, chúng tôi lạnh người và ngao ngán cho tình báo của ta, thế mà khi thuyết trình hành quân, Bộ Tư Lệnh Hành Quân không nhắc nhở gì về vấn đề này”.

Điều muốn nói ở đây là Trung Quốc không bao giờ bỏ qua sở trường sử dụng gián điệp của họ. Đến thời điểm vào

9 Trận Lam Sơn 719



Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào bắt tay với Nguyễn Bá Thanh. Hình dưới: Nguyễn Bá Thanh (trái)



những năm này, họ giỏi đến nỗi không để lộ hình tích, hay tại hệ thống quản lý của Cộng Sản Việt Nam cũng quá kém mà không phát hiện ra được một vụ gián điệp nào cả? Để bạn đọc đánh giá đúng mức, đây là những tin tức rất đáng tin cậy:

1. Ngày 16/11/2006, khi Hồ Cẩm Đào đi thăm Việt Nam, đã tự nhiên ung dung đi đến tận Đà Nẵng, Hội An để gặp Nguyễn Bá Thanh, Bí Thư Thành Ủy của Đà Nẵng để

khen tặng cách thức tổ chức thành phố. Phải hiểu rằng một ông Chủ Tịch Đảng Cộng Sản Trung Quốc quyền uy thế nào, phải dàn xếp ra sao trước khi tiếp kiến, tin tức tình báo rõ ràng thế nào mới để hai người gặp nhau và chuyện gì xảy ra trong những năm sắp tới? Hình thức mua chuộc như thế nào, chúng ta không biết hết được, nhưng chắc chắn họ đang dùng chính sách lấy người Việt trị người Việt, dùng áp lực để đưa những nhân vật này vào vị trí then chốt trong guồng máy chính phủ cộng sản Việt Nam để dễ bề thao túng sau này.

2. Ngày 24/11/2010, Bloomberg Businessweek đã phỏng đoán con số 11 tỉ vuông quặng Bauxit sẽ được khai thác tại

Việt Nam, vượt trội hẳn Australia để đứng hàng thứ nhất trên thế giới về trữ lượng để khai thác. Bao nhiêu người Trung Hoa đã tới cao nguyên lập nghiệp bằng cách lấy vợ, đẻ con, dút lót chính quyền và do thám, khảo sát được quặng mỏ Bauxit trước đó? Chúng ta không biết được. Đang có bao nhiêu công nhân người Trung Quốc đổ dồn vào Tây Nguyên để khai thác mỏ Bauxit, Việt Nam chúng ta cũng không biết được. Từ từ các nơi đó, vì nhu cầu lương thực càng lúc càng cần nhiều và nhu cầu giải quyết đời sống, nơi đó sẽ đẻ ra phố Tàu, gồm vô số nhà hàng, nhà trọ, phòng trà giải trí. Phố xá sẽ mọc lên như nấm, dân Việt Nam không ai bảo sẽ đổ lên đó làm ăn. Việt Nam không tiên liệu hay đang bất lực không thể nào xoay chuyển được? Đạo luật ký kết giữa hai chính phủ, bắt buộc khai thác phải dùng người Việt Nam làm công nhân, là một điều đối phương không thực hiện từ phút ban đầu, thì làm sao cản được người Trung Hoa tràn ngập tại Tây Nguyên trong tương lai? Tại sao tình báo của Việt Nam lại bưng bít không phát ra được một hình ảnh, hoặc những tin tức gì về vùng đất này cho dân chúng biết? Tại sao chính phủ của ta lại nhẫn tâm bịt mắt dân của mình? Tại sao chính phủ lại bỏ tiền ra mua tàu ngầm là để chuẩn bị một cuộc chiến tranh trong khi nhẫn tâm giết đi cái tinh thần bất khuất đã giữ được nước của người Việt Nam?

3. Ngay tại Hà Nội, có hai người khách trú chạy xe gắn máy và bị tai nạn giao thông. Sau cuộc tranh cãi ngắn ngủi, nạn nhân là một thanh niên Việt Nam, đã bị một thế võ ném động ngược đầu xuống vỉa hè, chết tại chỗ. Không ai sau đó nói đến việc gì đã xảy ra cho hai người khách trú. Dân chúng Hà Nội đồn miệng cho rằng nhân vật kia là một người có quyền chức cao trong giới Hoa Lục, đích thân đi quan sát và người giỏi võ kia chính là người đang bảo vệ yếu nhân!

4. Ngày 13/11/2010, Thượng tướng Nguyễn Khắc Nghiên, Ủy Viên Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam, là đương kim Tham Mưu Trưởng Quân Đội

Nhân Dân Việt Nam, kiêm luôn chức Thứ Trưởng Quốc Phòng đã đột xuất từ trần tại bệnh viện trung ương quân đội 108.

Vì mất quá đột ngột cho nên đến nay (4 Dec 2010) vẫn chưa có ai được chính thức đề cử để thay thế, mặc dầu có một loạt danh sách¹⁰ những ông Phó Tổng Tham mưu trưởng:

- Trung Tướng VC Nguyễn Song Phi
- Trung Tướng VC Phạm Hồng Lợi
- Trung Tướng VC Nguyễn Đăng Luyện
- Trung Tướng VC Trần Quang Khuê
- Trung Tướng VC Phạm Xuân Hùng
- Trung Tướng VC Nguyễn Quốc Khánh
- Trung Tướng VC Nguyễn Văn Thành
- Trung Tướng VC Nguyễn Trung Thu

Vốn là một đặc công vào sinh ra tử, làm sao ông không phần uất cái nhục quốc thể và làm sao tình báo Hoa Lục lại bỏ qua việc theo dõi kỹ lưỡng tư tưởng viên tham mưu trưởng này? Vì thế, nguồn tin cho rằng Hoa Lục nhúng tay vào cái chết đáng phải quan tâm. Theo đây trích nguyên văn lời của BBC¹¹ phát ngôn viên từ Luân Đôn:

“Tin này cũng nhắc lại trường hợp tương tự của các tướng lĩnh Việt Nam hồi năm 1986. Hồi tháng 7 năm đó, Đại tướng Hoàng Văn Thái cũng từ trần khi đang nắm chức vụ Phó Tổng Tham Mưu Trưởng thứ nhất Quân Đội Nhân Dân Việt Nam, Thứ trưởng Quốc phòng và Ủy viên Trung ương Đảng.

Cuối năm 1986, Đại Tướng VC Lê Trọng Tấn cũng qua đời khi đang làm Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội Nhân Dân Việt Nam, Thứ Trưởng Quốc Phòng và ủy viên trung ương Đảng.”

Đánh rấn phải đánh ở đầu, kể Sát Kê Hách Hầu¹² này
¹⁰ http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%99_T%E1%BB%95ng_Tham_m%C6%B0u_Qu%C3%A2n_%C4%91%E1%BB%99i_Nh%C3%A2n_d%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam

¹¹ http://www.bbc.co.uk/vietnamese/vietnam/2010/11/101116_nguyen_khac_nghien_obituary.shtml

¹² Trước khi dạy khỉ làm trò, người lái cắt cổ gà cho khỉ thấy cảnh gà dẫy dụa, rồi vấy máu cho tung toé, khỉ thấy máu thì khiếp đảm, chủ

chắc chắn đang là m
nhiều quan
võ từ nay phải
dè chừng mà
tự bảo vệ lấy
thân.

Dân Là m
Báo¹³, một tờ
báo trên mạng
cho rằng viên
thượng tướng



Hình chụp vào năm 1999. Lính mà người mang giày, kẻ mang dép làm sao chống lại đạo quân hùng hậu của TQ.

này đã bị ám sát vì trước đó vào ngày 22/7/2010, Nguyễn Khắc Nghiên đã đến Singapore để họp bàn với Trung Tướng Neo Kian Hong, Tư Lệnh Lực Lượng Quốc Phòng Singapore, về hợp tác song phương quốc phòng. Lúc đó, viên thượng tướng này không có dấu hiệu gì đau ốm cả.

Cái đau cho cộng sản Việt Nam là vì yếu kém nên chính phủ không dám hé môi phản kháng, mà lại còn đi che đậy đùm cái tội ác của người bạn láng giềng hung tợn kia.

Còn quá nhiều việc nữa, trong dân ai cũng biết, nhưng dân không biết báo cáo cho ai. Đảng viên cộng sản mạnh ai người ấy làm giàu, không quan tâm đến vận mạng dân tộc bằng quyền lợi cá nhân. Đảng viên coi đất nước như là tài sản riêng của mình, muốn cho thuê rừng thì cho thuê, muốn bán biển thì bán mà không hề bị trừng trị. Đảng trị vì đất nước mà đặt quyền lợi cá nhân trên hết, càng lúc càng xa rời quần chúng đến nỗi không ai còn muốn làm tai mắt cho chính quyền nữa. Ngay cả việc dân phát biểu “Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam” cũng bị trù dập thì họa mất nước đến nay đã quá hiển nhiên.

Nanotechnology là một lãnh vực khoa học đột phá.

dạy gì cũng phải riu riu nghe theo.

¹³ <http://danlambao.wordpress.com/2010/11/15/th%C6%B0%E1%BB%A3ng-t%C6%B0%E1%BB%9Bng-nguy%E1%BB%85n-kh%E1%BA%AFc-nghien-b%E1%BB%8B-am-sat>

Không chừng Trung quốc đã rập theo chương trình giảng dạy tại Mỹ, và đã đi rất xa trong lãnh vực này mà kín miệng không để cho thế giới biết. Kỹ thuật nanotechnology lại sử dụng toàn diện transceiver bằng sóng truyền (transmitter) và sóng gởi (receiver) rất thuận tiện trong việc chuyển biến ra thành những dụng cụ để dò thám.

Nguồn tin sau đây là do một người Đức cùng làm việc cho biết, con số học sinh của Trung Quốc đang học tại Hoà Lan và Đức cả chục năm nay, mỗi năm lên đến 250 đứa bé, họ gởi qua từ lúc còn học tiểu học để dễ tiếp thu ngôn ngữ. Không hiểu các nước khác như tại Mỹ ra sao? Đối với anh ta thì không phải chỉ những nơi anh ta biết, mà còn nhiều quốc gia khác nữa, tại Âu châu cũng đang như thế. Đó là những bộ máy cử đi học để về giúp nước Trung Hoa.

Việt Nam trong cơn khốn cùng của cả nước là lưu lạc bốn phương, hoá ra lại là cái cơ may hãn hữu cho một dân tộc. Dân Việt vốn hiếu học, đã lưu lạc đến các nước tân tiến nhất của nhân loại, học hỏi và sinh sống đến nay đã đến đời thứ hai thứ ba, nhiều người đã thành nhân tài ở các nước Tây Phương.

Đã đến lúc các nhà lãnh đạo Việt Nam, coi sóc việc dân, quản trị bảo vệ tổ quốc phải biết dụng nhân, dám mở rộng dân chủ, cho phép đa nguyên đa đảng, tự do báo chí, cho phép những tổ chức thanh thiếu niên tham gia vào việc nước. Cho kể lại chuyện sử xưa như một cậu bé Trần Quốc Toản đứng nghe việc nước mà bóp nát quả cam trong tay, rồi một Trần Bình Trọng khảng khái với câu nói: *“Ta thà làm quỷ đất Nam, còn hơn làm vương đất Bắc”* mà khuyến khích người Việt can đảm dám ăn, dám nói, dám làm. Lại cho phép những người xuất sắc và trong sạch để ra tranh cử điều khiển chính quyền từ cấp xã huyện mà không cần phải là người trong đảng. Từ đó tham ô, những lạm sẽ bị đào thải.

Những hiệp ước bất bình đẳng của một đảng này ký kết sẽ bị đảng kia lên án và điều chỉnh, thì chính sách phát triển quốc gia sẽ như thể đôi chân, không quốc gia nào sẽ là bạn

mãi mãi, và không ai sẽ là kẻ thù mãi mãi.

Rồi khi mọi người dân Việt có lòng với quê hương đều được đãi ngộ mà không phân biệt đảng phái, không phân biệt tôn giáo về giúp nước, thì vận của dân tộc Việt Nam từ đó mới có cơ hội vươn lên được.

Australia, Nov. 2010

Tài liệu tham khảo:

1. *Israel's Secret Wars, A history of Israel's Intelligence Services, Ian Black & Benny Morris, 1st published in 1991 by Hamish Hamilton Ltd, London.*

2. *Việt Nam News, The National English Language Daily, p.2, Friday January 22, 2010.*

3. www.elicohen.org

4. <http://www.jpmorgan.com/pages/jpmorgan/emea/local/fr>

5. <http://www.localcooling.com/articles/nanotechnology/>

6. <http://www.nanoscienceworks.org/articles/quiet-2013-nanotransistors-at-work>

7. <http://www.businessweek.com/news/2010-11-24/vietnam-s-bauxite-reserves-may-total-11-billion-tons.html>

8. http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%99_T%E1%BB%95ng_Tham_m%C6%B0u_Qu%C3%A2n_%C4%91%E1%BB%99_i_Nh%C3%A2n_d%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam

9. http://www.mfa.gov.il/MFA/InnovativeIsrael/Nano_gyroscope-Dec_2010.htm

Trung Úy Lê Văn Cao

■ *TQLC Trần Văn Minh*

Cảm kích về sự chiến đấu dũng cảm và mưu lược của người chiến sĩ tên Cao, tôi đã viết lại câu chuyện về anh với một lòng cảm phục vô bờ, tôi đã kể về anh như một người sĩ quan anh hùng vô danh! Tôi nghĩ vậy cũng đủ rồi vì chẳng thể biết gì thêm được nữa. Nhưng rồi một bất ngờ lớn với tôi là bài viết đã được chính gia đình người sĩ quan ấy biết đến. Qua một vài lần trao đổi tin tức giữa gia đình anh bên Mỹ và tôi ở xứ Úc, chúng tôi đã có thêm nhiều chi tiết về người sĩ quan đã hy sinh bảo vệ đất nước vào những giờ phút cuối cùng của cuộc chiến, nên tôi phải viết lại câu chuyện này vào dịp kỷ niệm 30 tháng Tư năm 2011.

“Chuyện Về Hai Người Lính” đăng trên báo Người Việt ở Mỹ khoảng tháng 11 năm 2007. Sau đó, tôi biết thêm về anh là Trung Úy Lê Văn Cao, tốt nghiệp Trường Võ Bị QGVN Khoá 26 ra trường đầu năm 1974 về phục vụ trong binh chủng Thiết Giáp.

Sau ngày 30 tháng Tư năm 1975, khi từ nơi lánh cư ở Thủ Đức trở lại nhà, với cảnh vật hoang tàn đổ nát sau cuộc chiến, căn nhà tôi cháy rụi chịu chung số phận như những căn nhà khác cùng xóm. Tôi phải đưa gia đình mình vào ở tạm trong ngôi trường tiểu học gần nhà. Khi lo cho gia

đình tạm ổn định, tôi chạy xe vòng qua mấy ấp kế cận để ý xem tình hình đổ nát ở các ấp ra sao và ở đâu thì cũng cảnh tiêu điều, dân tình buồn bã, lo âu, thất vọng hiện rõ trên mặt mọi người.

Tôi bỗng ngạc nhiên khi thấy một chiếc M48 còn nguyên vẹn, nòng súng hướng về phía Bắc nơi con đường độc đạo từ Cầu Suối Địa đi lên. Tôi đã thấy nhiều thiết giáp trên Cầu Đồng Nai, hơn mười chiếc M113 làm



Di ảnh cố Đại Úy Lê Văn Cao

thành hàng rào thép ngang cầu, các anh vẫn chiến đấu ngay sau hàng khối TNT bó sẵn của Công Binh. Các anh lính thiết giáp anh dũng chiến đấu tới viên đạn cuối cùng, xe bị bắn cháy và các anh hy sinh, xác vẫn còn nằm trên xe hay bên các ụ bao cát bên thành cầu. Cũng có những chiếc M48 ở khu vực gần hậu cứ thiết giáp, nhưng xe đã trúng đạn và cháy, nhưng chiếc xe này còn nguyên và không có vẻ gì hư hại sau chiến tranh. Mới nhìn tôi đã có ý nghĩ là lính trên xe bỏ của chạy lấy người!

Chuyện chiếc M48 nằm yên một chỗ ở Ấp Tân Bắc, Hồ Nai, mà Việt Cộng để nguyên một chỗ đến mấy tháng trời với ý đồ bêu xấu các chiến sĩ Thiết Giáp QLVNCH đã có áp phê ngược. Ai ghé ấp Tân Bắc, nhất là ngay chỗ chiếc M48, có quán cây tơ của nhà ông Kiệm, khách vừa nhâm nhi vừa e dè trò chuyện, đưa mắt nhìn chiếc M48 như thăm hỏi, lý do nào khiến chiếc xe tăng hạng nặng còn nguyên vẹn? Có người hiểu ý nên kể lại chi tiết về gương chiến đấu đến cùng của người sĩ quan chỉ huy chiếc thiết giáp đó.

Tôi xin trích lại bài tôi đã viết như sau:

...

Khác với Tài, người thứ hai thì tôi mù tịt về anh, về đời tư của anh, cả cái tên anh để vinh danh tôi cũng không biết

nốt! Tôi chỉ biết anh mang cấp bậc Trung Úy Thiết Giáp, đơn vị thuộc Lữ Đoàn 3 (?) Khi đồn Suối Địa sắp mất, đơn vị anh được điều động về với một chiếc M48 và 2 chiếc M113. Anh cho bố trí đơn vị cách Cầu Suối Địa chừng hai trăm mét, nằm trong Ấp Tân Bắc, hai chiếc M113 bảo vệ cho chiếc M48 chứa súng nhắm sẵn vào con đường độc đạo, chạy từ cầu Suối Địa lên. Chỗ này đặc biệt là một sườn đồi dốc đứng, khi làm đường số 1, người ta đã phải xẻ đồi thấp xuống để cho đường thoai thoải, đúng độ dốc mà xe cộ có thể chạy lên được, do đó nó giống như một cái khe. Xe nào muốn đi về Biên Hoà, Sài Gòn đều phải bắt buộc đi qua đoạn đường này, không có con đường nào khác thay thế được. Từ dưới dốc đi lên chừng hơn 100 mét có một khúc quẹo nhẹ. Anh cho chiếc M48 nằm trong lề đường chuẩn bị tư thế sẵn sàng chiến đấu nếu xe tăng địch tiến vào khu vực tử địa do anh quy định.

Bố trí xong trong tư thế sẵn sàng chiến đấu, anh dẫn theo vài người lính đi quan sát địa thế, cùng tuần tra chung quanh nơi đóng quân, định sẵn các kế hoạch tác chiến cho mọi tình huống, cất đặt cho anh em canh gác, nấu ăn, nghỉ ngơi xong đầu vào đây, anh trở về xe ngồi hút thuốc nói chuyện cùng anh em binh sĩ.

Đang trong lúc chờ đợi địch đến, anh nhận được lệnh cho đơn vị anh di chuyển đến vị trí khác, đây không biết là lệnh di chuyển lần thứ bao nhiêu? Trong suốt hơn một tháng qua, đơn vị anh đã được điều động đi khắp nơi trong lãnh thổ của Quân Đoàn 3. Đi nhiều đến độ chiếc M48 đã quá thời gian bảo trì mà chưa được đưa về quân xưởng sửa chữa. Nhận được lệnh, anh hơi bất bình với cấp trên. Tình hình chiến sự hết sức sôi động, mà đơn vị anh thực sự chưa được đánh trận nào! Địch lại đang áp sát hậu cứ liên đoàn, chỗ anh đóng quân hiện thời chỉ cách hậu cứ có hơn 3 km chứ mấy! Đúng lúc đó trường xa M48 báo cáo chiếc xe không nổ máy được! Không có thời gian để sửa chữa, anh cho lệnh phá hủy những vũ khí và các thiết bị quan trọng trong xe, mình anh lấy theo 3 cây M72 rồi ra lệnh cho anh em theo hai chiếc M113 đi

chuyển, anh ở lại với một quyết định riêng cho mình. Mặc cho anh em binh sĩ dưới quyền năn nỉ, anh cũng không theo đơn vị di chuyển. Anh ở lại đơn độc chiến đấu với địch. Có một cụ già ở gần đó, vì già không đủ sức để bỏ đi, nên phải ở lại coi nhà, đã chứng kiến được từ khi đơn vị anh mới đến cho mãi đến lúc này, thấy vậy mới ra góp ý:

- “Trung úy ơi, cơ trời vận nước, thời thế đã như vậy rồi, thôi trung úy đi với anh em đi, sống chết có nhau; vả lại, anh em binh sĩ cũng cần phải có người chỉ huy nữa chứ. Trung úy nghe tôi đi, mình chẳng còn đủ thì giờ để cứu vãn được tình hình nữa đâu!”

Nghe thế anh điềm đạm trả lời cụ:

- “Cám ơn cụ đã khuyên, cụ cứ an tâm về nghỉ, cháu biết phải làm gì rồi”.

Chờ cụ già đi khỏi, anh vác súng đi đến đầu dốc, kéo máy cây M72 ở vị trí sẵn sàng và bình tĩnh ngồi hút thuốc chờ địch. Cụ già về nhà nhưng cứ băn khoăn mãi về người sĩ quan thiết giáp ấy, nên cứ để tâm theo dõi xem anh ta sẽ làm gì. Do đó, mà cụ đã được chứng kiến hành động hào hùng, mưu lược, dũng cảm, anh hùng của Người Sĩ Quan ấy.

Khoảng hơn giờ sau, có tiếng xích sắt của xe tăng địch từ phía bên kia cầu vọng lại, chúng thận trọng chạy chậm qua cầu dạo dẫm, thấy không có gì khả nghi, chúng ra lệnh đoàn xe tiến tiếp. Vừa chạy đến khúc quẹo, chiếc T54 đi đầu thấy chiếc M48 chĩa nòng súng nhắm thẳng vào mình. Bị lọt vào kế nghi binh của anh, nó thắng lại, chưa kịp báo cáo hay phản ứng gì thì một trái M 72 ở khoảng cách rất gần phóng ra, không thể nào tránh được, làm nó nổ tung bốc cháy. Là một sĩ quan thiết giáp, anh biết rất rõ những điểm yếu của từng loại chiến xa địch, do đó khi anh bắn ở khoảng cách gần như vậy, hỏi làm sao chúng có thể thoát nổi?

Sau trái đạn đầu tiên, những chiếc chạy sau hoảng sợ, ngưng và lùi lại nghe ngóng. Cỡ 10 phút sau thấy im chúng lại cho lệnh một chiếc T54 khác tiến lên cẩn thận hơn, khi vừa chuẩn bị bắn chiếc M48, thì không còn kịp nữa, trái M 72 đã nổ ngay phần hiểm khiến nó cháy theo. Không như lần



Khóa 26 và binh chủng Thiết Giáp - (Lê Văn Cao đeo kính bên phải)

trước bị bắn bất ngờ, lần này chúng đã chuẩn bị sẵn, phải tiếp một chiếc T54 tiến lên, nắp theo 2 chiếc xe đã cháy để bắn trả, nhưng vô ích thôi, vì linh hồn của chiếc M48 đang ở trên đầu nó chờ đợi sẵn, và đã đưa nó theo cùng số phận của hai chiếc đi đầu.

Lúc này, nếu anh có bỏ đi cũng còn kịp chân vì địch bị một vố rất nặng, chưa tới nửa giờ đồng hồ, chúng bị mất đến 3 chiếc T54 mà phải tốn bao công lao mới lọt được qua nhiều chiến trường từ miền Bắc vào. Giờ thì địch rất hoảng sợ, chúng gặp phải những người lính “ngoan cố”, chúng rút về bên kia cầu, cho bố trí đội hình, đợi bộ binh đến tháp tùng hàng ngang lưng sục mới dám tiến lên. Trong khi đó anh vẫn ung dung ngồi hút thuốc. Sau vài điều, anh đứng dậy sửa lại quân phục, rút khẩu Colt 45, tỉnh bơ đưa lên đầu bóp cò. Anh đã hiên ngang tìm cái chết để đền nợ nước, chứ nhất định không để lọt vào tay giặc.

Phải đến nửa giờ sau, địch thận trọng cho bộ binh tiến đến gần chiếc M48, chúng quan sát thấy chiếc xe nằm bất động, không có biểu hiệu gì là nó vừa bắn cháy của chúng đến 3 chiếc tăng. Cùng lúc có toán quân báo cáo, có một tên “ngụy” nằm chết, trong tay hắn còn cầm khẩu súng lục, và

bên cạnh hẳn có 3 cái vỏ M72, chỗ hẳn nằm ngay bên trên đỉnh đồi. Khỏi phải nói, bọn chỉ huy tức tối vô cùng, chúng đã lôi xác anh ra đường, trả thù xác chết một cách hèn hạ.

Chuyện về người lính thiết giáp ở trên do người dân ấp Tân Bắc, Hồ Nai, kể lại. Ông kể cho tôi nghe không biết bao nhiêu lần, sau mỗi lần kể, ông vừa chép miệng, vừa gật gù thán phục, miệng cứ khen “tuyệt! tuyệt!” và cứ tiếc mãi về anh, người sĩ quan mưu lược, dũng cảm và ông ước ao:

- “Giá như tôi biết viết thành truyện, tôi sẽ viết để kể lại câu chuyện này với mọi người thì hay biết mấy.”

Cụ Trùm ơi, hôm nay tôi thay cụ kể lại đây, chắc là cụ không còn được đọc nữa, nhưng chẳng sao, đã có nhiều người đọc thay cụ, để vinh danh anh, người anh hùng mà cụ đã kể cho tôi rất nhiều lần. Chắc hẳn câu chuyện về anh đã nằm sâu trong tâm khảm của cụ biết bao ngày qua, kể từ ngày mất nước cụ nhỉ?

Những dòng chữ thô thiển này, được viết hôm nay là nhằm để vinh danh đến các anh, những người trai hùng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, đã anh dũng hy sinh trong chiến đấu, trên các mặt trận, ở khắp mọi miền đất nước, để bảo vệ Miền Nam Tự do. Và tôi, người chỉ làm công việc kể lại cho mọi người cùng biết về những tấm gương chiến đấu hào hùng của các anh, như một nén hương lòng thành kính nhớ đến các anh, và viết được nó ra rồi thì tâm hồn tôi nhẹ nhõm như vừa trả xong món nợ, món nợ mà tôi đã thiếu các anh từ khi tôi được biết các chuyện này.

Melbourne, ngày 30 tháng 1 năm 2002

Quái Đểu Trần Văn Minh

Bài này, vào tháng Tư năm 2006, đã được ông Quốc Việt đọc trên Đài SBS trong chương trình phát thanh toàn quốc của Úc châu trong loạt bài Kỷ Niệm Tháng Tư. Sau đó, vào năm 2007, tôi đã gửi bài này để đăng trên báo Người Việt tại Mỹ, và gia đình của người sĩ quan thiết giáp đã nhận ra nhân vật trong câu chuyện trên giống với thân nhân của

mình nên đã liên lạc với tôi và kể lại như sau:

Gia đình hiện sống tại California nơi có tòa báo Người Việt, nhưng lại không đọc báo Người Việt, con gái cụ sống ở New York. Vì sống xa người nhà nên lại mua báo Người Việt dài hạn, nhờ đó chị đã tình cờ đọc được chuyện trên nên người nhà của vị sĩ quan thiết giáp tuần tiết theo M48 đã kể lại như sau:

Ngày 28 tháng Tư, năm 1975, gia đình cụ ở tại Ngã Ba Hàng Xanh, cứ ngóng tin người con trai là Trung Úy Lê Văn Cao, tốt nghiệp Khóa 26 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam năm 1974 và về phục vụ trong binh chủng Thiết Giáp. Bỗng thấy đoàn xe của đơn vị anh đi qua, người lính trên xe là thuộc cấp của anh, thấy người nhà anh nên báo tin anh bị thương nặng, không về theo đơn vị được, xe chạy qua, tiếng được tiếng mất.

Nghe được như vậy, gia đình cứ lo đi đến các bệnh viện để tìm xem anh có được mang về nhà thương nào cứu chữa hay không. Sau ngày 30 tháng Tư, trên đường đi Long Khánh, khi đi qua chiếc xe tăng M48, cụ Lê Văn... lần nào cũng xuống dò tin tức con. Bên đường, một ngôi mộ còn mới với cây thánh giá mà dân chúng đã chôn cất người sĩ quan ấy, có hàng chữ Nguyễn Văn Cao. Thấy cùng tên nhưng khác họ và chưa tìm được tung tích cần thiết, nên cụ chưa dám xác định đó chính là con mình nên từ đó đến nay, hơn 30 năm đã trôi qua, cụ vẫn còn ngóng tin người con trai yêu dấu của mình. Và hôm nay, đọc được chuyện này, cụ đã nhớ lại ngôi mộ năm xưa mà nay ở quá xa, lại do tuổi già sức yếu, không thể về để tìm mộ con được!

Nhờ tin tức của gia đình cung cấp, và qua diễn đàn Võ Bị, tôi mới biết người sĩ quan hào hùng này tên là Trung Úy Lê Văn Cao, xuất thân Khóa 26 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, ra trường năm 1974. Anh đúng là anh hùng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Sức Mạnh

■ Minh-Nguyệt 17B

Sức mạnh không những phải do mình tự tạo, mà còn phải có thêm sự hỗ trợ của nhiều người. Cây cối có sức vươn lên để đơm hoa trở trái là nhờ được chăm bón. Cơ thể được khoẻ mạnh cường tráng là nhờ được bồi bổ và tập luyện thường xuyên. Trí tuệ được hăng hái là nhờ được khuyến khích và thúc đẩy. Một tập thể được hùng mạnh là nhờ sự đoàn kết chặt chẽ. Đoàn kết trong tập thể đưa chúng ta đến một sức mạnh phi thường, hơn thế nữa, chúng ta sẽ trở thành một khối lực lượng vĩ đại. Đoàn kết trong tập thể sẽ khiến chúng ta trở nên cứng rắn tựa như gang thép, hùng mạnh, kiên trì, bất khuất để đạt được mục đích mong muốn.

Có một vị tiền bối thời xưa đã dùng một loài động vật nhỏ nhoi để sáng tác bài thơ **Ổ Kiến** nói lên lòng yêu quê thương nước, sẵn sàng hy sinh cho tổ quốc, mặc dầu gặp phải cường bạo, nhưng vẫn không chịu khuất phục, vẫn tiếp tục gây dựng lại từ những đống vỡ mất mát, và sẵn sàng cầm tử khi phải đương đầu với cuộc chiến. Bài thơ này đã được một giáo



sư đề ra cho học sinh trong lớp học thuộc lòng, vì vậy mà tôi vẫn thuộc lòng bài thơ này từ thuở đó.

Ổ Kiến

Bạn hẳn có nhiều khi hay để ý,
Đàn kiến con lí nhí chạy ven tường.
Đừng khinh nó, loài kiến sâu bé tí,
Nó như người cũng có một quê hương,
Nó như người có tổ quốc biết thương,
Và biết chết với tinh thần chiến đấu.
Giang san kiến, một gốc cây bờ đậu,
Gò đất cao kiên cố kiến xây thành,
Những lũy cao, hào rộng đất chung quanh,
Lại có cả lính tuần canh bốn mặt.
Quân tuần tiêu đi tuần canh nghiêm nhặt,
Ai đi qua cũng xét hỏi hẵn hòi,
Nước phú cường dân sự khắp nơi nơi,
đi lại lại, công việc làm tấp nập,
Nào phu phen, nào thợ thuyền chặt đất,
Đời yên vui và trăm họ thái bình.
Một ngày kia có một đứa trẻ ranh
đã ngạo mạn bước vào trong bờ đậu.
Còi báo động cả châu thành hiên hậu,
Còi vang vang, còi lệnh tổng động viên,
Nào phu phen, nào lính tráng, thợ thuyền,
Tất cả đã sẵn sàng để cảm tử.
Chân thẳng bé như quả bom nguyên tử
rơi trên thành dẫm bẹp cả muôn dân.
Một góc thành của nước kiến còn con,
đã tan nát dưới bàn chân tàn bạo.
Nhục non nước, cả quốc dân say máu,
lăn xả vào thẳng bé bạo tấn công.
Thằng bé đau, nó nổi giận điên cuồng,
vơ chiếc chổi đập tan tàn ổ kiến.
Bạn đừng tưởng thế là xong nước kiến.
Ngày hôm sau, mời bạn trở lại đây,

*Cũng nơi này, bên bờ dậu, dưới gốc cây,
Đàn kiến nhỏ đang hiền lành làm ổ.
Bạn bạo gan, hãy để chân vào thử,
Dù bàn chân tàn bạo ngày hôm qua,
Dù bàn chân đã đạp đổ sơn hà,
Đàn kiến nhỏ vẫn sẵn sàng chiến đấu.
Đừng thấy nó hiền lành và bé nhỏ,
Dem lòng khinh và đem sức bạo tàn.
Có dễ gì chinh phục một giang san,
Một dân tộc đã ngàn đời đổ máu.*

Với câu thơ “*Nào phu phen, nào lính tráng, thợ thuyền*”, tác giả đã nhấn mạnh chữ nào có lẽ với dụng ý như nào tất cả chúng ta (quân dân) cùng nhau đồng tâm chiến đấu để bảo vệ giang san.

Biết người biết ta, trăm trận trăm thắng. Không thể dùng sức của chỉ một số người thôi, mà cần phải có sự tiếp ứng từ mọi phía, từ mọi nguồn, từ mọi cách, để hợp thành một cường lực. Tinh thần đoàn kết là điều kiện cần thiết tạo thêm sức mạnh để giữ gìn những gì đang có và đòi lại những gì đã mất.

Trả Ta Sông Núi

*Quyết đòi lại đất của Ông Cha
Thủy sơn này thuộc Việt Nam ta
Đảo Trường Sa với đảo Hoàng Sa
Quyết tranh đấu Trả Ta Sông Núi
Đấu tranh giữ nước và
đòi Tự Do, Dân Chủ và Nhân Quyền cho Việt Nam,
đòi lại Hoàng Sa và Trường Sa*

Người Việt yêu nước cần phải làm gì?



Cánh Hoa Thời Loạn!

(Viết để xin được chia sẻ niềm đau
của chị Hà Duy Tung 26B... dù đã rất muộn màng)

Không cạn niềm đau xé cõi lòng...
Anh ơi...! Tiếng khóc nghẹn thình không,
Bơ vơ ngọn nến rưng rưng lệ,
Em biết về đâu giữa mênh mông?

Không thể nào tin! Không thể tin!
Chết lặng giờ em khóc một mình,
Không tin trắng toát khăn liệm đó...
Vĩnh viễn vùi chôn một bóng hình?

Bóng hình đó chưa phai sắc đỏ,
Màu Alpha lấp lánh phố sương,
Giấy saut vừa nhuộm chiến trường...
Khăn tang thấm lệ người thương quê nhà.

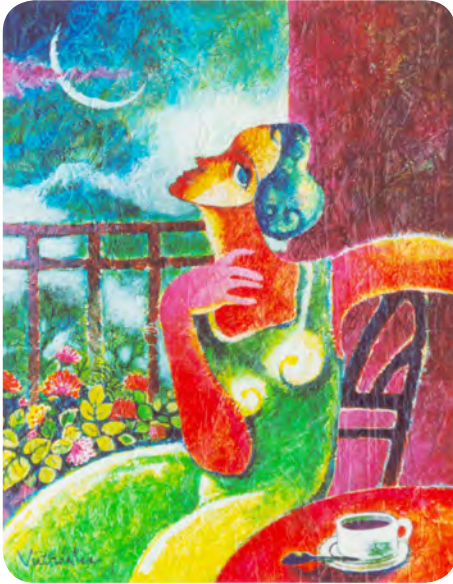
Dẫu đã biết trai thời chinh chiến.
Nợ tang bỗng sống thác xá chi!
Tủi thương vợ trẻ xuân thì,
Con thơ bên mẹ ai bi sứt sùi...

Anh ngã xuống mầm sinh trời dậy!
Vì con thơ em gượng từng ngày...
Bao năm sương gió hao gầy,
Cánh hoa thời loạn đẹp thay chuyện tình.

Cư-Nguyễn 03/01/2011 SG

Xuân Về Gợi Nhớ Người Thương

■ Mai Phương Thủy



tranh Vũ Thái Hòa

G iọt thương, giọt nhớ chiều xuân,
Giọt sầu dĩ vãng... băng khuâng ngậm ngùi
Lối mòn ngập cảnh đào rơi
Người đi thăm thẳm trùng khơi... chẳng còn.
Thẩn thờ nhớ những nụ hôn
Ngàn thông xanh ngắt ngõ hồn tái tê
Trong tim còn vẳng câu thơ
Mà người đã vội cách chia ngàn trùng
Mênh mang "vật nắn hoang đường"
Rưng rưng giọt lệ "nửa hồn thương đau"
Hoa xuân khép lại cảnh sầu

Nhật đôi má thắm, phai màu son môi
Hạc bay bay vút đỉnh trời
Vần thơ hoang úa tặng người... khuất xa
Mưa xuân lất phất nhạt nhòa
Giọt dài, giọt ngắn thiết tha sợi buồn
Nhớ xưa Đà Lạt mùa xuân
Rừng thông dấu ái, sương giăng dốc dài
Trại Hầm ai nắm tay ai
Cà phê Tùng ấm trái dài yêu đương
Những năm tháng chốn quân trường
Miệt mài chí cả, mười phương hải hồ
Ôi! hồi ức... thuở học trò
Gia Long áo trắng ngẩn ngơ... chiều buồn
Một vùng kỷ niệm thân thương
Người đi tắm tấp trùng dương... khuất rồi
Bồi hồi dưới dạng đào phai
Người yêu ơi hỡi... cuối đời mất nhau
Mùa xuân chim én xôn xao
Gieo bao nỗi nhớ... cho nhau tình buồn
Gọi Anh... giờ... hỡi cố nhân
Thiên thu... "một khúc đoạn trường tiếc thương"
Tình này mãi mãi vấn vương
Bóng Anh yêu dấu vẫn còn trong tim.

Những ngày cuối năm 2010



Chức Hỷ

Nhận được hồng thiệp báo tin NT Ninh Ngọc Đức K27 và NT Đinh Như Khả K25 sẽ kết tình thông gia qua Lễ Thành Hôn cho hai cháu là:

NINH NGỌC XUÂN ĐẠT

&

ĐINH ĐẶNG VÂN QUỲNH

Hôn lễ được cử hành vào lúc 12g ngày thứ Bảy, 2 tháng 4 năm 2011, tại tư gia.

Ban Trị Sự Đa Hiệu xin chia vui cùng gia đình hai họ, và thương mến chúc hai cháu:

**TRĂM NĂM HẠNH PHÚC
SẮC CẨM HÒA HỢP**

*Ban Trị Sự Đa Hiệu
CSVSQ Trương Thành Minh K28*

CÁO PHÓ

Trong niềm tin vào Chúa Kitô Phục Sinh, gia đình chúng tôi vô cùng thương tiếc báo tin cùng toàn thể thân bằng quyến thuộc và bạn hữu xa gần:

Mẹ, Bà Nội, Bà Ngoại, Bà Cố, Bà Sợ của chúng tôi là:

Bà quả phụ PHẠM VĂN NHIÊN

Nhũ danh Theresa Nguyễn Thị Tâm

sinh ngày 17 tháng 3 năm 1914 tại Bắc Giang, Việt Nam, đã được Chúa gọi về lúc 5g20 chiều, ngày 26 tháng 01 năm 2011, nhằm ngày 23 tháng Chạp năm Canh Dần, tại thành phố San Jose, California, hưởng thượng thọ 97 tuổi.

Linh cửu sẽ được quàn tại Darling Fischer Garden Chapel, 471 E. Santa Clara St., San Jose, CA 95112. Telephone (408) 998-2226.

CHƯƠNG TRÌNH TANG LỄ

Lễ phát tang: thứ Sáu, ngày 04 tháng 02, năm 2011 lúc 5 giờ chiều.

Giờ thăm viếng và cầu nguyện:

- Thứ Sáu, ngày 04 tháng 02, năm 2011: từ 6 giờ chiều đến 9 giờ tối tại Darling Fischer Garden Chapel.

- Thứ Bảy, ngày 05 tháng 02 năm 2011: từ 9 giờ sáng đến 11 giờ sáng tại Darling Fischer Garden Chapel.

Thánh lễ an táng: thứ Bảy ngày 05 tháng 02, năm 2011 lúc 12 giờ trưa tại Nhà thờ Saint Patrick, 389 E. Santa Clara St., San Jose, CA 95113.

Sau thánh lễ, linh cửu an táng tại đất thánh công giáo Gate of Heaven, 22555 Cristo Rey Drive, Los Altos, CA 94024.

Toàn Thể Tang Gia Đồng Khấp Báo

Trưởng nam: Phạm Ngọc Ninh (quá cố), vợ Trịnh Mỹ Dung và các con, cháu, chắt (Holland).

Thứ nam: Phạm Ngọc Giang, vợ Vũ Thị Dung và các con, cháu.

Trưởng nữ: Phạm Thị Tina và các con cháu

Thứ Nam: Phạm Hồng Thái, vợ Phạm Tuyết Hương và các con

Cháu đích tôn: Phạm Ngọc Sơn, các con và cháu.

Cáo Phó Này Thay Thế Thiệp Tang

Xin miễn phúng điếu

Điện thoại tang gia: Thái Phạm 408-335-3862

Tina Phạm 408-583-7891

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Được tin thân phụ CSVSQ Trần Quang Diệu K26 là:

Cụ Ông **TRẦN DOÃN CUNG**
đã từ trần lúc 02 giờ ngày 14/01/2011 tại bệnh viện André Mignot, Le Chesnay, ngoại ô Paris, Pháp Quốc, hưởng thọ 93 tuổi.

Toàn Ban Biên Tập Đa Hiệu xin chia buồn cùng CSVSQ Trần Quang Diệu K26 và tang quyến.

Nguyện cầu hương linh cụ ông sớm vẫn sanh nơi miền tiên cảnh.

BBT/ĐH
CSVSQ Lê Đình Trí K29

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:

Cụ ông Guise Tạ Văn De

nhạc phụ của CSVSQ Đoàn Thanh Tâm, K15, đã về với Chúa lúc 6:34 PM ngày 1/12/2010 tại Midway, California, hưởng thọ 90 tuổi.

Khóa 15 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam thành thật gửi lời chia buồn cùng anh chị Tâm và tang quyến.

Nguyện cầu Thiên Chúa nhân lành sớm đưa linh hồn Giuse về hưởng nhan thánh Chúa.

Khóa 15 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:

CSVSQ PHẠM CÔNG ĐỨC K29

đã mệnh chung ngày 11 tháng 02 năm 2011 tại Orlando, Florida, Hoa Kỳ.

Toàn thể Khóa 29 xin thành kính phân ưu cùng tang quyến.

Nguyện cầu hương linh Bạn Phạm Công Đức sớm được thanh thản nơi cõi Vĩnh Hằng.

*CSVSQ Lê Đình Trí K29
BTT/K29*

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng đau buồn khi nhận được tin:

CSVSQ Lê Đình Lay A21

đã tạ thế vào ngày 25 tháng 12, năm 2010, hưởng thọ 69 tuổi.

Toàn thể CSVSQ Khóa 21 và gia đình xin thành kính chia buồn cùng Chị Lay và tang quyến.

Nguyện cầu Linh Hồn bạn Lê Đình Lay sớm hưởng nhan Thánh Chúa.

*CSVSQ Hồ Đăng Xứng
Đại diện Khóa 21*

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Được tin nhạc mẫu của NT Lưu Công Vũ K23 là:

Bà Quả Phụ Phan Cảnh Trác

Nhũ danh Lê Thị Cầu - Pháp danh Quảng Diệu

đã từ trần ngày 14 tháng 2 năm 2011, nhằm ngày 12 tháng Giêng năm Tân Mão tại Huế, Việt Nam, hưởng thọ 91 tuổi.

Hội Cựu SVSQ/TVBQGVN/DFW xin thành kính chia buồn cùng anh chị Lưu Công Vũ và tang quyến. Cầu cho hương hồn cụ bà mau được siêu thoát.

Hội Cựu SVSQ/TVBQGVN/DFW

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Khóa 21 rất đau buồn thông báo đến đại gia đình Võ Bị:

CSVSQ Dương Minh Đức, ĐĐE/K21

vừa tạ thế lúc 09:05'pm ngày 15 tháng 02 năm 2011, nhằm ngày 13 tháng giêng năm Tân Mão, tại San Jose, California, hưởng thọ 69 tuổi.

Toàn thể CSVSQ Khóa 21 và gia đình xin thành kính phân ưu cùng chị Đức và các cháu.

Nguyện cầu hương linh bạn Dương Minh Đức sớm tiêu diêu miền cực lạc.

Đại diện Khóa 21/TVBQGVN

Hồ Đăng Xứng K21

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn thân thụ Bạn Nguyễn Phước Cường CSVSQ/K30/TVBQGVN là:

Cụ Ông THOMAS NGUYỄN THỌ

đã từ trần ngày 3 tháng 10 năm 2010, (nhằm ngày 26 tháng 8 năm Canh Dần) tại Louisiana, Hoa Kỳ, hưởng thọ 78 tuổi.

K30/TVBQGVN thành kính phân ưu cùng Anh Chị Nguyễn Phước Cường và tang quyến.

Nguyện cầu linh hồn Thomas sớm vào Nước Chúa.

Gia Đình K30/TVBQGVN

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn thân phụ Bạn Đào Mạnh Hùng CSVSQ/K30/TVBQGVN:

Cụ Ông ĐÀO VĂN THỞ

đã từ trần ngày 5 tháng 9 năm 2010, (nhằm ngày 27 tháng 7 năm Canh Dần) tại Hóc Môn, Việt Nam, hưởng thọ 78 tuổi.

K30/TVBQGVN thành kính phân ưu cùng Anh Chị Đào Mạnh Hùng và tang quyến.

Nguyện cầu anh linh Cụ Ông sớm vào cõi vĩnh hằng.

Gia Đình K30/TVBQGVN

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn nhạc phụ Bạn Lê Tuấn
CSVSQ/K30/TVBQGVN:

Cụ Ông NGUYỄN XUÂN LONG

đã từ trần ngày 26 tháng 2 năm 2011, (nhằm ngày 24 tháng Giêng năm Tân Mão) tại Tây Ninh, Việt Nam, hưởng thọ 80 tuổi.

K30/TVBQGVN thành kính phân ưu cùng Anh Chị Lê Tuấn và tang quyến.

Nguyện cầu anh linh Cụ Ông sớm tiêu điều Miền Cực Lạc.

Gia Đình K30/TVBQGVN

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Được tin buồn:

Joseph Nguyễn Văn Hòa, CSVSQ/K23/TVBQGVN

đương kiêm Đại Diện K23 trên toàn thế giới, sinh quán tại Bình Dương, Thủ Dầu Một, Việt Nam, cư ngụ tại Las Vegas, Nevada, Hoa Kỳ, đã được Chúa gọi về lúc 8:10 PM ngày 12/01/2010, nhằm ngày 28 tháng 11 năm Kỷ Sửu, tại Las Vegas, hưởng thọ 65 tuổi.

Toàn thể Khóa 23 xin chia buồn tang quyến.

Nguyện cầu linh hồn Giuse sớm được nghỉ yên trong nước Chúa.

Khóa 23 Thành Kính Phân Ưu

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Nhận được tin thân mẫu bạn Sầm Tấn Tuấn
CSVSQ/K30/TVBQGVN:

Cụ Bà LÊ THỊ NHAN

đã từ trần ngày 6 tháng 3 năm 2011, nhằm ngày 2
tháng 2 năm Tân Mão, tại Bà Rịa, Vũng Tàu, Việt
Nam, hưởng thọ 84 tuổi.

K30/TVBQGVN Thành Kính Phân Ưu cùng Anh
Chị Sầm Tấn Tuấn và Tang Quyển. Nguyên cầu
Hương Linh Cụ Bà sớm Siêu Thăng Tịnh Độ.

Gia Đình K30/TVBQGVN

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Được tin thân phụ NT Trần Quang Diệu K26 là:
Cụ Ông **TRẦN DOÃN CUNG**

đã từ trần lúc 02 giờ ngày 14/01/2011 tại bệnh viện
André Mignot, Le Chesnay, ngoại ô Paris, Pháp Quốc,
hưởng thọ 93 tuổi.

Khoá 29/TVBQGVN xin chia buồn cùng NT Trần
Quang Diệu và tang quyến.

Nguyên cầu hương linh cụ ông sớm vãn sanh nơi
miền tiên cảnh.

Gia đình K29/TVBQGVN



Sinh Hoạt Võ Bị Khắp Nơi

Tất Niên Hội Võ Bị Nam Cali & Những Chuyện Bên Lề

Cựu SVSQ Tsu A Cầu K29



Ban Hợp Ca Võ Bị Nam Cali

Đã 3 tháng rồi, ông Cụ đã mất! Đau buồn rồi cũng nguôi ngoai. Quả thật thời gian là liều thuốc hiệu nghiệm chữa muộn phiền! Đúng 100 ngày, bà Cụ cho phép con cháu làm lễ mãn tang thay vì một năm. Không biết bà Cụ tội nghiệp thẳng con “bị nhốt” trong nhà hay vì thấy thẳng con để râu dài, trông giống như tướng... cướp, gớm?!

Tối thứ Sáu mãn tang, tối thứ Bảy tham dự tiệc Trung Học Nguyễn Trãi, trưa Chủ Nhật, tiệc Cảnh Sát Quốc Gia. Đêm nay, tối Chủ Nhật, tiệc Tất Niên Võ Bị Nam Cali.

*

Đang dượt lại “Bạch Đằng Giang”, bà xã hối: Lẹ, lẹ đi

anh! Tới giờ rồi! Các chị đang chờ ngoài nhà hàng!

Lạ “nhảy”!! Tiệc 6 giờ mà 4 giờ đã hồi! Rất là ngạc nhiên, lần đầu tiên “được” nhắc nhở nên cũng cảm thấy vui vui vì... là... rằng..., thường... thì... là... phải ngồi ngoài xe để... chờ mỗi lần đi dự tiệc!

Mà “thây” kệ, cứ nghe lời vợ thì sẽ có cơm ngon và... “mền”... ăm!

*

Hấp tấp mang đôi giày “map”, sẵn sàng “đánh súng-lưỡi-lê” tối nay, bà xã lại hồi: -Anh ơi, mau! Lẹ lên coi áo dài em đẹp không?

Tôi gắt: - Nữa! Đã thấy hôm tổng duyệt rồi! Đẹp! Khỏi cần coi nữa! Lẹ, lẹ rồi đi, bà... ơi!

Bị cụt hứng, bực mình nên bả lằm bằm “cà chua” lại: - Người gì mà chả “ga-lăng” chút nào. Thế mà khi tham dự tiệc thấy mấy cô thì lại “nhìn lên, khen, nhìn xuống cũng khen”, còn với vợ... “khó” đăm đăm như ông cụ non!

Giật mình, tôi ngẩn ngơ rồi ngẫm nghĩ “Tối nay chắc là... phiền à nha! Hình như mấy đêm nay trời vẫn còn... lạnh thì phải, nếu không lằm!!!”

*

Vợ chồng tôi đến nơi đã thấy hai “ben-nơ” chào mừng trước nhà hàng. Lẹ thiệt! Tôi mới giao lúc 3 giờ chiều, sau khi tham dự tiệc CSQG, thế mà giờ này đã treo xong! Đặc biệt trên sân khấu còn có hình “Cổng Trường” mới “toanh”, phải nói là rất đẹp và sống động, 3-D, khi chụp lên hình, đẹp phải biết! Cám ơn NT “tác giả” Hoàng Xuân Đạm K20 và ĐDK20 Nguyễn Hữu Mạnh. Hoan hô Ban Trang Trí.

*

Khung cảnh bắt đầu nhộn nhịp, dập dìu “tài tử, giai nhân”. Sân khấu bận rộn, các Khóa đang xếp hàng lên chụp hình trước “Cổng Trường”. Các Chị trong Ban Hợp Ca Võ Bị Nam Cali “hơn hử” khoe áo mới với phần trang điểm thật “prô”. Tất cả đều xứng đáng là hoa hậu... “áo dài phu nhân”!!! Nói nhỏ mà nghe “Hình như có người đã đến “biu-ty sa-lon” làm đẹp phải không NT Nam Sinh Tín K17?”

Cảm ơn chị San19 và chị Mạnh20, các Chị chọn áo dài nào cũng “nổi” cả. Mà áo đẹp hay người đẹp, hay cả hai đều đẹp?! Nhưng phải công nhận là Ban Hợp Ca Võ Bị Nam Cali đẹp, đẹp... thiệt! Không tin?! Thử theo dõi báo chí và truyền hình, chẳng là họ phát hình liên tiếp mấy lần trong tuần! Chẳng thế mà các cựu SVSQ lo chụp hình là gì! Mong “(quý Chị) Em cứ ăn mặc thế cho vừa lòng (quý) Anh!” Cảm ơn quý Chị đã yểm trợ và nhất là làm đẹp cho Hội Võ Bị Nam Cali trong những lần sinh hoạt gần đây.

Nhìn các Chị vui vẻ, nhí nhảnh, hồn nhiên pha chút e thẹn trong lúc tập với ban nhạc mà chạnh lòng nhớ đến một người mà tôi rất kính mến, NT Trương Thành Minh K28 đang “phải” bận rộn “múa kiếm giữ rừng... hoa”!!!

*

Lăng xăng chạy qua, chạy lại chụp hình là có bạn Bùi Trúc Ruần K29, chắc hẳn sẽ có những tấm hình đẹp trên diễn đàn Võ Bị tối nay, cảm ơn bạn hiền. Rồi NT Phạm văn Hồng K20, “Chúa Đảo Hoàng Sa”:

-Ah, hôm nay Cậu làm camera-man!?

Tôi chậm rãi từng chữ:

- Mất “job hội trưởng”, nên đi học làm kỹ “giả”, đang bị TTK Hội Ký Giả Việt Nam Orange County, ký “thiệt” NPHùng, dẫn mặt đòi rút lại thẻ báo chí đây!

Khi quay “video” bàn tiếp tân, gặp NT Nguyễn Tiến Tấn, ĐDK19/NCL, đang la cà gần đó, tôi khen:

- NT K19 đêm nay ngon à nha! 3 bàn!

Hãnh diện, NT Tấn đồng dạc:

- Đúng “chỉ tiêu”, bởi vậy mới đuổi “thằng Vệ” đi qua bàn Liên Hội!

Cứu “bồ”, tôi nhỏ nhẹ:

- Không phải, mà phải nói là nếu thiếu chỗ, “xàng” qua bàn LH, NT nói “đuổi” nghe “nặng nề” quá, NT Vệ nghe sẽ buồn!

Xác định “lập trường”, NT Tấn nhấn mạnh:

- Đuổi! Đu...ổi! Đ...u...ổi...i! Hôm trước có người còn nói

là “đảo chánh” nữa là!

Hai anh em cười vang trước những cái nhìn thắc mắc “Ai vừa bị đảo chánh?” của mấy Chị thuộc Ban Tiếp Tân: Úc16, Thọ20, Chấn29, Cầu29 và Lộc30.



*

Trước khi bắt đầu phần nghi lễ, tôi tìm cách “bán cái” phần quay video cho NT Nguyễn Minh Chánh K16, ngồi bên cạnh máy “video-camera”. Nhìn thẳng em lảng xãng như “gà mắc đẽ”, NT Chánh vừa nói vừa đùa, chỉ qua khu bàn LH:

- Anh đừng lo, để tôi. Anh kiểm chỗ ngồi đi, mấy “ông thần” đang chờ anh đằng kia... kia!

Sung sướng khi biết mình đã bàn giao được nhiệm vụ. Vậy là đêm nay vui rồi! NT Hàm và tôi lật đật đi kiểm chỗ ngồi, đến LH, “đầy bàn” mặc dù đã “hối lộ” một chai! Cặp “bầu-sô” tài tử “Nước Mắt Rộng Xanh” Lệ & Thanh Long cười đùa:

- “Só-rì”! Bây giờ anh phải dùng cái nhìn “trình sát” đi tìm bàn khác!

Qua bàn QCC/HN, BĐQ, “hết chỗ”, bàn Thủ Đức cũng “nô vế-cần-xì” nên chúng tôi phải chọn “đi” Biệt Kích Nhảy Bắc, Nha Kỹ Thuật cùng anh chị Nguyễn Phương Hùng/Lệ Hằng.

À! Thế mà lại hay! Vậy thì... là ... “Trâu” về hiệp phố!, “Thả hổ về... rừng!”, “Thế... thời... phải... thế!”

*

Sau khi ngồi vào bàn, chúng tôi làm thủ tục “đầu tiên”:

- Bì thư bàn này đâu!

Cả bàn chứng hững, ngạc nhiên, không hiểu chuyện gì!
NT Hàm tiếp lời: -Chúng tôi “xin phép” được đóng tiền!

Anh Chiêu, Nha Kỹ Thuật, cười ha hả khi đưa phong bì:

- À, ra thế! Võ Bị ngon thiệt, BTC mà cũng phải trả tiền bàn! Đây, bì thư yểm trợ đây!

Chúng tôi vui vẻ:

- Mọi người đều phải trả tiền bàn kể cả Sĩ Quan Quân Sự Vụ, Giáo Sư Văn Hóa Vụ, và nhiều khi còn “tự nguyện” đóng thêm!

Sau khi đóng góp, đếm tiền, ghi số ngoài bì thư rồi mới niêm phong, NT Hàm làm thủ tục “mời vị chủ tọa”:

- Chai kia bỏ lại bên bàn LH rồi, bây giờ tôi ra xe lấy chai khác nghe?

Tôi liếc ngang, liếc dọc:

- OK! Còn hỏi! NT nói nhỏ thôi, kẻo có người “khó tính” nghe được rồi lại “búa” tôi như hôm trước nữa!

Trở về cùng “ông tướng”, NT Hàm vui vẻ, hào sảng mời cả bàn “khao quân”. Đàn anh Võ Bị “chơi” ngon thiệt, phải không NT Trần Tiến San K19!? Bắt đầu là Mọc A Tài “mời” Tsu A Cầu, Biệt Kích Nùng “đụng” Võ Bị Nùng!!! Rồi Võ Bị “chọc” Biệt Kích đến nỗi anh Chiêu lắc đầu, khua tay! Ôi, thoải mái làm sao khi thực sự được “cạn một Hồ Trường” cùng những người mình hằng ái mộ! Hình như NT Phan Văn Huấn K10, CHT Liên Đoàn Biệt Cách 81 cũng qua bàn này “tham dự” nhưng không “tham gia”?!
Không khí vui hân lên khi rượu vào thì lời phải ra. “Xóm nhà lá”, 5 bàn cựu quân nhân thuộc các đơn vị bạn, ồn ào “xoay tua” rồi tạm “ngừng chiến” khi NT Nguyễn Duy Niên K27 đồng đạc mời quan khách cùng đứng dậy nghiêm chỉnh chuẩn bị làm nghi lễ khai mạc.

*

Nghi lễ khai mạc:

Phần nghi lễ với đồng ca Quốc Ca VNCH và “live” Quốc Ca HK bởi cháu Trần Minh Châu K21C trong chiếc áo dài trắng hồng, con gái NT Trần Duy Biên K21. NT Niên rất

xuất sắc lần này, đúng là “càng làm càng hay”.

Phần giới thiệu quan khách do NT Nguyễn Văn Ưc K16 đảm trách. Cao ráo với bộ đồ bay “áo liền quần” màu “olive”, NT vẫn còn phong độ dù có “bệ... phê” một chút! Rất tế nhị về “ngoại giao”, NT xin phép được giới thiệu “tiên khách, hậu chủ”.

Quan khách và thân hữu:

. Bà Khúc Minh Thơ, Hội Trưởng Hội Từ Nhân Chính Trị, một ân nhân của hầu hết chiến sĩ VNCH qua đây diện HO.

. Bà Nguyễn Thị Hạnh Nhơn, Hội Trưởng Hội HO Cứu Trợ TPB&QP VNCH, một ân nhân đã tổ chức quyên góp và gửi quà về giúp anh em Thương Phế Binh và Qũy Phụ VNCH còn kẹt tại quê nhà.

. L/S Nguyễn Xuân Nghĩa, Chủ Tịch Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Nam Cali.

Hội đoàn bạn:

. Ông Phan Tấn Ngưu, THT Cảnh Sát Quốc Gia kiêm Chủ Tịch Liên Hội và phu nhân.

. Ông Kiều Công Lang, HT Hội Quân Cảnh và phái đoàn.

. Ông Phan Ngọc Lượng, HT Thiếu Sinh Quân và phu nhân.

. Ông Nguyễn Văn Hùng, HT GD Mũ Đỏ Nam Cali và phái đoàn.

. Ông Châu Cẩm Sáng, HT Hội Quân Cán Chính Hải Ninh và phái đoàn.

. Ông Lâm Ngọc Chiêu, đại diện Gia Đình Nha Kỹ Thuật và phái đoàn.

. NT Đoàn Trọng Cảo K13, đại diện Hội Pháo Binh.

. Ông Phan Thái Bình, HT Hội Biệt Động Quân và phái đoàn.

. Ông Nguyễn Hoàng Dũng, HT Hội Thiết Giáp và phái đoàn.

. Ông Nguyễn Văn Chuyên, HT Hội Cựu SVSQ Trường Bộ Binh Thủ Đức và phái đoàn.

. Ông Nguyễn Văn Phước, đại diện Hội Hải Quân Nam Cali.

. Ông Mộc A Tài, đại diện Biệt Kích Nhảy Bắc cùng phái đoàn.

Truyền thông có ký giả Thanh Phong của Viễn Đông, ký giả Thanh Huy của Việt Báo, ký giả Phan Đại Nam của SET TV, ký giả Nguyễn Phương Hùng của Việt Weekly và cuối cùng là phóng viên (?) đài Saigon-TV.

Đại gia đình TVBQGVN

Khối Quân Sự Vụ có Đại tá Cổ Tấn Tinh Châu, QSV Phó TVBQGVN và phu nhân.

Khối Văn Hoá Vụ có GS Nguyễn Ngọc Bội và phu nhân, GS Vĩnh Đường và phu nhân, GS Đỗ Ngọc Hiến và phu nhân, GS Lê Văn Phong, GS Lưu Tấn Lực, GS Nguyễn Kim Trọng, phu nhân GS Tôn Thất Diên, phu nhân GS Phạm Quốc Cường.

Cuối cùng là gia đình Võ Bị và cựu SVSQ đại diện các Khóa: Nguyễn Đình Hoà K4, Phạm Thế Vinh K9, Đoàn Mại K10, đặc biệt K10 có Tướng Trần Văn Nhứt và phu nhân. Nguyễn Đình Đà K13, Trần Khắc Huyền K14, Nguyễn Cống Hiến K15, Nguyễn Như Phú K16, Nguyễn Duy Diễm K17, Phạm Văn Thuận K18, Nguyễn Tiến Tấn K19, Nguyễn Hữu Mạnh K20, Nguyễn Trung Việt K21, Kiều Công Cự K22, Nguyễn Xuân Nghị K23, Lê Đình Phúc K24, Nguyễn Văn Linh K25, Nguyễn Thanh Thủy K26, Nguyễn Duy Niên K27, Lê Phước Nhuận K28, Phan Văn Ý K29, Phan Văn Lộc K30 và Nguyễn Xuân Quý K31.

*

Ban Chấp Hành, Ban Cố Vấn và Ban Hợp Ca VB/NCL: Kế đến là NT Trần Vệ K19 giới thiệu BCH/VB/NCL và chúc Tết.

1. Ban Chấp Hành: Hội Trưởng Trần Vệ K19, HP/Ngoại Vụ Nguyễn Phước Ái Đỉnh K26, HP/Nội Vụ Đồng Duy Hùng K21, Thủ Quỹ Phan Văn Lộc K30, Nghi Lễ Nguyễn Duy Niên K27, Tổng Thư Ký Lê Phước Nhuận K28.

2. Ban Cố Vấn: Nguyễn Văn Úc K16, Nguyễn Hồng Miên K19, Nguyễn Hàm K25, Tsu A Cầu K29.

Ban Chấp Hành Hội Võ Bị Nam Cali & Ban Tiếp Tân

3. Ban Hợp Ca: Đồng phục màu hồng hoa văn kim tuyến rực rỡ của ngày Tết gồm các Chi: Trần Tiến San 19, Phan Văn Lộc 30, Tsu A Cầu 29, Ngô Duy Lượng 23, Tôn Thất Lăng 16, Diệp Quốc Vinh 27, Nam Sinh Tín 17, Nguyễn Hữu Thọ 20, Nguyễn Văn Úc 16, Nguyễn Hữu Mạnh 20, Phạm Văn Thuận 18, Nguyễn Hàm 25, Nguyễn Hồng Miên 19, Phòng Tít Chắng 29 và Trần Vệ 19.

Sau phần trình diễn Ban Chấp Hành, Ban Cố Vấn và Ban Hợp Ca là phần chúc Tết của HT/VB/NCL: Một năm mới dồi dào sức khỏe, vạn sự như ý.

Kết thúc phần nghi lễ là đồng ca Võ Bị Hành Khúc. NT Lê Như Hùng K14 cười vui vì công trình thu âm đã được xử dụng đúng chỗ, đúng lúc và đúng người.

Trước khi bàn giao sân khấu, NT Niên không quên thông báo số bàn dạ tiệc là 42, mời nhà hàng dọn tiệc và chúc bữa ăn ngon miệng, một đêm sinh hoạt vui vẻ.

Chúc Mừng Năm Mới Tân Mão 2011
JCT/HB/1/2/2011

Trả Lời Thư Tín

● *Thắm Vân*



■ *NT Nguyễn Văn Giang K13, Milpitas, CA*

Tòa soạn đã nhận được thiệp xuân NT gửi và rất vui được biết NT đã nhận đủ và đúng lúc các số báo Đa Hiệu năm qua. Tiện đây, Đa Hiệu cũng xin chia sẻ cùng độc giả 4 câu thơ của NT Giang gửi tặng tòa soạn:

Một mình, một bóng, một vầng trăng

Một cuội, một đa, một chị Hằng

Một chiến trường xưa đầy khốc liệt

Một trường Võ Bị đứng hiên ngang.

Chúc NT những ngày vui. Thân mến.

■ *Chị Phạm Mai Trang, Garden Grove, CA*

Mai Hương, em chị, viết bài "*Bạc Đầu Tuổi 20*" rất hay và đã được toà soạn chọn đăng trong số này. Và qua thư chị, tôi được biết chị đã đọc Đa Hiệu từ rất lâu, "thời còn con gái" ở Đà Lạt và rất mê thơ Trầm Kha. Khi qua Mỹ, chị lại tiếp tục đọc Đa Hiệu kể từ số 15 đến nay. Như vậy, trong số độc giả Đa Hiệu, chị thuộc hạng quý và hiếm đấy. Và như chị đã ghi ở cuối thư, "*một người có nợ mà không có duyên với Võ Bị của các anh,*" toà soạn xin chân thành cảm ơn chị và toàn gia quyến đã luôn dõi theo những thăng trầm của Đa Hiệu trong suốt hành trình những năm tháng qua. Chúc chị và gia quyến những tháng ngày hạnh phúc, gặp nhiều may mắn, và luôn "enjoy" ĐH.

■ *Chị Nguyễn Thị Huyền Nga, Pháp*

Định ngưng trang thư tín này thì thư chị lại đến, lá thư thật dài và ghi lại nhiều cảm xúc của chị khi nhận và đọc hai số Đa Hiệu 91 và 92 vừa qua. Qua trang thư tín, tòa soạn xin chia sẻ một vài cảm nghĩ của chị:

"... xin tòa soạn cho Nga gửi lời kính thăm đến anh Vương Mộng Long K20. Đọc những hồi ký chiến trường của anh Long (cũng như của những người lính khác), trong lòng Nga rất nhiều xúc động, nước mắt đã rơi, tim như ngạt thở vì nhớ những người thân anh Dzung K24 (T.Q.L.C) anh Hiến K24 (B.Đ.Q.) Trong gia đình

mấy anh hầu như đều là B.Đ.Q., nên đọc hồi ký của anh Long làm Nga nhớ rất nhiều những người lính B.Đ.Q. Anh Ba của Nga kể: TĐ 38BĐQ của anh đi hành quân qua Miền năm 70, lúc đi TĐ gần 500 người, khi trở về chỉ còn khoảng 90 người... Không thể nào nói hết được sự hy sinh lớn lao của những người lính Việt Nam Cộng Hòa. Hình ảnh những người lính thương yêu luôn ở trong lòng từ thuở tóc xanh và sẽ mãi mãi cho đến cuối cuộc đời của Nga...”
Xin cảm ơn tấm lòng ưu ái chị dành cho những người lính VNCH và cách riêng cho tác giả Vương Mộng Long.

Nhấn tin

1/ Toà soạn ĐH cần cập nhật địa chỉ mới của CSVSQ Tôn Thất Đỉnh K1 trước khi gửi ĐH93. Xin NT liên lạc với tòa soạn qua email hay bưu điện. Cảm ơn NT.

2/ Tòa soạn ĐH đã nhận được:

- CD chủ đề Trận Chiến An Lộc vào mùa Phục Sinh 1972 do NT Nguyễn Ngọc Ánh K16 gửi tặng để tùy nghi sử dụng. Xin chân thành cảm ơn NT.

- Check ủng hộ và business card của Phan Ngọc Châu, bút danh Song An Châu, là anh của CSVSQ Phan Thanh Khoa K27. Xin chân thành cảm ơn anh Châu và chúc anh năm mới nhiều may mắn và thịnh đạt.

- Tập thơ Bản Tình Ca Cũ của NT Nguyễn Đông Giang K19, “...để tùy nghi sử dụng”. Xin cảm ơn NT.

3/ Toà soạn nhận được thư của NT Bui Van Tru K14, biệt danh *Lính Què Già Chung Thân Bất Mãn*, (như NT ghi cuối thư) nhờ tòa soạn hỏi Thiếu Tá Vương Mộng Long K20 có anh em gì với Vương Mộng Hồng không, nhờ trả lời cho Đa Hiệu để chuyển.

Nhấn tin chung

Sau số Đa Hiệu 93, Thẩm Vân sẽ ngưng không phụ trách Đa Hiệu nữa. Qua trang thư tín, Thẩm Vân xin chân thành gửi lời cảm ơn đến tất cả quý NT, các bạn, quý chị, quý cộng tác viên, quý tác giả thân hữu, cùng toàn thể bạn đọc xa gần đã tiếp tay cộng tác, và khuyến khích trong suốt thời gian hai năm qua.

Kính chúc tất cả quý vị và gia quyến mọi điều may mắn và xin chào tạm biệt.

Thẩm Vân



Lời Cuối

Ban Biên Tập Đa Hiệu xin chân thành tri ân quý giáo sư, quý NT, quý tác giả, và toàn thể đại gia đình Võ Bị đã đóng góp tài chánh, bài vở, bỏ nhiều công sức, và thì giờ để đặc san Đa Hiệu 93 đến được với bạn đọc bốn phương.

Vì số trang có hạn và do đòi hỏi của BBT, một số bài gửi đến toà soạn đã không được chọn đăng trong số này, xin quý NT và các bạn thông cảm. Chúng tôi vẫn mong được đón nhận những sáng tác mới của quý vị.

Mặc dù BBT đã rất cố gắng nhưng chúng tôi biết vẫn còn nhiều thiếu sót trong việc in ấn, những lỗi phạm về chính tả, lỗi đánh máy và layout v.v... xin quý tác giả và bạn đọc niệm tình bỏ qua.

Sau hết, toàn Ban Biên Tập Đa Hiệu xin kính chúc quý giáo sư, quý NT cùng toàn thể bạn đọc xa gần những khoảnh khắc thật thú vị bên những trang Đa Hiệu nồng ấm tình chiến hữu của một thời chinh chiến đã qua.

Thân chào Đoàn Kết và Quyết Thắng.
Hẹn một ngày tái ngộ.

BBT/ĐH



